

JOHN DICKSON CARR

HUY TRỌNG dịch

NGƯỜI RỒNG

MIẾNG BÀN VĂN HỌC **vh** DÔNG A

Cổ quan tài thứ nhất

Bí ẩn trong phòng làm việc của vị giáo sư

I. Lời đe dọa

T_A CỐ THỂ dùng rất nhiều từ ngữ li kì để mô tả vụ sát hại giáo sư Grimaud, cũng như vụ án mạng ở phố Cagliostro sau đó vốn cũng phi thường không kém – quý độc giả sẽ sớm hiểu lí do vì sao thôi. Những người bạn của tiến sĩ Fell yêu thích các vụ án bất khả thi sẽ không thể tìm thấy trong sổ tay vụ án của ông một bí ẩn nào khó hiểu và kinh hoàng hơn thế này. Bởi, để gây ra hai vụ án này, hung thủ không những phải vô hình, mà còn phải nhẹ hơn không khí. Chứng cứ cho thấy hãn hạ sát nạn nhân đầu tiên và biến vào không khí theo đúng nghĩa đen. Chứng cứ cũng cho thấy hãn giết nạn nhân thứ hai ngay giữa một con phố vắng, có nhân chứng ở cả hai đầu. Vậy mà không một ai nhìn thấy hãn, và cũng không có dấu chân nào xuất hiện trên tuyết cả.

Lẽ dĩ nhiên, chánh thanh tra cấp cao Hadley không bao giờ tin vào ma thuật. Và ông hoàn toàn đúng – trừ khi quý độc giả tin vào loại phép thuật sẽ từ từ được giải thích trong cuốn sách này vào thời điểm thích hợp. Nhưng có vài người bắt đầu phân vân không biết nhân vật bí ẩn rình rập trong suốt vụ án này có phải là một kẻ vô hình thật sự hay không. Họ bắt đầu tự hỏi nếu bỏ đi cái mũ, tấm áo choàng đen, và chiếc mặt nạ trẻ em, thì liệu có thật là không có gì bên trong không, như người đàn ông trong tác phẩm nổi tiếng của nhà văn [H. G. Wells](#) vậy. Nhưng dù có phải thế hay không thì kẻ giết người bí ẩn của chúng ta cũng đã đủ ghê rợn rồi.

Đoạn văn mở đầu có dùng cụm từ “chứng cứ cho thấy”. Nhưng chúng ta phải rất cẩn thận với những chứng cứ không do mắt thấy tai nghe. Và để tránh những hiểu lầm không cần thiết, trong vụ án này quý độc giả phải được thông báo ngay từ đầu về những chứng cứ mà quý độc giả có thể tin tưởng tuyệt đối. Điều này có nghĩa là ta phải giả định rằng có người nào đó nói thật – nếu không thì làm gì còn bí ẩn nào nữa, và do đó, cũng chẳng có chuyện gì để kể.

Vì thế hẳn phải giả định rằng anh Stuart Mills ở nhà của giáo sư Grimaud đã kể lại toàn bộ sự việc chính xác như những gì anh ta đã chứng kiến trong mỗi vụ án mà không nói dối, không bỏ sót, hay thêm thắt bất kì chi tiết nào. Và cũng phải giả định rằng ba nhân chứng độc lập trong vụ án ở phố Cagliostro (ông Short, ông Blackwin và cảnh sát Withers) đã nói đúng sự thật.

Trong trường hợp này, cũng cần phải trình bày một trong những sự kiện dẫn đến hai vụ án trên một cách kĩ càng hơn thay vì để các nhân vật hồi tưởng lại sau này. Sự kiện này chính là điểm then chốt, là bước ngoặt, là thách thức. Và nó sẽ được thuật lại dưới đây theo đúng những gì có trong ghi chép của tiến sĩ Fell, với đầy đủ các chi tiết thiết yếu mà Stuart Mills đã khai với tiến sĩ Fell và chánh thanh tra cấp cao Hadley.

Sự kiện này xảy ra vào đêm thứ tư, ngày sáu tháng Hai, ba ngày trước vụ án mạng, ở phòng khách phía sau của quán rượu Warwick trên phố Museum.

Tiến sĩ Charles Vernet Grimaud đã sống ở nước Anh được gần 30 năm, và nói thứ tiếng Anh chuẩn giọng Anh. Mặc dù ông hành xử cộc lốc trong lúc hứng khởi, và có thói quen đội chiếc mũ quả dưa chóp vuông lỗi một và thắt chiếc ca vát dây màu đen, nhưng trông ông còn giống người Anh hơn cả bạn bè của mình. Không ai biết nhiều về quá khứ của ông. Dù đủ tiền sống mà không cần làm lụng, ông vẫn làm việc vì thích được “bận rộn” và cũng có thu nhập khá. Giáo sư Grimaud từng là một giáo viên, cũng như một giảng viên đại học, và một nhà văn nổi tiếng. Nhưng dạo này ông không làm gì mấy mà chỉ đảm nhiệm một chức vụ không lương gì đó ở Bảo tàng Anh. Đổi lại ông được tiếp cận cái mà ông gọi là “những bản thảo phép thuật cấp thấp”. “Phép thuật cấp thấp” là sở thích đem lại rất nhiều hứng thú cho ông: bất kì thứ ma quỷ siêu nhiên kì lạ nào, từ ma cà rồng cho tới lễ Đen thờ quỷ Satan, đều khiến ông gật gù và cười khúc khích như trẻ con – và chính nó cũng đã đem lại cho ông một viên đạn xuyên qua phổi.

Nói chung, Grimaud là một người thông minh, với ánh mắt lúc nào cũng lấp lánh sự tinh quái. Ông nói nhanh nhưng với thái độ cộc cằn và giọng nói

ồm ồm cứ như gồng từ cuống họng lên, và ông có cái điệu cười khùng khục không hở răng. Ông có vóc dáng trung bình, nhưng lại có khuôn ngực tráng kiện và thể chất vạm vỡ. Mọi người ở quanh khu Museum đều quen với bộ râu đen được cạo ngắn đến mức nhìn như đang bạc dần, gọng kính đôi môi, cùng dáng đi cương nghị mỗi khi ông rảo bước trên đường và giơ mũ chào hay giương ô lên ra hiệu cho họ một cách vội vã.

Ông sống trong một căn nhà cũ vững chãi ở phía tây quảng trường Russell cùng cô con gái Rosette, bà quản gia Dumont, thư kí Stuart Mills, và cựu giáo viên ốm yếu Drayman, một kẻ ăn bám được ông thuê để trông coi sách vở.

Nhưng cánh hầu thực sự của ông thì lại tụ tập ở một cái hội do chính họ lập nên ở quán rượu Warwick trên phố Museum. Họ gặp nhau bốn hay năm tối một tuần – một kiểu họp kín không chính thức – trong một căn phòng biệt lập phía sau quán được dành riêng cho mục đích này. Thực ra đây không phải là phòng riêng của họ, nhưng không có mấy người ngoài từ quầy bar đi lạc được vào đó, mà có vào cũng không được chào đón. Những thành viên thường trực của hội là một chuyên gia kể chuyện ma nhỏ con, đầu hói và kiểu cách tên là Pettis, anh chàng nhà báo Mangan và ông nghệ sĩ Burnaby. Nhưng chính giáo sư Grimaud mới là tiến sĩ Johnson của cả hội – đây là điều không thể bàn cãi.

Ông cầm trịch mọi thứ. Gần như mọi tối trong năm (trừ thứ bảy và chủ nhật – những ngày ông dành riêng cho công việc), ông đều được Stuart Mills hộ tống tới quán Warwick. Ông luôn ngồi trên chiếc ghế bành ưa thích của mình trước ngọn lửa nóng rực, với một cốc rượu rum pha nước nóng trên tay, và hò hét diễn xướng theo phong cách mà ông ưa thích. Cuộc nói chuyện, Mills kể, thường rất tuyệt vời, mặc dù không một ai có thể tranh luận được với giáo sư Grimaud, ngoại trừ Pettis và Burnaby. Mặc cho vẻ ngoài nhã nhặn, ông là người rất nóng tính. Không ai bảo ai, mọi người đều hài lòng với việc ngồi yên lắng nghe kho kiến thức của ông về phép phù thủy và những trò phù phép bịp bợm mà kẻ gian trá sử dụng để lừa bịp kẻ cả tin, về tình yêu như trẻ con của ông với bí ẩn và kịch tính: nhiều khi ông kể

chuyện về phù thủy thời trung cổ, để rồi vào phút chót lại đột ngột giải thích hiện tượng bí ẩn ấy theo đúng phong cách truyện trinh thám. Những tối như thế thật thú vị và luôn phảng phất phong vị của các quán trọ miền thôn dã, dù họ đang ngồi ấm áp trong một quán rượu dưới ánh đèn dầu của khu Bloomsbury. Những tối thật thú vị, cho tới buổi tối ngày mùng sáu tháng Hai, khi điềm báo của nỗi kinh hoàng ập tới đột ngột như cơn gió thổi toang cánh cửa.

Đêm đó gió thổi thấu xương, Mills kể lại, như kiểu sắp có tuyết rơi. Ngoài anh ta và Grimaud, ngồi bên lò sưởi lúc đó chỉ có Pettis, Mangan và Burnaby. Với điệu xì gà vung vẩy theo từng cử động, giáo sư Grimaud đang kể chuyện về truyền thuyết ma cà rồng.

“Thằng thẩn mà nói, điều khiến tôi thấy khó hiểu,” Pettis nói, “là thái độ của ông với toàn bộ những câu chuyện này. Tôi thì chỉ quan tâm đến những truyện hư cấu. Những truyện ma không bao giờ xảy ra. Nhưng ở một mức độ nào đó, tôi vẫn tin ma là có thật. Nhưng ông là chuyên gia trong những hiện tượng đã được chứng thực, những hiện tượng mà ta buộc phải coi là có thật trừ khi bác bỏ được. Vậy mà ông lại không mảy may tin vào cái thứ ông coi là quan trọng nhất trong đời ông. Cứ như thể Bradshaw viết cả một luận án chỉ để chứng minh động cơ hơi nước là chuyện viển vông, hay người biên tập Bách khoa Britannica chèn vào sách lời mở đầu nói rằng không có mục nào đáng tin cậy trong cả quyển sách vậy.”

“Chà, vậy thì sao?” Grimaud nói, vẫn với giọng gầm gừ hầu như không hề mở miệng. “Ông nhận ra bài học rồi, phải không?”

“‘Ông hay chữ quá nên hóa điên’ chẳng?” Burnaby châm chọc.

Grimaud tiếp tục nhìn chòng chọc vào ngọn lửa. Mills kể rằng ông trông có vẻ tức giận hơn bình thường trước những lời chế giễu này. Ông rít điệu xì gà ngậm ngay chính giữa khuôn miệng như một đứa trẻ con mút thanh kẹo bạc hà.

“Tôi là người biết quá nhiều,” ông nói, sau một hồi im lặng. “Và đâu có ghi chép gì nói rằng linh mục trong đền thờ phải là một tín đồ rất mực sùng

đạo đâu. Tuy nhiên, đó là chuyện ngoài lề. Tôi có hứng thú về căn nguyên đằng sau những chuyện mê tín dị đoan này. Nó đã bắt đầu như thế nào? Cái gì đã khiến nó có sức hút đến như vậy, để những kẻ ngây thơ tin sái cổ vào nó? Lấy ví dụ! Chúng ta đang nói về truyền thuyết ma cà rồng. Đó là tín ngưỡng thịnh hành khắp vùng Slav. Đồng ý không? Nó tìm thấy chỗ đứng vững chắc ở châu Âu khi tràn ra khỏi Hungary trong những năm từ 1730 đến 1735. Làm sao Hungary chứng minh được rằng người chết có thể rời khỏi quan tài và lơ lửng trên không trung dưới dạng rơm hay núi bông trước khi biến thành hình người để đi tấn công?”

“Có bằng chứng gì không?” Burnaby hỏi. Grimaud nhún vai. “Người ta khai quật xác chết từ dưới mồ lên. Họ phát hiện ra những cái xác trong tư thế biến dạng, với máu trên mặt, tay và tấm vải liệm. Đó là bằng chứng của họ... Nhưng tại sao không chứ? Đó là những năm mà dịch bệnh hoành hành. Hãy tưởng tượng một anh chàng tội nghiệp bị người ta tưởng là đã chết và đem chôn sống. Rồi anh ta giãy giụa trong quan tài cho đến khi chết. Các quý ông thấy chưa? Theo tôi đó là nguyên nhân thực sự của những hiện tượng mê tín dị đoan. Đó là điều khiến tôi thấy hứng thú.”

“Tôi,” một giọng nói lạ vang lên, “*cũng hứng thú với điều đó.*”

Mills kể rằng anh ta không hề nghe thấy tiếng người đó bước vào, mặc dù anh cảm thấy có gió lùa vào khi cửa mở. Có lẽ họ giật mình vì sự xuất hiện đường đột của một người lạ trong một căn phòng hiếm khi có người lạ vào mà không nói gì. Hoặc có lẽ là vì giọng nói của người đàn ông đó – một giọng nói khàn khàn, hơi giống giọng của người nước ngoài – ẩn chứa sự tự đắc và ranh mãnh. Dầu sao chẳng nữa, sự xuất hiện đột ngột của hắn khiến mọi người đều quay lại nhìn.

Ở hắn chẳng có điều gì đáng chú ý, Mills kể. Hắn đứng cách xa ánh lửa, trong chiếc áo choàng đen đã sờn với cổ áo dựng đứng cùng cái mũ mềm mòn vẹt kéo thấp. Phần khuôn mặt của hắn mà mọi người có thể nhìn thấy được lại bị bàn tay đeo găng đang xoa cằm che lấp mất. Ngoài dáng người cao nhưng gầy gò hốc hác cùng cách ăn vận xoàng xĩnh, Mills chẳng thể kể

thêm được điều gì. Nhưng trong giọng điệu hay tác phong, hoặc có thể là trong cử chỉ của hắn, dù xa lạ vẫn có gì đó hơi quen thuộc.

Hắn lại cất tiếng nói. Giọng hắn có nét khô cứng và ra vẻ kẻ cả, cứ như thể hắn đang muốn nhại lại Grimaud.

“Xin thứ lỗi cho tôi, các quý ông,” hắn nói, càng tự đắc hơn, “vì đã xen ngang vào cuộc trò chuyện của các ông. Nhưng tôi muốn đặt cho vị giáo sư Grimaud nổi tiếng đây một câu hỏi.”

Không ai nghĩ đến việc chặn họng hắn, Mills kể. Tất cả đều chăm chú lắng nghe. Người đàn ông đó toát lên vẻ lạnh lùng, làm khuấy động căn phòng ấm cúng. Ngay cả Grimaud, người đang ngồi vững chãi và xấu xí như một bức tượng của Epstein, một tay đang đưa điếu xì gà lên môi, ánh mắt lấp lánh phía sau cặp kính mỏng, cũng rất tập trung. Ông chỉ gầm lên:

“Sao?”

“VẬY ông không tin rằng,” người kia tiếp tục, bàn tay đeo găng vẫn giữ trên cằm, chỉ xoay ra vừa đủ để trở một ngón tay vào ông, “một người có thể bật nắp quan tài sống dậy, di chuyển đến bất cứ đâu mà không bị ai nhìn thấy, rằng bốn bức tường chả là gì với hắn, và rằng hắn nguy hiểm như bất cứ thứ gì từ địa ngục chui lên?”

“Tôi không tin,” Grimaud trả lời một cách cục cằn. “Còn ông?”

“Có, vì tôi đã làm thế. Nhưng còn hơn thế nữa! Tôi có một người em trai còn tài giỏi hơn tôi, và cực kì nguy hiểm đối với ông. Tôi không muốn cái mạng của ông, nhưng nó thì có. Nhưng nếu nó đến chỗ ông...”

Cuộc đấu khẩu lên đến cao trào một cách đột ngột như viên đá phiến phát nổ trong đồng lửa. Cậu Mangan trẻ tuổi – một cựu cầu thủ bóng đá – đứng bật dậy. Pettis nhỏ thó nhìn xung quanh với vẻ lo lắng.

“Nghe này, ông Grimaud,” Pettis nói, “người này điên rồi. Tôi có nên...” Ông ta ngấp ngừng trở về hướng cái chuông, nhưng kẻ lạ mặt đã ngắt lời.

“Hãy nhìn giáo sư Grimaud,” hắn nói, “trước khi quyết định.”

Grimaud đáp lại hần với giọng trơ trơ đầy khinh bỉ. “Không, không, không! Nghe lời tôi, cứ để hần đứng đó. Để hần nói về anh em hần và mấy cỗ quan tài...”

“Ba cỗ quan tài,” kẻ lạ xen ngang.

“Ba cỗ quan tài,” Grimaud đồng ý, với vẻ lịch sự giả tạo. “Nếu ông muốn. Vì Chúa, ông thích bao nhiêu cũng được! Giờ thì có lẽ ông nên cho chúng tôi biết ông là ai chứ?”

Kẻ lạ mặt rút tay trái khỏi túi và quăng một tấm danh thiếp bụi bặm lên bàn. Không hiểu vì sao nhưng tấm danh thiếp tầm thường đó bỗng kéo mọi người trở lại với thực tế, cứ như thể sự huyền bí này giờ đã bị thổi bay theo ống khói lò sưởi, và khiến vị khách có giọng nói khô khan này trông chẳng khác gì một diễn viên trong trang phục rách rưới bị chuyện ma quái ám ảnh. Mills đọc thấy trên danh thiếp ghi: *Pierre Fley, ảo thuật gia*. Ở trên góc in dòng chữ số *2B phố Cagliostro, WCI*, và trên dòng chữ này nguệch ngoạc cái tên *Nhà hát Academy*. Grimaud phá lên cười. Pettis chửi thề và rung chuông gọi phục vụ.

“VẬY LÀ,” Grimaud nhận xét, và lấy ngón cái gõ vào tấm danh thiếp. “Tôi đã nghĩ đến khả năng này rồi mà. Vậy ông làm trò ảo thuật để mua vui à?”

“Tấm danh thiếp nói thế sao?”

“Chà, chà, nếu tôi có hạ thấp công việc của ông, thì cho tôi xin lỗi,” Grimaud gật đầu. Một tiếng cười nghe giống như tiếng hen phát ra từ lỗ mũi ông. “Tôi không cho là chúng tôi sẽ được xem một màn biểu diễn của ông chứ?”

“Rất hân hạnh,” Fley nói đầy bất ngờ.

Hần chuyển động nhanh đến nỗi không ai lường trước được. Hần lao đến như thể muốn tấn công người khác, nhưng không thực sự động vào ai. Hần trườn người lên bàn hướng về phía Grimaud, bàn tay đeo găng của hần kéo cổ áo xuống, rồi lại dựng nó lên trước khi có ai đó kịp liếc thấy mặt hần. Nhưng Mills có cảm giác như hần đang cười nhạo. Grimaud vẫn án

binh bất động. Chỉ có quai hàm ông nhô ra và nhướn lên khiến cái miệng bộc lộ vẻ khinh bỉ. Và mặt ông có vẻ tối đi một chút, mặc dù ông vẫn liên tục lấy ngón tay cái gõ vào tấm danh thiếp.

“Và giờ, trước khi tôi đi,” Fley nói cộc lốc, “tôi có một câu hỏi cuối cùng dành cho vị giáo sư nổi tiếng. Một đêm nào đó sẽ có người đến thăm ông. Tôi cũng gặp nguy hiểm khi hợp tác với em trai của mình, nhưng tôi sẵn sàng đánh cược với nguy cơ đó. Một ai đó, tôi nhắc lại, sẽ đến thăm ông. Ông muốn tôi đến hay để tôi gọi em trai đến?”

“Gọi em trai mà đến đây,” Grimaud gầm gừ, và đột ngột đứng dậy, “và chết đi!”

Cánh cửa đóng sầm lại sau lưng Fley trước khi có ai kịp làm gì.

Đây là lời khai rõ ràng duy nhất về những sự kiện dẫn đến đêm thứ bảy, mừng chín tháng Hai. Những lời khai còn lại đều mơ hồ và ngắt quãng, chỉ có thể hiểu được sau này, khi mà tiến sĩ Fell lắp ghép lại những mảnh giấy đã cháy thành than ở giữa hai tấm kính. Vào đêm thứ bảy, mừng chín tháng Hai, khi tuyết rơi đầy các con phố nhỏ lặng lẽ ở London, người vô hình cất bước chân đầu tiên trong cuộc hành trình chết chóc của hắn, và ba cỗ quan tài trong lời tiên tri cuối cùng cũng đã có người nằm.

II. Cánh cửa

ĐÓ LÀ MỘT ĐÊM náo nhiệt quanh lò sưởi trong thư viện của tiến sĩ Fell ở số 1 phố Adelphi. Tiến sĩ với sắc mặt hồng hào đang ngồi oai phong trên chiếc ghế lớn nhất, thoải mái nhất, và cũ kĩ nhất. Chiếc ghế này đã võng xuống và đệm đã rạn ra làm người ngồi được thoải mái hơn, nhưng vì một lí do nào đó, những cái ghế cũ kĩ như thế luôn khiến các bà vợ phát khùng. Với khuôn mặt rạng rỡ đằng sau cặp kính có sợi dây đeo kính đen, tiến sĩ Fell nhip cái gậy lên thảm mỗi khi bật cười. Ông đang mở tiệc. Tiến sĩ Fell rất thích mở tiệc khi có bạn bè đến thăm. Đúng hơn là ông thích mở tiệc khi có bất cứ dịp gì. Và tối nay có đến tận hai lí do để ăn mừng.

Một là, những người bạn trẻ của ông, Ted và Dorothy Rampole, vừa ở Mỹ sang với tinh thần sáng khoái nhất. Hai là, ông bạn Hadley của ông – giờ đã là ngài chánh thanh tra cấp cao Hadley của Phòng Điều tra Tội phạm – vừa mới hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong vụ án giả mạo ở khu Bayswater, và đang ngồi nghỉ ngơi. Ted Rampole ngồi một bên lò sưởi, và Hadley ngồi phía bên kia, vị tiến sĩ ngồi chủ tọa ở giữa với tô rượu pân đang bốc khói nghi ngút. Ở tầng trên, các phu nhân Fell, Hadley và Rampole đang bàn bạc về chuyện gì đó, còn ở dưới này hai ông chồng Fell và Hadley lại đang tranh luận gay gắt về chuyện khác. Ted Rampole cảm thấy thoải mái như ở nhà.

Ngả hẳn lưng vào ghế một cách lười nhác, anh hồi tưởng lại những chuyện ngày xưa. Ngồi đối diện anh, ngài chánh thanh tra cấp cao Hadley, với bộ ria mép được cắt tỉa gọn gàng và mái tóc xám như màu thép, đang cười đùa và buông những lời châm biếm qua chiếc tẩu thuốc. Còn tiến sĩ Fell thì đang vung vẩy dĩa cái muôi múc rượu.

Có vẻ như họ đang tranh cãi về khoa học trong nghiên cứu tội phạm, cụ thể là về vấn đề chụp ảnh. Rampole nhớ là đã loáng thoáng nghe về chủ đề này, vốn từng khiến cả Phòng Điều tra Tội phạm ré lên cười âm ỉ. Một dạo,

khi tiến sĩ Fell đang ngồi không vì chưa tìm được thú vui mới, ông bị bạn của mình là Giám mục Mappleham dụ dỗ đọc sách của Gross, Jeserich và Mitchell. Và ông đã bị nghiện. May mắn thay, tiến sĩ Fell không hề có cái gọi là “não bác học”. Những nghiên cứu hóa học của ông vẫn chưa làm sập mái nhà, bởi thật may là ông luôn làm vỡ hết dụng cụ trước khi thí nghiệm bắt đầu. Ngoài việc làm cháy rèm cửa bằng đèn Bunsen, ông không gây thiệt hại nào đáng kể. Còn sự nghiệp nhiếp ảnh của ông (như ông nói) rất thành công. Ông đã mua một cái máy ảnh hiển vi Davontel với thấu kính tiêu sắc, rồi vớt bừa bãi khắp phòng những thứ trông như ảnh chụp X quang của một cái dạ dày bị chứng khó tiêu nặng. Ngoài ra, ông còn tuyên bố rằng mình đã hoàn thiện phương pháp giải mã chữ viết trên giấy bị cháy của tiến sĩ Gross.

Vừa ngồi nghe Hadley chế giễu tiến sĩ Fell về chuyện này, Rampole vừa mơ màng. Anh thấy ánh lửa bập bùng rọi lên những bức tường phủ đầy sách và nghe thấy tiếng tuyết đập vào cửa sổ sau tấm rèm đóng kín. Anh cười một mình, đầy mãn nguyện. Trong thế giới tuyệt vời này không có gì khiến anh phải khó chịu. Có không nhỉ? Xoay mình, anh quay sang nhìn chăm chăm vào ngọn lửa. Như con rối bất ngờ bật ra khỏi hộp, những chuyện lật vật thường xuất hiện đột ngột và thọc mạnh vào xương sườn của ta vào những lúc ta thấy dễ chịu nhất.

Vụ án hình sự! Đương nhiên là vụ đó chẳng nghiêm trọng gì. Mangan chỉ muốn thêm mắm dặm muối cho câu chuyện mà thôi. Mặc dù vậy...

“Tôi cóc thềm quan tâm Gross *nói gì*,” Hadley tuyên bố, đập đen đét vào tay ghế. “Các người toàn nghĩ ông ấy nói đúng chỉ bởi vì ông ấy nghiên cứu kỹ lưỡng. Trong hầu hết các vụ án, những chữ trên giấy đã bị cháy không hề hiện ra...”

Rampole hăng giọng một cách ôn hòa. “Nhân tiện,” anh nói, “cụm từ ‘ba cỗ quan tài’ có ý nghĩa gì với hai người không?”

Mọi người bỗng nhiên im lặng, đúng như Rampole hi vọng. Hadley nhìn anh đầy nghi ngờ. Tay cầm cái muôi múc rượu, tiến sĩ Fell chớp mắt một

cách bồi rồi, như thế ông mơ hồ liên hệ cụm từ đó với một loại thuốc lá hay một quán rượu vậy. Rồi mắt ông sáng lên tinh quái.

“Hê.” Ông nói, xoa hai bàn tay vào nhau. “Chà, chà, chà! Muốn dàn hòa hả? Hay là cậu định hỏi thật? Quan tài nào?”

“Chà,” Rampole nói, “tôi không nghĩ nên gọi đây là một vụ án hình sự...”

Hadley huýt sáo.

“...nhưng nó rất kì lạ, trừ khi Mangan phóng đại vấn đề lên. Tôi biết Boyd Mangan khá rõ: anh ấy sống cạnh nhà tôi mấy năm. Anh ấy là người tốt, đã đi nhiều nơi trên thế giới và có một trí tưởng tượng... quá Celtic.” Anh ngập ngừng, nhớ lại nước da ngăm đen, cách ăn mặc luộm thuộm, vẻ đẹp trai phóng đảng, tác phong chậm chạp mặc dù tính khí rất dễ bị kích động, cũng như sự hào phóng và điệu cười toét miệng không kiểu cách của Mangan. “Dù sao thì, hiện giờ anh ấy đang ở London, làm việc cho báo *Evening Banner*. Sáng nay tôi tình cờ gặp anh ấy ở Haymarket. Anh ấy kéo tôi vào quán bar và trút ra toàn bộ mọi thứ. Rồi...” Rampole nói, với vẻ tăng bốc, “khi anh ấy biết tôi quen tiến sĩ Fell lừng danh...”

“Vớ vẩn,” Hadley nói, nhìn Rampole một cách sắc lẹm và thận trọng. “Vào thẳng vụ án đi.”

“Chà chà chà,” tiến sĩ Fell nói, vô cùng vui sướng. “Im đi cho tôi nhờ được không, Hadley? Vụ này nghe có vẻ thú vị đấy, anh bạn trẻ của tôi. Rồi sao nữa?”

“Chà, anh ấy có vẻ rất ngưỡng mộ một giảng viên hay nhà văn mang họ Grimaud. Hơn nữa anh ta còn chết mê chết mệt con gái của Grimaud, và điều đó càng khiến anh ta ngưỡng mộ ông già đó. Ông già đó và một vài người bạn có thói quen lui tới một quán rượu gần Bảo tàng Anh, và ít hôm trước, có một việc xảy ra đã làm Mangan rung động còn hơn bất cứ trò đùa nào mà một gã lập dị bình thường có thể gây ra. Khi ông già đó đang nói về các xác chết đội mồ sống dậy hay những chủ đề tươi sáng tương tự như vậy, thì một gã cao lớn trông có vẻ kì dị bước vào và làm nhảm những điều vô

nghĩa về việc hăn và anh em hăn có thể bật nắp quan tài và bay lơ lửng trong không khí như một cọng rơm.” (Đến đây Hadley hừ lên một tiếng đầy khinh bỉ và không thèm tập trung nữa, nhưng tiến sĩ Fell tiếp tục nhìn Rampole với vẻ tò mò.) “Thật ra, có vẻ như hăn đã buông lời đe dọa giáo sư Grimaud. Vào phút cuối, gã lạ mặt hăm dọa là anh em hăn sẽ đến gặp Grimaud sớm thôi. Điều kì lạ là, mặc dù Grimaud vẫn ngồi yên, nhưng Mangan quả quyết rằng ông ấy sợ xanh mặt.”

Hadley hừ lên một tiếng. “Đúng là khu Bloomsbury. Nhưng thế thì sao? Một kẻ với đầu óc của một mụ già...”

“Vấn đề là ở chỗ đó,” tiến sĩ Fell quắc mắt lên, gầm gừ. “Ông ta không phải người như vậy. Tôi biết Grimaud khá rõ. Hadley, anh không biết chuyện này lạ thường đến đâu trừ khi anh biết Grimaud kì quặc đến thế nào. Hừm... Nói tiếp đi, con trai. Cuối cùng thì sao?”

“Grimaud không nói gì cả. Ông ấy xem nó như một trò đùa và xua tan bầu không khí căng thẳng đó khá nhanh. Ngay sau khi kẻ lạ mặt rời khỏi, một nhạc công đường phố đến trước cửa quán rượu và biểu diễn bài ‘Chàng trai trẻ gan dạ trên Xà treo’. Cả đám đông phá lên cười và thế là bình yên trở lại. Grimaud cười và nói, ‘Chà, các quý ông, xác chết sống lại của chúng ta sẽ phải khéo léo hơn thế nhiều nếu muốn bay vào cửa sổ phòng làm việc của tôi.’

“Đến đó thì họ quên luôn kẻ lạ mặt kia. Nhưng Mangan vẫn tò mò muốn tìm hiểu xem vị khách ‘Pierre Fley’ đó là ai. Fley đã đưa cho Grimaud một tấm danh thiếp, trên đó có ghi tên của một nhà hát. Vì thế ngày hôm sau Mangan lần theo địa chỉ trên đó tìm đến nhà hát dưới danh nghĩa để viết báo. Hóa ra đó là một nhà hát xập xệ và tai tiếng ở khu East End, chuyên tổ chức các chương trình tạp kĩ vào buổi tối. Mangan không muốn chạm mặt Fley. Anh ấy tán chuyện với ông gác cửa, người giới thiệu anh ấy cho ông nghệ sĩ nhào lộn biểu diễn trước tiết mục của Fley. Gã nghệ sĩ nhào lộn này tự gọi mình – có Chúa mới biết vì sao – là ‘Pagliacci Vĩ đại’, mặc dù thật ra

ông ta đến từ Ireland và là một gã Ireland rất ranh ma. Ông ta kể lại những gì mình biết cho Mangan.

“Ở nhà hát người ta gọi Fley là ‘Lão Khùng’. Họ chẳng biết gì về hắn ta, hắn cũng chẳng chịu nói chuyện với ai và lẫn mất tăm sau khi biểu diễn xong. Nhưng – đây mới là điểm quan trọng – hắn *rất giỏi*. Gã nghệ sĩ nhào lộn nói ông ta không hiểu vì sao những ông bầu khu West End không phát hiện ra hắn, trừ khi Fley đơn giản là không có tham vọng gì. Tiết mục của hắn là một dạng ảo thuật, chuyên về những trò khiến mọi thứ biến mất...”

Hadley lại hừ mũi chế nhạo.

“Không,” Rampole khẳng định, “cho đến giờ theo như tôi biết thì tiết mục của hắn không phải những trò cũ rích đâu. Mangan nói hắn biểu diễn mà không cần trợ lí, và tất cả những đạo cụ của hắn đều có thể nhét vừa vào một cái hộp to bằng một cỗ quan tài. Nếu ông am hiểu về những ảo thuật gia, ông mới thấy điều này phi thường đến cỡ nào. Thật ra, hắn ta hình như bị những cỗ quan tài ám ảnh. Có lần Pagliacci Vĩ đại hỏi hắn nguyên do, và nhận được một câu trả lời ông ta không ngờ tới. Fley quay lại, cười toét ra đến mang tai và nói: ‘Ba người chúng tôi từng bị chôn sống. Chỉ có một người thoát ra được!’ Pagliacci hỏi: ‘Và ông thoát ra bằng cách nào?’ Fley trả lời một cách bình thản, ‘Tôi không thoát ra được, ông thấy đấy. Tôi là một trong hai người không thoát ra được.’ ”

Hadley giật mạnh mái tóc. Giờ thì ông có vẻ nghiêm túc.

“Nghe này,” ông nói, không thoải mái, “chuyện này có vẻ quan trọng hơn tôi nghĩ. Rõ ràng là gã này bị điên rồi. Nếu hắn có mối thù tưởng tượng nào đó – cậu nói hắn là người ngoại quốc à? Tôi sẽ gọi về Bộ Nội vụ và bảo họ tìm kiếm hắn. Sau đó, nếu hắn định gây rắc rối cho bạn của cậu...”

“Hắn đã thử gây rắc rối chưa?” tiến sĩ Fell hỏi.

Rampole quay sang phía vị tiến sĩ. “Kể từ thứ tư vừa rồi, cứ mỗi ngày lại có một lá thư được gửi tới cho giáo sư Grimaud. Ông ấy luôn xé thư mà không nói một lời nào, nhưng ai đó đã nói với con gái của ông ấy về chuyện

ở quán rượu hôm trước, và cô nàng đang bắt đầu lo lắng. Cuối cùng, như giọt nước tràn li, hôm qua chính Grimaud bắt đầu cư xử kì quặc.”

“Là sao?” tiến sĩ Fell hỏi. Ông bỏ bàn tay đang che trên mắt xuống và nhìn Rampole bằng đôi mắt nhỏ sắc lẹm đến ghê người.

“Hôm qua ông ấy gọi điện cho Mangan, và nói: ‘Tôi muốn cậu có mặt ở nhà tôi vào tối thứ bảy. Có kẻ dọa sẽ đến thăm tôi.’ Tất nhiên, Mangan khuyên Grimaud nên gọi cảnh sát, nhưng ông ấy không chịu nghe. Rồi Mangan nói: ‘Nhưng đợi đã, thưa giáo sư, kẻ này rõ ràng là đã phát cuồng rồi, và có thể hẳn rất nguy hiểm. Ông không chuẩn bị gì để tự vệ sao?’ Ông giáo sư trả lời: ‘Ồ có, đương nhiên. Tôi sẽ mua một bức tranh.’”

“Một... gì cơ?” Hadley ngồi thẳng lên hỏi.

“Một bức tranh để treo lên tường. Không, tôi không đùa đâu. Có vẻ như ông ta đã mua nó thật: một bức tranh phong cảnh kì quặc, với cây cối và bia mộ, và bức tranh đó to kinh khủng, phải cần tới hai người mới bê được nó lên nhà. Mà tôi nói ‘to kinh khủng’ cũng là theo lời kể lại thôi, vì tôi chưa nhìn thấy bức tranh đó. Nó do một họa sĩ tên là Burnaby vẽ. Ông ta là một thành viên trong hội và một nhà tội phạm học nghiệp dư... Dù sao thì đó cũng là ý tưởng ‘tự vệ’ của Grimaud.” Hadley lại một lần nữa nhìn Rampole với vẻ nghi hoặc, và nhắc lại lời của anh một cách cộc cằn. Cả hai đều quay sang nhìn tiến sĩ Fell. Ông thở khò khè làm rung cái cằm nung núc thịt, đầu tóc ông rối bù và hai tay khoanh lại trên cái gậy ba toong. Ông gật gù, nhìn chăm chăm vào ngọn lửa. Khi ông nói, căn phòng bỗng trở nên bớt ấm cúng hơn hẳn.

“Cậu có địa chỉ nhà ông ấy không, chàng trai?” ông hỏi, giọng không biểu lộ cảm xúc gì. “Tốt. Khởi động xe đi thôi, Hadley.”

“Được, nhưng nghe này...”

“Khi một kẻ được cho là điên đe dọa một người tỉnh táo,” tiến sĩ Fell nói, lại gật gù, “thì ta có thể quan tâm hoặc không. Nhưng khi một người tỉnh táo bắt đầu cư xử y hệt như một kẻ điên, thì tôi biết là *mình* nhất định phải

nhúng tay vào rồi. Cũng có thể những hành động đó không có ý nghĩa gì cả. Nhưng tôi không thích chuyện này.” Tiến sĩ Fell thở khò khè và tự nhắc mình đứng lên. “Đi nào, Hadley. Chúng ta sẽ đi xem xét căn nhà đó, hay chỉ đi ngang qua thôi cũng được.”

Một cơn gió lạnh buốt thổi qua con phố Adelphi chật hẹp. Tuyết đã ngừng rơi, chất thành từng đống trắng xóa trên mái nhà và trong những khu vườn Embankment bên dưới nữa. Ở phố Strand – sáng sủa và vắng vẻ khi các nhà hát đang biểu diễn – tuyết bị bánh xe cày xới tạo nên những cái rãnh bẩn thỉu. Đồng hồ chỉ 10 giờ 5 phút khi họ rẽ vào phố Aldwych. Hadley ngồi im lặng bên vô lăng, cổ áo dựng lên. Khi tiến sĩ Fell giục ông tăng tốc, Hadley nhìn sang Rampole rồi sau đó nhìn về phía vị tiến sĩ đang ngồi một đống ở ghế sau.

“Việc này thật vô nghĩa, ông biết đấy,” Hadley bực mình nói. “Và đây không phải là việc của chúng ta. Hơn nữa, nếu giả sử có khách đến thật, thì có lẽ bây giờ hẳn cũng đã đi rồi.”

“Tôi biết,” tiến sĩ Fell nói. “Đó mới là điều khiến tôi lo ngại.”

Xe rẽ nhanh vào phố Southampton. Hadley cứ rúc còi inh ỏi như muốn thể hiện sự phản đối, nhưng xe vẫn tăng tốc. Con đường như một hẻm núi âm đạm, dẫn đến một hẻm núi còn âm đạm hơn: quảng trường Russell. Phía tây chỉ có vài dấu chân người và ít dấu bánh xe. Nếu biết cốt điện thoại ở phía bắc, khi vừa mới đi ngang qua đường Keppel, thì quý độc giả chắc hẳn đã từng thấy ngôi nhà nằm đối diện ngay cả khi không chú ý. Rampole trông thấy một ngôi nhà ba tầng đơn giản, rộng rãi, có nền đá sơn màu nâu xám phía dưới và gạch đỏ bên trên. Có sáu bậc thang dẫn lên cửa chính lớn có bảng tên viền đồng và năm đám cửa cũng bằng đồng. Trừ ánh sáng tỏa ra đằng sau những tấm màn đóng kín từ hai cửa sổ hướng ra mặt đường ở tầng trệt phía trên cửa vào tầng hầm, cả ngôi nhà đều tối đen. Đây dường như là ngôi nhà buồn tẻ nhất trong một khu dân cư cũng buồn tẻ không kém. Nhưng nó không buồn tẻ được lâu.

Một tấm màn được kéo sang một bên. Một trong hai cửa sổ sáng đèn bỗng được kéo sầm lên ngay khi họ đi ngang qua. Một người trèo lên bậc cửa, tỏa bóng lên tấm rèm, do dự, rồi nhảy xuống. Cú nhảy giúp anh ta vượt xa hàng rào nhọn. Anh ta đáp xuống vỉa hè trên một chân, trượt trên tuyết trơn, té xuống đường và suýt nữa bị xe cán phải.

Hadley đạp phanh. Ông nhảy ra khỏi xe khi nó vừa trượt vào lề đường và nắm chặt lấy cánh tay người đàn ông đó trước khi anh ta kịp đứng lên. Nhưng Rampole đã thoáng thấy gương mặt anh ta dưới ánh đèn pha.

“Mangan!” anh nói. “Cái quái gì...!”

Mangan không đội mũ cũng không mặc áo khoác. Mắt anh ta lấp lánh dưới ánh đèn như những bông tuyết trong suốt đang bám thành từng vệt trên cánh tay và bàn tay của anh ta.

“Ai đấy?” anh ta hỏi bằng giọng khàn khàn. “Không, không, tôi không sao! Thả tôi ra, khốn kiếp!” Anh giằng tay thoát khỏi cái nắm chặt của Hadley và bắt đầu chùi tay lên áo. “Ai... *Ted!* Nghe này. Gọi người đi. Anh cũng đi cùng nữa. Nhanh lên! Hẳn khóa cửa chốt chúng tôi trong phòng – có tiếng súng ở tầng trên – chúng tôi vừa nghe thấy. Hẳn khóa cửa không cho chúng tôi ra, anh thấy đấy...”

Nhìn ra sau lưng, Rampole thấy bóng một người phụ nữ hắt lên cửa sổ. Hadley cắt ngang những lời lấp bắp đó.

“Bình tĩnh nào. Ai khóa cửa không cho cậu ra?”

“*Hắn ta, Fley.* Hẳn vẫn ở trong đó. Chúng tôi nghe thấy tiếng súng, nhưng cánh cửa quá dày nên không phá được. Thế nào, các ông có vào không?”

Anh ta đã chạy lên bậc thềm, với Hadley và Rampole theo sau. cả hai người đều không ngờ rằng cửa chính không bị khóa, nó bật ra ngay khi Mangan vặn nắm đấm. Hành lang bên trong tối mù trừ ánh đèn trên cái bàn cuối phòng. Có cái gì đang đứng ở đó, nhìn về phía họ, với khuôn mặt kì dị hơn cả những gì họ tưởng tượng về Pierre Fley. Rồi Rampole nhận ra đó chỉ

là một bộ áo giáp Nhật Bản với cái mặt nạ quý. Mangan vội vã chạy đến cánh cửa bên phải và xoay chìa khóa đang cắm ở cửa. Một cô gái từ bên trong mở cửa ra – chính bóng của cô đã hắt lên cửa sổ – nhưng Mangan dang tay ra giữ cô ấy lại.

Họ có thể nghe thấy từ trên nhà vọng xuống một tiếng đập cửa mạnh.

“Không sao đâu, Boyd!” Rampole hét lên, cảm thấy như tim đã dâng lên tận cổ họng vì căng thẳng. “Đây là ngài chánh thanh tra cấp cao Hadley. Tôi đã kể với anh về ông ấy. Ở đâu? Cái gì đấy?”

Mangan chỉ vào cầu thang. “Lên đi. Tôi sẽ lo cho Rosette. Hấn vẫn ở trên nhà. Hấn không thoát được đâu. Vì Chúa, hãy cẩn thận!”

Anh ta giật lấy một thứ vũ khí thô kệch treo trên tường trong khi những người còn lại đi lên cầu thang trải thảm dày. Tầng trên cũng tối tăm và dường như không có người. Nhưng từ hốc tường ở cầu thang đi lên tầng trên cùng có ánh sáng tỏa xuống, và những tiếng nện thành thạch giờ đã thay cho tiếng đập cửa.

“Tiến sĩ Grimaud!” một giọng nói rên rỉ. “Tiến sĩ Grimaud! Trả lời tôi đi được không?”

Rampole không có thời gian để ý đến bầu không khí nặng nề và lạ lùng của căn nhà này. Anh vội vã chạy theo Hadley lên cầu thang thứ hai, băng qua một cổng tò vò, và đi vào một hành lang rộng chạy theo chiều ngang chứ không phải chiều dọc của căn nhà. Hành lang được ốp gỗ sồi lên đến trần nhà, với ba cửa sổ có rèm chạy dọc hành lang đối diện với cầu thang, và một tấm thảm đen dày làm giảm bớt tiếng bước chân. Có hai cánh cửa đối diện nhau ở hai đầu hành lang. Cửa ở phía xa bên trái đang mở, còn cửa bên phải, chỉ cách cầu thang khoảng 3 mét, vẫn đóng kín mặc dù có một người đàn ông đang đập cửa thành thành.

Người đàn ông này quay người lại khi thấy họ đến. Mặc dù trong hành lang không có đèn đóm gì, ánh sáng vàng hắt ra từ hốc tường chỗ cầu thang – chính xác là từ bụng của bức tượng Phật lớn bằng đồng trong hốc tường –

giúp họ có thể thấy rõ mọi thứ. Hiện rõ trong ánh sáng là một người đàn ông nhỏ thó đang thở hổn hển và vung vẩy tay một cách bối rối. Anh ta có mái tóc lù xù như tóc yêu tinh, cái đầu lớn đằng sau cặp kính to. Mắt anh ta chăm chú nhìn đoàn người đang đi tới.

“Boyd?” anh ta la lên. “Drayman? Có phải ông không? Ai đấy?”

“Cảnh sát đây,” Hadley nói, và sai bước đi về phía cửa khi anh ta lùi lại.

“Không mở cửa được đâu,” người đàn ông nhỏ thó vừa nói vừa bẻ ngón tay răng rắc. “Nhưng chúng ta phải vào. Cửa bị khóa trong. Có người ở trong đó với Grimaud. Rồi tiếng súng vang lên – ông ấy không trả lời. Bà Dumont đâu rồi? Gọi bà Dumont tới đây! Hẳn ta vẫn ở trong đó, tôi đảm bảo với ông!”

Hadley quay lại gặt gồng.

“Đừng nhảy chồm chồm lên nữa và đi tìm cho tôi một cái kìm. Khóa vẫn ở trong ổ, chúng ta sẽ xoay nó từ bên ngoài. Tôi cần một cái kìm. Anh có không?”

“Tôi... tôi thật sự không biết nó ở đâu...”

Hadley nhìn Rampole. “Chạy xuống chỗ hộp dụng cụ trên xe tôi. Nó ở dưới ghế sau. Lấy cái kìm nhỏ nhất cậu tìm được, và mang thêm vài cái cờ lê to nữa. Nếu gã này có súng...”

Rampole quay lại và thấy tiến sĩ Fell đi qua cái cửa tò vò, vừa đi vừa thở nặng nhọc. Vị tiến sĩ không nói gì, nhưng vẻ mặt của ông không còn hồng hào như trước nữa. Nhảy cóc ba bước một xuống cầu thang, Rampole mò mẫm rất lâu mới tìm thấy cái kìm. Khi quay lại, anh nghe thấy tiếng của Mangan phía sau cánh cửa đóng kín ở tầng trệt và âm điệu hoảng loạn của cô gái.

Hadley, vẫn rất điềm tĩnh, nhẹ nhàng luồn cái kìm vào lỗ khóa. Đôi tay khỏe khoắn của ông kẹp chặt kìm, rồi xoay về bên trái.

“Có cái gì đó chuyển động trong đó...” người đàn ông nhỏ thó nói.

“Được rồi,” Hadley nói. “Lùi lại!”

Ông đeo găng tay, chuẩn bị tinh thần, và đẩy cửa vào trong. Cửa đập mạnh vào tường làm cho dàn đèn chùm bên trong cũng rung rinh theo. Không có gì xông ra, nhưng có một thứ gì đó đang tìm cách chạy ra. Ngoài cái thứ đó ra thì căn phòng sáng trưng và trống không. Rampole nhìn thấy cái thứ đó ngấp trong vũng máu, và đang cố gắng dùng tay và đầu gối lết một cách khó nhọc trên tấm thảm đen. Thứ đó nghẹn lên, lăn sang một bên, rồi nằm bất động.

III. Mặt nạ

“ĐỪNG NGUYÊN Ờ CỬA, cả hai người,” Hadley nói cộc lốc. “Và ai yếu bóng vía thì đừng có nhìn.”

Tiến sĩ Fell ì ạch bước vào. Rampole vẫn đứng ở cửa, dang hai tay ra chặn không cho ai vào. Giáo sư Grimaud rất nặng, nhưng Hadley không dám lật ông ta lại. Trong lúc cố gắng bò ra cửa, Grimaud đã mất rất nhiều máu, mặc dù ông ta đã nghiền chặt răng lại để ngăn không cho máu chảy ra. Hadley quỳ một gối xuống nhắc ông ta lên. Mặt ông ta hơi xanh dưới bộ râu đem xám, mắt ông nhắm nghiền và trũng sâu xuống. Ông ta đang cố ấn cái khăn tay ướt đẫm vào vết đạn trên ngực. Họ nghe thấy tiếng hơi thở của ông ta yếu dần. Mặc dù có gió lùa vào, không khí vẫn đặc khói thuốc súng.

“Chết rồi à?” tiến sĩ Fell thì thầm.

“Đang hấp hối,” Hadley nói. “Thấy sắc mặt của ông ấy không? Ông ấy bị đạn bắn vào phổi.” Ông quay ra nhìn người đàn ông nhỏ thó ngoài hành lang. “Gọi cấp cứu. Nhanh lên! Không cứu kịp ông ấy nữa rồi, nhưng có thể ông ấy sẽ nói gì đó trước khi...”

“Đúng,” tiến sĩ Fell nói, giọng vô cùng âm đạm, “đó là điều chúng ta quan tâm nhất nhỉ?”

“Đó là điều duy nhất chúng ta có thể làm,” Hadley bình tĩnh trả lời. “Vâng. Lấy cho tôi mấy cái gối trên cái ghế sofa đằng kia. Phải cho ông ấy nằm thoải mái nhất có thể.” Khi Grimaud ngả đầu lên gối, Hadley cúi xuống gần và nói. “Tiến sĩ Grimaud! *Tiến sĩ Grimaud!* Ông nghe thấy tôi nói chứ?”

Hai mi mắt nhợt nhạt run rẩy. Mắt Grimaud chỉ mở hé, di chuyển một cách kì quặc, vô lực và bối rối, như mắt của một đứa trẻ trên khuôn mặt của một người có thể được mô tả là “hiểu biết” hoặc “văn minh”. Có vẻ như ông ta không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Cặp kính của ông ta treo lủng lẳng trên

áo choàng mặc trong nhà. Ông ta giật giật ngón tay một cách yếu ớt như thể muốn giơ chúng lên. Bộ ngực vạm vỡ vẫn phập phồng.

“Tôi là cảnh sát đây, tiến sĩ Grimaud. Ai đã làm chuyện này? Đừng cố trả lời nếu không được. Gật đầu thôi. Có phải gã Pierre Fley không?”

Gương mặt Grimaud thoáng chút nhận thức nhưng rồi lại càng trở nên bối rối hơn. Rồi Grimaud lắc đầu một cách dứt khoát.

“Vậy thì là ai?”

Grimaud rất nóng vội, và chính sự nóng vội đã hại ông ấy. Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, ông ấy lên tiếng. Môi ông mấp máy nói những từ mà sau này không ai có thể giải thích rành rọt được. Rồi ông ta ngắt di.

Cửa sổ bên trái mở lên khoảng chục phân, và một cơn gió lạnh thổi vào. Rampole rùng mình. Một con người thông tuệ lúc này lại đang nằm bất động trên mấy cái gối, thê thảm như một cái bao tải rách, với cái gì đó đập đều đều ở bên trong người cho thấy rằng ông ta vẫn còn sống, nhưng không còn tỉnh táo. Có quá nhiều máu trong căn phòng yên tĩnh và sáng sủa này.

“Chúa ơi!” Rampole không nén được, “chúng ta không thể *làm gì* được sao?”

Hadley nói gay gắt. “Không, ngoại trừ bắt tay vào việc, ‘vẫn còn ở trong nhà?’ Đứng một lũ ngốc! Ôi, cả tôi cũng ngốc không kém.” Ông chỉ vào cửa sổ đang mở một phần. “Dĩ nhiên là gã đó đã thoát ra ngoài từ trước cả khi chúng ta vào được trong nhà. Chắc chắn bây giờ hẳn không còn ở đây đâu.”

Rampole nhìn xung quanh. Khói thuốc súng bị gió thổi đi ra khỏi phòng và không còn che lấp tầm nhìn của anh nữa. Lần đầu tiên anh có thể tập trung nhìn khắp phòng.

Căn phòng hình vuông, mỗi chiều dài khoảng 4,5 mét, tường ốp gỗ sồi và dưới sàn trải thảm đen dày. Ở bức tường bên trái (đứng ở cửa nhìn vào) là một cửa sổ có rèm nhung màu nâu đang bay phấp phật. Hai bên cửa sổ là hai giá sách cao. Trên nóc giá sách là các pho tượng nửa người bằng đá cẩm

thạch. Ngay bên cạnh là một cái bàn làm việc chân quỳ lớn, được đặt sao cho ánh sáng rọi vào bên trái bàn. Một cái ghế đệm đã bị đẩy ra xa khỏi bàn. Trên bàn ở phía xa bên trái là một cái đèn kính khảm nhiều màu, và một cái gạt tàn bằng đồng trên đó có một điếu xì gà đã cháy hết để lại một vệt tro dài. Trên tấm lót bàn, ngoài một quyển sách bằng da dê đã gấp lại chỉ có một khay bút, và một đồng giấy rời nằm dưới một bức tượng nhỏ kì lạ: một con trâu bằng đá hoàng ngọc.

Rampole nhìn sang phía đối diện với cửa sổ. Ở đó có một lò sưởi đá lớn cũng nằm giữa các giá sách và tượng. Trên lò sưởi có hai thanh liềm kiếm gác chéo nhau ở đằng sau một cái huy hiệu mà Rampole chưa xem xét kĩ ngay được. Chỉ ở phía bên đó của căn phòng, đồ đạc mới bị xáo trộn. Ngay trước lò sưởi là một cái ghế sofa bằng da màu nâu bị xô lệch và một cái ghế cũng bằng da ngã ngửa trên tấm thảm bị lật lên. Trên ghế sofa có máu.

Và cuối cùng, trên bức tường đối diện cửa phòng, Rampole thấy bức tranh. Những giá sách đã được dời đi, để lại một mảng tường trống rất rộng. Dấu hằn trên thảm cho thấy giá sách chỉ mới được dời đi vài ngày trước. Một chỗ trên tường đã được dọn sẵn cho bức tranh, nhưng Grimaud sẽ không có cơ hội treo nó lên nữa. Bức tranh được đặt ngửa trên sàn không xa chỗ Grimaud nằm, nó đã bị rạch hai nhát bằng dao. Tính cả khung thì bức tranh cao đến 2 mét và rộng 1,2 mét. Nó to đến nỗi Hadley phải vịn nó ra khoảng trống giữa phòng trước khi có thể dựng nó lên để quan sát.

“Và đây,” Hadley nói, dựng bức tranh dựa vào lưng ghế sofa, “là bức tranh ông ta mua để ‘tự vệ’ đúng không? Nhìn này, Fell, ông có nghĩ Grimaud cũng khùng chẳng kém gã Fley không?”

Đang chăm chú xem xét cái cửa sổ, tiến sĩ Fell chậm chạp quay lại. “Gã Pierre Fley,” ông vừa nói với giọng ồm ồm, vừa đẩy ngược cái mũ rộng vành ra sau, “người *không* gây ra tội ác này. Hừm. Hadley này, anh có thấy hung khí không?”

“Tôi không thấy. Đầu tiên là không có khẩu súng nào – một khẩu tự động cỡ nòng lớn là cái chúng ta cần tìm – và giờ còn chẳng thấy con dao nào đã

cắt tan hoang bức tranh ra. Nhìn này! Tôi thấy nó giống như một bức tranh phong cảnh bình thường thôi.”

Không hẳn là bình thường, Rampole nghĩ. Ở bức tranh toát ra sức mạnh, như thể người họa sĩ đã vẽ nó trong một cơn thịnh nộ và dùng sơn dầu để nắm bắt cơn gió đang quạt vào những cái cây xiêu vẹo này. Nó khiến ta cảm thấy ảm đạm và khiếp sợ. Mô tip của nó u ám, đầy sắc xanh thấp thoáng sau xám và đen, trừ dãy núi thấp màu trắng vươn lên ở xa xa. Ở phần tiền cảnh, qua những cành cây cong vẹo, ta có thể thấy ba bia mộ giữa bụi cỏ um tùm. Không hiểu sao không khí của bức tranh cũng giống như không khí trong căn phòng này: hơi xa lạ, nhưng rất khó để xác định rõ, giống như một mùi hương thoang thoảng vậy. Những tấm bia mộ đang lung lay, tùy vào góc nhìn ta dường như có thể thấy các nấm mồ bắt đầu nhô lên và đất xung quanh đã rạn nứt ra. Những vết rạch cũng không làm bức tranh biến dạng.

Rampole hơi giật mình khi nghe thấy tiếng bước chân lên cầu thang. Boyd Mangan xông vào, trông gầy và lôi thôi hơn Rampole nhớ. Cả mái tóc đen, xếp thành từng lọn rũ xuống đầu, trông cũng rối bời. Anh ta ngó nhanh xuống người đàn ông đang nằm trên sàn nhà, lông mày rậm phủ bóng lên mắt, và bắt đầu xoa lên gò má khô. Anh chàng thật ra chỉ ngang tuổi Rampole, nhưng những nếp nhăn dưới mắt khiến anh ta trông già hơn đến 10 tuổi.

“Mills đã báo cho tôi,” anh ta nói. “Có phải ông ấy...?” Anh ta gật đầu nhanh về phía Grimaud.

Hadley phớt lờ câu hỏi của anh ta. “Cậu đã gọi cấp cứu chưa?”

“Người ta sắp mang cáng đến rồi. Khu này đây bệnh viện, nên không ai biết phải gọi điện cho chỗ nào cả. Tôi nhớ ra một ông bạn của giáo sư có một nhà dưỡng lão ở gần đây. Họ đang...” Anh ta đứng sang một bên cho hai người mặc đồng phục đi vào, và đi sau họ là một người đàn ông đầu hói, mày râu nhẵn nhụi trông có vẻ điềm tĩnh. “Đây là bác sĩ Peterson... ờm... họ là cảnh sát. Và đó là bệnh nhân của ông.”

Bác sĩ Peterson hít một hơi khiến má ông hóp lại rồi vội vã đi vào. “Cánh, các chàng trai,” ông ta nói, sau khi khám nhanh. “Tôi không lấy nó ra ở đây. Đờ ông ấy nhẹ thôi.” Ông ấy nhú mày và nhìn quanh một cách tò mò khi cánh được mang ra.

“Có cơ hội nào không?” Hadley hỏi.

“Ông ấy có thể còn vài tiếng, không hơn, và có lẽ là ít hơn. Nếu ông ấy không khỏe như trâu thì đã chết lâu rồi. Có vẻ như trong lúc gắng sức, ông ấy đã làm cho tổn thương trong phổi trở nên nặng hơn – xé toạc nó ra.” Bác sĩ Peterson cho tay vào túi. “Ông sẽ cho bác sĩ pháp y đến chứ? Đây là danh thiếp của tôi. Tôi sẽ giữ viên đạn khi nào lấy được nó ra. Tôi đoán là một viên cỡ 38, bắn ra từ khoảng 3 mét. Tôi có thể hỏi đã xảy ra chuyện gì không?”

“Giết người,” Hadley nói. “Cử một y tá ở bên ông ấy, và nếu ông ấy có nói gì, hãy ghi lại từng từ một.” Khi ông bác sĩ vội vã đi ra ngoài, Hadley viết nguệch ngoạc vào sổ tay và xé tờ giấy đưa cho Mangan. “Cậu đã bình tĩnh lại chưa? Tốt. Tôi muốn cậu gọi điện cho đồn cảnh sát phố Hunter với chỉ dẫn này, họ sẽ liên lạc với sở. Kể lại cho họ sự việc nếu họ yêu cầu. Bác sĩ Watson sẽ đến nhà dưỡng lão đó, và những người còn lại đến đây... Ai ở ngoài cửa thế?”

Người đang đứng ở cửa phòng chính là chàng trai trẻ lúc nãy đã đứng đập cửa khi họ xông lên. Anh ta nhỏ bé, gầy gò, phần thân trên to hơn hẳn phần thân dưới. Dưới ánh sáng đèn, Rampole có thể thấy rõ mái tóc dày đỏ thẫm như của một con yêu tinh. Anh thấy cặp mắt nâu đất được phóng đại phía sau chiếc kính gọng vàng, và khuôn mặt xương xẩu bạnh ra hai bên cùng cái miệng lớn và rộng mấp máy nhịp nhàng khi nói, để lộ ra hàm răng thưa, và đôi môi cong lên như môi cá. Cái miệng trông có vẻ rất linh hoạt do nói nhiều. Mỗi khi anh ta nói, trông anh ta như thể đang phát biểu trước đám đông. Đầu ngẩng lên cúi xuống như đang đọc bài viết sẵn từ giấy, anh ta thường nhìn vào một điểm phía trên đầu đám đông tưởng tượng, và nói với một giọng trầm bổng the thé. Nếu có ai đoán anh ta có bằng cử nhân Vật lí

và có xu hướng theo chủ nghĩa xã hội, thì người đó đúng. Anh ta mặc quần áo có họa tiết ca rô đỏ, và đan các ngón tay vào nhau đưa ra trước, vẻ kinh hãi trước đó của anh ta giờ đã được thay bằng một sự bình tĩnh không thể nhìn thấu được. Anh ta cúi nhẹ đầu chào và trả lời một cách lãnh đạm: “Tôi là Stuart Mills. Tôi là, hay đã từng là, thư kí của tiến sĩ Grimaud.” Đôi mắt to của anh ta đảo một vòng. “Tôi có thể hỏi điều gì đã xảy ra với... kẻ thù ác?”

“Chúng tôi đoán chừng,” Hadley nói, “là hẳn đã thoát ra ngoài qua cửa sổ trong khi chúng ta chắc chắn hẳn không thể nào đi qua cửa chính được. Giờ, anh Mills...”

“Thứ lỗi cho tôi,” giọng nói trầm bổng đó hờ hững chen ngang. “Nếu làm được thế, chắc hẳn hẳn phải là người phi thường. Các ông đã khám xét cửa sổ chưa?”

“Anh ta nói đúng, Hadley,” tiến sĩ Fell nói, thờ khò khè một cách nặng nhọc. “Hãy nhìn đi! Vụ này bắt đầu làm tôi thấy lo lắng. Tôi nói chân thành với ông, nếu gã này không chạy ra theo đường cửa chính...”

“Hẳn không đi đường đó.” Mills tuyên bố, và mỉm cười, “Tôi không phải là nhân chứng duy nhất có thể khẳng định điều đó. Tôi đã quan sát từ đầu đến cuối.”

“... thì chắc hẳn phải nhẹ hơn không khí thì mới ra ngoài qua đường cửa sổ được. Mở cửa sổ ra và nhìn xem. Hừm... Đợi đã! Chúng ta phải khám xét căn phòng trước.”

Không có ai trốn trong phòng. Sau đó, Hadley vừa gặm gù vừa đẩy cửa sổ lên. Tuyệt bám vào khung cửa sổ và lấp kín ngưỡng cửa bên ngoài, nguyên vẹn và không có dấu tích nào của con người. Rampole nhào người ra ngoài và nhìn xung quanh.

Mặt trăng rực sáng ở hướng tây, và mọi chi tiết đều hiện rõ như in. Từ cửa sổ xuống đến mặt đất phải hơn 15 mét, rìa tường là những tảng đá ướt và trơn trượt. Ngay bên dưới là sân sau được bao quanh bởi tường thấp, như

các nhà khác trong dãy phố này. Tuyết ở dưới sân, cũng như ở tất cả các sân khác mà họ có thể thấy được, và cả ở trên bờ tường, đều vẫn còn nguyên, không có dấu hiệu cho thấy có ai đó đã giẫm lên. Các tầng dưới không có cửa sổ nào khác ở bên này. Chỉ có tầng này mới có cửa sổ, và cái cửa gần với cái cửa sổ này nhất nằm ở hành lang bên trái, cách đó phải hơn 9 mét. Cửa sổ gần nhất bên phải thì cũng ở nhà bên cạnh, với khoảng cách tương tự. Trước mặt là một loạt các sân sau của những ngôi nhà nằm cạnh nhau ở rìa quảng trường, khoảng cách đến ngôi nhà gần nhất là hơn vài trăm mét. Cuối cùng, bên trên cửa sổ là đường bao bằng đá, trải dài 4 mét rưỡi lên tận nóc nhà. Đường bao này dốc đến nỗi dù có dùng tay bám hay buộc dây thừng vào cũng không leo lên được.

Nhưng Hadley vẫn ngẩn cổ ra ngoài chỉ trỏ. “Mặc dù vậy, vẫn có thể,” ông tuyên bố. “Nhìn kia! Cứ cho là đầu tiên hẳn đã buộc dây thừng lên ống khói hay gì đó, và thả nó lơ lửng ngoài cửa sổ khi hẳn trèo vào phòng. Sau đó hẳn giết Grimaud, nhảy ra ngoài, leo lên mái nhà, bò lên tháo dây thừng khỏi ống khói, và chuồn đi. Chắc chắn sẽ để lại rất nhiều dấu vết, đúng thế. Nên...”

“Đúng,” giọng Mills vang lên. “Vì thế tôi phải nhấn mạnh là không có dấu vết nào.”

Hadley nhìn xung quanh. Mills vốn đang xem xét lò sưởi, nhưng bây giờ anh ta đang quay mặt về phía họ, chìa hàm răng thưa và nở nụ cười dừng dừng, mặc dù ánh mắt của anh ta trông có vẻ lo lắng và mồ hôi lấm tấm trên trán.

“Ông thấy đấy,” anh ta tiếp tục, giơ ngón tay trỏ lên, “khi vừa mới nhận ra rằng kẻ đeo mặt nạ đó đã biến mất...”

“Kẻ gì cơ?” Hadley hỏi.

“Kẻ đeo mặt nạ. Tôi nói đã rõ chưa?”

“Chưa. Lát nữa chúng ta sẽ làm rõ vài vấn đề, anh Mills. Còn bây giờ, chuyện cái mái nhà thì sao?”

“Chẳng có bất kì dấu vết gì trên đó cả, ông thấy đấy,” Mills trả lời, đôi mắt mở to và sáng lên. Đây là một thói quen nữa của anh ta: cười nói như thể đang tràn đầy cảm hứng, mặc dù đôi khi trông anh ta có vẻ ngờ nghệch khi làm thế. Anh ta lại giơ ngón tay trở lên. “Tôi nhắc lại, thưa các quý ông, khi tôi nhận ra rằng kẻ đeo mặt nạ đã biến mất, tôi đã thấy trước khó khăn cho bản thân...”

“Tại sao?”

“Bởi chính bản thân tôi đã theo dõi rất kĩ cửa chính, và tôi buộc phải cam đoan rằng hẳn không đi ra bằng cửa đó. Cũng tốt. Do đó ta có thể suy luận rằng hẳn chắc chắn đã trốn ra ngoài bằng cách (a) leo dây thừng lên mái nhà, hoặc (b) trèo theo ống khói lên mái nhà. Nó cũng như một phép toán đơn giản thôi. Nếu $PQ = (p + \alpha)(q + \beta)$, từ đó rõ ràng là $PQ = pq + p\beta + q\alpha + \alpha\beta$.”

“Thật thế ư?” Hadley nói một cách kiềm chế. “Rồi sao nữa?”

“Ở cuối hành lang các ông thấy – đúng ra là các ông sẽ thấy nếu cửa mở,” Mills tiếp tục, chắc chắn như đinh đóng cột, “có phòng làm việc của tôi. Từ đó có một cánh cửa dẫn lên gác xép, và trên đó có một cửa sập thông lên mái nhà. Từ căn phòng này, chỉ cần mở cửa sập là tôi có thể thấy rõ ràng cả hai bên mái nhà. Không hề có vết tích gì trên tuyết cả.”

“Anh không leo lên đó chứ?” Hadley hỏi.

“Không. Nếu có ra tôi cũng không đứng vững nổi. Thật ra, tôi thấy dù thời tiết có khô ráo thì cũng không thể thực hiện điều đó được.”

Nét mặt tiến sĩ Fell trở nên hớn hởi. Trông ông như đang cố cưỡng lại ham muốn được cầm anh chàng bí ẩn này lên và đung đưa anh ta trước mặt như một món đồ chơi tinh xảo.

“Và sau đó thì sao, chàng trai của tôi?” ông ân cần hỏi. “Ý tôi là, anh nghĩ sao khi đẳng thức của anh tan tành mây khói?”

Mills vẫn tươi cười thâm thúy, không mấy may lung lay. “À, điều đó còn phải xem xét. Tôi là một nhà toán học, thừa các ông. Tôi không bao giờ cho phép mình nghĩ ngợi lung tung.” Anh ta khoanh tay lại. “Nhưng tôi muốn các quý ông chú ý đến điều đó, dù cho tôi có khẳng định rằng hẳn không thoát ra bằng cửa chính.”

“Đây là trong trường hợp anh đã kể lại chính xác những gì đã diễn ra ở đây đêm nay,” Hadley nhấn mạnh, đưa tay lên vuốt trán. Ông ngồi xuống bàn và lấy quyển sổ ghi chép của mình ra. “Bình tĩnh nào! Từ từ chúng ta sẽ nói đến chuyện đó. Anh đã làm việc cho giáo sư Grimaud được bao lâu rồi?”

“Ba năm và tám tháng,” Mills nói, răng va vào nhau lập cập. Rampole nhận thấy rằng vì thấy lời khai của mình được ghi lại trong cuốn sổ mang tính pháp lí, nên anh ta ép mình phải đưa ra những câu trả lời ngắn gọn.

“Nhiệm vụ của anh là gì?”

“Một phần là xử lí thư từ và làm nhiệm vụ của một thư kí nói chung. Phần lớn là hỗ trợ ông ấy trong việc chuẩn bị công trình nghiên cứu mới, *Nguồn gốc và lịch sử của những hiện tượng mê tín dị đoan Trung Âu, cùng với...*”

“Được rồi. Có bao nhiêu người sống trong ngôi nhà này?”

“Ngoài tôi và tiến sĩ Grimaud ra thì còn có 4 người khác.”

“Được rồi, được rồi, sao nữa?”

“À, tôi hiểu rồi! Ông muốn hỏi tên họ. Rosette Grimaud, con gái của tiến sĩ. Bà quản gia Dumont. Một người bạn già của tiến sĩ Grimaud tên là Drayman. Một cô hầu gái lo mọi việc trong nhà mà tôi chưa biết họ, nhưng tên cô ta là Annie.”

“Có bao nhiêu người ở đây tối nay khi sự việc xảy ra?”

Mills chìa mũi giày ra trước, lấy thẳng băng, rồi chăm chú xem xét nó – lại một thói quen khác của anh ta. “Điều đó thì rõ ràng là tôi không thể nói một cách chắc chắn được. Tôi sẽ kể cho các ông nghe những gì tôi biết.” Anh ta đứng đưa người từ trước ra sau. “Lúc bữa ăn tối kết thúc, khoảng 7

rười tối, tiến sĩ Grimaud lên đây để làm việc. Đây là thói quen của ông ấy vào mỗi tối thứ bảy. Ông ấy bảo tôi rằng ông không muốn bị làm phiền cho đến 11 giờ, đó cũng là một thói quen bất di bất dịch của tiến sĩ. Mặc dù vậy, ông nói...” những giọt mồ hôi bỗng nhiên lại xuất hiện trên trán chàng trai trẻ này, mặc dù anh ta đã cố giữ vẻ điềm tĩnh, “mặc dù vậy, ông ấy nói rằng có thể ông ấy sẽ có khách đến thăm vào khoảng 9 rười.”

“Ông ấy có nói người khách đó là ai không?”

“Ông ấy không nói.”

Hadley nghiêng người về phía trước. “Thôi nào, anh Mills! Anh không biết ông ấy đang bị đe dọa à? Anh đã nghe chuyện xảy ra vào tối thứ tư chưa?”

“Tôi... tôi có trước thông tin về việc đó, tất nhiên rồi. Thật ra, chính tôi cũng có mặt ở quán Warwick lúc sự việc xảy ra. Tôi cho là anh Mangan đã kể với các ông?”

Anh ta ngắc ngứ thuật lại câu chuyện một cách sinh động đáng kinh ngạc. Trong lúc đó, tiến sĩ Fell đã đi cà nhắc ra chỗ khác và đang thực hiện một trong những cuộc khám xét của ông trong đêm hôm đó. Ông có vẻ hứng thú nhất với cái lò sưởi. Rampole đã biết những điểm chính của chuyện xảy ra ở quán rượu nên thay vì nghe Mills kể, anh quan sát tiến sĩ Fell. Vị tiến sĩ xem xét những vết máu bắn lên phía trên và tay ghế bên phải của chiếc sofa. Trên thảm lò sưởi còn nhiều vết máu khác, mặc dù rất khó nhìn trên thảm đen. Có một cuộc vật lộn ở đó chăng? Vậy mà, Rampole nhìn thấy, những que cời lửa vẫn đặt ngay ngắn trên giá, ở vị trí mà nếu có một cuộc vật lộn xảy ra thì chắc chắn chúng sẽ phải va vào nhau kêu loảng xoảng. Một đồng lửa than nhỏ đã gần như bị dập tắt dưới một đồng giấy cháy đen.

Tiến sĩ Fell lăm băm một mình. Ông ngẩng lên để xem xét cái huy hiệu. Với Rampole, một người không chuyên nghiên cứu huy hiệu, nó trông như một cái khiên được chia làm ba phần màu đỏ, xanh nước biển và bạc, với một con đại bàng đen và trắng lười liềm ở phần trên, còn ở phần dưới là những hình thù trông giống như những con xe trên bàn cờ vua. Mặc dù màu

sắc đã sạm lại, nhưng cái huy hiệu vẫn nổi bật vẻ thô kệch trong căn phòng thô kệch một cách kì quặc. Tiến sĩ Fell lau bầu.

Nhưng ông không nói gì cho đến khi bắt đầu xem xét giá sách bên trái lò sưởi. Như một con mọt sách đích thực, ông nhảy số vào. Rồi ông bắt đầu kéo từng quyển một ra, liếc qua trang bìa, rồi lại đẩy vào. Có vẻ như ông nhắm đến những quyển trông có vẻ nhảm nhí nhất trên giá. Ông làm bụi bốc lên, và gây ồn ào đến nỗi làm phiền đến cả Mills đang ngồi kể chuyện. Rồi ông đứng lên và vẩy mấy quyển sách về phía mọi người một cách hăm hở.

“Tôi nói này, Hadley, tôi không muốn chen ngang, nhưng chi tiết này rất kì lạ và nói lên nhiều điều đây. Gabriel Dobrenteij, Yorick és Eliza levelei, hai tập. Shakspere Minden Munkái chín tập gồm các phiên bản khác nhau. Và ở đây có viết cái tên...” Ông dừng lại. “Hừm. Ha. Anh có biết gì về những quyển sách này không, anh Mills? Chúng là những quyển duy nhất trong tủ không được phủ bụi.”

Mills giật mình. “Tôi... tôi không biết. Tôi tin đó là những quyển sách tiến sĩ Grimaud định đưa lên gác xép. Tối hôm qua, khi chúng tôi dọn tủ sách để lấy chỗ treo bức tranh, ông Drayman đã thấy chúng đằng sau những quyển khác... Tôi nói đến đâu rồi nhỉ, ông Hadley? À, đúng rồi! Khi tiến sĩ Grimaud nói với tôi rằng ông ấy có thể có khách đến thăm, tôi chẳng có lí do nào để nghĩ rằng vị khách đó lại là người đàn ông ở quán rượu Warwick. Ông ấy không nói thế.”

“VẬY CHÍNH XÁC LÀ ÔNG ẤY ĐÃ NÓI GÌ?”

“Tôi... ông thấy đấy, sau bữa tối tôi đang làm việc trong thư viện lớn ở tầng dưới. Ông ấy bảo tôi lên phòng làm việc của tôi ở tầng trên vào lúc 9 rưỡi, để cửa mở và “để mắt sang” bên này, phòng khi...”

“Phòng khi gì?”

Mills hăng giọng. “Ông ấy không nói cụ thể.”

“Ông ta nói như thế,” Hadley ngắt lời, “mà anh vẫn không mảy may nghi ngờ ai sẽ đến à?”

“Tôi nghĩ,” tiến sĩ Fell chen vào, thở khò khè, “tôi có thể giải thích điều anh bạn trẻ này muốn nói. Chắc anh ấy phải đấu tranh tư tưởng ghê lắm. Ý anh ấy là mặc dù có lí trí kiên định của một cử nhân khoa học trẻ tuổi nhất, mặc dù được bảo vệ bởi cái khiên chắc chắn nhất được hình thành từ công thức $x^2 + 2xy + y^2$, trí tưởng tượng của anh ấy vẫn đủ bay bổng để khiến anh ấy lo lắng trước sự việc xảy ra ở quán rượu Warwick. Và anh ấy không muốn biết nhiều hơn những gì cần biết cho công việc của anh ấy. Đúng không?”

“Tôi không có ý đó, thưa các ông,” Mills phản bác lại, nhưng anh ta trông có vẻ đã bớt căng thẳng hơn. “Động cơ của tôi không liên quan gì đến những gì đã thực sự xảy ra. Ông thấy là tôi đã thực hiện đúng như yêu cầu. Vào đúng 9 giờ 30 tôi lên nhà...”

“VẬY những người khác ở đâu? Bình tĩnh nào!” Hadley thúc giục. “Đừng nói là anh không thể khẳng định chắc chắn, cứ nói cho chúng tôi biết anh nghĩ họ ở đâu.”

“Theo như những gì tôi biết, cô Rosette Grimaud và anh Mangan đang chơi bài trong phòng khách. Ông Drayman bảo tôi là sẽ đi ra ngoài, tôi không thấy ông ấy.”

“Còn bà Dumont?”

“Tôi gặp bà ấy khi đi lên đây. Bà ấy đi ra với cốc cà phê sau bữa tối của tiến sĩ Grimaud, đứng ra là những gì còn thừa... Tôi vào phòng làm việc của mình, để cửa mở, và kéo bàn máy đánh chữ ra để có thể nhìn ra hành lang khi đang làm việc. Vào đúng...” anh ta nhắm mắt, rồi lại mở mắt ra, “10 giờ kém 15 phút, tôi nghe thấy tiếng chuông cửa. Chuông điện đặt trên tầng hai và tôi nghe thấy rất rõ.”

“Hai phút sau bà Dumont lên cầu thang. Bà ấy mang một trong những cái khay dùng để đặt danh thiếp. Bà ấy chuẩn bị gõ cửa thì tôi giật mình khi thấy... ờm... một người đàn ông cao lớn đi lên cầu thang ngay sau lưng bà ấy. Bà ấy quay lại và nhìn thấy hẳn ta. Bà ấy thốt lên điều gì đó mà tôi không thể nhắc lại nguyên văn, nhưng mục đích là để hỏi tại sao hẳn ta

không đợi dưới nhà, và bà ấy có vẻ bị kích động. Người... ờm... đàn ông cao lớn đó không trả lời. Hắn ta bước tới cánh cửa và chậm rãi kéo cổ áo khoác xuống, bỏ mũ ra, và đút mũ vào trong túi áo khoác ngoài. Tôi nghĩ là hắn ta đã cười, rồi bà Dumont hét lên gì đó, co người lại dựa lưng vào tường, và vội vã mở cửa. Tiến sĩ Grimaud xuất hiện ở ngưỡng cửa, rõ ràng là cảm thấy bực mình, ông ấy nói nguyên văn là, ‘Làm cái quái quỷ gì mà om sòm thế?’ Rồi ông ấy đứng chết lặng, nhìn người đàn ông cao lớn, và nói, ‘Chúa ơi, *người* là ai?’ ”

Giọng nói trầm bổng của Mills trở nên nhanh hơn. Nụ cười của anh trở nên tái mét, mặc dù anh ta vẫn cố tỏ ra tươi tỉnh.

“Bình tĩnh nào, anh Mills. Anh có nhìn rõ người đàn ông cao lớn đó không?”

“Tôi nhìn khá rõ. Khi hắn ta đứng dưới vòm cầu thang, hắn ta có liếc về phía tôi.”

“Rồi sao?”

“Cổ áo hắn ta dựng lên, và hắn ta đội một cái mũ kê pi. Nhưng tôi được trời phú cho cái gọi là chứng “viễn thị”, thừa các quý ông, và tôi có thể quan sát rõ hình dáng và màu sắc của mũi và miệng hắn ta. Hắn ta đeo một cái mặt nạ trẻ con, loại mặt nạ được làm bằng giấy bồi. Tôi nhận thấy rằng nó dài, có màu hồng và có miệng rất rộng. Và theo như tôi quan sát thì hắn ta không tháo nó ra. Tôi nghĩ tôi có thể khẳng định...”

“Thường thì anh luôn đúng mà, phải vậy không?” một giọng nói lạnh lẽo vang lên từ ngoài cửa. “Đó là một cái mặt nạ. Và rất tiếc là hắn không tháo nó ra.”

IV. Điều bất khả thi

BÀ TA ĐỨNG Ở CỬA nhìn từng người một. Rampole cảm thấy bà ta là một người phụ nữ khác thường mà không biết tại sao. Bà ta không có nét gì nổi bật, trừ đôi mắt đen thông minh và sinh động, giờ đã mờ và đỏ vì cạn nước mắt. Ở bà ta toát lên sự mâu thuẫn. Bà ta có dáng người thấp, cơ thể cứng cỏi, khuôn mặt rộng, gò má khá cao và làn da sáng, vậy mà Rampole lại cảm thấy bà ta có thể rất xinh đẹp nếu cố gắng chải chuốt. Mái tóc nâu đậm được uốn nhẹ qua tai, và bà ta mặc cái váy màu tối đơn điệu nhất với một đường viền màu trắng ngang ngực, vậy mà trông bà ta không hề thiếu phần hấp dẫn.

Phong thái, sức khỏe, dáng đi, gì nữa? Từ “như điện giật” thật vô nghĩa, nhưng nó lại lọt tả được làn sóng phát ra từ bà ta: một cái gì đó hình thành từ những tiếng kêu lách tách và sức nóng và năng lượng, làm người khác choáng váng. Bà ta bước về phía họ, giày kêu cọt kẹt. Đôi mắt đen to của bà hướng lên một chút về phía góc phòng để tìm Hadley. Bà ta xoa hai lòng bàn tay vào nhau, lên và xuống. Rampole nhận ra hai điều – vụ sát hại giáo sư Grimaud đã khiến bà ta đau khổ đến mức có thể bà ta sẽ không thể vượt qua được, và có lẽ đã khiến bà ấy tê dại và khóc lóc ngay lúc này nếu không vì một lí do nào đó.

“Tôi là Ernestine Dumont,” bà ta nói, như đọc được ý nghĩ của người khác. “Tôi đến đây để giúp các ông tìm ra người đã bắn Charles.”

Bà ta nói không có ngữ điệu gì, nhưng giọng hơi nhịu lại và có vẻ lãnh đạm. Hai lòng bàn tay của bà ta vẫn tiếp tục xoa vào nhau.

“Khi tôi biết chuyện, lúc đầu tôi không thể đi lên trên này được. Rồi tôi muốn đi theo xe cấp cứu đến nhà dưỡng lão, nhưng bác sĩ không cho phép. Ông ấy nói cảnh sát cần nói chuyện với tôi. Vâng, tôi nghĩ như thế là sáng suốt.”

Hadley đứng lên và nhường chỗ cho bà ta.

“Mời bà ngồi. Chúng tôi muốn nghe lời khai của bà trong chốc lát. Tôi phải yêu cầu bà lắng nghe thật kỹ những gì anh Mills đang nói, trong trường hợp bà được yêu cầu chứng thực...”

Bà ta rùng mình trước cơn gió lạnh từ cửa sổ thổi vào, và tiến sĩ Fell, người đang quan sát bà ta một cách kỹ lưỡng, ì ạch bước sang đóng nó. Rồi bà ta liếc sang lò sưởi, nơi ngọn lửa gần như đã bị dập tắt dưới những tờ giấy đã cháy. Hiểu ra yêu cầu của Hadley, bà gật đầu. Bà lơ đãng nhìn Mills, hơi mỉm cười thể hiện thiện ý.

“Vâng, tất nhiên rồi. Stuart là một anh chàng gốc nghề tội nghiệp, và là một người tốt. Phải không, Stuart? Xin hãy tiếp tục. Tôi sẽ... theo sát.”

Nếu có tức giận thì Mills cũng không thể hiện ra ngoài. Mi mắt của anh ta rung rinh vài lần, và anh ta khoanh tay lại.

“Nếu Bà Đồng này cảm thấy vui khi nghĩ như thế,” anh ta cất giọng không hề nao núng, “thì tôi không phản đối gì cả. Mà có lẽ tôi nên tiếp tục. Tôi nói đến đâu rồi nhỉ?”

“Lời tiến sĩ Grimaud nói khi nhìn thấy vị khách, anh bảo ông ta đã nói, ‘Chúa ơi, *ngươi* là ai?’ Sau đó thì sao?”

“À, đúng rồi! Ông ấy không đeo kính, mà đeo nó lủng lẳng trên cổ. Ông ấy không nhìn rõ nếu không có kính, nên tôi có cảm giác rằng ông ấy nhầm tưởng cái mặt nạ là mặt người thật. Nhưng trước khi ông ấy kịp đeo kính lên, kẻ lạ mặt đã hành động chớp nhoáng khiến tôi bối rối, và lao về phía cánh cửa. Tiến sĩ Grimaud cố bước ra để đứng chặn trước hấn ta, nhưng hấn ta quá nhanh, và tôi nghe thấy tiếng hấn ta cười. Khi hấn ta vào trong...” Mills dừng lại, trông có vẻ lúng túng. “Đây mới là chuyện kì lạ nhất. Tôi có cảm giác là bà Dumont, mặc dù đang co rúm người lại dựa lưng vào tường, đã đóng cửa lại sau khi hấn ta bước vào. Tôi còn nhớ là bà ấy vẫn đặt tay lên nắm đấm cửa.”

Ernestine Dumont nổi giận đùng đùng. “Cậu nói thế là có ý gì hả cậu nhóc?” bà ta hỏi. “Đồ ngốc, có biết thì hãy thưa thốt. Cậu nghĩ tôi sẵn sàng để người đàn ông đó ở một mình với Charles sao? Hãy ta dùng chân đóng cửa rồi khóa trái lại.”

“Đợi một chút, thưa bà... Có đúng vậy không, anh Mills?”

“Tôi muốn các ông hiểu rõ,” Mills cất giọng, “rằng tôi chỉ đang cố gắng đưa ra mọi sự việc và mọi cảm giác của tôi. Tôi không có ý gì cả. Tôi chấp nhận đấm chính của bà ấy. Hãy ta, đúng như Bà Đồng nói, đã khóa cửa.”

“Cậu ta xem cái biệt danh ‘Bà Đồng’ mà cậu ta đặt cho tôi là một trò đùa nho nhỏ đấy,” bà Dumont nói gay gắt. “Hừm!”

Mills mỉm cười. “Để tôi tiếp tục, thưa ông. Tôi tin rằng Bà Đồng đây đã bị kích động. Bà ấy bắt đầu gọi tên thánh của tiến sĩ Grimaud và lắc nắm đấm cửa. Tôi nghe thấy tiếng nói ở trong, nhưng vì ở khoảng cách xa, và các ông cũng thấy là cửa rất dày...” Anh ta chỉ tay ra. “Tôi không thể nghe rõ gì cho đến khoảng 30 giây sau đó, khoảng thời gian mà tôi cho là để người đàn ông tháo mặt nạ ra, tiến sĩ Grimaud nói vọng ra cho Bà Đồng với giọng giận dữ: ‘Biển đi, đồ ngốc. Tôi có thể xử lí được.’ ”

“Tôi hiểu. Ông ấy có vẻ hoảng sợ hay gì không?”

Người thư kí nhớ lại. “Ngược lại là đằng khác, tôi phải nói là giọng ông ấy có vẻ nhẹ nhõm.”

“Và bà, thưa bà, bà có vâng lời ông ấy và tránh xa...?”

“Có.”

“Mặc dù,” Hadley nói một cách khéo léo, “tôi cho là việc những kẻ thích đùa đeo mặt nạ đến nhà và cư xử liều mạng như vậy thường ít xảy ra đúng không? Tôi cho là bà biết về lời đe dọa đối với ông chủ của bà chứ?”

“Tôi đã vâng lời Charles Grimaud hơn 20 năm rồi,” người phụ nữ nói lặng lẽ. Cái từ “ông chủ” đã tác động mạnh đến bà. Đôi mắt hoe đỏ hiện lên sự kiên quyết. “Và tôi chưa thấy tình huống nào ông ấy *không* xử lí được.”

Vâng lời! Tất nhiên là tôi làm thế rồi: tôi lúc nào cũng vâng lời. Ngoài ra, các ông không hiểu. Câu hỏi của ông chẳng có ý nghĩa gì cả.” Về khinh rẻ được thay bằng nụ cười nửa miệng. “Nhưng thú vị đấy – về mặt tâm lí, như Charles thường nói. Các ông không hỏi Stuart vì sao *cậu ta* lại vâng lời và không làm um sùm lên. Đơn giản là vì các ông nghĩ cậu ta sẽ hoảng sợ. Như vậy ông có hàm ý muốn nói là tôi không hoảng sợ, và tôi cảm ơn ông vì điều đó. Xin hãy tiếp tục đi.”

Rampole có cảm tưởng như mình đang quan sát một tay kiếm với cổ tay mềm dẻo. Hadley dường như cũng cảm thấy như vậy, mặc dù ông quay sang hỏi anh thư kí.

“Anh có nhớ, anh Mills, người đàn ông vào phòng lúc nào không?”

“Lúc 10 giờ kém 10. Trên bàn tôi có đồng hồ, ông thấy đấy.”

“Và anh nghe thấy tiếng súng vào lúc nào?”

“Vào đúng 10 giờ 10.”

“Anh có chắc là anh đã theo dõi cửa chính suốt khoảng thời gian đó?”

“Chắc chắn là tôi đã làm vậy.” Anh ta hăng giọng. “Dù Bà Đồng có cho tôi là kẻ nhút nhát, nhưng tôi là người đầu tiên chạy đến cánh cửa khi có tiếng súng nổ. Nó vẫn bị khóa ở trong, như các quý ông đã nhìn thấy – các quý ông đã đến ngay sau đó.”

“Trong 20 phút hai người đó ở cùng nhau, anh có nghe bất cứ giọng nói, cử động, hay âm thanh nào không?”

“Có một lúc tôi có cảm giác như có người đang lên giọng, và một âm thanh tôi chỉ có thể mô tả là giống với tiếng va đập mạnh. Nhưng tôi ngồi quá xa...” Anh ta lại đu đưa người, và nhìn chăm chăm vào ánh mắt lạnh như băng của Hadley. Mồ hôi anh ta lại túa ra. “Đương nhiên, giờ tôi nhận ra rằng tôi đã kể cho các ông nghe một câu chuyện có vẻ cực kì phi thường. Vậy mà, thưa các quý ông, tôi *thề...!*” Đột nhiên anh ta thành linh giơ nắm đấm lên và lên cao giọng.

“Thế là được rồi, Stuart,” người đàn bà dịu dàng nói. “Tôi có thể xác nhận điều đó.”

Giọng Hadley nghiêm nghị nhưng khéo léo. “Tôi nghĩ như thế là chấp nhận được. Câu hỏi cuối cùng, anh Mills. Anh có thể mô tả chính xác về ngoài của người đàn ông mà anh thấy được không?... Đợi chút, thưa bà!” Ông cắt ngang, xoay người rất nhanh. “Sẽ đến lượt bà ngay thôi. Thế nào, anh Mills?”

“Tôi có thể mô tả một cách chính xác là hăn ta mặc một cái áo khoác ngoài dài màu đen, và một cái mũ kê pi làm bằng chất liệu gì đó màu nâu. Quần màu tối. Tôi không quan sát thấy giày. Tóc hăn ta, khi bỏ mũ ra...” Mills dừng lại. “Thật kì lạ. Tôi không muốn võ đoán, nhưng đến bây giờ nhớ lại, tóc hăn ta màu đen, *bóng bẩy* như được sơn lên, nếu ông hiểu ý tôi, trông như thể cả cái đầu hăn ta được làm bằng giấy bồi vậy.”

Đang đi đi lại lại trước bức tranh, Hadley thỉnh thoảng quay lại nhìn khiến cho Mills kêu thê lên.

“Thưa các quý ông,” anh ta la lên, “các ông yêu cầu tôi kể lại những gì mình nhìn thấy. Và đó là những gì tôi nhìn thấy. Đó là sự thật.”

“Nói tiếp đi,” Hadley nói, giọng nghiêm nghị.

“Tôi tin là hăn ta có đeo găng tay, mặc dù tay hăn ta để trong túi, và tôi không hoàn toàn chắc chắn. Hăn ta cao ráo, cao hơn tiến sĩ Grimaud từ 7 đến 10 phân, và có... dáng người trung bình. Đó là tất cả những gì tôi có thể khẳng định dứt khoát.”

“Trông hăn ta có giống gã Pierre Fley không?”

“Chà, có. Nói đúng ra thì vừa có, vừa không. Đáng ra tôi phải nói hăn ta cao hơn, và không quá gầy như Fley, nhưng tôi không thể khẳng định chắc chắn.”

Trong suốt cuộc tra hỏi, Rampole đã quan sát tiến sĩ Fell qua khốe mắt. Vị tiến sĩ, với cái lưng gù lên dưới lớp áo choàng và một tay cầm cái mũ rộng

vành, đang vừa lết đi xung quanh phòng vừa gõ cái gậy xuống thăm một cách bực dọc. Ông cúi xuống nhìn chằm chằm các thứ cho đến khi kính trượt ra khỏi mũi. Ông nhìn bức tranh, những giá sách và con trâu bằng đá hoàng ngọc trên bàn làm việc. Ông vừa thở khò khè vừa cúi xuống xem xét lò sưởi, rồi lại đứng dậy xem xét cái huy hiệu treo phía trên. Cuối cùng ông có vẻ trở nên nhã nhặn và thờ ơ, vậy nhưng lúc nào Rampole cũng thấy ông ta quan sát bà Dumont. Ông dường như rất có ấn tượng với bà ta. Có vẻ có gì đó đáng sợ trong đôi mắt nhỏ và sáng của ông, thường nhìn sang hướng khác ngay khi vừa quan sát xong thứ gì đó. Và người phụ nữ đó biết như vậy. Tay bà nắm chặt trên đùi. Bà ta cố gắng phớt lờ ông, nhưng rồi lại liếc mắt nhìn về phía ông. Cứ như là họ đang chiến đấu trong một trận chiến vô hình vậy.

“Còn những thắc mắc khác, anh Mills,” Hadley nói, “Nhất là về sự việc xảy ra ở quán Warwick và bức tranh đó. Nhưng chúng có thể đợi đến khi chúng tôi thu xếp mọi việc... Anh có phiền đi xuống và mời cô Grimaud và cậu Mangan lên đây không? Cả ông Drayman nữa, nếu ông ấy đã về?... Cảm ơn. Đợi chút đã. Ờ... còn câu hỏi gì không, Fell?”

Tiến sĩ Fell nhã nhặn lắc đầu. Rampole có thể thấy những khớp ngón tay của người đàn bà kia trắng lên.

“Bạn của ông *cứ phải* đi đi lại lại như thế đó à?” bà ta đột ngột hét lên, và giọng the thé của bà phát âm chữ “đ” thành chữ “l”. Thật phát điên lên được...”

Hadley chăm chú quan sát bà ta. “Tôi hiểu, thưa bà. Nhưng thật không may cách làm việc của ông ấy là như vậy.”

“Vậy thì ông là ai? Ông vào nhà tôi...”

“Để tôi giải thích. Tôi là chánh thanh tra cấp cao Hadley của Phòng Điều tra Tội phạm. Đây là anh Rampole. Và người còn lại, có thể bà đã nghe danh ông ấy rồi, là tiến sĩ Gideon Fell.”

“Có. Có. Tôi nghĩ là có.” Bà ta gật đầu, và đập tay lên cái bàn bên cạnh. “Chà, chà, chà! Dù như vậy, chẳng lẽ các ông quên hết cách ứng xử rồi à? Các ông có nhất thiết phải mở cửa sổ để căn phòng lạnh cóng như vậy không? Ít nhất chúng tôi cũng được nhóm lửa sưởi ấm chứ?”

“Tôi khuyên bà không nên làm thế,” tiến sĩ Fell nói. “Cho đến khi chúng ta biết được giấy tờ gì đã bị cháy trong đó. Lúc chúng cháy chắc phải như một đồng lửa trại.”

Ernestine Dumont nói một cách mệt mỏi: “Ô, tại sao các ông lại ngớ ngẩn thế? Sao các ông cứ ngồi ì ở đây? Các ông biết khá rõ ai đã làm chuyện này mà. Chính là gã Fley đó, các ông biết điều đó. Chà, chà, chà? Tại sao các ông không đi lùng bắt hăn ta đi? Tại sao các ông lại ngồi đây khi tôi nói với các ông rằng hăn là thủ phạm?”

Ở bà ta toát lên sự căm ghét hoang dại, trông như thể bà ta đang lên đồng vậy. Có vẻ bà ấy muốn được thấy Fley đứng lên giá treo cổ.

“Bà có biết Fley không?” Hadley ngắt lời.

“Không, không, tôi chưa bao giờ gặp hăn! Ý tôi là trước vụ này. Nhưng tôi có biết những gì Charles đã kể cho tôi.”

“Là gì?”

“À! Gã Fley này là một kẻ mất trí. Charles chưa bao giờ quen hăn, nhưng hăn có một ý tưởng điên cuồng là Charles đem điều thần bí ra làm trò đùa, ông thấy đấy. Hăn có một người anh em,” bà phẩy tay, “cũng điên như thế, các ông hiểu không?”

Charles bảo tôi có thể hăn sẽ đến đây lúc 9 rưỡi. Nếu hăn đến, tôi sẽ cho hăn vào. Nhưng khi tôi đến dọn khay cà phê cho Charles lúc 9 rưỡi, ông ấy cười phá lên và nói nếu bây giờ hăn không đến thì sẽ chẳng bao giờ đến nữa. Charles nói: ‘Những kẻ mang trong mình nỗi hận thù đều không để phí thời gian.’” Bà ta dựa lưng vào ghế, ngồi thẳng hai vai lại. “Chà, ông ấy đã nhầm. Chuông cửa rung lên lúc 10 giờ kém 15. Tôi mở cửa. Có một người đàn ông đứng trên bậc thềm. Hăn ta cầm một tấm danh thiếp và nói, ‘Bà có

thể đưa cái này cho giáo sư Grimaud và hỏi ông ấy xem có thể gặp tôi được không?”

Hadley chống tay vào thành ghế sofa và chăm chú quan sát bà ta.

“Thế còn cái mặt nạ thì sao, thưa bà? Bà không thấy nó hơi kì cục à?”

“Tôi không nhìn thấy cái mặt nạ! Ông không để ý là hành lang tầng dưới chỉ có một ngọn đèn à? Thế đấy! Sau lưng hẳn ta có một cái đèn đường, và tất cả những gì tôi có thể thấy chỉ là cái bóng của hẳn ta. Hẳn ta cực kì nhả nhận, ông thấy đấy, và đưa danh thiếp, vì thế nên trong chốc lát tôi không nhận ra...”

“Đợi đã, thưa bà. Bà có thể nhận ra giọng nói đó nếu được nghe lại lần nữa không?”

Bà ấy lắc vai như thể đang mang một gánh nặng trên lưng. “Có! Tôi không biết... có, có! Nhưng nghe có vẻ không thật lắm, ông thấy đấy, nó như bị nghẹt lại sau cái mặt nạ đó, giờ tôi mới nghĩ ra. Tại sao đàn ông lại...!” Bà ấy dựa lưng vào ghế, và bỗng nhiên nước mắt trào ra. “Tôi chưa gặp chuyện như thế bao giờ! Tôi nói thật! Nếu ai đó hãm hại ông, được. Ông chờ đợi thời cơ và giết hẳn ta. Rồi bạn bè ông ra tòa thề rằng ông đã ở nơi khác. Ông không đeo một cái mặt nạ sơn, giống cái ông già Drayman với đám trẻ con thường đeo trong đêm hội Guy Fawkes, ông không đưa danh thiếp như gã đàn ông kinh khủng này, và lên nhà giết người rồi nhảy ra ngoài cửa sổ và biến mất. Chuyện này giống như những truyền thuyết tôi được nghe khi còn nhỏ...” Vẻ khinh người của bà ta vỡ òa trong sự kích động. “Ôi Chúa ơi, Charles! Charles tội nghiệp của tôi!”

Hadley chờ đợi trong im lặng. Bà ta mất bình tĩnh trong một vài phút. Trông bà ta bất động, xa lạ và không thể giải thích được như bức tranh vô cùng âm đạm được đặt đối diện bà bên kia căn phòng. Cơn bộc phát khiến cho bà bớt căng thẳng và bớt cảnh giác, nhưng vẫn làm bà thờ hờn hển. Họ có thể nghe rõ tiếng móng tay bà cào xuống tay ghế.

“Người đó nói,” Hadley nhắc, “ ‘Bà có thể đưa cái này cho giáo sư Grimaud và hỏi ông ấy xem có thể gặp tôi được không?’ Tốt lắm. Ở thời điểm đó chúng tôi cho là cô Grimaud và cậu Mangan đang ở phòng khách gần cửa chính?”

Bà ta nhìn ông một cách tò mò.

“Thật lạ khi ông hỏi chuyện đó. Tôi tự hỏi vì sao ông lại hỏi tôi điều này? Đúng... đúng, tôi cho là họ ở đó. Tôi không để ý.”

“Bà có nhớ là cửa phòng khách để mở hay đóng không?”

“Tôi không biết. Nhưng tôi nghĩ nó đóng, không thì tôi đã thấy ánh sáng hắt ra ngoài hành lang rồi.”

“Xin mời bà tiếp tục.”

“Chà, khi người đàn ông đưa cho tôi cái danh thiếp, tôi định nói ‘Xin mời vào, và tôi sẽ xem thử,’ nhưng rồi tôi nhìn thấy rõ hăn ta. Tôi không thể đối diện với hăn ta một mình – gã tâm thần! Tôi muốn lên trên nhà gọi Charles xuống. Nên tôi nói, ‘Đợi ở đây để tôi đi xem.’ Và tôi sập cửa rất nhanh, chốt khóa lò xo vào để hăn ta không vào được. Rồi tôi quay lại chỗ ngọn đèn và đọc cái danh thiếp. Tôi vẫn giữ nó, tôi không có cơ hội đưa nó cho giáo sư Grimaud. Và nó trống trơn.”

“Trống trơn?”

“Chẳng có chữ đánh máy hay viết tay nào. Tôi đem nó lên cho Charles, và xin ông ấy đi xuống. Nhưng cậu Mills tội nghiệp đã kể cho các ông chuyện xảy ra. Tôi đang định gõ cửa, thì nghe thấy tiếng có ai đó lên cầu thang sau lưng tôi. Tôi nhìn quanh, và hăn ta đứng ngay sau lưng tôi, to lớn và gầy gò. Nhưng tôi thề, tôi thề trên cây thánh giá này, là tôi đã khóa cửa tầng dưới. Tôi không sợ hăn ta! Không! Tôi hỏi hăn ta lên làm gì.

“Nhưng, các ông thấy đấy, tôi vẫn không thể thấy cái mặt nạ của hăn ta, vì lưng của hăn ta đã che ngọn đèn cầu thang, ngọn đèn duy nhất soi sáng hành lang và cửa phòng Charles. Nhưng hăn ta nói, bằng tiếng Pháp, ‘*Thưa bà, bà*

không thể để tôi ở ngoài như thế,’ và kéo cổ áo xuống rồi cho mũ vào túi. Tôi mở cửa vì tôi biết hẳn ta không dám đối mặt với Charles, đúng lúc Charles mở cửa phòng ra. Rồi tôi thấy cái mặt nạ, nó có màu hồng như thịt người. Và trước khi tôi kịp làm gì, thì hẳn ta đã nhảy xổ vào trong, đóng sầm cửa và vặn chìa khóa.”

Bà ta dừng lại, như thể vừa qua được phần khó khăn nhất của câu chuyện, và giờ có thể thở dễ dàng hơn.

“Rồi sao nữa?”

Bà ta nói, giọng đều đều: “Tôi đi chỗ khác, như Charles ra lệnh. Tôi không làm om sòm hay nặng xì gì. Nhưng tôi không đi xa. Tôi đi xuống vài bước cầu thang, nơi tôi vẫn có thể nhìn thấy cửa phòng, và như cậu Stuart tội nghiệp tôi không hề rời vị trí đó. Thật... kinh khủng. Tôi không còn trẻ, các ông phải hiểu. Tôi ở đó khi súng nổ, tôi ở đó khi Stuart chạy ra đập cửa, tôi thậm chí còn ở đó khi các ông lên cầu thang. Nhưng tôi không thể chịu nổi. Tôi *biết* chuyện gì đã xảy ra. Khi tôi cảm thấy mình sắp ngất đi, tôi chỉ có đủ thời gian về phòng mình. Phụ nữ đôi khi thường yếu đuối như vậy.” Đôi môi nhợt nhạt nở một nụ cười run rẩy trên khuôn mặt trơn bóng. “Nhưng Stuart nói đúng, không có ai ra khỏi phòng. Chúa cứu giúp cả hai chúng tôi, chúng tôi đều nói sự thật. Dù kẻ đáng sợ đó có ra khỏi phòng bằng cách nào, thì cũng không phải qua cánh cửa đó... Và giờ, làm ơn, làm ơn, xin các ông hãy để tôi đến nhà dưỡng lão để gặp Charles được không?”



V. Những từ đứt đoạn

TIỆN SĨ FELL là người trả lời. Ông đang đứng quay lưng vào lò sưởi, hất cái bóng to lớn mặc áo choàng đen lên khoảng tường dưới hai thanh liểu kiếm gác chéo nhau và tấm huy hiệu. Ông đứng đó trông có vẻ khá hợp. Nhìn ông giống như một nam tước thời phong kiến, với các giá sách và tượng bán thân bằng cẩm thạch trắng vươn cao hai bên. Nhưng trông ông không hung tợn như nam tước Front de Boeuf. Đôi kính của ông trễ xuống mũi khi ông cắn đuôi điếu xì gà, rồi quay sang khéo léo khạc nó vào lò sưởi.

“Thưa bà,” ông nói, quay đầu lại, mũi phát ra một âm thanh thách thức, giống như tiếng hô xung trận vậy, “chúng tôi sẽ không giữ bà ở đây lâu đâu. Và công bằng mà nói tôi không hề nghi ngờ câu chuyện của bà, cũng như tôi không nghi ngờ câu chuyện của anh Mills. Trước khi vào vấn đề, tôi sẽ chứng minh là tôi tin bà... Thưa bà, bà có nhớ tối nay tuyết ngừng rơi lúc mấy giờ không?”

Bà ta nhìn ông bằng đôi mắt sáng, cứng rắn và dè chừng. Bà chắc chắn đã nghe danh tiến sĩ Fell.

“Có quan trọng không? Tôi nghĩ là vào khoảng 9 rưỡi. Đúng! Tôi nhớ là vì khi tôi lên tầng dọn khay cà phê của Charles, tôi nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy tuyết đã ngừng rơi. Chi tiết đó có quan trọng không?”

“Rất quan trọng là khác, thưa bà. Nếu không thì vụ án chúng ta chỉ bất khả thi có một nửa... và bà nói đúng đấy. Hừm. Nhớ không, Hadley? Tuyết ngừng rơi vào khoảng 9 rưỡi. Phải không, Hadley?”

“Phải,” ngài chánh thanh tra cấp cao thừa nhận. Ông cũng nhìn tiến sĩ Fell với vẻ nghi ngờ. Kinh nghiệm bảo ông là không nên tin vào cái ánh nhìn thờ ơ trên cái cằm chảy ngấn đó. “Cứ cho là 9 rưỡi đi, thì sao?”

“Tuyệt không chỉ ngừng rơi 40 phút trước khi vị khách của chúng ta trốn thoát khỏi căn phòng này,” vị tiến sĩ tiếp tục, với vẻ trầm tư, “mà nó còn ngừng rơi 15 phút trước khi hấn ta đến đây. Có phải không, thưa bà? Hấn ta rung chuông cửa lúc 10 giờ kém 15 đúng không? Tốt... Giờ Hadley này, ông còn nhớ chúng ta đến lúc mấy giờ không? Ông có để ý rằng khi ông, Rampole và chàng trai trẻ Mangan xông vào nhà, *thì không hề có một dấu chân nào trên bậc thang dẫn lên cửa chính, cũng như via hè dẫn lên bậc thang không?* Tôi thì có đấy. Tôi còn đứng lại đó để khẳng định chắc chắn điều đó.”

Hadley găm lên nghèn nghẹn, bật thẳng người lên. “Chúa ơi! Đúng như vậy! Toàn bộ via hè cũng không dấu chân. Nó...” Ông dừng lại đi chậm chậm vòng quanh bà Dumont. “Vậy theo ông, đó là bằng chứng cho thấy ông tin vào câu chuyện của bà ấy? Fell, ông cũng phát điên rồi sao? Chúng ta nghe câu chuyện về một người đàn ông rung chuông cửa và đi vào nhà qua cánh cửa bị khóa 15 phút sau khi tuyết ngừng rơi, vậy mà...”

Tiến sĩ Fell mở mắt ra. Một tràng cười khúc khích chạy dọc theo đường viền áo gi lê của ông.

“Sao ông lại sững sốt thế, ông bạn? Có vẻ như hấn đã lướt ra khỏi đây mà không để lại một dấu chân nào. Tại sao ông lại thấy khó chịu khi biết hấn cũng lướt vào?”

“Tôi không biết,” Hadley thừa nhận nhưng vẫn không chịu thua. “Nhưng, đợi đã, có lí do để tôi khó chịu! Theo kinh nghiệm của tôi với những vụ giết người trong phòng kín, đi vào và đi ra là hai chuyện khác hẳn nhau. Thế giới quan của tôi sẽ bị đảo lộn mất nếu tôi phát hiện ra một tình huống bất khả thi theo cả hai chiều như vậy. Đừng bận tâm! Ông nói...”

“Xin hãy nghe tôi, tôi thề,” bà Dumont chen vào, mặt nhợt nhạt nhưng hai bên hàm hấn rõ những bó cơ, “rằng những gì tôi nói hoàn toàn đúng sự thật, nên xin Chúa hãy giúp tôi!”

“Và tôi tin bà,” tiến sĩ Fell nói. “Bà đừng để cái óc Scotland phán đoán cứng nhắc của Hadley làm bà sợ. Ông ta cũng sẽ tin bà, trước khi tôi xong

việc với ông ta. Nhưng ý tôi là thế này. Tôi đã cho bà thấy, phải không, là tôi có niềm tin mạnh mẽ vào bà, vì tôi tin vào những gì bà đã nói? Rất tốt. Tôi chỉ muốn bà đừng làm mất niềm tin đó. Tôi không mơ đến việc nghi ngờ những gì bà đã kể với tôi. Nhưng tôi nghĩ là tôi sẽ rất nghi ngờ những gì bà sắp kể.”

Hadley nhắm hờ một mắt. “Biết ngay là thế mà. Tôi luôn sợ lúc ông bắt đầu trưng ra những cái nghịch lí khi gió của ông. Nghiêm túc nào, bây giờ...”

“Làm ơn hãy tiếp tục,” người phụ nữ nói một cách lãnh đạm.

‘ Hừm. Hà. Cảm ơn. Bây giờ, thưa bà, bà đã làm quản gia cho ông Grimaud được bao lâu rồi? Không, tôi sẽ thay đổi câu hỏi. Bà đã đi theo ông ta bao lâu rồi?’

“Hơn 25 năm,” bà ta trả lời. “Tôi đã từng... còn hơn cả quản gia của ông ấy.”

Bà ta đang nhìn xuống các ngón tay đang đan vào nhau và đung đưa, nhưng giờ bà ngẩng đầu lên. Ánh mắt của bà cứng rắn và vững vàng như thể bà đang tự hỏi xem mình dám kể đến đâu. Đó là biểu hiện của một người đang từ trong góc ngó ra nhìn kẻ thù, sẵn sàng cho một trận chiến ngay tức thì.

“Tôi sẽ kể cho các ông,” bà lặng lẽ nói tiếp, “với hi vọng là các ông hứa với tôi là sẽ giữ kín mọi chuyện. Các ông có thể tìm thấy thông tin này trong hồ sơ người nước ngoài ở phố Bow, và các ông có thể sẽ gây ra những rắc rối không cần thiết mà chẳng để làm gì. Chuyện này không phải chỉ vì tôi, xin các ông hiểu cho. Rosette Grimaud là con gái tôi. Nó được sinh ra ở đây, và chắc chắn sẽ có hồ sơ. Nhưng nó không biết... không ai biết cả. Xin các ông, xin các ông, tôi có thể tin rằng các ông sẽ giữ im lặng không?”

Ánh mắt bà ta thay đổi. Bà ta không lên giọng, nhưng sự khẩn nài hiện diện trong ngữ điệu của bà.

“Tại sao chúng tôi lại không giữ lời hứa chứ, thưa bà,” tiến sĩ Fell nói, nếp nhăn hiện lên trên trán, “tôi thấy đó không phải là việc của chúng tôi. Bà nói tiếp được không? Chúng tôi chắc chắn sẽ không tiết lộ chuyện đó.”

“Ông nói thật chứ?”

“Thưa bà,” vị tiến sĩ nói nhã nhặn, “tôi không biết cô gái trẻ đó, nhưng tôi dám cá một đồng sáu xu là bà đang lo lắng một cách vô ích rồi, và cả hai người đã lo lắng một cách vô ích trong nhiều năm trời. Có lẽ cô ấy đã biết bà là mẹ cô ấy. Con cái nhạy cảm lắm. Và cô ấy đang cố giấu bà điều đó. Cả thế giới xáo trộn vì chúng ta cứ vờ như những người dưới 20 tuổi đều không có chút cảm xúc nào, và những người trên 40 tuổi chưa từng có cảm xúc. Hãy quên nó đi. Được chứ?” Ông tươi cười. “Điều tôi muốn hỏi bà là, bà gặp ông Grimaud lần đầu tiên ở đâu? Trước khi đến nước Anh à?”

Bà ta thở nặng nề và trả lời một cách lơ đãng như thể đang nghĩ đến chuyện khác.

“Vâng, ở Paris.”

“Bà là người Paris?”

“Ờ... cái gì? Không, không, tôi không sinh ra ở đó! Tôi là dân tỉnh. Nhưng tôi đang làm việc ở đó khi gặp ông ấy. Tôi là người làm y phục sân khấu.”

Hadley ngẩng đầu lên trong khi đang ghi chép vào sổ tay. “Làm y phục sân khấu?” ông ấy nhắc lại. “Ý bà là thợ may đúng không?”

“Không, không, tôi biết những gì tôi nói. Tôi là một trong những người làm phục trang cho các vở opera và ballet. Chúng tôi làm việc cho chính đoàn opera. Ông có thể tìm thấy hồ sơ chứng minh! Và để tiết kiệm thời gian cho ông, tôi nói luôn là tôi chưa bao giờ lấy chồng và tên thời con gái của tôi là Ernestine Dumont.”

“Còn Grimaud?” tiến sĩ Fell hỏi ngay. “Ông ta từ đâu tới?”

“Từ miền nam nước Pháp, tôi nghĩ thế. Nhưng ông ấy học ở Paris. Gia đình ông ấy đã mất cả, nên họ không giúp gì được cho ông. Ông ấy hưởng gia sản thừa kế của họ.”

Những câu hỏi thông thường này đáng lí không thể làm cho bầu không khí trong phòng trở nên căng thẳng như thế này. Ba câu hỏi tiếp theo của tiến sĩ Fell lạ thường *đến nỗi* Hadley phải ngẩng đầu lên nhìn ông trần trối, và Ernestine Dumont, người đã bình tĩnh lại, cũng phải xoay người một cách khó chịu, ánh mắt ánh lên vẻ thận trọng.

“Bà theo tôn giáo gì, thưa bà?”

“Tôi theo thuyết nhất thể. Thì sao?”

“Hừm. Vâng. Ông Grimaud đã bao giờ đến Mỹ, hay có bạn bè gì ở đó không?”

“Chưa bao giờ. Và tôi không biết người bạn nào của ông ấy ở đó cả.”

“Cụm từ ‘bảy ngọn tháp’ có ý nghĩa gì với bà không, thưa bà?”

“Không!” Ernestine Dumont hét lên, và mặt trắng nhợt ra.

Tiến sĩ Fell, vừa mới châm xì gà xong, chớp mắt nhìn bà sau làn khói. Ông chậm chạp bước ra khỏi thảm lò sưởi và đi vòng quanh sofa, làm bà ta co người lại. Nhưng ông ta chỉ cầm gậy chỉ vào bức tranh lớn, lần theo dãy núi màu trắng ở bối cảnh của bức tranh.

“Tôi sẽ không hỏi xem liệu bà có biết bức tranh này đại diện cho cái gì,” ông tiếp tục, “nhưng tôi sẽ hỏi bà rằng Grimaud có nói gì với bà khi mua nó không. Bức tranh này thì có bù ngải gì được chứ? Nó có sức mạnh gì để giúp ông ta tránh đạn hoặc mắt quỷ? Nó có sức nặng thế nào để gây ảnh...” Ông dừng lại, giống như vừa nhớ lại điều gì đó hơn là giật mình. Rồi ông vươn người ra, thử khò khè, nhắc bức tranh lên khỏi sàn bằng một tay, rồi tò mò xoay nó từ bên này qua bên kia. “Ôi, mũ của tôi!” tiến sĩ Fell nói với vẻ cực kì lơ đãng, rồi kêu to lên, “Ôi Chúa ơi! Ôi Bacchus!”

“Gì vậy?” Hadley hỏi, nhảy về phía trước. “Ông thấy cái gì à?”

“Không, tôi không thấy gì cả,” Fell phủ nhận. “Vấn đề là ở chỗ đó. Vâng, thưa bà?”

“Tôi nghĩ,” người phụ nữ nói với giọng run rẩy, “ông là người kì lạ nhất mà tôi từng gặp. Không. Tôi không biết thứ đó để làm gì. Charles không nói gì với tôi. Ông ấy chỉ găm gừ và cười khùng khục trong họng. Tại sao ông không hỏi tay họa sĩ ấy? Burnaby đã vẽ nó. Có lẽ ông ta biết. Nhưng các ông chẳng làm điều gì hợp lí cả. Trông nó như bức ảnh của một đất nước không tồn tại.”

Tiến sĩ Fell gật đầu nghiêm nghị. “Tôi e là bà nói đúng, thưa bà. Tôi không nghĩ nó tồn tại. Và nếu có ba người bị chôn ở đó thì thật khó để tìm ra họ, đúng không nhỉ?”

“Ông đừng nói làm nhảm nữa được không?” Hadley quát lên. Nhưng rồi Hadley sừng sốt khi thấy những lời nhảm nhí đó như giáng một cú dấm vào bà Dumont. Bà ta phải đứng lên để che giấu sức ảnh hưởng của những từ vô nghĩa đó đến bản thân bà.

“Tôi đi đây,” bà ta nói. “Các ông không thể ngăn cản được tôi. Các ông điên hết rồi. Ngồi đây nói làm nhảm trong khi để Pierre Fley tẩu thoát. Tại sao các ông không truy đuổi hắn ta? Tại sao các ông không *làm* gì đó đi chứ?”

“Vì như bà thấy đấy, thưa bà, chính Grimaud đã nói Pierre Fley không làm việc đó.” Trong lúc bà ta đang nhìn chăm chăm vào mình, tiến sĩ Fell thả bức tranh xuống ghế sofa. Khung cảnh trong bức tranh không có thật, vậy mà ba tấm bia mộ đứng giữa những thân cây nghiêng ngả lại làm Rampole hãi hùng. Anh vẫn đang nhìn chăm chăm vào bức tranh khi có tiếng người bước lên cầu thang.

Thật phẫn khởi khi thấy khuôn mặt lưỡi cày buồn tẻ và đứng đắn của trung sĩ Betts, người mà Rampole nhớ là đã thụ lí vụ án Tháp London. Đi sau là hai người mặt mày tươi tỉnh mặc thường phục mang thiết bị chụp ảnh và lấy dấu vân tay. Một cảnh sát mặc đồng phục đứng sau lưng Mills, Boyd

Mangan, và cô gái đã ở trong phòng khách. Cô gái lách qua ba người đàn ông để vào trong căn phòng.

“Anh Boyd bảo các ông muốn gặp tôi,” cô ta nói, với giọng nhẹ nhàng nhưng run rẩy, “nhưng các ông thấy đấy, tôi cứ khẳng khẳng đi theo xe cứu thương. Dì nên đến đó nhanh nhất có thể đi, dì Ernestine. Họ nói ông... sắp ra đi.”

Cô gái cố tỏ ra nhanh nhẹn và hống hách, ở cả cái cách cô ấy tháo găng tay ra, nhưng không thành công. Cô ta có cái thái độ dứt khoát mà những thanh niên mới qua tuổi 20 thường có vì thiếu kinh nghiệm và không bị ai phản đối. Rampole hơi giật mình khi thấy tóc cô vàng đậm, dài đến ngang vai và vén ra sau tai. Mặt cô hơi vuông, gò má cao, không đẹp nhưng gây ấn tượng mạnh mẽ, khiến ta nhớ đến thời xa xưa nhưng không nhớ chính xác là thời nào. Miệng cô khá rộng và môi tô son đỏ đậm, nhưng đôi mắt dài, màu nâu đỏ, dịu dàng và đầy lo lắng của cô lại tương phản với đôi môi đỏ, cũng như với hình dáng đầy đặn của khuôn mặt. Cô ta liếc nhìn xung quanh, rồi thu người lại về phía Mangan và kéo chiếc áo khoác bằng lông chặt quanh người. Cô ta trông cũng sắp lên cơn kích động tới nơi rồi.

“Các ông làm ơn nhanh lên và nói xem các ông muốn gì ở tôi?” Cô ta hét lên. “Các ông không nhận ra là cha tôi *đang hấp hối* sao? Dì Ernestine...”

“Nếu những quý ông này đã xong việc với tôi,” người đàn bà nói, không hề biểu lộ cảm xúc. “Tôi sẽ đi. Tôi định đi rồi mà, cháu biết đấy.”

Cô ta bỗng nhiên trở nên ngoan ngoãn. Nhưng nó là sự ngoan ngoãn đi kèm với thách thức, một sự ngoan ngoãn có giới hạn. Có một cái gì đó khiến hai người phụ nữ xù lông lên với nhau – một cái gì đó như sự khó chịu trong đôi mắt của Rosette Grimaud. Họ nhìn nhau rất nhanh, nhưng không trực diện. Họ như đang nhại lại cử chỉ của nhau, đột ngột nhận ra điều đó, rồi dừng lại. Hadley kéo dài sự yên lặng, như đang để hai nhân chứng đối chất với nhau ở Scotland Yard. Rồi ông nói nhanh: “Cậu Mangan, cậu đưa cô Grimaud đến phòng của anh Mills ở cuối hành lang được không? Cảm ơn. Chúng tôi sẽ đến đó ngay. Anh Mills, đợi chút đã! Đợi... Betts!”

“Thưa ngài?”

“Tôi muốn anh làm một việc nguy hiểm. Mangan có nói với anh về mấy sợi dây thừng và đèn pin không?... Tốt. Tôi muốn anh lên mái nhà và tìm kiếm từng phân một trên đó xem có dấu chân hay vết tích gì không, nhất là ở phần mái của căn phòng này. Rồi xuống cái sân sau nhà, và hai cái sân bên cạnh, và kiểm tra xem có thấy dấu vết gì ở đó không. Anh Mills sẽ chỉ đường cho anh lên mái nhà... Preston! Preston có đây không?”

Một chàng trai trẻ mũi dọc dừa hối hả chạy từ hành lang vào. Việc của trung sĩ Preston là dò tìm những chỗ bí mật trong nhà. Anh ta là người đã tìm ra bằng chứng phía sau ô tường trong vụ cái Đồng hồ Chết.

“Khám xét căn phòng xem có lối đi bí mật nào không, rõ chưa? Xới tung chỗ này lên nếu anh muốn. Tìm hiểu xem có ai lên được ống khói không... Còn các anh tiếp tục lấy dấu vân tay và chụp ảnh. Đánh dấu các vết máu bằng phấn trước khi chụp. Nhưng đừng động đến chỗ giấy đã bị đốt trong lò sưởi... Cảnh sát! Anh cảnh sát kia đang ở chỗ quái nào thế?”

“Đây thưa ngài.”

“Phố Bow đã gọi điện báo địa chỉ của người tên Fley – Pierre Fley chưa?... Được rồi. Đến nhà bắt hãn. Mang hãn đến đây. Nếu hãn không ở đó, đợi. Họ đã cho người đến nhà hát nơi hãn làm việc chưa?... Được rồi. Thế thôi. Vào việc nào, mọi người.”

Hadley sai bước vào hành lang, lăm bắm một mình. Tiến sĩ Fell ì ạch đi theo, lần đầu tiên lộ vẻ háo hức một cách ma quái. Ông lấy cái mũ rộng vành của mình chọc vào tay ngài cảnh sát trưởng.

“Nghe này, Hadley,” ông thúc giục, “ông sẽ xuống đó tham gia tra hỏi đúng không hả? Tôi nghĩ mình sẽ có ích hơn nhiều nếu được ở lại và giúp những gã gà mờ này chụp ảnh...”

“Không, tôi sẽ bị treo cổ nếu ông làm hỏng thêm một tấm kính ảnh nữa!” Hadley nói một cách nóng giận. “Những cuộn phim đó không phải của chùa đâu, và ngoài ra, chúng ta cần bằng chứng. Giờ tôi muốn nói chuyện riêng

với ông một cách thẳng thắn. Những thứ tầm phào như bảy ngọn tháp và người bị chôn ở đất nước chưa bao giờ tồn tại là có ý gì? Tôi từng thấy ông tỏ ra bí hiểm trước đây, nhưng chưa bao giờ tệ như thế này. Cùng bàn bạc với tôi. Ông đã... ờ, ờ? Có chuyện gì?”

Ông xoay người lại một cách cáu kỉnh khi Stuart Mills giật cánh tay ông.

“Ờ... trước khi tôi hướng dẫn viên trung sĩ lên mái nhà,” Mills bình tĩnh nói, “tôi nghĩ tốt hơn là tôi nên nói với ông là trong trường hợp ông muốn gặp ông Drayman, thì ông ấy có ở nhà đấy.”

“Drayman? Đúng! Ông ấy về nhà lúc nào?”

Mills cau mày. “Theo như tôi luận ra, ông ấy không đi về. Nói đúng ra là ông ấy chưa bao giờ rời khỏi đây. Lúc này tôi có dịp ngó vào phòng ông ấy...”

“Tại sao?” Tiến sĩ Fell đột nhiên tỏ vẻ quan tâm.

Anh chàng thư kí chớp mắt bình thản. “Tôi tò mò, thưa ngài. Tôi phát hiện ông ấy đang ngủ trong đó, và rất khó để đánh thức ông ấy dậy, tôi tin là ông ấy đã uống thuốc ngủ. Ông Drayman thích dùng nó. Tôi không nói ông ấy nghiện thuốc, nhưng đúng là ông ấy rất thích thuốc ngủ.”

“Gia đình kì quặc nhất tôi từng biết,” Hadley tuyên bố một cách băng quơ, sau một giây ngập ngừng. “Còn gì nữa không?”

“Có thưa ngài. Có một người bạn của tiến sĩ Grimaud ở dưới tầng. Ông ấy vừa đến, và ông ấy muốn gặp ngài. Tôi không nghĩ việc đó quá cấp thiết, nhưng ông ấy là một trong những người ở quán rượu Warwick. Ông ấy tên là Pettis... ông Anthony Pettis.”

“Pettis hả?” Tiến sĩ Fell nhắc lại, xoa cằm. “Tôi tự hỏi không biết đó có phải ông Pettis chuyên đi sưu tầm truyện ma và viết những lời tựa rất hay không? Đúng rồi, tôi chắc thế. Nhưng ông ta thì liên quan gì nhỉ?”

“Tôi đang hỏi ông là tất cả mọi thứ này liên quan thế nào với nhau,” Hadley nhấn mạnh. “Nghe này. Tôi không thể gặp ông bạn này trừ khi ông

ta có chuyện gì quan trọng muốn kể. Lấy địa chỉ của ông ta, và nói rằng sáng mai tôi sẽ gọi được không? Cảm ơn.” Ông quay sang tiến sĩ Fell. “Giờ nói tiếp về bảy ngọn tháp và đất nước chưa từng tồn tại di.”

Tiến sĩ đợi đến khi Mills dẫn trung sĩ Betts đến cánh cửa ở đầu kia của hành lang. Tiếng rì rầm khẽ khàng từ phòng Grimaud là âm thanh duy nhất vọng ra. Ánh đèn vàng vẫn tỏa ra từ vòm cầu thang, soi sáng cả hành lang. Tiến sĩ Fell đi chậm chạp quanh hành lang, nhìn lên xuống ngang dọc khắp ba cửa sổ phủ rèm nâu. Ông kéo rèm ra để khẳng định chắc chắn ba cửa sổ được khóa chặt từ bên trong. Sau đó ông vẫy tay ra hiệu cho Hadley và Rampole đi ra chỗ cầu thang.

“Nào các bạn,” ông nói, “tôi nghĩ ta nên thảo luận với nhau trước khi chúng ta thẩm vấn nhân chứng tiếp theo. Nhưng khoan nói về bảy ngọn tháp. Tôi sẽ từ từ kể đến chỗ đó, giống như Childe Roland vậy. Hadley, những câu từ rời rạc – bằng chứng thực sự duy nhất chúng ta có, bởi nó do chính nạn nhân nói ra – có lẽ là đầu mối quan trọng nhất. Ý tôi là những từ Grimaud thốt ra trước khi ngất đi. Tôi hi vọng chúng ta đều đã nghe được hết. Nhớ không, ông đã hỏi ông ta xem Fley có phải hung thủ không. Ông ta lắc đầu. Rồi ông hỏi ai là người đã làm chuyện này. Ông ta nói gì?... Tôi muốn hỏi từng người xem các vị nghĩ đã nghe thấy gì.”

Ông nhìn Rampole. Đầu óc của anh chàng người Mỹ đã đi đâu mất cả. Anh nhớ rất rõ một số từ, nhưng tất cả đã bị hình ảnh quá sinh động của bộ ngực đẫm máu và cái cổ quấn quai làm cho rối rắm. Anh ngập ngừng. “Từ đầu tiên ông ta nói,” Rampole trả lời, “tôi nghe giống như ‘hover’...”

“Nhảm nhí,” Hadley ngắt lời. “Tôi đã ghi lại mọi thứ ngay lập tức. Từ đầu tiên ông ta nói là ‘bath’ hay nhà tắm, dù tôi sẽ bị treo cổ nếu thấy...”

“Bình tĩnh nào.” Tiến sĩ Fell nói, “ông ấy nói còn nhảm nhí hơn cả tôi đây. Tiếp tục đi, Ted.”

“Chà, tôi không dám chắc đâu. Nhưng sau đó tôi nghe từ ‘không phải tự tử’, và ‘nó không thể dùng dây thừng’. Rồi tôi nghe gì đó liên quan đến ‘mái nhà’ và ‘tuyết’ và ‘fox’. Từ cuối cùng tôi nghe thấy giống như là ‘quá nhiều’

ánh sáng’. Một lần nữa, tôi không thể khẳng định ông ấy nói những từ này theo thứ tự đó.”

Hadley tỏ ra khoan dung. “Cậu làm lộn xộn hết rồi, dù có một vài chi tiết đúng.” Mặc dù vậy, trông ông vẫn rất bức bối. “Tương tự như vậy, tôi cũng phải thừa nhận rằng ghi chú của tôi cũng không có nghĩa hơn gì nhiều. Sau từ ‘*bath*’, ông ấy nói ‘*rượu vang*’ và ‘*muối*’. Cậu nói đúng về từ ‘*dây thừng*’, mặc dù tôi không nghe thấy gì liên quan đến tự tử. ‘*Mái nhà*’ và ‘*tuyết*’ là đúng, tiếp sau đó là ‘*quá nhiều ánh sáng*’, rồi đến ‘*có súng*’. Cuối cùng, ông ấy nói gì đó về ‘*fox*’ và sau chót... tôi chỉ nghe loáng thoáng vì chỗ máu đó... hình như là ‘*Đừng đổ lỗi cho... tội nghiệp*’... Thế thôi.”

“Ôi Chúa ơi!” Tiến sĩ Fell rên rỉ. Ông nhìn từ người này sang người kia. “Thật tồi tệ. Các quý ông, tôi sắp sửa ăn mừng chiến thắng cực lớn trước các vị đây. Tôi sẽ giải thích những gì ông ấy nói. Nhưng tôi chịu thua đôi tai đáng kinh ngạc của các vị. Tôi không nghe hết nổi những lời lặp bặp đó, mặc dù tôi dám khẳng định là các vị tiến gần đến sự thật rồi. Chà!”

“Vậy phiên bản của ông là gì?” Hadley gặng hỏi.

Tiến sĩ đi đi lại lại một cách nặng nề. “Tôi chỉ nghe được những từ đầu tiên. Chúng tương đối có nghĩa nếu tôi đúng... nếu tôi đúng. Nhưng phần còn lại thì thật đúng là một cơn ác mộng. Tôi tưởng tượng ra cảnh ‘*fox*’ chạy trên mái nhà trong tuyết hay...”

“Người sói?” Rampole đề xuất. “Có ai nhắc đến người sói chưa?”

“Chưa, và sẽ không ai nhắc tới cả!” Hadley gầm lên. Ông đập tay vào quyển sổ. “Để sắp xếp mọi thứ theo thứ tự, Rampole. Tôi sẽ viết những gì cậu nghĩ mình đã nghe thấy để đối chiếu... Rồi. Chúng ta có: Danh sách của cậu. *Hover. Không tự tử. Nó không thể dùng dây thừng. Mái nhà. Tuyết. Fox. Quá nhiều ánh sáng.*

“Danh sách của tôi. *Bath. Rượu vang. Muối. Nó không thể dùng dây thừng. Mái nhà. Tuyết. Quá nhiều ánh sáng. Có súng. Đừng đổ lỗi cho... tội nghiệp.*

“Thế là xong. Và như thường lệ, với sự cứng đầu cứng cổ đã thành thương hiệu của ông, Fell, ông tự tin nhất về những phần vô nghĩa nhất. Tôi có thể chấp vá một cách giải thích có thể kết hợp toàn bộ những từ về sau, nhưng thế quái nào mà một người đang hấp hối lại đưa cho chúng ta manh mối liên quan đến nhà tắm, rượu vang và muối nhỉ?”

Tiến sĩ Fell nhìn chòng chọc vào điều xì gà đã tắt của mình.

“Hừm, có đấy. Chúng ta cần làm sáng tỏ chi tiết đó. Nguyên chỗ đó thôi cũng đã rất đau đầu rồi. Hãy từ tốn bắt đầu lại... Trước tiên, những người bạn của tôi, đã có chuyện gì xảy ra trong phòng sau khi Grimaud bị bắn?”

“Thế quái nào mà tôi biết được? Tôi đang hỏi ông câu đó đấy. Nếu không có lối đi bí mật nào...”

“Không, không, tôi không định hỏi hăn dùng cách nào để biến mất. Ông bị ám ảnh bởi chuyện đó đấy, Hadley. Ông bị ám ảnh đến nỗi ông không dừng lại tự hỏi xem còn chuyện gì *khác* xảy ra không. Trước tiên, hãy làm rõ những điều hiển nhiên mà chúng ta có thể giải thích được, và đi tiếp từ đó. Hừm... Giờ thì rõ ràng chuyện gì đã xảy ra sau khi ông ta bị bắn? Thứ nhất, tất cả những dấu vết đều xoay quanh cái lò sưởi...”

“Ý ông là hăn đã trèo lên ống khói?”

“Tôi khẳng định chắc chắn hăn không làm thế,” tiến sĩ Fell gắt gỏng, “cái ống khói đó quá hẹp, đút năm tay vào cũng còn khó. Hãy kiểm chế bản thân và suy nghĩ đi. Đầu tiên, một chiếc ghế sofa rất nặng đặt trước lò sưởi bị đẩy sang một bên. Có rất nhiều máu trên đó, như thể Grimaud đã trượt chân hoặc dựa vào nó. Tấm thảm lò sưởi bị kéo hoặc đá đi, trên đó cũng có máu, và cái ghế cạnh lò sưởi cũng bị xô đổ. Cuối cùng, tôi tìm thấy nhiều đốm máu trên thảm và cả trong lò sưởi nữa. Chúng dẫn chúng ta đến một đồng giấy tờ khổng lồ đã bị đốt và gần như dập tắt ngọn lửa trong lò.

“Giờ hãy xem xét cách cư xử của bà Dumont trung thành. Vừa bước vào phòng, bà ta đã vô cùng lo lắng về cái lò sưởi. Mắt bà ta dán chặt vào đó, và gần như phát cuồng lên khi thấy tôi cũng nhìn vào nó. Các vị còn nhớ, thậm

chí bà ta còn mắc sai lầm ngớ ngẩn là bảo chúng ta nhóm lửa – dù bà ta biết thừa cảnh sát sẽ không đụng vào than và môi lửa để khiến nhân chứng thoải mái hơn ngay giữa hiện trường vụ án. Không, không, bạn của tôi ơi. Có ai đó đã tìm cách đốt thư từ tài liệu trong đó. Và bà ta muốn biết chắc chắn là chúng đã bị phá hủy.”

Hadley nói với giọng nặng nề. “Như thế bà ta biết chuyện đó? Vậy mà ông lại nói là tin câu chuyện của bà ta?”

“Đúng. Tôi có tin câu chuyện của bà ta – về vị khách và tội ác. Cái tôi không tin là những chi tiết bà ta cung cấp về bản thân và Grimaud... Hãy nghĩ lại những chuyện đã xảy ra đi! Kẻ đột nhập bắn Grimaud. Vậy mà Grimaud, dù vẫn còn tỉnh táo, không hề kêu cứu, hay cố ngăn chặn kẻ thủ ác, hoặc vật lộn với hắn, hay thậm chí mở cửa khi Mills đứng ngoài gọi. Nhưng ông ấy lại làm một việc khác. Ông ấy cố sức làm một việc gì đó đến nỗi vết thương trên phổi bị toạc ra, như các vị đã nghe bác sĩ nói.

“Và tôi sẽ nói cho các vị biết ông ấy đã làm gì. Ông ấy biết mình không còn sống được bao lâu nữa và cảnh sát sẽ đến. Ông ấy sở hữu rất nhiều thứ cần phải bị tiêu hủy. Việc tiêu hủy nó còn quan trọng hơn việc bắt kẻ đã bắn mình hay thậm chí còn quan trọng hơn việc tự cứu lấy mình. Ông ấy loạng choạng mang giấy tờ đến lò sưởi nhiều lần để đốt hết bằng chứng. Vì thế cái ghế sofa mới bị đẩy ra, tấm thảm, vết máu... Giờ các vị đã hiểu chưa?”

Ở trong hành lang ảm đạm và sáng sủa đổ chỉ có sự im lặng.

“Và bà Dumont đó thì sao?” Hadley hỏi, giọng nặng nề.

“Dĩ nhiên bà ta biết. Đó là bí mật chung của họ. Và bà ta có tình cảm với ông ta.”

“Nếu đó là sự thật, thì chắc những thứ ông ta tiêu hủy phải cực kì quan trọng,” Hadley nói, nhìn tiến sĩ Fell chăm chăm. “Thế quái nào mà ông biết tất cả những điều đó? Bí mật của họ là gì mới được? Và điều gì khiến ông nghĩ họ có một bí mật nguy hiểm nào đó?”

Tiến sĩ Fell day thái dương và vò đầu. Ông lập luận.

“Tôi có thể kể với ông một phần câu chuyện,” ông nói, “mặc dù có những chỗ khiến tôi nghĩ mãi không ra. Ông thấy đấy, cả Grimaud lẫn Dumont đều chẳng giống người Pháp hơn tôi. Một người phụ nữ với xương gò má như thế, người phát âm chữ “h” câm không thể nào là người Latin được. Nhưng điều đó không quan trọng. Cả hai đều là người Hungary. Nói chính xác thì Grimaud xuất thân từ Hungary. Tên thật của ông ấy là Károly, hay Charles, Grimaud Horváth. Có lẽ mẹ của ông ấy là người Pháp. Ông ấy đến từ xứ Transylvania, trước đây từng thuộc vương quốc Hungary, nhưng bị Rumania xâm chiếm kể từ sau chiến tranh. Vào những năm cuối 1890 và đầu 1900, Károly Grimaud Horváth và hai em trai bị bắt vào tù. Tôi đã nói là ông ấy có hai em trai chưa? Một người chúng ta chưa thấy, còn người kia hiện giờ tự gọi mình là Pierre Fley.

“Tôi không biết ba anh em nhà Horváth đã phạm tội gì, nhưng họ bị tống vào nhà tù Siebenturmen, lao động khổ sai ở một mỏ muối gần Tradj trong dãy núi Carpathian. Nhiều khả năng Charles đã trốn thoát. Giờ thì cái bí mật “chết người” trong cuộc đời ông ấy không thể liên quan gì đến việc ông ấy phải đi tù hay đã trốn thoát trước khi mãn hạn tù, vì vương quốc Hungary đã tan rã, và không còn ai cai quản nữa. Nhiều khả năng ông ấy đã làm một trò ma quỷ nào đó với hai người kia, một trò gì đó khá kinh khủng liên quan đến ba cỗ quan tài và những người bị chôn sống, một trò đến bây giờ cũng vẫn còn có thể khiến ông ấy bị treo cổ nếu bị phát hiện ra... Đó là tất cả những gì tôi có thể đánh bạo suy đoán ở thời điểm này. Ai có diêm không?”

VI. Bảy ngọn tháp

NGHE XONG LẬP LUẬN của vị tiến sĩ, Hadley im lặng ném bao diêm cho ông, và nhìn ông với vẻ ám muội.

“Ông đùa đấy à?” Hadley hỏi. “Hay ông dùng tà thuật à?”

“Về những chuyện thế này thì không. Giá như tôi có thể đùa vào lúc này. Ba cỗ quan tài đó... khốn kiếp, Hadley!” tiến sĩ Fell lẩm bẩm, gõ hai nắm đấm vào thái dương, “tôi ước mình có thể thấy một tia sáng... một cái gì đó...”

“Có vẻ như ông đã làm khá tốt. Ông đang giấu chúng tôi điều gì, hay làm sao ông biết được tất cả những chuyện đó? Dừng lại một chút!” Hadley nhìn xuống quyển sổ tay. “ ‘Hover.’ ‘Bath.’ ‘Rượu vang.’ ‘Muối.’ Nói cách khác, ông định bảo chúng tôi thực ra Grimaud đã nói ‘Horváth’ và ‘mỏ muối’? Bình tĩnh nào! Nếu đó là cơ sở của ông, thì có lẽ chúng ta phải dùng rất nhiều trí tưởng tượng nếu muốn luận ra những từ còn lại.”

“Việc ông nổi đóa,” tiến sĩ Fell nói, “cho thấy ông đồng ý với tôi. Cảm ơn. Như ông đã khôn khéo chỉ ra, người đang hấp hối thường không nói những từ như “bath” hay “muối”. Nếu phiên bản của ông là chính xác, thì có lẽ tất cả chúng ta nên vào trại thương điên cho rồi. Thật sự ông ta đã nói thế, Hadley. Tôi đã nghe thấy. Ông bảo ông ta nêu tên đúng không? Có phải Fley không? Không. Vậy thì là ai? Và ông ta trả lời ‘Horváth.’ ”

“Ông nói đó là họ của ông ta.”

“Đúng. Nhìn này,” tiến sĩ Fell nói, “nếu có thể giúp ông bớt bức tức, thì tôi sẽ vui vẻ thừa nhận rằng tôi đã không điều tra ra việc này một cách công bằng, và tôi đã không cho ông biết tôi lấy thông tin từ đâu trong căn phòng đó. Bây giờ thì tôi sẽ kể cho ông nghe, mặc dù có Chúa chứng giám là lúc đó tôi đã cố chỉ cho ông thấy.

“Là như thế này. Chúng ta nghe Ted Rampole nói về một vị khách kì lạ đến đe dọa Grimaud, và nói rất nhiều về những người bị ‘chôn sống’. Grimaud không xem đây là chuyện đùa, ông ta đã biết người đó từ trước và biết hẳn ta nói về cái gì, bởi, vì một lí do nào đó ông ta đã mua bức tranh vẽ ba ngôi mộ. Khi ông hỏi Grimaud ai đã bắn ông ta, ông ta trả lời hẳn họ ‘Horváth’ và nói gì đó về mỏ muối. Dù ông có nghĩ là việc một giáo sư người Pháp lại nói như thế thì thật kì quặc, thì điều thật sự kì quặc là việc trên lò sưởi của ông ta lại có một cái huy hiệu hình cái khiên *có hình một con đại bàng bán thân rời màu đen, và một mặt trăng bạc ở trên cùng...*”

“Tôi nghĩ chúng ta có thể bỏ qua bài học về huy hiệu,” Hadley nói, tự trọng một cách khó chịu. “Cái đó là gì?”

“Đó là quốc huy của xứ Transylvania. Đương nhiên là không còn được sử dụng kể từ sau chiến tranh, và không phổ biến lắm ở Anh (hoặc Pháp) ngay cả trước chiến tranh. Đầu tiên là một cái họ Slav, sau đó là một cái huy hiệu Slav. Tiếp theo là mấy quyển sách tôi cho ông xem. Biết đó là gì không? Đó là sách tiếng Anh được dịch ra tiếng Hungary. Tôi không giả vờ là mình biết đọc nó...”

“Ờn Chúa.”

“... nhưng ít nhất tôi nhận ra bộ *Shakespeare toàn tập*, và *Những bức thư gửi từ Yorick đến Eliza* của Sterne, và *Tiểu luận về con người* của Pope. Tôi sững sốt đến nỗi phải xem xét tất cả.”

“Tại sao lại sững sốt?” Rampole hỏi. “Thư viện nhà ai mà không có những quyển sách lạ lùng. Thư viện của ông cũng có nhiều cuốn như thế...”

“Chắc chắn rồi. Nhưng cứ thử hình dung rằng có một người Pháp uyên bác muốn đọc một cuốn sách của tác giả người Anh. Ông ta sẽ đọc bản tiếng Anh, hoặc tìm bản dịch tiếng Pháp. Nhưng ông ta hiếm khi khăng khăng đòi thường thức trọn vẹn cuốn sách đó bằng cách đọc bản dịch tiếng Hungary trước tiên. Nói cách khác, đây không phải sách của tác giả *người Hungary*, đây không phải sách của tác giả người Pháp cho một người Pháp học tiếng Hungary, đây là sách của tác giả người Anh. Có nghĩa là nếu có người nào

sở hữu các cuốn sách này, thì tiếng Hungary là tiếng mẹ đẻ của người đó. Tôi đã đọc lướt qua một lượt với hi vọng tìm được một cái tên nào đó. Khi tôi tìm thấy dòng chữ ‘*Károly Grimaud Horváth, 1898*’ đã mờ trên một trang trắng, thì tôi đã gần như chắc chắn.

“Nếu Horváth là họ thật của ông ấy, tại sao ông ấy phải giấu lâu đến vậy? Những từ ‘chôn sống’ và ‘mỏ muối’ là những manh mối đây. Nhưng khi ông hỏi ai đã bắn ông ấy, thì ấy ông lại trả lời là ‘Horváth’. Khoảnh khắc đó có lẽ là lúc duy nhất người ta không nói về chính mình. Ông ấy không có ý nói về mình mà là về một người khác cũng có họ Horváth. Khi tôi đang suy nghĩ về điều đó, thì anh Mills xuất chúng của chúng ta lại kể cho ông nghe về một người tên Fley ở quán rượu. Mills nói rằng ở Fley có nét gì đó rất quen thuộc, mặc dù anh ta chưa gặp hẳn bao giờ, và giọng điệu của hẳn nghe như đang nhại lại giọng điệu của Grimaud. Có phải anh ta nhắc đến Grimaud không? Anh em, anh em, anh em! Ông thấy đấy, có ba cỗ quan tài, nhưng Fley chỉ nhắc đến hai anh em. Có vẻ như có một người anh em thứ ba.

“Khi tôi đang suy nghĩ về điều đó, thì bà Dumont – rõ ràng là người Slav – xuất hiện. Nếu tôi có thể chứng minh Grimaud đến từ Transylvania, thì phạm vi tìm kiếm quá khứ của ông ấy sẽ thu hẹp lại. Nhưng ta phải tìm hiểu một cách tế nhị. Để ý thấy con trâu trên bàn Grimaud chứ? Nó khiến ông nghĩ đến điều gì?”

“Không phải Transylvania, tôi khẳng định điều đó,” ngài chánh thanh tra cấp cao gầm gừ. “Nghe có vẻ giống miền Tây hoang dã, Buffalo Bill, và thổ dân da đỏ hơn. Đợi đã! Có phải vì thế mà ông hỏi Grimaud đã từng đến Mỹ chưa?”

Tiến sĩ Fell gật đầu, vẻ có lỗi. “Câu hỏi đó nghe có vẻ vô hại, và bà ta đã trả lời. Ông thấy đấy, câu hỏi ấy là để xem ông ấy có mua nó từ một cửa hàng lưu niệm ở Mỹ không. Hadley, tôi đã từng đến Hungary. Khi tôi còn trẻ trung và nhanh nhẹn, khi vừa đọc xong tác phẩm *Dracula*. Transylvania là đất nước duy nhất ở châu Âu có nuôi trâu, họ sử dụng chúng như bò. Ở Hungary có rất nhiều tôn giáo hòa lẫn vào nhau, nhưng ở Transylvania thì

thuyết nhất thể là thịnh hành nhất. Tôi đã hỏi bà Ernestine và bà ta đã xác nhận điều đó. Sau đó tôi tung ra quả lựu đạn. Nếu Grimaud có liên hệ với mỏ muối một cách trong sáng, thì điều tôi hỏi cũng không quan trọng. Nhưng tôi nêu tên nhà tù duy nhất ở Transylvania nơi tù nhân phải làm việc ở mỏ muối. Tôi nhắc đến cái tên ‘Siebenturmen’ – hay còn gọi là ‘Bảy Ngọn Tháp’ – mà không hề nói đó là nhà tù. Nó gần như đã kết liễu bà ta. Giờ có lẽ ông đã hiểu tại sao tôi lại nói về bảy ngọn tháp và đất nước hiện không còn tồn tại. Và vì Chúa, có ai đó cho tôi que diêm được không?”

“Của ông đây,” Hadley nói. Ông bước những bước dài quanh hành lang, nhận điều xì gà từ tiến sĩ Fell đang tươi cười lịch sự, và lẩm bẫm với chính mình. “Đúng... cho đến giờ, mọi thứ vẫn có vẻ hợp lí. Trò đánh cược của ông về cái nhà tù đó đã thành công. Nhưng điểm cốt lõi của những suy luận của ông, rằng có ba người anh em, chỉ đơn thuần là phỏng đoán. Thật ra, tôi nghĩ đó là phần yếu nhất trong suy luận của ông...”

“Ồ, tôi thừa nhận. Nhưng rồi sao?”

“Nhưng đó lại là điểm mấu chốt. Giả sử Grimaud không nói đến một người tên Horváth nào đó đã bắn ông ấy, mà đang nói đến chính mình thì sao? Vậy thì kẻ giết người có thể là bất cứ ai. Nhưng nếu có ba anh em, và ông ấy quả thật có ý như thế, thì mọi chuyện rất đơn giản. Chúng ta quay lại với giả thiết rằng Pierre Fley, hoặc người anh em của gã, đã bắn ông ấy. Chúng ta có thể tóm được Fley bất cứ lúc nào, và gã kia cũng thế...”

“Ông có chắc là sẽ nhận ra gã kia,” tiến sĩ Fell trầm ngâm, “nếu ông gặp hẳn không?”

“Ý ông là sao?”

“Tôi đang nghĩ về Grimaud. Ông ấy nói giọng Anh hoàn hảo, và trông cũng giống một người Pháp đích thực. Tôi không nghi ngờ là ông ấy đã học ở Paris, và bà Dumont đó từng làm phục trang cho đoàn opera. Dù sao thì ông ấy cũng đã ở Bloomsbury gần 30 năm, cục cằn, dễ mẫn, vô hại, với bộ râu được cắt tỉa gọn gàng và cái nón quả dưa, biết kiếm chế tính khí hoang dã của ông ấy và diêm tĩnh lên lớp giảng bài. Chưa ai thấy con quỷ trong

ông ấy – mặc dù không hiểu sao tôi mừng tượng đó là một con quỷ tinh khôn và xảo quyệt. Không có ai nghi ngờ. Ông ấy có thể cạo râu, học cách mặc vải tuýt và bị bột đỏ, để trở thành một điền chủ người Anh, hoặc bất cứ ai ông ấy thích... Vậy còn người anh em thứ ba thì sao? Gã đó là người khiến tôi tò mò. Giả sử hắn đang ở đâu đó quanh chúng ta, đội một cái lốt nào đó và không ai biết thật sự hắn là ai thì sao?”

“Có thể. Chúng ta không biết gì về gã cả.”

Chật vật chậm xì gà, tiến sĩ Fell ngược lên với sự kiên quyết phi thường.

“Đúng vậy. Điều đó mới khiến tôi lo lắng, Hadley.” Ông làu nhàu một lúc, và rồi thổi tắt que diêm với một tiếng phù lớn. “Về lí thuyết chúng ta có hai anh em đã đổi sang hai cái tên Pháp: Charles và Pierre. Còn có người thứ ba nữa. Để cho rõ ràng và tiện khi thảo luận, chúng ta sẽ gọi hắn là Henri...”

“Nghe này. Ông không định bảo tôi là ông cũng biết gì đó về hắn chứ?”

“Ngược lại là khác,” tiến sĩ Fell đáp, với vẻ dữ tợn. “Tôi phải nhấn mạnh là tôi biết rất ít về hắn ta. Chúng ta biết Charles và Pierre. Nhưng chúng ta không có bất cứ manh mối nào về Henri, dù cho Pierre liên tục nói về hắn và dùng hắn để đe dọa. Kiểu như, ‘Nó có thể làm được nhiều hơn tôi.’ ‘Nó muốn lấy mạng ông.’ ‘Tôi gặp nguy hiểm khi liên hệ với nó.’ Và tương tự. Nhưng ta lại không thấy rõ hình dạng của hắn, người hay yêu tinh. Điều đó khiến tôi lo lắng. Tôi nghĩ kẻ xấu xa đó đứng đằng sau tất cả mọi chuyện, điều khiển, giật dây Pierre dở diên dở khùng tội nghiệp vì mục đích riêng của hắn, và có lẽ hắn cũng nguy hiểm với Pierre y như với Charles. Tôi không thể không cảm thấy hắn đã đạo diễn việc xảy ra ở quán rượu Warwick, rằng hắn đang ở đâu đấy rất gần đây và rất cảnh giác, hắn...” Tiến sĩ Fell nhìn xung quanh, cứ như chờ đợi thứ gì đó bước ra hoặc lên tiếng trong hành lang trống trải. Rồi ông thêm vào: “Ông biết đấy, tôi hi vọng anh cảnh sát của ông sẽ tóm được Pierre và giữ an toàn cho hắn. Có lẽ hắn không còn ích lợi gì nữa.”

Hadley làm một cử chỉ mơ hồ. Ông căn đuôi bộ ria mép cắt tỉa cẩn thận của mình. “Phải, tôi hiểu,” ông nói, “nhưng hãy tập trung vào chứng cứ. Và,

tôi báo trước, đào xới được sự thật cũng sẽ đủ khó rồi. Đêm nay tôi sẽ điện cho cảnh sát Rumania. Nhưng vì Transylvania đã bị xâm lược, cùng với cảnh hỗn loạn và nhiễu nhương ở đó, chắc không còn nhiều tài liệu chính thức đâu. Bolshevik đã tràn qua đó ngay sau chiến tranh, đúng không? Dù sao thì chúng ta cũng cần chứng cứ! Đi gọi Mangan và con gái của Grimaud thôi, sẵn đây tôi phải nói là tôi chưa hoàn toàn hài lòng với cách hành xử của họ...”

“Tại sao?”

“Ý tôi là, giả sử như bà Dumont đó nói thật,” Hadley sửa lại. “Có vẻ ông nghĩ như thế. Nhưng như tôi đã được nghe, chẳng phải Mangan ở đây tối nay là vì Grimaud yêu cầu sao, để phòng khi vị khách đó viếng thăm? Đúng. Vậy thì có vẻ cậu ta giống như một con chó giữ nhà quá hiền lành vậy. Cậu ta ngồi trong phòng gần cửa chính. Chuông cửa rung lên – nếu Dumont không nói dối – và vị khách bí hiểm bước vào. Trong suốt khoảng thời gian đó, cậu ta không hề tò mò chút nào. Cậu ta ngồi trong phòng, đóng kín cửa, và không hề quan tâm đến vị khách của chúng ta, và chỉ xông ra khi nghe thấy tiếng súng và phát hiện cửa đã bị khóa. Như thế có hợp lí không?”

“Chẳng có gì hợp lí cả,” tiến sĩ Fell nói. “Kể cả... nhưng chuyện đó có thể đợi được.”

Họ đi dọc hành lang dài và Hadley khoác lên mình dáng vẻ lịch thiệp và điềm tĩnh khi họ mở cửa ra. Căn phòng này nhỏ hơn phòng làm việc của Grimaud, với những quyển sách được xếp ngăn nắp và các tủ tài liệu bằng gỗ. Trong phòng có một tấm thảm bằng vải trơn, ghế ngồi cứng và một ngọn lửa yếu ớt. Bên dưới cái đèn trần tỏa ánh sáng xanh lá là bàn đánh máy của Mills, giờ đã được kéo ra đối diện cửa phòng. Ở một bên máy đánh chữ là một tập bản thảo được kẹp gọn gàng trong một cái giỏ kim loại, còn phía bên kia là một cốc sữa, một đĩa mận khô, và quyển sách *Đại số tích phân và vi phân* của Williamson.

“Tôi cá là anh ta còn uống nước khoáng nữa,” tiến sĩ Fell nói. giọng kích động. “Tôi thề với tất cả thần thánh là anh ta uống nước khoáng và đọc

những loại sách như thế để giải trí. Tôi cá...” Chưa kịp nói hết câu, ông bị sặc khi bị Hadley, đang nói chuyện với Rosette Grimaud ngồi cuối phòng, thúc cùi chỏ một cách thô bạo vào người. Hadley giới thiệu ba người bạn họ.

“Cô Grimaud, tôi dĩ nhiên không cố ý quấy rầy cô vào thời điểm này...”

“Làm ơn đừng nói gì cả,” cô ta nói. Cô ta đang ngồi bên lò sưởi, căng thẳng đến nỗi cô giật mình khi nghe thấy tiếng Hadley. “Ý tôi là... đừng nói gì về chuyện đó. Ông thấy đấy, tôi quý mến cha tôi, nhưng không quý ông ấy đến nỗi quá đau khổ trừ khi có ai đó nói về chuyện đó. Lúc đó tôi bắt đầu suy nghĩ lung tung.”

Cô ta bóp mạnh vào hai bên thái dương. Dưới ánh lửa, khi đã cởi áo khoác lông ra, nét tương phản giữa đôi mắt và khuôn mặt cô lại hiện rõ. Nhưng nét tương phản đó thay đổi liên tục. Cô ta thừa hưởng cá tính mạnh mẽ của mẹ trong mái tóc vàng, khuôn mặt vuông, một vẻ đẹp rất hoang dã đặc trưng của người Slav. Vậy mà trong một khoảnh khắc khuôn mặt đó bỗng trở nên cứng rắn, còn đôi mắt dài màu hạt dẻ lại trở nên dịu dàng nhưng bứt rứt, như con gái của một cha phó. Rồi một thoáng sau đó, khuôn mặt lại tự nhiên nhẹ nhàng trở lại, nhưng đôi mắt lại trở nên cực kì gay gắt, như con gái của ác quỷ. Cô ta có cặp lông mày thưa hơi nhướn lên một chút ở cuối mắt, nhưng lại có một cái miệng rộng và hóm hình. Trông cô ta hoạt bát, gợi cảm và khó hiểu. Đứng sau cô ta là Mangan, bất lực và u sầu.

“Một điều thôi,” cô ta nói tiếp, từ từ ấn năm ngón tay ghế, “một điều tôi cần phải biết, trước khi ông bắt đầu sự hành hạ.” Cô ta ra hiệu về phía cánh cửa nhỏ bên kia căn phòng, và nói liền một mạch. “Stuart đang đưa một thám tử của ông lên mái nhà. Có thật thế không? Có thật là... điều mà chúng tôi nghe được là có kẻ đã đi vào, giết cha tôi, và thoát ra mà không... không...?”

“Tốt hơn hãy để tôi xử lí chuyện này, Hadley,” tiến sĩ Fell khẽ khàng nói.

Rampole biết là vị tiến sĩ hoàn toàn tin rằng bản thân ông ấy rất biết cách cư xử tế nhị. Nhưng phần lớn thời gian thì vị tiến sĩ cư xử “tế nhị” như một

đồng gạch rơi từ trên trần nhà xuống vậy. Nhưng niềm tin tuyệt đối rằng mình đang cư xử khéo léo, bản tính tốt và sự ngây thơ vô tội của vị tiến sĩ gây ảnh hưởng đến người đối diện theo cách mà ngay cả những người cư xử tế nhị nhất cũng không thể làm nổi. Cứ như thế ông cũng rơi xuống cùng “đồng gạch tế nhị” của mình để bắt tay hay cảm thông với người khác. Và mọi người ngay lập tức kể hết với ông về bản thân mình.

Ông khụt khịt mũi. “Tất nhiên đó không phải sự thật, cô Grimaud. Chúng tôi biết tổng thủ đoạn của gã khốn đó, kể cả nếu hẳn là người cô chưa bao giờ biết đến.” Cô gái nhìn lên rất nhanh. “Hơn nữa, sẽ không có sự hành hạ nào cả, và cha cô đang đấu tranh giành lại sự sống. Nghe này. Cô Grimaud, hình như tôi đã gặp cô ở đâu đó?”

“Ôi, tôi biết ông chỉ cố gắng an ủi tôi,” cô ta nói với một nụ cười nhạt. “Boyd đã kể cho tôi về ông, nhưng...”

“Không, tôi nói thật đấy,” tiến sĩ Fell nói nghiêm túc. Ông lục lợi trí nhớ của mình. “Đúng. Nhớ rồi! Cô học ở đại học London, phải không? Tất nhiên rồi. Và cô ở trong câu lạc bộ hùng biện hay gì đó nhỉ? Có vẻ như tôi đã làm trọng tài khi đội của cô hùng biện về ‘Nữ quyền trên thế giới’, phải không nhỉ?”

“Đúng là Rosette rồi,” Mangan rầu rĩ tán thành.” Cô ấy rất ủng hộ chủ nghĩa nữ quyền. Cô ấy nói...”

“Ha ha ha,” tiến sĩ Fell nói. “Giờ thì tôi nhớ rồi.” Ông rất hớn hở, và khoát tay lên chỉ trỏ. “Có thể cô ấy ủng hộ bình đẳng giới, nhưng cô ấy cũng phạm những sai sót rất đáng kinh ngạc. Tôi nhớ là buổi hùng biện đó kết thúc bằng một cuộc cãi vã ấn tượng nhất và cũng kinh khủng nhất tôi từng được nghe, nếu không tính đến cuộc họp của những người theo chủ nghĩa hòa bình. Cô ở phe ủng hộ nữ quyền, cô Grimaud, và chống lại sự chuyên chế của nam giới. Đúng, đúng. Cô bước ra – xanh xao, đứng đắn và trang nghiêm – và đứng yên như thế cho đến khi phe của cô trình bày quan điểm của mình. Họ nói gì đó khá tồi tệ, và trông cô không hài lòng chút nào. Rồi một cô gái gầy gò nói tràng giang đại hải suốt 20 phút về việc phụ nữ cần

một trạng thái tồn tại lí tưởng, nhưng dường như càng lúc cô càng giận dữ. Nên khi đến lượt cô, cô tuyên bố với giọng trong trẻo như bạc rằng điều phụ nữ cần để có cuộc sống lí tưởng là nói ít hơn và giao cấu nhiều hơn.”

“Chúa ơi!” Mangan nói, nhảy dựng lên.

“Chà, lúc đó tôi cảm thấy như thế,” Rosette nói với vẻ nóng nảy. “Nhưng ông không nghĩ...”

“Hoặc có lẽ cô không nói từ ‘giao cấu’,” tiến sĩ Fell tư lự. “Dù sao thì, cái điều kinh khủng đó cũng đã gây ra hậu quả không thể diễn tả bằng lời. Như thể cô đã thì thầm ‘Asbestos!’ trước mặt một nhóm người cuồng phóng hỏa vậy. Không may là, lúc đó tôi cố giữ khuôn mặt nghiêm nghị bằng cách uống nước. Các bạn của tôi ạ, đó không phải là việc tôi quen làm. Đối với tai và mắt của những người xung quanh, hậu quả của việc tôi uống nước trong khi cô hùng biện giống như một quả bom phát nổ bên trong thủy cung. Nhưng tôi tự hỏi không biết cô và cậu Mangan có thường tranh cãi về chủ đề này không. Chắc những cuộc nói chuyện đó rất có tính giáo dục. Ví dụ như tối nay, hai người bàn luận về chủ đề gì?”

Cả hai người tranh nhau nói cùng một lúc. Tiến sĩ Fell tươi cười, và cả hai đều dừng lại với vẻ sững sốt. “Đúng,” vị tiến sĩ gật đầu. “Cô hiểu rồi phải không, rằng chẳng có gì phải ngại khi nói chuyện với cảnh sát? Và cô có thể nói tự do như cô muốn? Như thế sẽ tốt hơn đấy. Bây giờ, giữa chúng ta, hãy đối diện vấn đề và giải quyết nó một cách hợp lí được không?”

“Được,” Rosette nói. “Có ai có thuốc lá không?”

Hadley nhìn Rampole. “Lão già đó làm được rồi,” ông nói.

“Lão già đó” lại châm xì gà trong khi Mangan lóng ngóng tìm thuốc lá. Rồi tiến sĩ Fell nói.

“Giờ tôi muốn biết về một điều rất kì lạ,” ông tiếp tục. “Có phải hai cô cậu đã quá mê mải với nhau mà không để ý tới bất cứ điều gì cho đến khi sự huyền não bắt đầu? Theo như tôi hiểu, Mangan, giáo sư Grimaud yêu cầu

cậu ở đây tối nay để cảnh giới phòng ngừa bất trắc. Tại sao cậu không làm vậy? Cậu không nghe thấy tiếng chuông cửa à?”

Gương mặt ngăm đen của Mangan trở nên u ám. Anh ta làm một cử chỉ dữ dội.

“Ôi, tôi thừa nhận đó là lỗi của tôi. Nhưng lúc đó tôi không hề nghĩ ngợi gì. Làm sao mà tôi biết được chứ? Tất nhiên là tôi có nghe thấy tiếng chuông cửa. Thật ra, cả hai chúng tôi đều nói chuyện với hãn ta...”

“Hai người *làm gì cơ?*” Hadley ngắt lời, sải bước băng ngang qua tiến sĩ Fell.

“Chắc chắn rồi. Nếu không thì làm sao tôi có thể để hãn ta đi qua và lên cầu thang được chứ? Nhưng hãn ta tự xưng là Pettis – Anthony Pettis, ông biết đấy.”

VII. Vị khách đeo mặt nạ Guy Fawkes

“TẤT NHIÊN GIỜ THÌ chúng tôi biết đó không phải Pettis,” Mangan tiếp tục, giận dữ lấy bật lửa ra châm thuốc cho cô gái, “Pettis chỉ cao khoảng 1,6 mét. Ngoài ra, giờ khi nhớ lại, hẳn bắt chước Pettis cũng không giống lắm. Nhưng hẳn ta gọi rất to và sử dụng những từ Pettis thường dùng...”

Tiến sĩ Fell cau mặt. “Nhưng cậu không thấy lạ khi một người sưu tập truyện ma lại ăn mặc như một kẻ đi tham dự lễ hội ngày Năm tháng Mười một à? Ông ta là người thích đùa à?” Rosette Grimaud giật mình ngược lên. Cô ta cầm ngang điếu thuốc và ngồi im, cứ như đang chỉ gì đó, rồi quay lại nhìn Mangan. Khi cô ta quay lại, đôi mắt dài của cô ta lóe lên, hơi thở sâu hơn vì giận dữ, hay tàn nhẫn, hay vì cô ta đã nhận ra điều gì đó. Họ có chung một suy nghĩ – và Mangan lo lắng về suy nghĩ đó nhiều hơn. Anh ta trông có vẻ như một người luôn cố làm người tốt và sống ôn hòa với thế giới, nếu thế giới cho phép anh ta làm thế. Rampole có cảm giác là bí mật này chẳng hề liên quan gì đến Pettis, bởi Mangan ngắc ngứ trước khi trả lời câu hỏi của tiến sĩ Fell.

“Thích đùa ư?” anh ta lặp lại, và đưa tay vuốt mái tóc đen và cứng một cách hoang mang. “Ô! Pettis ư? Chúa ơi, không!”

Ông ấy nghiêm túc và kiểu cách đúng như người ta đồn đại. Nhưng các ông phải hiểu, chúng tôi không thấy mặt hẳn ta. Hoàn cảnh lúc đó thế này: Chúng tôi ngồi ở phòng khách kể từ sau khi ăn tối...”

“Dừng lại một chút,” Hadley ngắt lời. “Cửa ra hành lang có mở không?”

“Không. Đóng hết rồi,” Mangan nói với giọng dè dặt, rồi cựa mình. “Ông không ngồi trong một căn phòng có gió lùa trong một buổi tối tuyết rơi mà lại để cửa mở, trừ khi trong nhà có hệ thống sưởi ấm trung tâm. Tôi biết chúng tôi có thể nghe thấy tiếng chuông nếu có ai đến. Ngoài ra... nói thật

lòng, tôi không nghĩ là sẽ có chuyện gì xảy ra. Trong bữa ăn tối, giáo sư khiến chúng tôi nghĩ mọi chuyện chỉ là một trò lừa bịp, hoặc là nó đã được hòa giải bằng cách nào đó, hoặc là ông ấy đã bị kích động vì một chuyện không đâu...”

Hadley nhìn anh ta bằng đôi mắt sáng và cứng rắn. “Cô cũng có cảm giác đó hả cô Grimaud?”

“Vâng, có vẻ là như vậy... tôi không biết nữa! Rất khó để biết chính xác,” cô ta trả lời, với một sự giận dữ (hay nổi loạn) yếu ớt, “rằng ông khó chịu hay thích thú hay giả vờ cả hai. Cha tôi có một khiếu hài hước rất lạ, và ông thích gây kịch tính. Ông coi tôi như đứa trẻ. Tôi không nghĩ mình đã từng nhìn thấy ông sợ hãi bao giờ, nên tôi không chắc. Nhưng trong ba ngày qua, ông cư xử cực kì lạ lùng đến nỗi khi Boyd kể cho tôi về gã ở quán rượu đó...” Cô ta nhấc vai lên.

“Ông ấy cư xử lạ lùng nghĩa là sao?”

“À, ví dụ như lẩm bẩm một mình. Và bất thần nổi khùng lên vì những chuyện vặt vãnh. Rất hiếm khi ông như thế. Rồi ông cũng lại cười quá nhiều. Nhưng chủ yếu là những lá thư đó. Ngày nào chúng cũng được gửi đến cho ông. Đừng hỏi tôi bên trong có gì, ông đã đốt hết rồi. Thư đựng trong phong bì loại một xu bình thường... đáng ra tôi sẽ không để ý đến chúng nếu không vì thói quen của ông.” Cô ta ngập ngừng. “Có lẽ các ông sẽ hiểu. Cha tôi thuộc kiểu người không thể đọc thư khi có sự có mặt của người khác mà không nói ngay về người gửi hoặc nội dung bức thư. Ông thường nổi khùng lên: ‘Bọn lừa đảo khốn nạn!’ hoặc ‘Đồ láo xược!’ hay nhẹ nhàng hơn: ‘Chà, chà, đây là thư của ông nọ bà kia gửi!’ – với giọng ngạc nhiên, cứ như ông nghĩ Liverpool hay Birmingham ở trên mặt trăng vậy. Tôi không biết các ông có hiểu...”

“Chúng tôi hiểu. Nói tiếp đi.”

“Nhưng khi nhận được những lá thư... những thứ này, ông không nói gì cả. Ông còn không hề động đậy một cơ bắp. Vậy mà, các ông thấy đấy, ông không công khai tiêu hủy lá thư nào trừ lá thư nhận được trong bữa ăn sáng

hôm qua. Vừa liếc qua là ông đã vò nát nó, đứng phắt dậy, bước đến lò sưởi và ném nó vào đó với vẻ trầm tư. Đúng lúc đó dì...” Rosette liếc nhanh Hadley, nhận ra mình đang ngập ngừng, rồi ấp úng hẳn “Bà, ồ, ý tôi là dì Ernestine! Đúng lúc đó dì hỏi ông có muốn ăn thêm thịt lợn xông khói không. Bỗng nhiên ông xoay người lại và hét lên, ‘Xuống địa ngục đi!’ Hành động đó bất ngờ đến nỗi chúng tôi chưa kịp định thần thì ông ấy đã ùng ùng bước ra khỏi phòng, cầu nài rằng không ai để cho ông được yên. Trông ông rất ác. Cũng chính hôm đó ông mang bức tranh đó về. Khi về ông lại thoải mái, đi lại ồn ào, cười khúc khích, và giúp người lái xe và một người khác mang nó lên tầng. Tôi... tôi không muốn các ông nghĩ...” Rõ ràng những kí ức đang tràn về trong đầu cô Rosette phức tạp này. Cô ta bắt đầu nghĩ ngợi, và điều đó rất tệ. Cô ta bổ sung, giọng run rẩy, “tôi không muốn các ông nghĩ là tôi không thích ông.”

Hadley lờ đi câu nói đó. “Ông ấy có bao giờ nhắc đến gã ở quán rượu không?”

“Có, khi tôi hỏi ông, nhưng ông có vẻ không thoải mái. Ông nói đó là một trong những gã thùng rỗng kêu to thường đe dọa ông mỗi khi ông chế giễu... lịch sử của phép thuật. Tất nhiên tôi biết mọi việc không chỉ đơn thuần là như thế.”

“Tại sao, cô Grimaud?”

Trong lúc dừng lại cô ta nhìn ông không chớp mắt. “Vì tôi cảm thấy chuyện này có thật. Và vì tôi thường tự hỏi liệu có chuyện gì đó trong quá khứ của ông lại có thể đem đến cho ông hậu quả như thế này.”

Câu nói đó là một thách thức trực tiếp. Trong sự im lặng kéo dài họ có thể nghe thấy tiếng cọt két ở xa xa và tiếng chân nặng nề trên mái nhà. Cảm xúc trên mặt cô gái thay đổi như ánh lửa: sợ hãi, hay căm ghét, hay đau khổ, hay nghi ngờ. Cảm giác hoang dã đã quay lại, bộ áo lông chồn đáng ra phải là lông báo. Cô gái ngồi vắt chân và tựa lưng, ngọ nguậy trên ghế một cách kêu gọi. Cô ta nghiêng đầu về phía sau dựa vào lưng ghế, làm cho ánh lửa lập lòe ở cổ họng và đôi mắt đang nhắm hờ của cô. Cô ta nhìn họ với một nụ

cười mơ hồ và bất động, đôi gò má chìm trong bóng tối. Mặc dù vậy, Rampole thấy cô đang run rẩy. Tại sao, bỗng nhiên khuôn mặt của cô ta trông có vẻ rộng hơn?

“Thế nào?” cô giục.

Hadley có vẻ hơi ngạc nhiên. “Đem lại hậu quả cho ông ta? Tôi không hiểu lắm. Cô có lí do nào để nghĩ như vậy không?”

“Ồ, không có lí do nào cả! Tôi không nghĩ có lí do, thật đấy... Chỉ là những tưởng tượng...” Cô ta phủ nhận rất nhanh, nhưng bộ ngực của cô đã bớt phập phồng. “Có lẽ là vì sống với những sở thích của cha tôi. Và mẹ tôi... bà ấy đã chết, các ông biết đấy, qua đời khi tôi còn khá nhỏ... người ta cho rằng mẹ tôi có trực giác.” Rosette lại nhắc điều thuốc lên. “Nhưng ông đang hỏi gì tôi cơ?”

“Trước hết là về chuyện tối nay. Nếu cô nghĩ tìm hiểu quá khứ của cha cô có thể giúp ích gì, Sở Cảnh sát chắc chắn sẽ làm theo đề nghị của cô.”

Cô ta kéo điều thuốc ra khỏi môi.

“Nhưng,” Hadley tiếp tục, vẫn với giọng đều đều, “hãy nói tiếp câu chuyện cậu Mangan đang kể. Hai người đang ở trong phòng khách sau bữa tối, và cửa ra hành lang bị đóng. Nào, giáo sư Grimaud có nói cho hai người biết là ông ta đợi vị khách nguy hiểm này đến lúc mấy giờ không?”

“Ờ... có,” Mangan nói. Anh ta lấy khăn tay ra lau trán. Trong ánh sáng lò sưởi, nhìn từ một phía, ta có thể thấy rất nhiều nếp nhăn nhỏ trên vầng trán của khuôn mặt gầy gò, hốc hác và góc cạnh của Mangan. “Đó cũng là lí do tại sao tôi không nhào ra xem ai. Hẳn đến quá sớm. Giáo sư nói là 10 giờ, và gã này đến lúc 10 giờ kém 15.”

“10 giờ. Tôi hiểu. Cậu có chắc ông ấy nói thế không?”

“Ờ... Có chứ! Ít ra là tôi nghĩ thế. Khoảng 10 giờ. Có đúng không. Rosette?”

“Tôi không biết. Ông ấy không nói gì với tôi cả.”

“Tôi hiểu. Tiếp tục đi, cậu Mangan.”

“Chúng tôi mở đài lên. Thật sai lầm, vì tiếng nhạc quá to. Và chúng tôi ngồi chơi bài bên lò sưởi. Rồi tôi nghe thấy tiếng chuông cửa. Tôi nhìn lên đồng hồ trên lò sưởi, và thấy là 10 giờ kém 15. Tôi đứng lên thì nghe tiếng cửa trước mở. Rồi tôi nghe giọng bà Dumont nói gì đó như, ‘Đợi đấy, để tôi xem,’ và cửa vừa mới sập lại tôi đã gọi ra, ‘Ai ở ngoài kia đấy?’ Nhưng tiếng đài quá to khiến tôi phải ra tắt nó. Và sau đó tôi nghe tiếng Pettis – rất tự nhiên cả hai chúng tôi đều nghĩ đó là Pettis – gọi vào: ‘Chào các bạn trẻ! Pettis đây. Đến gặp Thống đốc mà cần lễ nghi thế này để làm gì? Tôi sẽ lên phòng ông ấy.’”

“Đó chính xác là những lời hăn ta nói.”

“Vâng. Pettis luôn gọi tiến sĩ Grimaud là Thống đốc, không người nào khác có gan gọi như thế, trừ Burnaby, và Burnaby gọi ông ấy là Ông nội... Nên chúng tôi nói, ‘Được thôi.’ và không quan tâm đến hăn ta nữa. Chúng tôi lại ngồi xuống. Nhưng tôi để ý là đã gần đến 10 giờ, và tôi bắt đầu cảnh giác và cảm thấy bồn chồn, vì sắp đến 10 giờ...”

Hadley vẽ gì đó lên lề cuốn sổ tay.

“VẬY người tự nhận mình là Pettis đó,” ông dăm chiêu, “nói chuyện qua cửa mà không nhìn thấy mặt hai người? Cậu nghĩ tại sao ông ta lại biết hai người đang ở trong đó?”

Mangan cau mày. “Tôi đoán là ông ta thấy chúng tôi qua cửa sổ. Khi đi lên những bậc thang trên cùng ông có thể nhìn thẳng vào phòng của chúng tôi qua cửa sổ gần nhất. Tôi lúc nào cũng để ý điều đó. Thật ra, nếu tôi thấy có ai ngồi trong phòng khách, tôi thường nghiêng qua gõ vào cửa sổ thay vì bấm chuông.”

Ngài chánh thanh tra cấp cao vẫn vẽ vờ vờ vẽ trầm ngâm. Có vẻ như ông định đặt câu hỏi, nhưng dừng lại. Rosette nhìn ông không chớp mắt. Hadley chỉ nói:

“Tiếp đi. Cậu đang đợi đến 10 giờ...”

“Và chẳng có chuyện gì xảy ra,” Mangan nhấn mạnh. “Nhưng, buồn cười là ở chỗ, sau 10 giờ cứ mỗi phút qua đi tôi lại càng cảm thấy lo lắng. Tôi đã bảo ông là tôi không nghĩ hẳn ta sẽ đến, hoặc sẽ không có rắc rối gì xảy ra. Nhưng tôi cứ liên tục hình dung ra cái hành lang tối tăm ngoài đó và bộ giáp kì dị đeo mặt nạ ở đó, và càng nghĩ tôi lại càng không thích nó...”

“Tôi biết chính xác ý anh ấy định nói,” Rosette nói. Cô ta nhìn Mangan một cách kì lạ và sững sốt. “Tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng tôi không muốn nói ra vì sợ ông gọi tôi là đồ ngốc.”

‘Tôi cũng hay có linh cảm như vậy. Đó,’ Mangan cay đắng nói, “chính là lí do vì sao tôi bị sa thải nhiều đến thế, và có lẽ đó cũng là lí do tôi sẽ bị sa thải vì không chịu báo cáo sự việc tối nay. Kệ xác gã biên tập tin tức. Tôi không phải Judas.” Anh cựa mình. “Dù sao thì, đến lúc 10 giờ 10 thì tôi không thể chịu đựng được nữa. Tôi ném mấy lá bài lên bàn và nói với Rosette. ‘Nghe này, ta hãy đi lấy cái gì để uống và bật đèn hành lang hay làm gì đó.’ Tôi đang định gọi Annie thì tôi nhớ ra hôm nay là thứ bảy, ngày cô ấy ra ngoài chơi vào buổi tối...”

“Annie? Cô hầu gái phải không? Đúng, tôi quên khuấy mất cô ta. Rồi sao?”

“Rồi tôi ra mở cửa, và thấy nó đã bị khóa ngoài. Cảm giác như thế này! Ông để một vật gì đó lơ lửng trong phòng ngủ, như một bức tranh hay một món trang sức, mà ông nhìn quen mắt đến nỗi không để ý nó nữa. Rồi một ngày ông bước vào và có cảm giác mơ hồ là có gì đó không ổn trong phòng. Nó khiến ông khó chịu và bực mình, bởi ông không biết lí do tại sao. Rồi bỗng nhiên ông chợt nhận ra, và rất sốc khi phát hiện vật đó đã biến mất. Hiểu chứ? Tôi cảm thấy y như vậy. Tôi biết là có gì đó không ổn, tôi đã cảm thấy thế từ khi hẳn ta gọi từ hành lang vào, nhưng chỉ đến khi phát hiện ra cánh cửa bị khóa tôi mới bàng hoàng nhận ra. Đúng lúc tôi đang giật cái tay nắm cửa một cách ngu ngốc thì chúng tôi nghe thấy tiếng súng.

“Tiếng súng nổ trong nhà rất lớn, và thậm chí chúng tôi còn nghe thấy nó nổ ở tầng trên cùng. Rosette hét lên...”

“Tôi không hét!”

“Rồi cô ấy chỉ vào tôi và nói ra điều tôi đang nghĩ trong đầu. Cô ấy nói, ‘Đó không phải là Pettis. Hẳn đã lọt vào được rồi.’ ”

“Cậu có thể xác định rõ lúc đó là mấy giờ không?”

“Vâng. Đó là lúc 10 giờ 10 phút. Tôi đã cố gắng phá cửa.” Mặc dù đang hồi tưởng lại, nhưng mắt của Mangan vẫn ánh lên vẻ chế giễu. Dường như anh ta ghét phải nói ra, nhưng không thể không bình luận. “Các ông đã bao giờ để ý là trong các câu chuyện, cửa bị phá dễ dàng thế nào không? Mấy câu chuyện đó đúng là thiên đường của các ông thợ mộc. Chỉ cần có một lí do con con, như khi người trong phòng không trả lời một câu hỏi đơn giản, là có vô số cánh cửa bị phá. Nhưng hãy thử phá một trong những cái cửa này mà xem!... Thế đấy. Tôi xô vai vào nó một hồi lâu, rồi tôi nghĩ ra là có thể thoát ra ngoài qua cửa sổ và vào nhà qua cửa chính. Tôi đụng phải các ông, và các ông biết chuyện gì xảy ra tiếp theo rồi đấy.” Hadley lấy bút chì gõ vào quyển sổ tay. “Thường thì cửa chính có để mở thế không, cậu Mangan?”

“Ôi Chúa ơi! Tôi không biết! Nhưng đó là điều duy nhất tôi có thể nghĩ ra. Dù sao thì nó cũng không khóa.”

“Đúng, nó không khóa. Cô có muốn bổ sung gì không, cô Grimaud?”

Mí mắt cô ấy rủ xuống. “Không có gì, mà không hẳn thế. Boyd đã kể với các ông mọi chuyện đúng như nó diễn ra. Nhưng các ông luôn muốn hỏi những điều kì quái phải không? Kể cả khi nó chẳng liên quan gì? Chuyện này có lẽ không có ý nghĩa gì, nhưng tôi sẽ kể... Không lâu trước khi chuông cửa vang lên, tôi ra cái bàn gần cửa sổ để lấy vài điều thuốc lá. Đài vẫn đang mở, như Boyd nói. Nhưng tôi nghe thấy từ đâu đó ngoài đường, hay ở vỉa hè trước cửa, có một âm thanh rất lớn, một tiếng thịch, như thể có một vật nặng rơi từ trên cao xuống vậy. Trên phố thường không có âm thanh như thế, ông thấy đấy. Nghe giống như có người ngã xuống.”

Rampole cảm thấy bồn chồn. Hadley hỏi:

“Cô nói một tiếng thịch à? Hừm. Cô có nhìn ra ngoài xem là gì không?”

“Có. Nhưng tôi không nhìn thấy gì cả. Đương nhiên, tôi chỉ kco màn ra nhìn hé, nhưng tôi có thể thề là con phổ vắng...” Cô ấy bỗng dừng phắt lại. Môi trễ xuống một chút và đôi mắt bất chợt cứng đờ. “Ôi *Chúa* ơi!” cô ấy nói.

“Vâng, cô Grimaud,” Hadley nói, không đổi giọng, “màn đã hạ hết xuống, như cô nói. Tôi đặc biệt để ý thấy điều đó, vì cậu Mangan đã bị vướng vào một cái màn khi nhảy ra ngoài. Đó là lí do tôi tự hỏi không biết vị khách đó làm sao có thể nhìn qua cửa sổ vào phòng được. Phải chăng lúc đó màn chưa được hạ xuống?”

Im lặng bao trùm căn phòng, trừ vài tiếng ồn trên mái nhà. Rampole liếc nhìn tiến sĩ Fell đang dựa lưng vào một trong những cái cửa không thể phá nổi của Mangan, tay chống cằm, chiếc mũ rộng vành hạ xuống che mắt. Rampole nhìn sang Hadley, người vẫn đang bình thản, rồi quay lại nhìn cô gái.

“Ông ta nghĩ chúng ta nói dối, Boyd,” Rosette Grimaud điềm tĩnh nói. “Tôi nghĩ tốt hơn chúng ta không nên nói gì nữa.”

Và Hadley mỉm cười. “Tôi không hề nghĩ như thế, cô Grimaud. Tôi sẽ nói cho cô vì sao, vì cô là người duy nhất có thể giúp chúng tôi. Tôi còn có thể kể cho cô nghe chuyện gì đã thực sự diễn ra nữa... Fell!”

“Hả?” tiến sĩ Fell kêu to, giật mình ngược nhìn lên.

“Tôi muốn ông nghe chuyện này,” ngài chánh thanh tra cấp cao tiếp tục nói một cách dứt khoát. “Lúc này ông đã rất khoái trá và bí hiểm khi nói ông tin vào những câu chuyện nghe có vẻ rất phi thường mà anh Mills và bà Dumont kể lại, mà không hề giải thích lí do vì sao ông tin họ. Tôi sẽ trả lễ ngay đây. Tôi xin tuyên bố là tôi không những chỉ tin vào câu chuyện của họ, mà còn tin cả câu chuyện do hai người này kể lại nữa. Và từ việc giải thích lí do tôi tin họ, tôi cũng sẽ giải thích luôn tình huống bất khả thi này.”

Giờ thì tiến sĩ Fell mới thực sự bị kéo ra khỏi cơn lơ đãng. Ông phùng mang trợn má chăm chú nhìn Hadley như thể đang chuẩn bị nhảy vào một cuộc chiến.

“Tôi không giải thích hết được, tôi thừa nhận,” Hadley tiếp tục, “nhưng đủ để thu hẹp danh sách nghi phạm xuống còn vài người, và giải thích vì sao không có dấu chân nào trên tuyết.”

“Ô, *cái đó!*” Tiến sĩ Fell nói khinh khỉnh. Ông làu bàu gì đó rồi dịu giọng. “Trong giây lát tôi đã hi vọng ông tìm ra được điều gì đó. Nhưng phần đó thì rõ ràng rồi.”

Hadley cố gắng hết sức để không nổi nóng. “Kẻ chúng ta cần tìm,” ông nói tiếp, “không để lại dấu chân nào trên vỉa hè hay trên cầu thang vì hẳn chưa bao giờ đặt chân lên vỉa hè và cầu thang – sau khi tuyết ngừng rơi. Hẳn đã ở trong nhà ngay từ đầu. Hẳn đã ở trong nhà được một thời gian. Do đó hoặc hẳn là (a) người trong nhà, hoặc (b) có lẽ đã trốn trong nhà, dùng chìa khóa để vào bằng cửa trước vào lúc trời chưa tối hẳn. Điều đó giải thích vì sao lời khai của mọi người mâu thuẫn với nhau. Đợi đến lúc thích hợp, hẳn mặc bộ đồ hoành tráng đó vào, bước ra bậc cửa đã được quét sạch tuyết, và rung chuông. Điều đó giải thích việc hẳn biết cậu Mangan và cô Grimaud đang ở trong phòng khách ngay cả khi màn đã đóng – hẳn thấy họ đi vào đó. Nó cũng giải thích việc mặc dù bị đóng sầm cửa vào mặt và bắt đợi ở ngoài, nhưng hẳn vẫn có thể đi vào – hẳn có chìa khóa.”

Tiến sĩ Fell chậm rãi lắc đầu và lăm bằm với chính mình. Ông khoanh tay thể hiện sự không đồng ý.

“Hừm, đúng. Nhưng tại sao hẳn lại phải kì công bày trò như vậy, kể cả khi hẳn hơi điên? Nếu hẳn sống trong nhà thì còn có lí, vì hẳn muốn kẻ thủ ác trông như người ngoài. Nhưng nếu hẳn thật sự từ bên ngoài vào, thì việc gì phải mạo hiểm trốn trong nhà lâu đến thế trước khi hành động? Tại sao không đến nhà vào giờ đã định?”

“Đầu tiên,” Hadley cẩn thận nói, giơ tay lên đếm, “hẳn phải biết người trong nhà ở đâu, để không bị ai gây trở ngại. Thứ hai, quan trọng hơn, hẳn

muốn hoàn tất trò biến mất của mình bằng cách không để lại vết chân nào, ở bất cứ đâu trên tuyết. Trò biến mất rất có ý nghĩa với bộ óc điên cuồng của – cứ cho là của gã em trai Henri này đi. Hắn lọt vào nhà khi tuyết đang rơi mạnh, và đợi đến khi nó ngừng rơi.”

“Ai,” Rosette hỏi, giọng gay gắt, “là em trai Henri?”

“Đó chỉ là một cái tên thôi, cô gái của tôi,” tiến sĩ Fell trả lời nhã nhặn. “Tôi đã bảo là cô không biết hắn ta đâu mà... Giờ, Hadley, đây là lúc tôi phản đối câu chuyện kì khôi của ông một cách ôn hòa nhưng kiên quyết. Chúng ta đã nói nhiều về việc tuyết rơi và ngừng rơi, cứ như thể chúng ta có thể điều khiển nó dễ như đóng mở một cái vòi nước. Nhưng tôi muốn biết là thế quái nào mà một người có thể biết khi nào tuyết sẽ rơi hay ngừng rơi? Hiếm có ai tự nói với chính mình rằng, ‘À ha! Thứ bảy này mình sẽ gây ra một tội ác. Vào đêm đó, mình nghĩ, tuyết sẽ rơi lúc 5 giờ đúng, và ngừng rơi đúng 9 rưỡi. Như thế sẽ cho mình dư dả thời gian để đột nhập vào nhà, và chuẩn bị thủ đoạn của mình trước khi tuyết ngừng rơi.’ Thấy chưa! Lời giải thích của ông còn đáng kinh ngạc hơn vấn đề ông nêu ra. Việc một người có thể đi trên tuyết mà không để lại dấu chân còn dễ tin hơn việc hắn ta biết chính xác khi nào tuyết rơi.”

Ngài chánh thanh tra cấp cao cúi kính. “Tôi đang cố,” ông nói, “để đi vào vấn đề chính. Nhưng nếu ông muốn tranh cãi về chuyện này – ông không thấy là nó giải thích được vấn đề trước đó sao?”

“Vấn đề nào?”

“Cậu bạn Mangan của chúng ta nói rằng vị khách đe dọa sẽ đến lúc 10 giờ. Bà Dumont và anh Mills nói 9 rưỡi. Đợi đã!” Ông kiểm tra lại câu chuyện của Mangan. “A hay B nói dối? Đầu tiên, có lí do hợp lí nào để A hay B phải nói dối về thời điểm *kẻ thủ ác* đến không? Thứ hai, nếu A nói 10 giờ và B nói 9 rưỡi, vậy dù vô tội hay không, một trong hai người phải biết từ trước thời điểm vị khách đó thực sự sẽ đến. Và ai đã đúng?”

“Cả hai đều không,” Mangan nói và nhìn chăm chăm Hadley. “Là giữa hai mốc thời gian đó. Lúc 9 giờ 45.”

“Đúng. Dấu hiệu đó cho thấy cả hai đều không nói dối. Nó chỉ ra rằng thời điểm kẻ đó định đến gặp Grimaud là không xác định, kiểu như ‘9 rưỡi hoặc 10 giờ hoặc trong khoảng thời gian đó’. Và Grimaud, người đang rất cố gắng để làm ra vẻ mình không dễ bị dọa nạt, rất cẩn thận khi nhắc đến cả hai mốc thời gian để đảm bảo tất cả mọi người đều ở nhà. Vợ tôi cũng làm thế khi mời khách đến chơi bài bridge... Nhưng tại sao gã em trai Henri lại không thèm nói rõ thời gian? Bởi, như Fell nói, hắn không thể điều khiển tuyết như một cái vòi nước. Hắn có thể đánh cược rằng tối nay tuyết sẽ rơi, vì tuyết cũng đã rơi mấy hôm rồi, nhưng hắn phải đợi đến khi nó ngừng rơi, dù cho có phải đợi đến nửa đêm. Hắn không cần phải đợi lâu. Tuyết ngừng rơi lúc 9 rưỡi. Và rồi hắn hành động y như một kẻ tâm thần – hắn đợi 15 phút để sau đó không ai tranh cãi được nữa, rồi rung chuông.”

Tiến sĩ Fell mở miệng ra định nói, nhưng sau khi khôn khéo nhìn khuôn mặt chăm chú của Rosette và Mangan, ông dừng lại.

“Giờ thì,” Hadley vươn vai nói. “Tôi đã cho thấy tôi tin lời hai người nói, vì tôi cần sự trợ giúp của hai người trong vấn đề quan trọng nhất chúng ta rút ra được... Kẻ chúng ta cần tìm không phải là người giáo sư Grimaud quen biết sơ sơ. Hắn biết rõ ngôi nhà này như lòng bàn tay – phòng ốc, công việc hằng ngày và thói quen của những người trong nhà. Hắn biết những câu mọi người thường nói và biệt danh của mọi người. Hắn biết cách ông Pettis nói chuyện với tiến sĩ Grimaud, và với *cả hai người* nữa. Do đó hắn không phải là một người bạn làm ăn bình thường mà mọi người chưa gặp bao giờ. Nên tôi muốn biết tất cả những người thường xuyên đến thăm ngôi nhà này, tất cả những ai đủ thân thiết với tiến sĩ Grimaud và khớp với những mô tả đó.”

Cô gái cựa quậy bứt rứt, giọng sừng sốt. “Ông nghĩ... một người như thế... Ôi, không thể nào! Không, không, không!” (Giọng cô ta giống mẹ đến kì lạ) “Không có người nào như thế đâu!”

“Sao cô lại nói thế?” Hadley cao giọng hỏi. “Cô biết người nào đã bắn cha mình à?”

Lời nói đột ngột của Hadley làm cô ta nhảy dựng lên. “Không, tất nhiên là không!”

“Hay cô có nghi ngờ ai không?”

“Không. Trừ việc,” hàm răng của cô ta lóe lên, “tôi không hiểu tại sao các ông cứ đi tìm ở ngoài. Bài học về suy luận rất bổ ích, tôi xin cảm ơn. Nhưng nếu thủ phạm là người *trong* nhà, và hành động như ông nói, thì sẽ rất hợp lí đúng không? Sẽ có lí hơn nhiều nếu là người trong nhà.”

“Là ai?”

“Để xem nào! Đó là việc của các ông, phải không?” (Bằng cách nào đó Hadley đã kích động một con hổ cái khôn ngoan, và cô ta đang thích thú với điều đó.) “Tất nhiên là ông chưa gặp tất cả những người trong nhà. Nhắc mới nhớ, ông còn chưa gặp cô Annie, hay ông Drayman. Nhưng ý tưởng kia của ông thì cực kì nực cười. Trước hết, cha tôi có rất ít bạn. Trừ những người trong nhà này, chỉ có hai người đáp ứng được mô tả của ông, và cả hai người đều không thể là người ông cần tìm. Đơn giản là vì ngoại hình của họ không phù hợp. Một người chính là Anthony Pettis, ông ấy không cao hơn tôi, mà tôi không phải là chiến binh Amazon. Người còn lại là Jerome Burnaby, người họa sĩ đã vẽ bức tranh kì dị đó. Ông ấy hơi dị dạng một chút, nhưng không ai giả dạng được và ai cũng có thể phát hiện từ xa. Dì Ernestine và Stuart sẽ nhận ra ông ấy ngay lập tức.”

“Mặc dù vậy, cô biết gì về họ?”

Cô gái nhún vai. “Cả hai ở tuổi trung niên, giàu có, và luôn theo đuổi sở thích của mình. Pettis hơi đầu và khó tính... Tôi không có ý nói ông ấy giống như bà già, người ta nói ông ấy là người tốt, và cực kì thông minh. Hừ! Tại sao họ không chịu động não làm gì đó thay vì ngồi không!” Cô ta nắm chặt hai tay lại. Rồi cô ta ngược lên nhìn Mangan, vẻ mặt dịu đi, chậm rãi, uể oải, nhưng đầy toan tính. “Burnaby... đúng, Jerome là người thành đạt, theo ý nghĩa nào đó. Ông ấy là một họa sĩ khá có tiếng, mặc dù ông ấy muốn được biết tới với danh nghĩa là một chuyên gia tội phạm học hơn. Ông ấy rất to lớn và cục mịch, thích nói về tội phạm và khoe khoang về sức khỏe

của mình. Jerome cuốn hút theo cách đó. Ông ấy rất thích tôi, và Boyd thì ghen tuông khủng khiếp.” Nụ cười của cô ta mở rộng ra.

“Tôi không thích ông ta,” Mangan lặng lẽ nói. “Thật ra, tôi ghét ông ta như xúc đất đổ đi. Nhưng ít ra Rosette đã đúng về một điều. Ông ta không bao giờ làm một việc như vậy.”

Hadley lại nguệch ngoạc vào sổ tay. “Ông ta bị tật gì?”

“Dị tật ở chân. Ông sẽ thấy là ông ấy không thể che giấu được nó.”

“Cảm ơn. Bây giờ,” Hadley nói, đóng quyển sổ tay lại, “chỉ đến đây thôi. Tôi khuyên cô nên đến nhà dưỡng lão ngay. Trừ khi có câu hỏi nào không, Fell?”

Tiến sĩ ì ạch đi về phía trước. Ông đứng sừng sững trước mặt cô gái, đầu hơi nghiêng về một bên nhìn cô gái.

“Một câu hỏi cuối thôi,” ông nói, vẫy hai sợi dây đeo kính màu đen như đuôi ruồi. “Hừm! Ha! Cô Grimaud, tại sao cô lại chắc chắn thủ phạm là ông Drayman vậy?”

VIII. Viên đạn

TIENT SĨ FELL không nhận được câu trả lời nào cho câu hỏi của mình, nhưng ít nhất thì ông vẫn khai thác được điều gì đó. Mọi chuyện kết thúc trước cả khi Rampole kịp nhận ra chuyện gì đã xảy ra. Vì vị tiến sĩ nhắc đến cái tên “Drayman” với giọng cực kì thản nhiên, Rampole không hề có chút ấn tượng nào và anh thậm chí còn không nhìn vào Rosette. Lúc đó anh đang bần khoản không hiểu chuyện gì đã xảy ra để biến anh chàng Mangan sôi nổi, lăm mồm, và vui vẻ mà anh từng biết thành một con người hay dao động, e ngại, thích phản kháng và ăn nói như một thằng khờ. Trước đây Mangan chưa bao giờ ăn nói như một thằng khờ, kể cả khi anh chàng tỏ ra ngốc nghếch. Nhưng bây giờ...

“*Đồ quý dữ!*” Rosette Grimaud rít lên.

Tiếng rít của cô gái giống như tiếng phấn viết kin kít lên bảng đen. Rampole xoay người lại và thấy đôi gò má cao giờ còn cao hơn nữa khi miệng cô gái mở rộng ra và mắt cô ta có vẻ như đang bốc lửa. Nhưng Rampole chỉ kịp nhìn thoáng qua thôi. Cô ta đã lao nhanh qua tiến sĩ Fell, bộ áo lông chồn bay phấp phới, và chạy ra ngoài hành lang, với Mangan bám sát theo. Cửa đóng sầm lại. Mangan quay trở lại trong chốc lát, nói với họ, “Ờ... xin lỗi!” rồi nhanh chóng đóng cửa lại. Đứng ở ngưỡng cửa trông anh ta thật xấu xí, lưng thì còng còn đầu thì cúi xuống, làm cho vàng trán đầy nếp nhăn và đôi mắt đen hoang mang sáng lên dữ dội. Anh ta duỗi tay ra trước, lòng bàn tay úp xuống, như thể đang cố khiến khán giả trong khán phòng im lặng. “Ờ... xin lỗi!” anh ta nói, rồi đóng cửa lại.

Tiến sĩ Fell nhắm mắt làm ngơ.

“Cha nào con nấy, Hadley,” ông khụt khịt mũi rồi lắc đầu chậm rãi. “Hừm, đúng rồi. Dưới áp lực tinh thần lớn, cô ấy chỉ chịu đựng được đến thế thôi: im lặng, như thuốc súng ép chặt thành viên đạn, và chỉ cần một ai đó

kích hoạt thôi, và... Tôi nghĩ cô ấy đang thật sự không minh mẫn, và có thể cô ấy nghĩ mình có lí do để phản ứng như thế. Tôi tự hỏi không biết cô ấy biết những gì?”

“À, cô ta là người nước ngoài mà. Nhưng đó không phải là vấn đề ở đây. Tôi cảm thấy,” Hadley nói, hơi cộc cằn, “rằng ông lúc nào cũng đoán mò và ăn may như một tay bắn súng trường bắn rụng điều thuốc lá trên miệng người khác vậy. Còn chuyện với Drayman nghĩa là sao hả?”

Tiến sĩ Fell có vẻ bực mình. “Cho tôi một phút, một phút... ông nghĩ sao về cô ấy, Hadley? Cả Mangan nữa?” Ông quay lại nói với Rampole. “Tôi hơi lẫn lộn một chút. Theo như lời cậu kể, tôi đã nghĩ cậu Mangan phải là một gã người Ireland hoang dã, kiểu người tôi hiểu rõ và yêu thích.”

“Đã từng như vậy,” Rampole nói. “Ông hiểu chứ?”

“Còn về cô gái đó,” Hadley nói, “tôi nghĩ cô ta có thể ngồi lạnh lùng, phân tích cuộc đời của cha mình (à này, cô ta là người rất có đầu óc đấy), vậy trong lúc này tôi cá là cô ta đang vừa khóc lóc trong cơn kích động, vừa sang nhà dưỡng lão vì nghĩ rằng cô ta chưa đủ quan tâm tới ông ta. Tôi nghĩ về cơ bản, cô ta đáng tin. Nhưng dường như có một con quỷ bên trong cô ta, Fell. Cô ta vừa muốn có một đức lang quân, vừa muốn tìm một ông chủ nhà. Cô ta và Mangan sẽ không bao giờ hợp nhau cho đến khi cậu ta đủ tỉnh táo để đánh vào đầu của cô nàng, hoặc đến khi cô ta làm theo lời khuyên của chính mình trong cuộc tranh luận ở trường đại học London.”

“Kể từ khi ông trở thành chánh thanh tra cấp cao ở Phòng Điều tra Tội phạm,” tiến sĩ Fell tuyên bố, nheo mắt nhìn Hadley, “tôi để ý thấy ông hơi ngông nghênh đấy. Điều đó khiến tôi buồn phiền và ngạc nhiên. Nghe này, đồ dê già. Ông thật sự tin những điều nhảm nhí ông đã nói sao? Về việc kẻ giết người lén vào nhà và đợi đến khi tuyết ngừng rơi ấy?”

Hadley cho phép mình cười nhả răng. “Đó là cách giải thích hợp lí nhất,” ông nói, “cho đến khi tôi tìm ra cách khác tốt hơn. Và nó khiến cho đầu óc họ bận rộn. Luôn luôn khiến đầu óc của nhân chứng bận rộn. Ít ra tôi

cũng tin vào câu chuyện của họ... Chúng ta sẽ tìm ra dấu chân trên mái nhà thôi, đừng lo. Nhưng chúng ta sẽ nói chuyện đó sau. Còn Drayman thì sao?”

“Đầu tiên, tôi cứ suy nghĩ mãi về bình luận kì lạ của bà Dumont. Nó kì lạ đến nỗi không ăn nhập gì đến câu chuyện. Nhưng đó không phải do bà ta cố tình, bà ta rít lên câu đó trong lúc kích động nhất, khi bà ta không hiểu tại sao ngay cả những kẻ sát nhân cũng phải cố diễn trò ngớ ngẩn như thế. Bà ta nói (nếu ông muốn hăm hại ai đó thì), ‘ông không đeo một cái mặt nạ sơn, giống cái ông già Drayman với đám trẻ con thường đeo trong đêm hội Guy Fawkes.’ Tôi ghi nhớ lời gợi ý về bóng ma Guy Fawkes này, tự hỏi ý nghĩa của nó là gì. Rồi, rất tình cờ, tôi hỏi về Pettis – khi nói chuyện với Rosette – trong đó có những từ sau, ‘ăn mặc như một kẻ di tham dự lễ hội ngày Năm tháng Mười một?’ Ông có để ý thấy phản ứng của cô ấy không, Hadley? Mô tả của tôi về cách ăn mặc của vị khách đó đã gợi ý cho cô ấy, nhưng nó khiến cô ấy vừa hài lòng vừa ngạc nhiên. Cô ấy không nói gì cả vì phải suy nghĩ. Cô ấy ghét người mình đang nghĩ tới. Đó là người nào?”

Từ bên kia căn phòng, Hadley nhìn tiến sĩ Fell chăm chăm. “Đúng, tôi nhớ rồi. Tôi có thể thấy cô ta đang ám chỉ ai đó mà cô ta nghi ngờ hoặc muốn chúng ta nghi ngờ, vì thế tôi mới hỏi thẳng. Cô ta khiến tôi nghĩ hung thủ là người trong nhà. Nhưng nói thật lòng,” ông xoa tay lên trán, “nhà này kì quặc đến nỗi trong thoáng chốc tôi tưởng cô ta đang ám chỉ mẹ của mình.”

“Nhìn cái cách cô ấy kéo Drayman vào thì không. ‘Nhắc mới nhớ, ông còn chưa gặp cô Annie, hay ông Drayman.’ Thông tin quan trọng ở vế sau...” Tiến sĩ Fell chậm chạp đi xung quanh cái bàn máy chữ, nhìn cốc sữa một cách đầy ác cảm. “Chúng ta phải gọi ông ta đến. Ông ta khiến tôi hứng thú. Ông Drayman, một người bạn cũ ăn bám Grimaud, người thích uống thuốc ngủ và đeo mặt nạ Guy Fawkes – Ông ta là ai? Địa vị của ông ta trong nhà này là gì? ông ta làm gì ở đây?”

“Ý ông là ông ta tổng tiền Grimaud?”

“Nhảm nhí, bạn của tôi ơi. Ông đã nghe chuyện một ông giáo lại đi tổng tiền bao giờ chưa? Không, không. Họ quá lo sợ người ta sẽ phát hiện ra điều gì về *minh*. Nghề giáo cũng có khuyết điểm, nhìn tôi đây này, nhưng nó không tạo ra những kẻ tổng tiền... Không, có lẽ là trong cơn bốc đồng, Grimaud đã đón nhận ông ta. Nhưng...”

Ông dừng lại khi một làn gió lạnh thổi bay áo khoác của ông lên. Cánh cửa bên kia căn phòng dẫn tới cầu thang lên gác xép và mái nhà mở ra và đóng lại. Mills nhảy vào. Môi tái xanh, anh ta choàng một cái khăn lông lớn trên cổ, nhưng trông anh có vẻ thỏa mãn. Sau khi tự thưởng cho mình cốc sữa (anh ta uống một cách bình thản, đầu ngửa ra như một nghệ sĩ biểu diễn trò nuốt kiếm), anh ta đưa tay ra hơ trước lò sưởi.

Anh ta nói liền thoảng: “Thưa các quý ông, tôi đã quan sát thám tử của các ngài, ở vị trí thuận lợi trên đỉnh cửa sập. Anh ta làm tuyết lở xuống vài lần, nhưng... Xin thứ lỗi! Chẳng phải các ông có một công việc nào đó cần tôi thực hiện hay sao? À đúng rồi. Tôi rất nóng lòng được trợ giúp, nhưng tôi sợ là mình đã quên...”

“Đi đánh thức ông Drayman dậy,” ngài chánh thanh tra cấp cao nói, “nếu cần thì dội nước lên người ông ta. Và... Đúng rồi! Pettis! Nếu ông Pettis vẫn còn ở đây, báo với ông ấy là tôi muốn gặp ông ấy. Trung sĩ Betts phát hiện được gì trên đó?”

Betts tự trả lời câu hỏi đó. Người anh ta phủ đầy tuyết, như thể anh bị lộn đầu xuống đất trong khi trượt tuyết. Anh ta thử mạnh, giậm chân thành thịch và vừa rũ tuyết khỏi quần áo vừa tiến lại lò sưởi.

“Thưa ngài,” anh ta thông báo, “tôi có thể đảm bảo với ngài là đến một dấu chân chim cũng không có trên đó. Chẳng có bất kì dấu vết nào cả. Tôi đã kiểm tra kĩ từng mét một.” Anh ta tháo đôi găng tay sũng nước ra. “Tôi đã buộc dây thừng và leo lên từng cái ống khói một để trèo xuống và trượt dọc máng xối. Ngoài rìa không có gì, quanh ống khói cũng thế, chẳng có gì cả. Nếu có ai đó trèo lên mái nhà, thì chắc hẳn phải nhẹ hơn không khí. Còn giờ tôi sẽ đi xuống và khám xét vườn sau...”

“Nhưng...!” Hadley la lên.

“Phải rồi,” tiến sĩ Fell nói. “Nghe này, chúng ta nên đi ra và xem đám chó săn của anh đang làm gì ở phòng bên kia. Nếu cậu Preston tốt bụng...”

Trung sĩ Preston, trông có vẻ hơi cáu kỉnh, mở cánh cửa thông ra hành lang cứ như biết mình được triệu tập. Anh ta nhìn Betts rồi quay sang Hadley.

“Mất chút thời gian, thưa ngài,” anh ta báo cáo, “vì chúng tôi phải kéo hết tủ sách ra và đẩy vào vị trí cũ. Câu trả lời là không có gì! Không có bất kì lối đi bí mật nào cả. Ống khói rất vững chắc và không có gì lạ lùng, lưới chỉ rộng khoảng 5 đến 7,5 cm và nằm chéo... Còn gì không, thưa ngài? Những người kia cũng xong rồi.”

“Còn dấu vân tay?”

“Có nhiều dấu vân tay, trừ... Có phải ngài đã nâng và hạ cửa sổ xuống đúng không ạ? Ngón tay đặt lên kính gần phần trên của khung? Tôi nhận ra dấu vân tay của ngài.”

“Thường thì tôi rất cẩn thận với những chuyện như thế,” Hadley ngắt lời. “Sao nữa?”

“Ngoài ra trên kính không có gì. Và tất cả những phần khung và ngưỡng cửa bằng gỗ đã được đánh véc ni bóng đến nỗi vết bẩn của găng tay trông cũng rõ như dấu vân tay. Không có gì cả, vết bẩn cũng không. Nếu có ai thoát ra ngoài bằng đường đó, chắc hẳn phải lúi lại lấy đà và nhảy lao đầu ra ngoài mà hoàn toàn không chạm vào thứ gì.”

“Đủ rồi, cảm ơn,” Hadley nói. “Đợi ở tầng dưới. Ra vườn sau đi, Betts... Không, đợi đã, anh Mills. Preston sẽ đi gọi ông Pettis, nếu ông ta vẫn ở đó. Tôi muốn nói chuyện với anh.”

“Có vẻ như,” Mills nói giọng the thé, khi hai người kia đã đi, “rằng các ông lại nghi ngờ câu chuyện của tôi. Tôi xin đảm bảo là tôi nói sự thật. Chỗ tôi ngồi đây. Các ông tự xem đi.”

Hadley mở cửa. Trước mặt họ là hành lang tối tăm dài khoảng 9 mét từ bên này đến cánh cửa đối diện – cánh cửa được ánh sáng tỏa ra từ vòm cầu thang chiếu lên rất đẹp.

“Có khả năng nào anh đã nhầm không?” ngài chánh thanh tra cấp cao lẩm bẩm. “Rằng hẳn ta không thực sự bước vào hay tương tự như thế? Rất nhiều chuyện kì quặc có thể xảy ra trong lúc lộn xộn, tôi biết đã có chuyện như thế rồi. Tôi không cho là bà Dumont đã làm điều gì đó kì quặc như đóng giả làm người đợc mặt nạ đó, hoặc... Không, anh thấy cả hai người họ cùng nhau nhi... *Khi thật!*”

“Những điều ông mô tả là kì quặc không hề xảy ra,” Mills nói. Kể cả trong lúc sốt sáng đến mướt mồ hôi, anh ta vẫn nói hai từ “kì quặc” với vẻ ghê tởm. “Tôi thấy rõ ràng cả ba người họ đứng cách xa nhau. Bà Dumont đứng trước cửa, đúng, nhưng chệch về bên phải. Người đàn ông cao cao đứng về bên trái, và tiến sĩ Grimaud đứng giữa hai người họ. Người cao thật sự đã đi vào phòng, ông ta đóng cửa và không ra ngoài. Sự việc này không hề diễn ra dưới ánh sáng lờ mờ. Không ai có thể nhầm lẫn vóc dáng khổng lồ của ông ta.”

“Tôi thấy chúng ta không có lí do gì để nghi ngờ, Hadley,” tiến sĩ Fell nói sau khi dừng lại một chút. “Chúng ta cũng quên cái cửa đó đi.” Ông xoay người lại. “Anh biết gì về ông Drayman?”

Mắt Mills nhú lại. Giọng nói trầm bổng của anh ta trở nên thận trọng hơn.

“Vâng, thưa ngài, đúng là ông ấy là một chủ đề gọi nhiều tò mò. Hừm! Nhưng tôi biết rất ít về ông ấy. Ông ấy đã ở đây vài năm trước khi tôi đến, tôi nghe là như vậy. Ông ấy buộc phải bỏ nghề giáo vì mắt ông ấy gần như mù hẳn. Bây giờ ông ấy vẫn như thế, mặc dù đã được điều trị, nhưng các ông sẽ không thể nhận ra điều này... ờ... nếu chỉ nhìn vào mắt ông ấy. Ông ấy xin tiến sĩ Grimaud giúp đỡ.”

“Ông ta có năm thóp được tiến sĩ Grimaud không?”

Viên thư kí cau mày. “Tôi không thể nói chắc được. Tôi chỉ được nghe là tiến sĩ Grimaud quen biết ông ấy ở Paris, nơi ông ấy học. Đó là thông tin duy nhất mà tôi có, ngoại trừ một nhận xét của tiến sĩ Grimaud khi ông ấy đang, nói thế nào nhỉ... đang chè chén say sưa.” Miệng Mills mím lại và cong lên thành một nụ cười hờn hĩnh, mắt anh ta nhú lại, và có vẻ chế nhạo. “Hừm! Tiến sĩ Grimaud nói rằng ông Drayman đã có lần cứu mạng ông ấy, và ông xem ông ấy như một người bạn tốt nhất thế giới. Tất nhiên, trong tình trạng đó...”

Mills có thói quen là đặt một chân lên trước chân kia, rung lắc, và lấy mũi giày sau thúc vào gót giày trước. Hành động ngớ ngẩn này cùng với vóc người nhỏ bé và mái tóc bù xù khiến anh ta trông giống Swinburne phiên bản biếm họa. Tiến sĩ Fell nhìn anh ta với vẻ tò mò. Nhưng ông chỉ nói: “Thì sao? Và tại sao *anh* lại không thích ông ta?”

“Tôi không thích cũng chẳng ghét ông. Nhưng ông ấy chỉ ngồi không.”

“Có phải đó cũng là lí do cô Grimaud không thích ông ta không?”

“Cô Grimaud không thích ông ấy?” Mills nói, trợn mắt ra rồi lại nhú lại. “Vâng, tôi cho là như thế. Tôi có quan sát, nhưng không thể khẳng định chắc chắn.”

“Hừm. Và tại sao ông ta lại có hứng thú với đêm hội Guy Fawkes?”

“Guy Fa... A!” Mills kêu lên ngạc nhiên, và bật ra một tràng cười nhạt nhẽo. “Tôi hiểu! Tôi đã không chú ý. Ông thấy đấy, ông ấy rất thích trẻ con. Ông ấy cũng có hai người con, đã qua đời – theo tôi nhớ thì chúng rơi từ trên mái nhà xuống khoảng vài năm trước. Đó là một trong những bi kịch nhỏ nhặt và ngớ ngẩn mà chúng ta nên bỏ qua để tiến tới xây dựng một thế giới lớn hơn, tốt đẹp hơn và rộng rãi hơn trong tương lai.”

Nghe đến chỗ này, tiến sĩ Fell trông như thể ông cũng muốn giết người đến nơi rồi, nhưng Mills vẫn tiếp tục: “Vợ ông ấy cũng không sống được lâu. Rồi mắt ông ấy mờ dần đi... Ông ấy thích giúp lũ trẻ con chơi mấy trò chơi của chúng, và tính tình ông ấy cũng rất trẻ con dù cho ông ấy vẫn có

những phẩm chất trí tuệ nhất định.” Đôi môi trề ra của Mills hơi nhấc lên một chút. “Ngày lễ ông ấy yêu thích nhất là ngày Năm tháng Mười một, đó là sinh nhật của một trong những người con xấu số của ông ấy. Ông ấy để dành tiền cả năm để mua đèn và lễ phục, và làm hình nhân Guy cho cuộc diễu hành đến...”

Một tiếng gõ cửa đánh gọn vang lên, sau đó trung sĩ Preston xuất hiện.

“Không có ai ở dưới tầng, thưa ngài,” anh ta báo cáo. “Người đàn ông mà ngài muốn gặp chắc đã đi rồi... Một anh chàng từ nhà dưỡng lão mang thứ này đến cho ngài.”

Anh ta đưa một phong bì và một cái hộp vuông bằng bìa cứng trông như một cái hộp trang sức. Hadley xé lá thư, liếc xuống đọc, rồi chửi thề.

“Ông ấy mất rồi,” Hadley nói câu kính, “và không nói thêm một lời nào... Đây, đọc đi!”

Rampole nhìn qua vai tiến sĩ Fell trong lúc ông đọc bức thư.

“Gửi chánh thanh tra cấp cao Hadley,

Ông Grimaud tội nghiệp đã qua đời lúc 11 giờ 30. Tôi gửi cho ông viên đạn. Nó thuộc cỡ 38, đúng như tôi nghĩ. Tôi cố liên lạc với bác sĩ pháp y của ông, nhưng ông ấy đang lo một vụ khác, nên tôi gửi nó cho ông.

Ông ấy vẫn tỉnh táo cho đến phút cuối. Ông ấy nói vài lời mà tôi và hai y tá có thể xác nhận, nhưng có thể lúc đó ông ấy đang mê sảng, vì vậy ông nên cẩn thận với những lời đó. Tôi biết ông ấy khá rõ, nhưng chắc chắn tôi chưa bao giờ biết ông ấy có anh em gì.

Đầu tiên ông ấy bảo muốn nói với tôi điều gì đó, và những gì ông ấy nói được ghi chép lại chính xác như sau:

‘Em trai tôi là hung thủ. Tôi chưa bao giờ nghĩ nó sẽ bắn. Có Chúa mới biết nó thoát khỏi căn phòng bằng cách nào. Vừa mới đây nó còn ở đó mà ngay sau đó nó đã biến mất. Lấy giấy bút nhanh lên! Tôi muốn nói cho ông biết em trai tôi là ai, để ông không nghĩ là tôi đang mê sảng.’

Vì hét toáng lên, nên ông ấy lại bị xuất huyết, và ông ấy qua đời mà không nói thêm được gì nữa. Tôi đang giữ thi thể theo lệnh của ông. Nếu tôi có thể giúp được gì, xin hãy cho tôi biết.

Bác sĩ E. H. Peterson”

Họ nhìn nhau. Toàn bộ câu đố đã xuất hiện, chứng cứ đã được khẳng định và lời khai được chứng minh, nhưng sự kinh hoàng của người vô hình vẫn đọng lại. Sau một khoảng im lặng, ngài chánh thanh tra cấp cao lên tiếng, giọng nặng nề.

“Có Chúa mới biết,” Hadley nhắc lại, “nó thoát khỏi căn phòng bằng cách nào.”

cỗ quan tài thứ hai

Bí ẩn ở phố Cagliostro

IX. Phá mộ

TIẾN SĨ FELL đi qua đi lại, thờ dài, rồi ngồi xuống cái ghế lớn nhất. “Em trai Henri...” ông gầm gừ. “Hừm, đúng. Tôi e là chúng ta phải quay lại với em trai Henri.”

“Gã em trai Henri khốn kiếp,” Hadley nói giọng đều đều. “Chúng ta sẽ đi tìm gã em trai Pierre trước. Hẳn biết! Tại sao tôi không nhận được tin nhắn nào từ viên cảnh sát đó nhỉ? Người được giao nhiệm vụ đến nhà hát bắt hăng dâu rồi? Cả cái đám đáng nguyên rủa đó di ngũ hết rồi hay sao...”

“Chúng ta không nên quá kích động vì chuyện đó,” vị tiến sĩ xen vào, khi Hadley bắt đầu giậm chân thành thịch và chửi bới hung hăng. “Đó chính là điều mà gã em trai Henri muốn chúng ta làm. Giờ thì đã có những lời cuối cùng của Grimaud, ít ra chúng ta cũng có manh mối...”

“Để làm gì?”

“Để giải thích những từ ông ấy đã nói với chúng ta, những từ mà chúng ta không thể nào hiểu nổi. Rất tiếc là có lẽ nó không có ích gì lắm vì chúng ta đã có một giả thuyết rồi. Với chứng cứ mới này, tôi e là chúng ta đang thấy Grimaud chạy vào ngõ cụt. Ông ấy không cung cấp cho chúng ta được điều gì, chỉ đưa ra cho chúng ta một câu hỏi.”

“Là gì?”

“Ông không thấy đó chính là câu hỏi mà ông ấy đã tự hỏi mình suốt thời gian qua sao? Câu cuối cùng: ‘Có Chúa mới biết nó thoát khỏi căn phòng đó bằng cách nào. Vừa mới đây nó còn ở đó mà ngay sau đó nó đã biến mất.’ Giờ hãy thử xem xét những từ trong quyển sổ tay vô giá của ông. Phiên bản của ông và anh bạn Ted đây có hơi khác nhau một chút. Nhưng chúng ta sẽ bắt đầu với những từ mà cả hai người đều đồng ý và chúng ta phải cho là đúng. Bỏ những từ đầu tiên qua một bên – tôi nghĩ chúng ta có thể khẳng

định ông ấy muốn nói ‘Horváth’ và ‘mỏ muối’. Bỏ qua một bên những từ hai người không thống nhất. Những từ nào có ở trong cả hai danh sách?”

Hadley búng ngón tay. “Tôi bắt đầu – Đúng rồi! Những từ đó là, ‘Hắn không thể dùng dây thừng. Mái nhà. Tuyết. Fox. Quá nhiều ánh sáng.’ Chà, vậy đấy! Nếu chúng ta tìm cách tổng hợp lại, ghép những từ đó với câu trên để thành một thông điệp có ý nghĩa, chúng ta sẽ được thế này: ‘Có Chúa mới biết nó thoát khỏi đó bằng cách nào. Nó không thể dùng dây thừng để leo lên hoặc leo xuống mái nhà giữa trời tuyết thế này. Vừa mới đây nó còn ở đó mà ngay sau đó nó đã biến mất. Có quá nhiều ánh sáng nên tôi thấy rõ từng hành động của nó...’ Khoan đã! Thế còn...”

“Và bây giờ,” tiến sĩ Fell nói, hừ một cái cúi kính, “ông có thể ghép những từ còn lại vào. Ted nghe được, ‘không phải tự tử’. Đặt vào trong cả đoạn, nó phù hợp với những từ khác, với mục đích khẳng định. ‘Đây không phải là tự tử. Tôi không tự vẫn.’ Ông nghe được từ ‘có súng’, cũng không khó khăn gì để đặt nó vào câu này, ‘Tôi không bao giờ nghĩ nó sẽ bắn.’ Bùm! Tất cả những manh mối quyện vào nhau và biến thành những câu hỏi. Đây là vụ đầu tiên tôi từng biết mà nạn nhân cũng tò mò như tất cả những người khác.”

“Nhưng còn từ ‘fox’ thì sao? Chẳng nhét được nó vào chỗ nào cả.”

Tiến sĩ Fell nhìn Hadley, mắt ánh lên vẻ cúi kính.

“Ồ, có, có đấy. Đó là phần đơn giản nhất – mặc dù cũng có thể là phần khó hiểu nhất, và chúng ta không nên quyết định vội vã xem nên đưa từ đó vào đâu. Vấn đề ở đây là khi chúng ta nghe một từ mà không biết từ đó được đánh vần như thế nào, thì chúng ta sẽ nghĩ đến từ nào... Nếu tôi thử chơi trò liên kết từ chẳng hạn (trò quái quỷ), và bỗng nhiên thì thầm từ ‘Fox!’ với một kỹ sĩ cưỡi ngựa, có lẽ anh ta sẽ trả lời là ‘Chó săn!’ Nhưng nếu tôi nói từ đó với một nhà sử học, nhiều khả năng ông ấy sẽ hét lên là – trả lời nhanh nào! Là gì?”

“Guỵ,” Hadley nói, rồi chửi thề. Sau một khoảng lặng khủng khiếp, ông hỏi gặng: “Ý ông có phải là chúng ta phải quay lại với những lời lảm nhảm

về mặt nạ Guy Fawkes, hay một cái gì đó gần giống như mặt nạ Guy Fawkes?”

“Chà, mọi người cũng lải nhải về chuyện đó nhiều lắm rồi,” vị tiến sĩ vừa nói vừa gãi trán. “Và tôi không ngạc nhiên. Nó gây ấn tượng mạnh mẽ cho những ai nhìn thấy nó ở khoảng cách gần. Điều này có mách bảo cho ông biết phải làm gì không?”

“Nó bảo tôi phải nói chuyện với ông Drayman,” ngài chánh thanh tra cấp cao nói một cách dứt khoát. Ông sai bước về phía cửa, và giật mình khi thấy khuôn mặt xương xẩu của Mills đang ghé sát vào tấm kính dày để nghe trộm.

“Bình tĩnh, Hadley,” tiến sĩ Fell xen vào khi thấy ngài chánh thanh tra cấp cao có dấu hiệu sắp nổi xung lên. “Ông kì lạ ở chỗ đó đấy: ông có thể bình tĩnh như một người lính gác khi đối mặt với những điều bí ẩn khó hiểu, nhưng có vẻ như ông không thể giữ nổi bình tĩnh khi chúng ta đến gần sự thật. Cứ để anh bạn trẻ của chúng ta nghe trộm đi. Anh ta nên nghe tất cả, hoặc chí ít cũng là phần cuối cuộc nói chuyện vừa rồi.” Ông cười khục khục. “Điều tôi vừa nói có khiến ông nghi ngờ Drayman không? Hà hà! Ngược lại là đằng khác. Nhớ này, chúng ta vẫn chưa hoàn tất trò chơi ghép hình. Còn một chi tiết cuối cùng mà chúng ta chưa tính đến, chi tiết mà chính tai ông đã nghe thấy đấy. Cái mặt nạ hồng đó khiến mọi người tưởng đó là Drayman. Nhưng Grimaud biết khuôn mặt nào ở phía sau cái mặt nạ đó. Do đó chúng ta có một cách giải thích khá hợp tình hợp lí về những từ cuối cùng do ông ghi lại, ‘*Đừng đổ lỗi cho... tội nghiệp.*’ Có vẻ như ông ta rất có thiện cảm với Drayman.” Sau một khoảng im lặng, tiến sĩ Fell quay qua Mills, “giờ thì đi gọi ông ấy đến đây đi con trai.”

Khi cửa đã đóng lại, Hadley mệt mỏi ngồi xuống và lấy từ trong túi áo ngực một chiếc xì gà nhả nhúm mà ông chưa châm. Rồi ông đưa tay lên xung quanh cổ áo với vẻ hung dữ và ngọt ngào như thể nỗi lo lắng khiến ông tưởng tượng rằng cổ áo quá chật.

“Lại đoán mò nữa hả?” ông hỏi. “Lại thêm cái kiểu suy diễn 5 ăn 5 thua, và chàng trai trẻ gan dạ trên... ừm!” Ông nhìn xuống sàn nhà, và rồi gầm gừ với vẻ khó chịu. “Tôi không thể kiểm chế được nữa rồi! Nghe những ý tưởng kì quái như vừa rồi chẳng giúp ích gì cho tôi cả. Ông có đề xuất nào cụ thể không?”

“Có. Lát nữa, nếu ông cho phép, tôi sẽ áp dụng xét nghiệm của tiến sĩ Gross.”

“Áp dụng cái gì?”

“Xét nghiệm của tiến sĩ Gross. Ông không nhớ sao? Chúng ta vừa tranh cãi về nó tối nay. Tôi sẽ thu thập cẩn thận những tờ giấy đã cháy đen và cháy sém trong lò sưởi, để xem xét nghiệm của Gross có thể cho ta thấy chữ viết trên đó không. Im lặng nào!” ông gầm lên khi thấy Hadley lại buông ra những âm thanh khinh miệt. “Tôi không bảo là tất cả, hay thậm chí một nửa số chữ sẽ hiện ra. Nhưng tôi sẽ tìm được vài dòng ở trong đó có thể cho ta manh mối về điều mà Grimaud coi còn quan trọng hơn mạng sống của mình. Ha! Đúng rồi.”

“Và ông định làm cái trò này bằng cách nào?”

“Ông sẽ thấy thôi. Nên nhớ là tôi không nói ta sẽ thu được kết quả hài lòng từ những tờ giấy đã cháy hoàn toàn thành than. Nhưng chúng ta sẽ thu được gì đó, nhất là từ những tờ chỉ mới cháy sém được kẹp giữa những tờ đã cháy thành than, cái đó thì sẽ làm được... Ngoài ra, tôi không có đề xuất nào khác, trừ khi chúng ta hỏi... vâng, sao vậy?”

Trung sĩ Betts, người không còn dính đầy tuyết nữa, đi vào báo cáo với vẻ gượng gạo. Anh ngoái nhìn ra cánh cửa sau lưng trước khi đóng nó lại.

“Tôi đã xem xét kĩ sân sau, thưa ngài. Cả hai sân bên cạnh và trên đầu tường nữa. Không có dấu chân hay bất kì dấu vết nào... Nhưng tôi tin rằng chúng tôi đã bắt được một con cá, Preston và tôi. Khi tôi đang quay vào nhà, tôi thấy một ông già cao và vụng về chạy xuống, tay vươn ra bám vào lan can cầu thang. Ông ta chạy đến tủ quần áo, và quờ quạng như thể không

quen với cái tủ, cho đến khi ông ta lấy được áo khoác và mũ rồi tiến ra cửa. Ông ta nói tên mình là Drayman và ông ta sống ở đây, nhưng chúng tôi nghĩ...”

“Tôi nghĩ anh sẽ phát hiện ra rằng thị giác của ông ta không tốt,” tiến sĩ Fell nói. “Đưa ông ta vào đây.”

Người đàn ông bước vào có bề ngoài đặc biệt ấn tượng. Khuôn mặt dài và trầm lặng của ông ta hóp lại ở phần thái dương, đám tóc bạc mọc phía sau đầu, để lộ vầng trán rộng và đầy những nếp nhăn nhỏ. Đôi mắt xanh và sáng của ông ta, không hề đục chút nào mặc dù xung quanh đã đầy dấu chân chim, trông lịch sự nhưng bối rối. Ông ta có một cái mũi khoằm, và những nếp nhăn sâu chạy xuống cái miệng tử tế có vẻ đang lưỡng lự, và cái động tác nhăn trán để cho một bên lông mày rướn lên một chút khiến ông ta trông càng lưỡng lự hơn. Mặc dù lưng đã còng nhưng trông ông ta vẫn cao, dù vóc người gầy gò nhưng ông ta vẫn khỏe khoắn. Ông ta giống như một người lính đã già yếu, hay một người từng chải chuốt giờ đã ăn mặc luộm thuộm hơn. Trên khuôn mặt ông ta không có nét gì hài hước, nhưng bù lại trông ông ta tử tế đến mức có vẻ lúng túng và ăn năn. Ông ta mặc một cái áo khoác màu tối, cài cúc đến tận cằm. Đứng trên bậc cửa, nhìn chăm chú vào những người trong phòng qua cặp lông mày rối bù, ông ta ép chặt một cái mũ quả dưa trước ngực và ngấp ngừng.

“Tôi xin lỗi, thưa các ông. Tôi thật lòng rất xin lỗi,” ông ta nói. Giọng nói trầm của ông ta khiến người ta có cảm giác ông không quen phát biểu. “Tôi biết đáng ra tôi nên đến trình diện các ông trước khi sang đó. Nhưng cậu Mangan trẻ tuổi đã đánh thức tôi dậy để báo chuyện đã xảy ra. Tôi cảm thấy mình phải sang đó gặp ông Grimaud, để xem tôi có thể làm gì được không...”

Rampole có cảm giác ông ta phản ứng chậm chạp và lưỡng lự vì vừa ngủ dậy hoặc do thuốc ngủ, rằng đôi mắt sáng của ông có vẻ quá đờ đẫn. Ông ta bước sang một bên, một tay bám vào lưng ghế. Nhưng ông không ngồi xuống cho đến khi được Hadley mời.

“Cậu Mangan bảo tôi...” ông nói, “tiến sĩ Grimaud...”

“Tiến sĩ Grimaud đã chết,” Hadley nói.

Drayman vẫn ngồi thẳng hết mức cái lưng còng của ông cho phép, hai tay khoanh lại đặt trên mũ. Một sự im lặng nặng nề hao mòn căn phòng. Drayman nhắm mắt và mở mắt ra. Rồi có vẻ như ông ta nhìn ra xa, vừa thờ vừa rít lên nặng nề và chậm chạp.

“Chúa giúp linh hồn ông ấy an nghỉ,” Drayman nói, rất lặng lẽ. “Charles Grimaud là một người bạn tốt.”

“Ông có biết ông ấy chết vì nguyên nhân gì không?”

“Có. Cậu Mangan đã nói với tôi.”

Hadley chăm chú quan sát ông. “Vậy thì ông hiểu rằng nói tất cả, *tất cả* những gì ông biết, là cách duy nhất để giúp chúng tôi bắt kẻ đã giết bạn ông chứ?”

“Tôi... Vâng, tất nhiên rồi.”

“Phải thật chắc chắn, ông Drayman! Chắc chắn hơn bình thường. Chúng tôi muốn biết về quá khứ của ông ấy. Ông biết ông ấy rất rõ. Lần đầu tiên hai người gặp nhau là ở đâu?” Khuôn mặt dài của ông Drayman trông rất bối rối, có cảm tưởng như những đường nét đã trở nên lộn xộn. “Ở Paris. Ông ấy lấy bằng tiến sĩ ở trường đại học năm 1905, cùng năm tôi... cùng năm tôi quen biết ông ấy.” Những kí ức như đang lẩn tránh Drayman. Ông ta đưa tay lên trán, và giọng nói của ông cáu kỉnh như thể một người đang hỏi xem người ta giấu cái ghim cài cổ áo của mình ở đâu. “Grimaud rất thông minh. Ông ấy nhận danh hiệu phó giáo sư ở Dijon một năm sau đó. Nhưng một người họ hàng qua đời hay đại loại thế, và để lại cho ông ấy một khoản thừa kế kha khá. Một thời gian ngắn sau ông ấy bỏ việc và đến nước Anh. Đó là theo những gì tôi biết. Sau đó nhiều năm, tôi không gặp ông ấy. Đó có phải điều các ông muốn biết không?”

“Ông có biết gì về ông ấy trước năm 1905 không?”

“Không.”

Hadley vươn người về phía trước. “Ông cứu mạng ông ấy ở đâu?” ông hỏi, giọng gay gắt.

“Cứu mạng ông ấy? Tôi không hiểu.”

“Ông đã đến Hungary bao giờ chưa, ông Drayman?”

“Tôi... tôi đã đi du lịch châu Âu, và có thể đã đi qua Hungary. Nhưng lâu lắm rồi, khi tôi còn trẻ. Tôi không nhớ.”

Và giờ đến lượt Hadley đoán mò.

“Ông đã cứu mạng ông ấy,” ông tuyên bố, “gần nhà tù Siebenturmen, trong dãy núi Carpathian, khi ông ấy đang đào tẩu. *Đúng không?*”

Ông Drayman ngồi thẳng, đôi bàn tay gầy gò ghì chặt lấy cái mũ quả dưa. Rampole cảm thấy như trong người ông ta giờ đây chứa nhiều sức sống lì lợm hơn bao giờ hết.

“Tôi đã cứu mạng ông ấy à?” ông ta nói.

“Đóng kịch cũng không ích gì đâu. Chúng tôi đã biết tất cả rồi, thậm chí cả ngày tháng nữa – ông vừa mới xác nhận điều đó cho chúng tôi. Năm 1898, Károly Horváth, dưới danh nghĩa một người tự do, đã viết ngày tháng trong một quyển sách. Ông ấy phải mất ít nhất 4 năm để chuẩn bị đầy đủ kiến thức học thuật để lấy bằng tiến sĩ ở Paris.

“Chúng tôi có thể ước lượng khoảng thời gian từ lúc ông ấy bị kết án đến lúc ông ấy đào thoát là vào khoảng 3 năm. Với thông tin đó,” Hadley nói một cách bình tĩnh, “tôi có thể đánh điện đến Bucharest và lấy thông tin chi tiết trong vòng 12 tiếng. Tốt hơn ông nên kể cho chúng tôi sự thật. Tôi muốn biết tất cả những gì ông biết về Károly Horváth và hai người anh em của ông ấy. Một trong hai kẻ đó đã giết ông ấy. Cuối cùng, tôi phải nhắc nhở ông là giấu giếm thông tin trong quá trình điều tra là tội nặng đấy. Thế nào?”

Drayman ngồi yên một lát, tay che lên mắt, chân gõ xuống thảm. Rồi ông ta nhìn lên. Họ giật mình khi nhận thấy rằng, dù đôi mắt xanh đầy nếp nhăn

của ông ta vẫn chờ đợi, người đàn ông này đang nhẹ mím cười.

“Tội nặng,” ông nhắc lại, và gật đầu. “Quả thực là vậy à? Tôi xin nói thẳng, thưa ông. Tôi không quan tâm đến lời đe dọa của ông. Rất ít thứ có thể khiến một người, vốn chỉ thấy các ông lơ mờ, không rõ hơn quả trứng luộc nằm trên đĩa là bao, giận dữ hay hoảng sợ. Hầu như tất cả những nỗi sợ trên đời (và cả tham vọng nữa) đều do những đôi mắt, cử chỉ và hình thù gây ra. Những người trẻ không thể hiểu được, nhưng tôi hi vọng các ông sẽ nhận ra. Các ông thấy đấy, tôi không mù hoàn toàn. Tôi vẫn có thể thấy các khuôn mặt và bầu trời ban mai, và tất cả những thứ mà các nhà thơ nhấn mạnh rằng người mù nên nói đến một cách say sưa. Nhưng tôi không thể *đọc*, và tất cả những khuôn mặt mà tôi quan tâm nhất thì đều đã không còn nhìn thấy được đã 8 năm rồi. Cứ đợi đến khi cả cuộc đời của các ông xoay quanh hai điều đó, các ông sẽ nhận ra rằng khi chúng không còn, chẳng gì có thể khiến các ông xúc động nữa.” Ông ta lại gật đầu, nhìn chăm chăm về cuối phòng. Trán ông nhăn lại. “Thưa các ông, tôi rất sẵn sàng cung cấp bất cứ thông tin nào các ông mong muốn, nếu nó có ích cho Charles Grimaud. Nhưng tôi không biết khơi lại vụ lùm xùm cũ thì có ích gì.”

“Kể cả để tìm gã em trai đã giết ông ta?”

Drayman phẩy tay nhẹ, cau mày. “Nghe này, nếu điều tôi nói giúp gì được cho các ông, thì tôi xin thành thật khuyên các ông quên cái ý tưởng đó đi. Tôi không biết các ông lấy nó từ đâu ra. Đúng là ông ấy có hai em trai. Và anh em họ bị bỏ tù.” Ông ta lại mím cười. “Chẳng có nguyên nhân gì tồi tệ cả. Họ bị bỏ tù vì bất đồng chính trị. Tôi nghĩ phải một nửa lũ thanh niên hồi đó đều bốc đồng như thế... quên hai người em còn lại đi. Họ đã chết từ rất lâu rồi.”

Căn phòng yên lặng đến nỗi Rampole có thể nghe thấy tiếng ngọn lửa lách tách trong lò sưởi và tiếng thở nặng nề của tiến sĩ Fell. Hadley liếc sang tiến sĩ Fell và thấy ông vẫn đang nhắm mắt. Rồi Hadley nhìn chăm chăm Drayman như thể mắt ông già vẫn còn sáng.

“Sao ông lại biết điều đó?”

“Grimaud kể cho tôi,” ông già nói, nhấn mạnh cái họ. “Ngoài ra, tất cả những tờ báo từ Budapest đến Brasso đều rầm rộ đưa tin đó. Các ông có thể dễ dàng kiểm chứng được.” Ông ta nói tinh bơ. “Họ chết vì bệnh dịch hạch.”

Hadley nói ngọt nhạt. “Nếu, tất nhiên, ông có thể xác nhận chắc chắn chuyện đó...”

“Các ông hứa là sẽ không xới vụn lùm xùm cũ chứ?” (Rất khó để bắt được ánh nhìn của đôi mắt xanh và sáng đó. Drayman vặn vẹo đôi bàn tay xương xẩu của mình.) “Nếu tôi kể lại chính xác, và các ông rút ra bằng chứng, các ông sẽ để những người đã khuất yên nghỉ chứ?”

“Còn tùy thuộc vào thông tin của ông.”

“Tốt thôi. Tôi sẽ kể những gì mình tận mắt chứng kiến.” Ông ta ngồi nhớ lại – khá khó khăn – Rampole nghĩ. “Bản thân câu chuyện đó cũng tồi tệ lắm rồi. Sau đó Grimaud và tôi không bao giờ nói về nó nữa. Chúng tôi ngầm thống nhất như thế. Nhưng tôi không định nói dối với các ông là tôi đã quên hết mọi thứ – quên hết mọi chi tiết.”

Ông ta im lặng một hồi lâu, gõ ngón tay lên thái dương, làm cho ngay cả Hadley, bình thường rất kiên nhẫn cũng định lên tiếng giục. Rồi ông ta bắt đầu:

“Xin lỗi, thưa các ông. Tôi đang cố nhớ chính xác ngày tháng, để các ông có thể kiểm chứng mọi thứ. Tôi chỉ nhớ được là nó vào khoảng tháng Tám hoặc tháng Chín năm 1900... hay 1901 gì đó? Dù sao thì, tôi nhận ra rằng tôi nên bắt đầu kể hết sự thật theo văn phong của các tác phẩm văn học lãng mạn Pháp đương đại. Tôi xin bắt đầu, ‘Vào lúc nhá nhem tối của một ngày tháng Chín mát mẻ của năm 1900, một người cưỡi ngựa đơn độc đang vội vã di trên đường,’ một con đường xấu kinh khủng! ‘trong một thung lũng gồ ghề phía đông nam dãy núi Carpathians.’ Sau đó tôi nên mô tả khung cảnh hoang sơ lúc đó. Tôi là người cưỡi ngựa. Trời sắp mưa, và tôi đang cố đến Tradj trước khi trời tối.”

Ông ta mỉm cười. Hadley cựa quậy, trông có vẻ thiếu kiên nhẫn, còn tiến sĩ Fell đã mở mắt ra. Ông Drayman nhanh chóng tiếp tục.

“Tôi phải nhấn mạnh vào bầu không khí như trong tiểu thuyết đó vì nó rất phù hợp với tâm trạng của tôi và giải thích được rất nhiều điều. Lúc đó tôi đang chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Lãng mạn theo phong cách Byron, và trong tôi đầy những ý tưởng về tự do chính trị. Tôi không đi bộ mà cưỡi ngựa bởi tôi nghĩ nó khiến tôi trông oai phong hơn, thậm chí tôi còn thích thú với việc mang một khẩu súng lục để chống lại đám kẻ cướp (tưởng tượng), và một chuỗi tràng hạt làm bù xua ma quỷ. Mà đáng ra phải có kẻ cướp hay ma quỷ. Tôi đã vài lần nghe phong thanh về cả hai. Những khu rừng và hẻm núi lạnh lẽo đó hoang dã và đen tối như từ những câu chuyện cổ tích đi ra. Kể cả những chỗ đã được con người khai phá cũng vẫn còn những nét kì lạ. Transylvania, ông thấy đấy, có ba mặt là núi. Trong con mắt của một người Anh, hình ảnh cánh đồng lúa mạch đen và vườn nho trải dài lên những ngọn đồi dốc, những nhà máy xay bằng gạch đỏ, những quán trọ đầy mùi tỏi, thậm chí cảnh hoang vắng của những ngọn đồi muối tinh, đều đáng kinh ngạc.

“Dầu sao chẳng nữa, tôi đang đi trên một con đường ngoằn ngoèo ở khu vực hoang vắng nhất, cách xa những quán trọ gần nhất nhiều dặm đường và với một cơn bão đang chuẩn bị ập đến. Cảm giác quỷ dữ đang rình mò sau mỗi hàng rào có thể khiến nhiều người sờn gai ốc, nhưng tôi còn có lí do tệ hơn để hoảng sợ. Dịch bệnh đã bùng phát sau một mùa hè nóng nực, và nó càn quét vùng đất này như một bầy côn trùng, ngay cả khi thời tiết đã lạnh hơn. Ở ngôi làng cuối cùng tôi đi qua – tôi quên tên nó mất rồi – họ bảo tôi rằng dịch bệnh đang hoành hành dữ dội ở mỏ muối trong rặng núi phía trước. Nhưng tôi đang hi vọng được gặp một anh bạn người Anh của tôi, cũng là một khách du lịch, ở Tradj. Hơn nữa tôi cũng muốn đi xem nhà tù được đặt tên theo bảy ngọn đồi trắng, giống như dãy núi thấp sau lưng. Nên tôi nói tôi sẽ đi tiếp.

“Tôi biết chắc hẳn tôi đã đến gần nhà tù, vì tôi có thể nhìn thấy những ngọn đồi trắng phía trước. Nhưng, khi trời tối đến mức không nhìn thấy gì

nữa, và khi những cơn gió có vẻ như đang thổi tung cả rừng cây lên, tôi đi ngang qua ba năm mồ. Chúng mới được đào xong, bởi vẫn còn dấu chân xung quanh, nhưng không thấy có người sống nào gần đó cả.”

Hadley phá vỡ bầu không khí lạ lùng mà giọng nói mơ màng đó bắt đầu tạo ra.

“Một nơi,” ông nói, “giống như trong bức tranh mà tiến sĩ Grimaud đã mua của ông Burnaby.”

“Tôi... tôi không biết,” Drayman trả lời, rõ ràng là bị giật mình. “Đúng thế không? Tôi không để ý.”

“Không để ý? Ông chưa xem bức tranh à?”

“Tôi nhìn không rõ lắm. Chỉ thấy đại khái là có cây, khung cảnh bình thường...”

“Và ba tấm bia mộ...”

“Tôi không biết Burnaby lấy cảm hứng từ đâu ra,” ông già ngơ ngác nói, và xoa tay lên trán. “Có Chúa chứng giám tôi chưa bao giờ kể với ông ấy. Có lẽ là trùng hợp thôi, ba năm mồ đó không hề có bia. Họ chẳng mất công làm cái đó. Chỉ có ba cây thập giá đơn giản làm bằng cành cây thôi.”

“Nhưng tôi đang kể cho các ông: tôi ngồi trên lưng ngựa và nhìn xuống ba năm mồ đó, và không hề có cảm giác dễ chịu. Đúng là ba năm mồ trông dễ sợ, với khung cảnh xanh và đen xung quanh và những ngọn đồi màu trắng ỏ xa xa. Nhưng không phải vì thế. Nếu mấy năm mồ đó là của nhà tù, tôi tự hỏi vì sao họ lại đào chúng xa đến thế. Điều tiếp theo tôi biết là con ngựa của tôi lồng lên và suýt nữa hất tôi xuống. Tôi cho nó đi vòng quanh một cái cây, và khi nhìn lại, thì tôi biết con ngựa gặp vấn đề gì. Ụ đất trên một năm mồ đang trôi lên và trượt sang một bên. Có tiếng động rầm rắc như thể có thứ gì đó đang vặn mình và quặn quại, rồi một thứ gì đó màu tối mò mẫm trôi lên từ ụ đất. Đó chỉ là một bàn tay với các ngón tay vặn vẹo, nhưng tôi chưa bao giờ thấy thứ gì kinh khủng hơn thế.”

X. Vết máu trên áo

“ĐẾN LÚC ĐÓ,” Drayman nói tiếp, “tôi cũng cảm thấy người mình không ổn. Tôi không dám xuống ngựa, vì sợ con ngựa sẽ chạy mất, và tôi thấy xấu hổ vì mình cũng muốn bỏ chạy.

Tôi nghĩ đến ma cà rồng và những truyền thuyết về cổng địa ngục mở ra lúc chạng vạng. Nói thật, tôi sợ hết hồn. Tôi nhớ là mình xoay như chong chóng trên ngựa, cố giữ lấy dây cương bằng một tay trong khi tay kia rút súng. Khi tôi nhìn lại, thứ đó đã bò ra khỏi mộ và đi về phía tôi.

“Đó, các ông ạ, là lúc tôi gặp một trong những người bạn tốt nhất của mình. Người đó cúi xuống và cầm cái thuổng mà ai đó đã để quên sau khi đào mộ. Và anh ta vẫn tiếp tục bước tới. Tôi hét lên bằng tiếng Anh, ‘Người muốn gì?’ – bởi tôi quá rối trí đến nỗi không nhớ nổi một từ tiếng nước ngoài nào. Người đó dừng lại. Sau một thoáng, anh ta trả lời bằng tiếng Anh, nhưng với chất giọng nước ngoài, ‘Cứu’, anh ta nói, ‘cứu, thưa ngài, đừng sợ,’ hoặc câu gì đó tương tự, và ném cái thuổng xuống. Con ngựa bình tĩnh lại, nhưng tôi thì không. Người đó không cao, nhưng rất khỏe mạnh. Khuôn mặt anh ta tối và sừng lên, với những chỗ đóng vảy nhỏ màu hồng dưới ánh sáng nhá nhem. Trời bắt đầu đổ mưa trong khi anh ta còn đang đứng đó vẫy tay.

“Anh ta đứng dưới mưa, kêu lên với tôi. Tôi sẽ không cố nhớ lại nguyên văn, nhưng anh ta nói gì đó như ‘Nghe này, thưa ngài, tôi không chết vì dịch bệnh như hai kẻ tội nghiệp kia,’ và anh ta chỉ tay vào những ngôi mộ. ‘Tôi không bị lây bệnh. Nhìn xem, cơn mưa đang rửa sạch này. Đó là máu mà tôi đã châm ra từ da mình.’ Anh ta thậm chí còn thè lưỡi ra để tôi thấy nó đen ngòm những vết bồ hóng, và cơn mưa đã rửa sạch nó. Cảnh tượng đó cũng điên cuồng như khung cảnh xung quanh vậy. Rồi anh ta nói rằng mình không phải tội phạm, mà là tù chính trị, và anh ta đang đào tẩu khỏi nhà tù.”

Trán của Drayman nhăn lại. Rồi ông lại mỉm cười.

“Giúp anh ta? Đương nhiên là tôi đã làm. Tôi bị ý tưởng đó kích thích. Anh ta giải thích với tôi mọi thứ trong khi chúng tôi lên kế hoạch. Anh ta là một trong ba anh em, đều là sinh viên ở trường đại học Klausenburg. Họ đã bị bắt trong một cuộc nổi dậy đòi độc lập cho Transylvania dưới sự bảo hộ của Áo trước những năm 1860. Ba anh em họ ở chung một xà lim, và hai người đã chết vì bệnh dịch hạch. Với sự trợ giúp của bác sĩ trong tù, cũng là một phạm nhân, anh ta đã bắt chước triệu chứng của bệnh đó và giả chết. Hiếm có ai dám đến gần để kiểm tra nhận định của bác sĩ, cả nhà tù lúc đó sợ hãi đến điên loạn. Ngay cả những người đi chôn ba anh em cũng phải quay đầu đi khi ném họ vào quan tài bằng gỗ thông và đóng đinh quan tài. Họ chôn thi thể cách xa nhà tù. Trên hết, họ cố gắng đóng đinh nắp quan tài cho thật nhanh. Vị bác sĩ đã lén đưa cho anh ta một cái kim nhỏ dính, mà anh ta đã cho tôi xem. Một người khỏe mạnh, nếu giữ bình tĩnh và không hít thở quá nhiều không khí sau khi bị chôn, có thể đẩy cái nắp quan tài lên bằng đầu, đủ để chèn cái kim vào chỗ hở. Sau đó anh ta có thể đào mồ chui lên mặt đất.

“Rất hay. Khi anh ta biết tôi là sinh viên ở Paris, chúng tôi trò chuyện dễ dàng hơn. Mẹ của anh ta là người Pháp, và anh ta nói tiếng Pháp lưu loát. Chúng tôi quyết định tốt nhất là anh ta nên đến Pháp, ở đó anh ta có thể lấy một danh tính mới mà không bị nghi ngờ. Anh ta có cất một chút tiền, và có một cô gái ở thị trấn quê nhà anh ta...”

Drayman dừng phắt lại, như nhớ ra là mình đã kể quá nhiều. Hadley chỉ gật đầu.

“Tôi nghĩ tôi biết cô gái đó là ai,” ông nói. “Lúc này ta có thể để ‘bà Dumont’ ra ngoài câu chuyện. Rồi sao nữa?”

“Cô ấy được tin tưởng giao nhiệm vụ lấy món tiền và đi cùng anh ta đến Paris. Có vẻ như sẽ không có ai truy đuổi, và thật đúng là như vậy. Anh ta được coi như là đã chết, dù cho Grimaud hoảng sợ đến mức anh ta chạy trốn khỏi nơi đó trước khi kịp cạo râu hoặc mặc quần áo của tôi. Chúng tôi không

gây ra chút nghi ngờ nào. Thời đó còn chưa dùng hộ chiếu, và anh ta đóng giả là anh bạn người Anh mà tôi định gặp ở Tradj trên đường rời khỏi Hungary. Khi chúng tôi đến Pháp... các ông biết phần còn lại rồi đấy. Giờ, thưa các ông!” Drayman thở một hơi và rùng mình, cứng người lại và hướng đôi mắt trống rỗng về phía họ. “Các ông có thể kiểm chứng những gì tôi đã nói...”

“Thế còn tiếng động răng rắc thì sao?” tiến sĩ Fell chen vào, giọng thách thức.

Câu hỏi quá nhẹ nhàng, nhưng lại quá bất ngờ, khiến cho Hadley phải quay đầu lại. Đến cả Drayman cũng phải dò dẫm hướng về phía ông. Khuôn mặt đỏ của tiến sĩ Fell nheo lại một cách lơ đãng, và ông vừa thở khụt khịt vừa lấy gậy chọc xuống thảm.

“Tôi nghĩ chi tiết đó rất quan trọng,” ông cao giọng nói về phía ngọn lửa, như thể ai đó dám phản đối ông. “Quả thực rất quan trọng. Hừm. Nghe này, ông Drayman, tôi chỉ có hai câu hỏi dành cho ông. Ông nghe thấy tiếng răng rắc của cái nắp quan tài bị vụn ra, đúng không? Được. Vậy có nghĩa là năm mồ mà ông Grimaud chui ra khá nông?”

“Khá nông, đúng, nếu không ông ta không thể thoát ra được.”

“Câu hỏi thứ hai. Nhà tù đó có được quản lí tốt hay không?”

Drayman bối rối, nhưng hàm răng của ông vẫn nghiến chặt đầy dứt khoát. “Tôi không biết, thưa ông. Nhưng tôi biết vào thời điểm đó nó đang bị một vài nhà chức trách chỉ trích. Tôi nghĩ họ tức tối vì nhà tù đã để dịch bệnh hoành hành – điều này ảnh hưởng đến hoạt động của công nhân ở mỏ muối. Nhân đây, tên của những người đã chết đã được công bố. Tôi đã thấy chúng. Và tôi xin hỏi các ông lại một lần nữa, các ông khơi gợi lại những vụ lùm xùm cũ để làm gì? Nó chẳng giúp ích gì cho các ông đâu. Các ông có thể thấy là nó không làm mất uy tín của Grimaud, nhưng...”

“Vâng, vấn đề là ở chỗ đó,” tiến sĩ Fell lên giọng, nhìn ông ta với vẻ tò mò. “Đó là điểm tôi muốn nhấn mạnh. Nó không hề làm mất uy tín của ông

ấy. Có cái gì đó khiến ông ấy phải chôn vùi hết quá khứ của mình không?’

“... nhưng nó sẽ làm mất uy tín của Ernestine Dumont,” Drayman nói, dữ dội cao giọng hơn. “Ông không thấy điều tôi đang ám chỉ à? Còn con gái của Grimaud thì sao? Và các ông đào sâu vào vấn đề này dựa trên những phán đoán hoang đường rằng một hoặc cả hai người em của ông ta còn sống. Họ chết rồi, và người chết không thể đội mồ đứng dậy được. Cho tôi hỏi ông lấy từ đâu ra cái ý tưởng cho rằng một trong những người em của Grimaud đã giết ông ấy?”

“Từ chính Grimaud,” Hadley nói.

Trong một giây Rampole nghĩ dường như Drayman không hiểu. Rồi ông ta run rẩy đứng lên khỏi ghế, như bị ngạt thở. Ông sờ soạng cởi áo khoác, sờ tay lên họng, và lại ngồi xuống. Chỉ có ánh mắt đờ đẫn của ông là không thay đổi.

“Ông lừa tôi đấy à?” ông ta hỏi – từ vẻ nghiêm nghị bên ngoài của ông phát ra giọng điệu run rẩy, cáu kỉnh như của trẻ con. “Tại sao các ông lại lừa tôi?”

“Đó là sự thật đấy. Đọc cái này đi!”

Rất nhanh, Hadley dúm cho ông ta tờ giấy nhắn của bác sĩ Peterson. Drayman thò tay ra cầm nhưng rồi rút lại và lắc đầu.

“Nó chẳng cho tôi biết gì cả, thưa ông. Tôi... tôi... ý ông là ông ấy đã nói gì đó trước khi...?”

“Ông ấy nói hung thủ là em trai ông ấy.”

“Ông ấy còn nói gì khác không?” Drayman hỏi ngập ngừng.

Hadley để cho ông già động não, và không trả lời. Chẳng mấy chốc, Drayman tiếp tục: “Nhưng tôi phải nói với ông rằng điều này thật kì quái! Có phải ý ông là gã khoác lác đã đe dọa ông ấy, kẻ mà ông ấy chưa từng gặp trong đời, lại là một trong những người em của ông ấy? Tôi cho là các ông

nghe vậy. Tôi vẫn không hiểu. Từ giây phút đầu tiên khi tôi biết ông ấy bị đâm...”

“Bị đâm?”

“Vâng. Như tôi nói, tôi...”

“Ông ấy bị bắn,” Hadley nói. “Ai bảo ông là ông ấy bị đâm?”

Drayman nhún vai. vẻ gượng gạo, mĩa mai và hơi tuyệt vọng xâm chiếm gương mặt đầy nếp nhăn của ông.

“Tôi có vẻ là một nhân chứng tồi, thưa các quý ông,” ông nói với giọng điềm đạm. “Với ý đồ tốt đẹp nhất, tôi kiên trì nói với các ông những điều mà các ông không tin được. Có lẽ tôi đã kết luận quá nhanh. Cậu Mangan nói rằng ông Grimaud bị tấn công và đang hấp hối, rằng hung thủ đã biến mất sau khi rạch bức tranh thành từng mảnh. Nên tôi cho là...” Ông xoa sống mũi. “Các ông còn gì muốn hỏi tôi nữa không?”

“Tôi qua ông đã làm gì?”

“Tôi ngủ. Tôi... Ông thấy đấy, tôi bị đau. Ở đây, sau nhãn cầu. Tôi đau đến nỗi sau bữa tối, thay vì đi ra ngoài (tôi định đi xem một buổi hòa nhạc ở nhà hát Albert Hall), tôi uống một viên thuốc ngủ và đi nằm. Thật không may, tôi không nhớ gì từ lúc 7 rưỡi cho đến khi cậu Mangan đánh thức tôi dậy.”

Hadley đang xem xét cái áo khoác của ông ta và giữ im lặng, nhưng vẻ mặt lại nguy hiểm như thể sắp tấn công ai đó.

“Tôi hiểu. Ông có cởi quần áo khi lên giường không, ông Drayman?”

“Xin ông... Cởi quần áo? Không. Tôi chỉ cởi giày thôi. Tại sao?”

“Có lúc nào ông rời khỏi phòng không?”

“Không.”

“Vậy sao áo khoác của ông lại dính máu?... Đúng, chỗ đó đấy. Đứng lên! Đừng chạy trốn. Đứng nguyên đó. Giờ thì cởi áo khoác ra.”

Rampole nhìn thấy vết máu khi Drayman, đang đứng lưỡng lự bên cạnh ghế và cởi áo khoác ngoài ra, đưa tay lên ngang ngực như thể đang dò dẫm dưới sàn. Ông ta mặc một bộ vét màu xám nhạt, vì thế vết máu bắn vào hiện lên rất rõ. Nó giống một vết bắn màu tối chạy dọc thân áo bên phải đổ xuống túi áo. Ngón tay của Drayman tìm thấy nó và dừng lại. Những ngón tay cọ vào vết máu, rồi chùi vào nhau.

“Không thể là máu được,” ông ta lẩm bẩm vẫn với vẻ cáu kỉnh. “Tôi không biết nó là gì, nhưng không thể là máu được, tôi đảm bảo với các ông!”

“Chúng tôi sẽ phải xem xét điều đó. Xin ông hãy cởi áo ra. Tôi e là phải yêu cầu ông để lại nó cho chúng tôi. Có gì trong túi áo ông muốn lấy ra không?”

“Nhưng...”

“Cái vết đó ở đâu ra?”

“Tôi không biết. Tôi thề có Chúa tôi không biết, và tôi không thể tưởng tượng nổi. Nó không phải máu. Sao ông lại nghĩ như thế?”

“Xin hãy đưa cái áo cho tôi. Tốt!” Hadley lạnh lùng quan sát Drayman, với những ngón tay run rẩy, lấy từ trong túi ra vài đồng xu, một tấm vé xem biểu diễn, một cái khăn tay, một bao thuốc hiệu Woodbine và một hộp diêm. Rồi Hadley lấy cái áo và trải ra trên đùi. “Ông có phản đối nếu chúng tôi khám phòng ông không? Tôi phải nói rõ là tôi không có quyền làm điều đó, nếu ông từ chối.”

“Không phản đối gì cả,” ông già trả lời, giọng đều đều. Ông ta xoa tay lên trán, “Nếu ông nói cho tôi biết chuyện đó xảy ra như thế nào, ông thanh tra! Tôi không biết. Tôi đã cố làm chuyện đúng – đúng vậy. Chuyện đúng... tôi không liên quan gì đến vụ này cả.” Ông ta ngừng lại và cười với vẻ chua chát khiến Rampole thấy khó hiểu nhiều hơn là nghi ngờ. “Tôi có bị bắt không? Tôi cũng không phản đối chuyện đó đâu, ông biết đấy.”

Bây giờ thì có điều gì đó không ổn ở đây, nhưng cái sự không ổn này lại khiến người ta khó hiểu. Rampole thấy rằng Hadley cũng có chung với mình sự ngờ vực không lí giải nổi. Trước mặt họ là một người đàn ông đã đưa ra nhiều phát ngôn sai lệch thất thường. Ông ta kể một câu chuyện cổ tích kinh dị không biết có thật hay không, nhưng mơ hồ và thiếu cơ sở. Sau chót là trên áo ông ta có máu. Vậy mà, vì một lí do nào đó không thể lí giải nổi, Rampole vẫn muốn tin vào câu chuyện của ông ta, hay ít nhất là tin vào niềm tin mà ông ta dành cho câu chuyện đó. Có thể là do ông ta hoàn toàn không hề ranh ma, láu cá mà chỉ ngờ nghệch. Ông ta đứng đó, trông cao hơn, nhưng rúm rỏ và xương xấu hơn khi chỉ mặc mỗi chiếc áo sơ mi – cái áo xanh đã ngả sang màu trắng xỉn – tay áo xắn lên, cà vạt xiên xẹo, và cái áo khoác ngoài trên tay kéo lệt quệt dưới đất. Và ông ta đang mỉm cười.

Hadley thầm chửi thề. “Betts!” ông gọi, “Betts! Preston!” và gõ gót giày nôn nóng xuống sàn nhà cho đến khi họ trả lời. “Betts, đưa cái áo này cho nhân viên phân tích để xét nghiệm vết dơ này. Thấy chưa? Sáng mai báo cáo. Đêm nay chỉ đến thế thôi. Preston, đi xuống với ông Drayman và khám xét phòng ông ta. Anh biết phải tìm cái gì rồi đấy, và để ý xem có thứ nào trông giống mặt nạ không nhé. Lát nữa tôi sẽ xuống... Nghĩ lại đi, ông Drayman. Tôi sẽ yêu cầu ông đến Sở Cảnh sát vào sáng mai. Thế thôi.”

Drayman không hề chú ý. Ông ta mò mẫm như một con dơi, lúc lắc đầu và kéo lê cái áo khoác phía sau. Ông ta còn giật tay áo Preston. “Máu ở chỗ nào ra được cơ chứ?” ông hỏi thiết tha. “Thật kì lạ, anh biết đấy, nhưng chỗ máu đó ở đâu ra mới được cơ chứ?”

“Không biết, thưa ông,” Preston nói. “Cẩn thận cái khung cửa đấy!”

Chẳng mấy chốc căn phòng trở nên trống trải và yên lặng. Hadley chậm chạp lắc đầu.

“Tôi chịu rồi, Fell,” ông thừa nhận. “Tôi không biết mình nên nghĩ theo hướng nào nữa. Ông nghĩ sao về ông già đó? Ông ta trông có vẻ hiền lành, mềm mỏng và dễ tính, nhưng ông ta cứ như bao cát vậy, chúng ta cứ dẫm liên tục và đến cuối cùng ông ta vẫn đứng đưa nhẹ nhàng ở chỗ cũ. Có vẻ

như ông ta không quan tâm chúng ta nghĩ gì về ông ta. Hay thậm chí cả những gì chúng ta có thể làm với ông ta nữa. Có lẽ vì thế mà đám thanh niên không thích ông ta.”

“Hừm, đúng. Khi nào tôi thu dọn xong đồng giấy tờ trong lò sưởi,” tiến sĩ Fell lau nhàu, “tôi sẽ về nhà suy nghĩ. Bởi điều tôi nghĩ bây giờ...”

“Vâng?”

“Rất kinh khủng.”

Tiến sĩ Fell đứng bật dậy khỏi ghế, kéo cái mũ rộng vành xuống che mắt, và vung vẩy cái gậy.

“Tôi không muốn đi đến giả thiết một cách vội vã. Ông sẽ phải đánh điện để tìm hiểu sự thật. Ha! Đúng rồi. Nhưng câu chuyện về ba cỗ quan tài là cái mà tôi không tin, mặc dù Drayman thì chắc có, Chúa mới biết được! Trừ khi toàn bộ giả thiết của ta đổ xuống sông xuống bể, chúng ta vẫn phải giả sử là hai anh em nhà Horváth kia vẫn còn sống. Đúng không?”

“Câu hỏi là...”

“Chuyện gì đã xảy ra với họ. Đúng. Giả thiết của tôi dựa trên cơ sở là Drayman tin rằng những gì ông ta kể là sự thật. Điểm đầu tiên! Tôi không mấy may tin là ba anh em nhà họ bị tống vào tù vì bất đồng chính trị. Grimaud, với ‘số tiền nho ông ta dành dụm được’, trốn thoát khỏi nhà tù. Ông ấy sống âm thầm trong năm năm hoặc hơn, và bỗng nhiên, ‘thừa kế’ một gia sản khổng lồ, dưới một cái tên hoàn toàn khác, từ một người mà chúng ta chưa từng nghe tới. Nhưng ông ấy chuồn khỏi Pháp để tận hưởng nó mà không ho he gì. Thêm vào điểm thứ hai! Bí mật nguy hiểm trong cuộc đời của Grimaud là gì, nếu tất cả những điều trên là sự thật? Hầu hết mọi người đều nghĩ Monte Cristo vượt ngục là một câu chuyện thú vị và lãng mạn, và đối với người Anh, cái tội mà Grimaud phạm phải chỉ ghê tởm và gây nhiều phần nộ như tội ăn cắp cái đèn xin qua đường hay đâm vào mắt cảnh sát trong đêm đua thuyền. Khi thật, Hadley, không thể như thế được!”

“Ý ông là...?”

“Ý tôi là,” tiến sĩ Fell nói rất khẽ, “Grimaud còn sống khi quan tài của ông ta bị đóng đinh. Giả sử như hai người kia cũng còn sống? Giả sử như cả ba ‘cái chết’ đều giả như Grimaud? Giả sử như hai người kia vẫn còn sống khi Grimaud đội mồ chui lên? Nhưng họ không thể chui ra được vì Grimaud có cái kìm nhổ đinh và không dùng nó để cứu anh em mình. Khó có khả năng là có nhiều hơn một cái kìm. Grimaud giữ nó, vì ông ta là người khỏe nhất. Khi ông ta đã ra ngoài được, thì cứu hai người kia ra là việc đơn giản như họ dự tính. Nhưng ông ta khôn ngoan quyết định để hai người kia chết luôn, bởi như vậy ông ta sẽ không phải chia cho ai số tiền họ đã ăn trộm được nữa. Rất thông minh, ông thấy đấy. Rất thông minh.”

Không ai nói gì. Hadley lẩm bẫm gì đó, gương mặt ông đầy hoài nghi và giận dữ khi ông đứng lên.

“Ồ, tôi biết ngay đó là tội ác đen tối mà!” tiến sĩ Fell lên giọng, “một tội ác đen tối, quỷ quyết luôn ám ảnh giấc mộng của kẻ đã thực hiện nó. Nhưng đó là cách giải thích duy nhất trong vụ án kinh khủng này, và nó cũng giải thích vì sao ông ta sẽ bị săn đuổi nếu hai người anh em kia thoát được khỏi năm mồ... Tại sao Grimaud lại hốt hoảng giục Drayman đi xa khỏi chỗ đó nhanh nhất có thể, không kịp vứt bỏ bộ quần áo tù? Tại sao phải mạo hiểm chạy trốn dù có nguy cơ bị phát hiện trên đường, sao không trốn gần năm mồ vì đó là nơi cuối cùng người ta sẽ tìm kiếm? Những năm mồ đó rất nông. Nếu sau đó, hai người anh em kia ngạt thở sắp chết mà vẫn không có ai đến cứu họ ra, họ sẽ bắt đầu la hét và quấy đạp bên trong quan tài. Rất có thể Drayman sẽ thấy mặt đất rung chuyển hoặc nghe tiếng hét của họ vọng lên.”

“Loại khốn nạn nào...” Hadley nói với giọng nghi hoặc, rồi dừng lại. “Không. Chúng ta đi lạc hướng rồi, Fell. Tất cả chỉ là tưởng tượng. Không thể nào! Hơn nữa, trong trường hợp họ không thể trèo lên được. Họ sẽ chết.”

“Chắc không?” tiến sĩ Fell nói với vẻ lơ đãng. “Ông quên mất cái thuổng rồi.”

“Thuổng nào?”

“Cái thuồng dùng để đào mộ mà kẻ nào đó trong lúc sợ hãi hoặc vội vã đã để quên. Nhà tù, kể cả những nhà tù tệ nhất, không cho phép sơ suất *như thế*. Họ sẽ cho người quay lại lấy. Chà, tôi có thể thấy từng chi tiết trong sự kiện đó, dù tôi chẳng có chứng cứ nào để chứng minh cả! Hãy nhớ lại từng từ mà gã điên Pierre Fley đã nói với Grimaud ở quán Warwick và xem nó có phù hợp không... Thế nào cũng có một toán cai ngục gan dạ có vũ trang quay lại đi tìm cái thuồng đó. Họ nhìn thấy hoặc nghe được những điều mà Grimaud sợ Drayman sẽ nhìn thấy hoặc nghe được. Họ nhận ra thủ đoạn của ba anh em và hành xử nhân đạo. Những cỗ quan tài được mở tung, hai anh em chui ra, choáng váng, máu me, nhưng còn sống.”

“Và không ai làm ầm lên đi bắt Grimaud sao? Tại sao, chắc họ phải lật tung Hungary lên để tìm kẻ vượt ngục và...”

“Đúng, tôi cũng đã nghĩ về điều đó, và cũng đã hỏi câu hỏi đó. Người cai quản nhà tù sẽ làm đúng như vậy, nếu họ đang không bị phê phán dữ dội đến nỗi mạng sống của mình còn có thể không giữ nổi. Những kẻ phê phán sẽ nói gì nếu họ biết những người cai ngục đã bất cẩn để chuyện đó xảy ra? Tốt hơn hết là cố mà giữ kín, đúng không? Tốt hơn hết là tống hai anh em kia vào biệt giam và giữ im lặng về gã thứ ba.”

“Tất cả đều chỉ là giả thuyết,” Hadley nói, sau khi ngẫm nghĩ. “Nhưng nếu đúng, tôi sẽ gần như tin vào ác quỷ. Chúa chứng giám là Grimaud đã nhận được đúng những gì ông ta đáng phải chịu. Và tương tự như vậy chúng ta cũng phải tìm ra kẻ giết người. Nếu đó là toàn bộ câu chuyện...”

“Tất nhiên đó không phải toàn bộ câu chuyện!” tiến sĩ Fell nói. “Nếu có thật, đó cũng không phải toàn bộ câu chuyện, và đó mới là điều tồi tệ nhất. Ông nhắc đến ác quỷ. Tôi bảo với ông là tôi không thể tưởng tượng nổi có quỷ dữ nào ác độc hơn Grimaud, nhưng đó là X, là người vô hình, là gã em Henri.” Ông cầm gậy lên chỉ trỏ. “Tại sao? Tại sao Pierre Fley thừa nhận rằng hắn sợ kẻ kia? Grimaud sợ thì còn hợp lí, nhưng tại sao Fley lại sợ chính người anh em trai đồng minh của mình cùng chống lại kẻ thù chung? Tại sao một nhà ảo thuật điêu luyện lại đi sợ một ảo ảnh, trừ khi gã em

Henri này điên cuồng như một gã tội phạm mất trí và thông minh như quý Satan?”

Hadley bỏ quyển sổ tay vào trong túi và cài cúc áo khoác. “Ông về nhà nếu muốn,” ông nói. “Chuyện ở đây là xong rồi. Nhưng tôi sẽ đi bắt Fley. Dù gã kia có là ai, Fley cũng biết gã. Và hắn sẽ khai, tôi hứa chắc với ông như thế. Tôi sẽ đi khám xét phòng của Drayman, nhưng tôi không kì vọng gì nhiều. Fley là chìa khóa để giải bài toán này, và hắn sẽ dẫn chúng ta đến kẻ thủ ác. sẵn sàng chưa?”

Đến sáng hôm sau họ mới nhận được tin là Fley đã chết. Hắn đã bị bắn hạ bởi chính khẩu súng đã giết Grimaud. Và theo những nhân chứng, hung thủ hoàn toàn vô hình và không để lại dấu chân nào trên tuyết.

XI. Giết người bằng ma thuật

KHI TIẾN SĨ FELL đập cửa thành thịch vào 9 giờ sáng hôm sau, cả hai vị khách của ông vẫn còn ngái ngủ. Rampole ngủ rất ít vào đêm hôm trước. Khi anh và vị tiến sĩ về nhà lúc 1 rưỡi sáng, Dorothy đang đi đi lại lại nóng lòng muốn được nghe hết mọi chi tiết, còn chồng cô thì không hề do dự kể lại. Họ lấy bia và thuốc lá rời về phòng nghỉ. Ở đó Dorothy xếp một đồng gối trên sàn nhà như Sherlock Holmes, cầm cốc bia ngồi xuống với một vẻ mặt rất từng trải một cách ám muội trong khi nghe chồng mình vừa bước hùng dũng trong phòng vừa thao thao bất tuyệt. Quan điểm của cô tuy mạnh mẽ nhưng không rõ ràng. Cô khá thích bà Dumont và ông Drayman, nhưng lại rất không ưa Rosette Grimaud. Ngay cả khi Rampole nhắc lại câu nói của Rosette trong cuộc thi hùng biện, một khẩu hiệu mà cả hai cùng ủng hộ, cô vẫn không nguôi đi.

“Mặc dù vậy, anh nhớ lấy lời em,” Dorothy nói, trở diều thuốc về phía chồng với vẻ khôn ngoan, “cô ả tóc vàng có khuôn mặt lạ kì đó có vấn đề rồi. Cô ta không đáng tin đâu, ông chồng của em ạ. Ý em là cô ta có gì đó mờ ám. Hừ! Em cá với anh là cô ta cũng không thể trở thành một... ừm... ‘gái điểm hạng sang’ được, em dùng đúng kiểu từ cô ta hay nói. Và nếu em đối xử với anh như cách cô ta đối xử với Boyd Mangan mà anh không thụi cho em một cú vào hàm, thì em sẽ không bao giờ nhìn mặt chúng ta nữa, anh hiểu ý em chứ?”

“Hãy bỏ qua tính cách cá nhân,” Rampole nói. “Ngoài ra, cô ấy đã làm gì Mangan đâu? Theo như anh thấy thì không. Và em không nghĩ cô ấy lại dám giết cha mình đấy chứ, ngay cả khi không bị nhốt trong phòng đi chăng nữa?”

“Không, vì, em không nghĩ là cô ả có thể khoác lên mình mớ quần áo hóa trang đó và lừa được bà Dumont,” Dorothy nói, đôi mắt đen và sáng ánh lên

sự thâm thúy. “Nhưng em nói với anh thế này, bà Dumont và ông Grayman đều vô tội. Còn về Mills, anh ta nghe có vẻ là một kẻ hợm hĩnh thực sự, nhưng anh cũng không công tâm vì anh không thích khoa học hoặc Viễn cảnh của Tương lai. Và anh phải công nhận là nghe có vẻ như anh ta nói thật?”

“Đúng.”

Cô hút thuốc với vẻ tư lự. “Hừm. Em có ý này hay lắm. Những người mà em thấy là đáng nghi nhất, những người dễ có khả năng phạm tội nhất, là hai người mà anh chưa gặp – Pettis và Burnaby.”

“Cái gì?”

“Là thế này. Người ta nghĩ Pettis không phải là thủ phạm vì ông ta quá nhỏ bé, đúng không? Lẽ ra người uyên bác như tiến sĩ Fell phải phát hiện ra ngay. Em đang nghĩ đến một câu chuyện – em không nhớ là mình đã đọc ở đâu, nhưng có một hai giai thoại thời trung cổ tương tự như thế. Anh có nhớ không? Luôn có một người to lớn mặc áo giáp, và tấm che mặt thì lúc nào cũng kéo xuống sùm sụp. Ông ta tham dự cuộc thi đấu thương và đánh gục hết các đối thủ. Rồi có một hiệp sĩ vĩ đại thách đấu với ông ta. Hiệp sĩ lao về phía ông ta, và bùm một cái, đánh thẳng vào giữa tấm che mặt, và trước sự kinh hoàng của mọi người, cái đầu lìa ra rơi xuống đất. Rồi có một giọng nói vang lên từ bên trong bộ áo giáp, và họ phát hiện ra đó là một anh chàng đẹp trai nhưng không đủ cao để mặc vừa bộ áo giáp...”

Rampole nhìn cô. “Em yêu,” anh nghiêm túc nói, “đó chỉ là truyện nhằm nhí thôi. Đây đúng là ý tưởng điên rồ nhất... Nghe này, em thật sự định nói là Pettis đã cài trang vào nhà với một cái đầu giả và hai cái độn vai à?”

“Anh quá bảo thủ,” cô vừa nói vừa nhăn mũi. “Em nghĩ đó là ý tưởng cực hay. Và anh muốn chứng cứ à? Được! Chẳng phải chính Mills đã nhận xét rằng gáy của kẻ giết người sáng bóng lên như thế cả cái đầu được làm bằng giấy bồi à? Anh nói sao về điều đó?”

“Anh nói đó là một cơn ác mộng. Em không có ý tưởng nào thực tế hơn à?”

“Có!” Dorothy nói. Rõ ràng là cô chỉ mới nghĩ ra ý này thôi, nhưng cô lại vờ như là mình đã nghĩ ra nó từ lâu rồi. “Cái này liên quan đến tình huống bất khả thi. *Tại sao* hung thủ không muốn để lại dấu chân? Các anh đều đang chạy theo những giả thuyết quá sức phức tạp. Và thường thì nó khiến anh nghĩ rằng kẻ sát nhân muốn đùa với cảnh sát. Nhảm nhí, anh yêu! Lí do duy nhất, lí do đầu tiên khiến hãn không muốn để lại dấu chân sau khi thực hiện án mạng xong là gì? Đó là vì dấu chân để lại đặc biệt đến mức có thể dẫn cảnh sát đến thẳng chỗ hãn! Bởi hãn bị một tật nào đó mà sẽ bị phát hiện ngay nếu để lại dấu chân...”

“Và...”

“Và anh nói với em là,” cô nói, “một chân của gã Burnaby này bị dị tật.”

Khi trời gần sáng và cuối cùng Rampole cũng thiếp đi được, anh lại bị ám ảnh bởi cái chân bị tật của Burnaby, trông còn ám muội hơn kẻ đội đầu giả. Những hình ảnh ấy tuy vô nghĩa, nhưng trong một giấc mơ về bí ẩn của ba năm mờ thì lại khiến người ta giật mình.

Anh khó nhọc ra khỏi giường khi tiến sĩ Fell gõ cửa lúc gần 9 giờ sáng chủ nhật. Anh hấp tấp cạo râu và mặc quần áo, và hộc tốc chạy xuống căn nhà yên tĩnh. Lúc đó còn quá sớm để tiến sĩ Fell (hoặc bất cứ ai) thức dậy, nên Rampole biết đã có gì đó kinh khủng xảy ra trong đêm. Tất cả các hành lang đều lạnh lẽo, kể cả thư viện đồ sộ, nơi một ngọn lửa lớn đã được thắp, cũng có vẻ gì đó không thật, giống như khi ta thức dậy vào tảng sáng để đón tàu. Bữa sáng cho ba người đã được dọn sẵn ở ô cửa sổ hướng ra hiên ngoài. Trời hôm đó xám xịt, và tuyết đã bắt đầu rơi. Tiến sĩ Fell ăn mặc chỉnh tề, ngồi ở bàn, tay ôm đầu và đang nhìn chăm chăm vào tờ báo.

“Gã Henri,” ông gầm lên, và vứt tờ báo xuống, “Ồ, đúng. Hãn lại ra tay một lần nữa. Hadley vừa gọi điện báo thêm chi tiết, và ông ấy sẽ tới đây sớm thôi. Cứ đọc cái này trước đi. Nếu chúng ta nghĩ vụ án đêm qua là khó nhằn, nhìn *vụ này* xem! Tôi giống như Drayman... tôi không thể tin nổi. Nó đấy

vụ án mạng của Grimaud khởi trang nhất. May mà họ chưa nhận ra mối liên hệ giữa hai vụ này, hoặc Hadley đã ra chỉ thị cho họ không được nói đến. Đây!”

Rampole, trong khi chờ cà phê, nhìn thấy những hàng tít lớn: “NHÀ ẢO THUẬT BỊ GIẾT BỞI MA THUẬT!” – chắc người viết hàng tít này phải rất ưng ý. “BÍ ẨN Ở PHỐ CAGLIOSTRO.” “VIÊN ĐẠN THỨ HAI LÀ CHO MÀY!’ ”

“Phố Cagliostro?” anh chàng người Mỹ đọc to. “Phố Cagliostro ở chỗ quái nào? Tôi đã nghe thấy những tên phố buồn cười rồi, nhưng cái này...”

“Thường thì cậu sẽ không nghe đến nó đâu,” tiến sĩ Fell lầm bầm. “Đó là một trong những con phố nằm ẩn sau những con phố khác, mà cậu chỉ tình cờ đi lạc vào khi đang tìm một ngõ tắt, và rồi giật mình khi phát hiện ra cả một cộng đồng nằm sâu giữa London... Dù sao thì phố Cagliostro chỉ cách nhà Grimaud khoảng ba phút đi bộ. Nó là một con ngõ cụt phía sau phố Guilford, ở phía bên kia quảng trường Russell. Theo như tôi nhớ, nó có rất nhiều cửa hàng tràn từ phố Lamb’s Conduit sang, còn lại là nhà trọ tập thể. Gã Henri đã rời khỏi nhà Grimaud sau khi nổ súng, đi sang đây, đứng đợi một chút, rồi hoàn tất công việc.”

Rampole hướng mắt xuống đọc bài báo:

“Thi thố của một người đàn ông được phát hiện là đã bị giết đêm qua ở phố Cagliostro, WCI, đã được nhận dạng là Pierre Fley, một nhà ảo thuật người Pháp. Mặc dù ông ta đã biểu diễn ở nhà hát trên đường Commercial, EC, được vài tháng, nhưng ông mới chuyển đến trọ ở phố Cagliostro hai tuần trước. Khoảng 10 giờ rưỡi đêm qua, ông ta được phát hiện trong tình trạng đã chết do bị bắn. Hiện trường vụ án cho thấy có vẻ như nhà ảo thuật đã bị sát hại bởi ma thuật. Không ai nhìn thấy gì và không có dấu vết nào để lại – ba nhân chứng đã khai như vậy – mặc dù họ đều nghe rất rõ một giọng nói, ‘Viên đạn thứ hai là cho mày.’”

Phố Cagliostro dài 183 mét, và cuối phố là một bức tường gạch. Có vài cửa hiệu ở đầu phố đóng cửa vào thời điểm đó, mặc dù vẫn còn vài ngọn đèn đường đang cháy trên vỉa hè đã được quét dọn. Nhưng đi vào khoảng 18 mét thì tuyết vẫn chất đầy trên vỉa hè và trên đường.

Ông Jesse Short và ông R. G. Blackwin, hai du khách từ Birmingham tới London, đang trên đường tới thăm một người bạn ở một nhà trọ gần phía cuối con phố. Họ đang đi trên vỉa hè bên tay phải, và quay lưng lại về phía đầu đường. Ông Blackwin, người quay lại để kiểm tra số nhà, để ý thấy một người đàn ông đi phía sau họ. Người này bước chậm rãi và hơi bồn chồn, nhìn ngó xung quanh như thể đang đợi ai đó đến. Người đó đi ngay giữa đường. Vì ánh đèn không đủ sáng, nên cả ông Short và ông Blackwin chỉ nhìn thấy người đó cao và đội mũ mềm có vành bẻ cong. Cùng lúc đó, cảnh sát Henry Withers – người đang tuần tra trên phố Lamb’s Conduit – đi đến đầu phố Cagliostro. Ông thấy người đàn ông đi trên tuyết, nhưng quay lại mà không để ý đến ông ta. Và chỉ trong từ 3 đến 4 giây, sự việc đã xảy ra.

Ông Short và ông Blackwin nghe thấy một tiếng rít gần giống như một tiếng thét. Rồi họ nghe ai đó nói rõ ràng, “Viên đạn thứ hai là cho mày,” rồi một tiếng cười lớn và sau đó là tiếng súng bị giảm thanh. Khi quay lại, họ thấy người đàn ông đang sau lao đảo, hét lên lần nữa, và ngã sấp mặt xuống đất.

Con phố, như họ thấy, hoàn toàn trống trải từ đầu này đến đầu kia. Hơn nữa, người đàn ông đang bước giữa đường, và cả hai đều khẳng định là không hề có dấu chân nào trên tuyết ngoài dấu chân của người đó. Điều này được cảnh sát Withers, người vừa chạy từ đầu đường vào, xác nhận. Nhờ ánh sáng từ cửa hàng đồ trang sức, họ có thể thấy nạn nhân nằm sấp, hai tay dang rộng, máu bắn ra thành tia từ vết đạn bên dưới xương vai trái. Hung khí – một khẩu Colt ổ quay nòng dài cỡ 38, đã lỗi thời khoảng 30 năm – được ném cách đó 3 mét.

Mặc dù họ nghe thấy tiếng nói, và khẩu súng nằm cách đó một quãng, các nhân chứng nghĩ vì con đường hoàn toàn trống trải nên chắc hẳn người đàn ông đó đã tự vẫn. Họ thấy người đó vẫn còn thở, nên đã mang ông ta đến phòng khám của bác sĩ M.R. Jenkins ở gần cuối phố, trong khi viên cảnh sát ở lại để khẳng định chắc chắn không có dấu chân nào. Tuy nhiên không lâu sau đó, nạn nhân đã chết mà không nói được lời nào.

Điều đáng kinh ngạc nhất được phát hiện sau đó. vết đạn bắn trên áo khoác ngoài của người đàn ông bị cháy sém, cho thấy hung khí đã được gi vào sát sau lưng người đàn ông hoặc chỉ cách khoảng chục phân. Theo ý kiến của bác sĩ Jenkins – sau đó được cảnh sát xác nhận – đây không thể là một vụ tự tử. Ông tuyên bố rằng không người nào có thể giữ một khẩu súng và tự bắn vào lưng mình với góc bắn như vậy, nhất là khi hung khí là một khẩu súng nòng dài. Đây là một vụ giết người, nhưng là một vụ giết người bất khả thi. Nếu người đàn ông bị bắn ở một khoảng cách xa hơn, từ cửa sổ hay cửa chính,

thì việc không thấy hung thủ hoặc dấu chân để lại trên tuyết là còn có thể hiểu được. Nhưng người đàn ông bị bắn bởi một người đứng ngay bên cạnh, nói chuyện với ông ta, rồi biến mất.

Không có giấy tờ hay dấu hiệu nhận dạng nào được tìm thấy trong quần áo của người đàn ông đó, và có vẻ như không ai biết ông ta. Sau một thời gian trì hoãn, ông ta được đưa đến nhà xác...”

“Nhưng còn viên cảnh sát mà Hadley sai đến bắt hãn ta?” Rampole hỏi.
“Anh ta không nhận dạng được hãn sao?”

“Anh ta nhận dạng được hãn sau đó,” tiến sĩ Fell gầm gừ. “Nhưng mọi huyền não đã kết thúc khi anh ta tới đó. Anh ta gặp Withers, Hadley kể, khi viên cảnh sát đang đi thăm vấn từng nhà một. Rồi anh ta chấp nối các chi tiết lại. Trong lúc đó, người mà Hadley cử đến nhà hát để tìm Fley đã gọi điện thông báo là hãn ta không ở đó. Fley đã lạnh lùng nói với ông chủ nhà hát là hãn không có ý định biểu diễn đêm hôm đó, và đi về với một câu nói khó hiểu... Chà, để nhận dạng thi thể trong nhà xác, họ gọi chủ nhà của Fley trên phố Cagliostro. Và để đảm bảo đó là cùng một người, họ còn mời một người từ nhà hát đến. Một người Ireland với một cái tên Ý đã xung phong, người này cũng có lịch biểu diễn nhưng không thể lên sân khấu đêm hôm đó vì bị chấn thương. Đúng. Đó là Fley, và hãn đã chết, và chúng ta đang gặp cả đồng rắc rối. Hà!”

“Và câu chuyện này,” Rampole hét lên, “là có thật à?”

Người trả lời câu hỏi đó là Hadley, này giờ đang hùng hổ bấm chuông bên ngoài. Hadley đi thành thịch vào, vung vẩy một cái cặp tài liệu như thể đó là cái rìu của người da đỏ, và càu nhàu vài câu trước cả khi chạm vào thịt nguội và trứng.

“Là có thật đấy,” ông nói với vẻ u ám, giậm gót giày thành thịch trước ngọn lửa. “Tôi để báo chí đưa tin rầm rộ để chúng ta có thể kêu gọi bất cứ ai biết thông tin gì về Pierre Fley và gã em Henri của hãn. Chúa ơi! Fell, tôi sắp điên lên đến nơi rồi! Cái biệt danh khi gió của ông đã dính chặt vào đầu tôi, và tôi không thể nào quên nó đi được. Tôi thấy mình nhắc đến Henri như thể đó là tên thật của hãn. Tôi thấy mình hình dung diện mạo của Henri. Ít ra chúng ta cũng sắp biết tên thật của hãn rồi. Tôi đã đánh điện đến Bucharest.

Henri! Henri! Ta đã tìm lại được tung tích của hã, nhưng lại mất dấu lần nữa. Hen...”

“Vì Chúa, bình tĩnh nào!” tiến sĩ Fell thúc giục, thở phò phò một cách bứt rứt. “Đừng nói làm nhảm, mọi chuyện giờ đã đủ tệ rồi. Tôi cho là ông đã làm việc gần như cả đêm? Và có thêm thông tin mới? Hừm, được. Giờ ngồi xuống và trấn tĩnh lại đi. Rồi chúng ta sẽ tiếp cận vấn đề... một cách khôn ngoan nhé?”

Hadley nói không muốn ăn. Nhưng sau khi chén hai phần ăn, uống vài cốc cà phê, và chm một điếu xì gà, ông đã bình tĩnh hơn.

“Giờ thì hãy bắt đầu,” ông nói, ngồi nghiêm chỉnh lấy giấy tờ từ trong cặp hồ sơ ra, “bằng việc kiểm tra kĩ từng điểm một trong bài báo này, cũng như những điều không có trong này. Hừm! Đầu tiên là các nhân chứng Blackwin và Short. Họ đáng tin cậy. Hơn nữa tôi chắc chắn cả hai không phải là Henri. Chúng tôi đã điện cho Birmingham, và biết được là cả hai được người dân nơi họ đã sống cả đời biết rõ. Họ rất giàu có và đứng đắn, họ sẽ không mất bình tĩnh khi chứng kiến vụ án mạng như thế này đâu. Viên cảnh sát tuần tra, Withers, cũng là một người rất đáng tin cậy, thậm chí cực kì mẫn cán. Nếu những người này nói họ không nhìn thấy ai thì có thể là họ bị đánh lừa, nhưng ít nhất có thể chắc chắn rằng họ đã nói thật – hay những gì họ tin là sự thật.”

“Đánh lừa... bằng cách nào?”

“Tôi không biết,” Hadley gặm gừ, hít một hơi thật sâu và lắc đầu dứt khoát, “nhưng chắc chắn họ đã bị lừa. Tôi đã ngó qua con phố, mặc dù tôi không vào phòng của Fley. Có thể nó không sáng sủa như vòng xoay Piccadilly, nhưng ít ra nó cũng không tối đến mức một người có đủ năm giác quan có thể nhầm lẫn về những gì mình nhìn thấy. Cái bóng... Tôi không biết! Còn về dấu chân, nếu Withers thề rằng không có dấu chân nào, thì tôi tin lời anh ta. Và thế đấy.”

Tiến sĩ Fell chỉ lm bầm trong miệng, và Hadley nói tiếp: “Còn về hung khí. Fley bị bắn bằng một khẩu Colt cỡ 38, cũng như Grimaud. Có hai vỏ

đạn trong băng, chỉ có hai viên đạn, và Hen... tên sát nhân đã dùng nó để giết hai người. Các ông biết đấy, súng ổ quay hiện đại sẽ đẩy vỏ đạn ra khi bắn giống như súng tự động, nhưng khẩu súng này quá cổ nên chúng ta chẳng có mấy may cơ hội nào để lần xem nó ở đâu. Nó vẫn hoạt động tốt, nó bắn ra loại đạn bọc thép hiện đại, nhưng có ai đó đã cất giấu nó nhiều năm rồi.”

“Hắn không quên gì cả, tay Henri này. Chà. Thế ông đã lần ra được hành tung của Fley chưa?”

“Rồi. Hắn định gặp Henri.”

Tiến sĩ Fell mở choàng mắt ra. “*Hả?* Nghe này, nghĩa là ông có manh mối về...”

“Đó là manh mối duy nhất chúng ta có. Và,” Hadley nói, với một sự thỏa mãn chua chát, “nếu nó không cho kết quả trong vài giờ nữa, tôi sẽ ăn cái cặp tài liệu này. Ông nhớ là tôi đã kể cho ông qua điện thoại rằng Fley đã từ chối biểu diễn và đi khỏi nhà hát đêm qua chứ? Đúng. Cảnh sát mặc thường phục của tôi đã nghe toàn bộ câu chuyện từ ông chủ nhà hát, một người tên Isaacstein, và từ một gã nhào lộn tên O’Rourke, người thân với Fley nhất và là người đã nhận diện thi thể sau đó.

“Thứ bảy thường là ngày bận rộn ở khu Limehouse. Nhà hát biểu diễn các chương trình tạp kỹ liên tục từ chiều đến 11 giờ đêm. Buổi tối là lúc làm ăn phát đạt, và buổi diễn đầu tiên của Fley bắt đầu lúc 8 giờ 15. Trước đó khoảng 5 phút, O’Rourke – người bị gãy cổ tay và không thể lên sân khấu – lén xuống hầm để hút thuốc, ở dưới đó có một lò than để đun nước cho đường ống nước nóng.”

Hadley mở một tờ giấy viết chi chít chữ ra. “Đây là lời khai của O’Rourke, do Somers ghi lại và O’Rourke kí tên.”

“Ngay khi tôi vừa bước qua cái cửa asbestos và đi xuống cầu thang, tôi nghe thấy tiếng động như thể có ai đó đang đập nát củi nhóm lửa. Rồi tôi giật cả mình. Tôi thấy cửa lò đang mở, và Lão Khùng với cây rìu trong tay, đang phá nát số tài sản ít ỏi của hắn và ném tất cả vào lửa. Tôi nói, ‘Trời đất ơi. Lão

Khùng, ông làm gì vậy?’ Hãn trả lời, với cái cách nói quái đản của hãn, Tôi đang phá hủy dụng cụ của mình, ông Pagliacci.’ (Nghệ danh của tôi là Pagliacci Vĩ đại, ông thấy đấy, nhưng hãn luôn gọi tôi như thế, trời ạ!) Chà, hãn nói, ‘Công việc của tôi đã hoàn tất, tôi không cần chúng nữa’ và vèo một cái! Hãn ném dây thừng giả và que tre rỗng vào lửa. Tôi nói, ‘Lão Khùng, trời đất ơi, bình tĩnh lại đi.’ Tôi nói, ‘Mấy phút nữa là đến lượt ông rồi, vậy mà ông vẫn chưa thay đồ.’ Hãn nói: ‘Tôi chưa nói với ông à? Tôi sẽ đi gặp người anh em của tôi. Người này sẽ làm gì đó để dàn xếp chuyện mắc mớ hồi xưa giữa hai chúng tôi.’

“Hãn bước ra cầu thang và quay ngoắt lại. Lão Khùng có khuôn mặt giống mặt của một con ngựa bạch. Chúa rủ lòng thương tôi vì đã nói thế, nhưng ánh lửa từ cái lò chiếu vào làm mặt hãn có vẻ gì đó rất quái đản. Hãn nói, ‘Nếu tôi có mệnh hệ gì sau khi xong việc với người đó, ông sẽ tìm thấy người anh em của tôi ở cùng con phố nơi tôi sống. Đó không phải là nhà của người đó, nhưng người đó có thuê một phòng ở đó.’ Cùng lúc đó Isaacstein xuống tìm hãn. Ông ta không thể tin vào tai mình khi nghe Lão Khùng nói hãn từ chối lên biểu diễn. Rồi có một cuộc cãi vã. Isaacstein nói oang oang, ‘Ông biết chuyện gì xảy ra nếu ông không lên diễn chứ?’ Và Lão Khùng nói, vui vẻ như một gã chơi trò xáo ba quân bài, ‘Có, tôi biết chuyện gì sẽ xảy ra.’ Rồi hãn nhấc mũ lên chào rất nhã nhặn, và nói, ‘Chúc ngủ ngon, các quý ông. Tôi quay lại năm mờ đây.’ Và gã khùng đó đi lên cầu thang mà không nói thêm lời nào.”

Hadley gấp tờ giấy lại và đặt nó vào trong cặp hồ sơ.

“Đúng, hãn đúng là một nghệ sĩ biểu diễn giỏi,” tiến sĩ Fell nói, chật vật chằm cái tẩu. “Thật tiếc khi Henri phải... rồi sao nữa?”

“Chuyện này có thể không giúp ích gì đến việc tìm ra Henri ở phố Cagliostro, nhưng chúng tôi chắc có thể tìm thấy chỗ ẩn náu tạm thời của hãn,” Hadley nói tiếp. “Một câu hỏi đến với tôi, Fley đang định đi đâu khi hãn bị bắn? Hãn đi bộ đến chỗ nào? Không phải về phòng hãn. Hãn sống ở số 2B, ở đầu con phố, và hãn đi về hướng ngược lại. Khi bị bắn, hãn đã đi được quá nửa con phố, giữa số 18 ở bên phải và số 21 ở bên trái – nhưng lại đứng ở giữa đường, tất nhiên rồi. Đó là manh mối tốt, và tôi đã cử Somers đi khám xét. Anh ta phải đi đến từng nhà từ đoạn đó con phố trở đi, tìm kiếm bất cứ khách trọ nào mới đến, đáng nghi, hoặc đáng chú ý. Với kiểu cách

các bà chủ nhà bây giờ, chúng ta có thể tìm được cả tá trường hợp, nhưng điều đó không quan trọng.”

Ngồi lún hết cỡ trên cái ghế lớn, tiến sĩ Fell vò đầu. “Đúng, nhưng tôi sẽ không tập trung quá nhiều vào hai đầu đường. Theo tôi là cứ lục tung hết lên. Ông thấy đấy, giả sử như Fley đang chạy trốn ai đó, hẳn sẽ bị bắn khi nào?”

“Khi đi vào một con hẻm cụt?”

“Sai! Tôi nói là sai bét!” Vị tiến sĩ gầm lên, nhắc mình lên khỏi ghế. “Không phải chỉ vì tôi không thấy chuyện này có lí tẹo nào (điều tôi sẵn sàng thừa nhận), mà còn vì sự đơn giản của toàn bộ sự việc khiến tôi phát điên lên. Đây không phải là trò phù phép giữa bốn bức tường. Ở đây có một con đường. Có một người đi trên đường trong trời tuyết. Có tiếng thét lên, có tiếng thì thầm, bùm! Nhân chứng quay lại, hung thủ biến mất. Biến đi đâu? Có phải khẩu súng bay trong không khí như một con dao, bắn vào lưng Fley, và xoay vòng đi mất không?”

“Nhảm nhí!”

“Tôi biết là nhảm nhí. Nhưng tôi vẫn đặt ra câu hỏi,” tiến sĩ Fell gật đầu. Ông kéo kính xuống và đưa tay lên dụi mắt. “Những tình tiết mới này có ảnh hưởng thế nào đến những người trong ngôi nhà ở quảng trường Russell? Ý tôi là, cứ coi như tất cả đều trong diện nghi vấn, chúng ta không thể loại bỏ được ai à? Kể cả nếu họ nói dối chúng ta ở nhà Grimaud, họ cũng không thể đi ra ngoài ném khẩu Colt ở giữa phố Cagliostro.”

Sự châm biếm làm vắn vẹo gương mặt ngài chánh thanh tra cấp cao. “Xin chú ý là đến đây thì chúng ta gặp chút may mắn đấy. Tôi quên mất! Ta có thể loại bỏ một hai người khỏi danh sách tình nghi – nếu vụ ở phố Cagliostro diễn ra muộn hơn, hoặc thậm chí sớm hơn một chút. Nhưng không. Fley bị bắn vào đúng 10 giờ 25. Nói cách khác, khoảng 15 phút sau khi Grimaud bị bắn. Henri không bỏ lỡ giây nào. Hẳn đã biết trước chính xác những gì ta sẽ làm: cử một người đi bắt Fley ngay khi có báo động. Chỉ

có Henri (hoặc ai đó) lường trước được mọi hành động của chúng ta. Hẳn ở đó với cái trò biến mất của hẳn.”

“‘Hoặc ai đó?’” tiến sĩ Fell nhắc lại. “Cách suy nghĩ của ông rất thú vị. Tại sao lại ‘hoặc ai đó’?”

“Đó là điều tôi đang muốn nói đến – khoảng thời gian 15 phút không ai để ý sau khi Grimaud bị giết. Tôi đang nhận ra những thủ thuật mới trong vụ án, Fell. Nếu muốn thực hiện một loạt những vụ án mạng một cách khôn ngoan, thì đừng làm một vụ rồi dừng lại và đợi đến khoảnh khắc quyết định để thực hiện vụ tiếp theo. Làm vụ thứ nhất – rồi làm vụ tiếp theo ngay lập tức, khi những người theo dõi còn đang quá bối rối với vụ thứ nhất đến nỗi không ai, kể cả cảnh sát, có thể nhớ chính xác ai ở đâu vào lúc nào. Đúng không?”

“Thôi nào,” tiến sĩ Fell găm gừ, để che giấu sự thật là ông cũng không nhớ được. “Lập một thời gian biểu cũng dễ thôi mà. Để xem nhé. Chúng ta đến nhà Grimaud... lúc mấy giờ?”

Hadley ghi nhanh lên một mảnh giấy. “Ngay khi Mangan nháy ra ngoài cửa sổ, tức là không nhiều hơn hai phút sau khi có tiếng súng. Cứ cho là 10 giờ 12 phút đi. Chúng ta chạy lên tầng, phát hiện cửa bị khóa, lấy cái kìm, và mở cửa ra. Cứ cho là thêm 3 phút nữa.”

“Như thế liệu có hơi ít không?” Rampole chen vào. “Có vẻ như chúng ta đã chạy lòng vòng khá lâu.”

“Người ta thường nghĩ thế. Thật ra,” Hadley nói, “tôi cũng nghĩ như thế cho đến khi tôi xử lí vụ đâm người ở Kynaston (nhớ không, Fell?), khi một kẻ sát nhân cực kì thông minh đã gây dựng chứng cứ ngoại phạm của mình dựa trên việc các nhán chứng luôn luôn ước lượng *quá* thời gian. Đó là vì chúng ta suy nghĩ theo phút hơn là theo giây. Cứ thử mà xem. Để một cái đồng hồ lên bàn, nhắm mắt lại, và mở mắt ra khi cậu nghĩ là đã hết một phút. Cậu sẽ thấy là mình mở mắt ra sớm khoảng 30 giây. Không, cứ cho ở đây là 3 phút!” Ông cau mày. “Mangan gọi điện, và xe cứu thương đã đến rất nhanh. Ông có nhớ địa chỉ của viện dưỡng lão đó ở đâu không, Fell?”

“Không. Tôi để những chi tiết vặt vãnh đó cho ông,”

Tiến sĩ Fell nói nghiêm chỉnh. “Có người nói nó ở ngay gần đó thôi, tôi nhớ như vậy.”

“Trên phố Guilford, cạnh Bệnh viện Nhi. Thật ra,” Hadley nói, “bệnh viện ở gần phố Cagliostro đến nỗi vườn sau chắc phải ngang với phố... Cứ cho là mất 5 phút để xe cứu thương đến quảng trường Russell. Như vậy là 10 giờ 20. Còn 5 phút tiếp theo, trước khi xảy ra vụ án mạng thứ hai, và 5,10 hay 15 phút cũng quan trọng không kém sau đó? Rosette Grimaud, một mình, đi chung xe cứu thương với cha, và một lúc sau đó mới quay về. Mangan, ngồi một mình dưới tầng giúp tôi gọi điện thoại, và không lên nhà cho đến khi Rosette quay lại. Tôi không thật sự cho rằng một trong hai người họ là thủ phạm, nhưng cứ thử giả thiết xem. Drayman? Không ai thấy Drayman trong suốt khoảng thời gian này và rất lâu sau đó. Còn Mills và bà Dumont... hừm. Đúng. Tôi e là họ có chứng cứ ngoại phạm. Mills nói chuyện với chúng ta trong hầu hết khoảng thời gian đó, cho đến ít nhất 10 giờ 30, và bà Dumont đến ngay sau đó, cả hai đều ở với chúng ta một lúc lâu. Chia chi li thời gian ra thì là như vậy.”

Tiến sĩ Fell cười khục khục. “Thật ra,” ông trầm ngâm nói, “giờ thì chúng ta chỉ biết được chính xác những gì chúng ta đã biết trước đây, không hơn không kém. Những người duy nhất có chứng cứ ngoại phạm là những người mà chúng ta chắc chắn là vô tội, và những người phải nói sự thật nếu muốn câu chuyện này có ý nghĩa. Hadley, chính sự kì quái của mọi việc nói chung mới khiến tôi thấy khó hiểu. Nhân tiện, ông có tìm được gì khi khám xét phòng ông Drayman đêm qua không? Vết máu đó thì sao?”

“Ồ, đó là máu người, nhưng chẳng có gì trong phòng Drayman đem lại manh mối cả. Có vài cái mặt nạ bằng giấy bồi, đúng. Nhưng là những cái mặt nạ được làm tỉ mỉ với rìa và mắt lồi, kiểu những thứ dễ thu hút trẻ con. Không có gì màu hồng cả. Có rất nhiều thứ để trẻ con đóng kịch, vài cái pháo hoa cải cũ và chong chóng gió, một nhà hát đồ chơi...”

“Giá vé một penny và hai xu,” tiến sĩ Fell cười phì phì khi hồi tưởng lại. “Tuổi thơ huy hoàng đã xa. Chà! Sự hùng vĩ của một nhà hát đồ chơi! Thuở còn thơ, Hadley, cái thuở mà mỗi lần tôi đi đến đâu là tôi đem hào quang huy hoàng đến đấy (à này, đây là một chính đề mà có thể cha mẹ tôi đã tranh luận rất nhiều); thuở tôi còn nhỏ, tôi có một cái nhà hát đồ chơi có 16 bối cảnh. Một nửa trong số đó, tôi rất vui khi kể cho mọi người nghe, là cảnh nhà tù. Tôi tự hỏi tại sao trí tưởng tượng non nớt lại bị cảnh nhà tù thu hút mạnh mẽ đến vậy? Tại sao?”

“Ông bị làm sao vậy?” Hadley nhìn chăm chăm. “Sao tự nhiên lại ủy mị thế?”

“Bởi tôi vừa nảy ra một ý này,” tiến sĩ Fell nói nhẹ nhàng. “Và đó là một ý cực hay!” Ông tiếp tục chớp mắt nhìn Hadley. “Còn Drayman thì sao? Ông có định bắt ông ta không?”

“Không. Thứ nhất, tôi không thấy ông ta có khả năng làm việc đó, và tôi không thể xin được lệnh bắt. Thứ hai...”

“Ông không tin là ông ta có tội?”

“Hừm,” Hadley lẩm bẩm, với sự thận trọng bẩm sinh khi nghi ngờ sự vô tội của người khác. “Tôi không nói thế, nhưng tôi nghĩ ông ta ít có khả năng phạm tội hơn bất cứ ai khác. Dù sao thì chúng ta phải đi thôi! Đầu tiên là đến phố Cagliostro, sau đó thăm vấn vài người. Cuối cùng...”

Họ nghe thấy tiếng chuông cửa vang lên, và một cô hầu gái còn ngái ngủ đi xuống trả lời.

“Có một quý ông ở dưới tầng, thưa ngài,” Vida nói, thò đầu vào trong phòng, “ông ta nói muốn gặp ngài hoặc ngài chánh thanh tra cấp cao. Ông ấy tên là Anthony Pettis, thưa ngài.”

XII. Bức tranh

Tiến sĩ FELL, lúc này đang lăm bằm, cười khục khục và phụt tro từ chiếc tẩu như một ngọn núi lửa, đứng lên chào hỏi vị khách một cách thân mật khiến cho ông Anthony Pettis thoải mái hơn rất nhiều. Ông Pettis hơi cúi đầu chào từng người một.

“Xin thứ lỗi cho tôi, thưa các ông, vì đường đột đến đây sớm như vậy,” ông ta nói. “Nhưng tôi phải kể cho các ông chuyện này, nếu không thì tôi sẽ không thể thấy thoải mái được. Tôi biết là đêm qua các ông muốn gặp tôi. Và đêm qua là một đêm không hề dễ chịu gì, tôi xin khẳng định như vậy.” Ông ta cười. “Lần duy nhất tôi vi phạm pháp luật là khi tôi quên xin lại giấy phép nuôi chó, và lương tâm cứ dằn vặt tôi mãi. Mỗi khi tôi ra ngoài với con chó chết tiệt đó, tôi nghĩ mọi cảnh sát ở London đều nhìn mình đàng đàng sát khí. Thế nên tôi bắt đầu lẩn trốn cảnh sát. Trong trường hợp này, tôi nghĩ tốt hơn là chủ động tìm đến các ông. Ở Scotland Yard họ đưa cho tôi địa chỉ này.”

Tiến sĩ Fell lột áo khoác ngoài của Pettis một cách thô bạo khiến ông ta suýt té, rồi đẩy vị khách ngồi xuống ghế. Ông Pettis cười nhả nhổ. Ông ta có vóc người nhỏ và gọn gàng với tác phong cứng nhắc, cái đầu hơi bóng loáng, và giọng nói rất to để khiến người ta giật mình. Ông ta có đôi mắt nổi bật hẳn lên trên gương mặt, nếp nhăn ở giữa trán khiến ông trông càng khôn ngoan hơn, cùng cái miệng hóm hỉnh, và chiếc cằm chẻ. Khuôn mặt của ông ta xương xẩu, thông minh, khổ hạnh và có phần lo lắng. Khi nói, ông ta có thói quen rướn người về phía trước, đan hai tay vào nhau và cau mày nhìn xuống đất.

“Chuyện với ông Grimaud thật tồi tệ,” ông ta nói, rồi do dự. “Theo lẽ thường thì tôi sẽ nói rằng tôi hi vọng có thể làm tất cả những gì có thể để giúp các ông. Trong trường hợp này thì đúng là như vậy.” Ông ta lại cười lần

nữa. “Ờ... ông có muốn tôi ngồi hướng mặt về phía có ánh sáng không? Ngoài tiểu thuyết ra, thì đây là lần đầu tiên tôi tiếp xúc với cảnh sát.”

“Vớ vẩn,” tiến sĩ Fell nói, rồi giới thiệu mọi người trong phòng. “Tôi đã muốn gặp ông từ lâu rồi, hai chúng ta từng viết về nhiều chủ đề chung. Ông uống gì? Whisky? Brandy và soda?”

“Bây giờ còn hơi sớm,” Pettis nói không chắc chắn. “Mặc dù vậy, nếu ông nhất định mời... cảm ơn! Tôi đã đọc quyển sách của ông về các thế lực siêu nhiên trong văn học Anh, thưa tiến sĩ, ông nổi tiếng hơn tôi nhiều. Và những gì ông viết đều có lí.” Ông cau mày. “Rất có lí. Nhưng tôi không hoàn toàn đồng ý với ông (hay tiến sĩ James) rằng hồn ma trong truyện lúc nào cũng có dã tâm...”

“Tất nhiên bao giờ chúng cũng có dã tâm. Càng ác độc,” tiến sĩ Fell nói như sấm, vặn vẹo khuôn mặt khiến nó trông có vẻ hơi nham hiểm, “thì càng tốt. Tôi không muốn có tiếng thờ dài lịch sự quanh cái ghế *tôi đang ngồi*. Tôi không muốn những lời thì thầm ngọt ngào về Vườn Địa đàng. Tôi muốn MÁU!” Ông nhìn chòng chọc vào Pettis khiến ông ta cảm thấy Fell muốn máu của chính mình. “Ha. Tôi sẽ đưa ra các quy tắc cho ông, thưa ông. Hồn ma phải có dã tâm. Nó không bao giờ được cất tiếng. Nó không được trong suốt mà phải chạm vào được. Nó không được xuất hiện quá lâu, mà chỉ thoáng qua như một người thò mặt ra từ một góc nào đó. Nó không bao giờ xuất hiện ở nơi nào quá sáng sủa. Nó nên có nguồn gốc từ xa xưa, liên quan đến giáo hội hoặc giới học thuật, khiến ta liên tưởng đến các tu viện hoặc các bản thảo tiếng Latin. Một xu hướng đáng tiếc hiện nay là khinh rẻ những nơi như thư viện cổ hay những di tích xa xưa, mà chỉ cho những bóng ma kinh hoàng xuất hiện ở cửa hàng bán bánh kẹo hoặc quầy bán nước chanh. Họ gọi đó là đặt trong ‘bối cảnh hiện đại’. Cũng được thôi, thử áp dụng vào thực tế xem. Trong thực tế, người ta thường sợ mất mặt ở những nơi như di tích cổ hay nghĩa địa. Không ai có thể phủ nhận điều đó. Nhưng cho đến khi ai đó thật sự hét lên và ngất đi khi nhìn thấy cái gì đó ở một quầy bán nước chanh (tất nhiên là trừ khi họ sợ uống thứ nước đó), thì ta có thể khẳng định học thuyết đó là nhảm nhí.”

“Vài người nói,” Pettis nhận xét, nhướn một bên lông mày lên, “rằng những di tích cổ là nhảm nhí. Ông không nghĩ rằng thời buổi này có thể có những câu chuyện ma sao?”

“Tất nhiên là có thể, và có nhiều người tài giỏi đủ khả năng sáng tác chúng – nếu họ muốn, vấn đề là, họ sợ cái gọi là cường điệu thái quá. Nên nếu không thể không cường điệu, họ sẽ cố che giấu nó bằng cách viết theo kiểu vòng vèo và đảo lộn thứ tự khiến cho không ai có thể hiểu được họ định nói gì. Thay vì nói toạc ra là nhân vật nghe hay nhìn thấy gì, họ cố miêu tả ẩn tượng. Giống như một người quản gia, khi thông báo tên vị khách tới dự dạ tiệc, lại đập tung cửa phòng khách ra và hét lên: ‘Thoáng thấy một cái mũ chóp cao, hay là tia sáng lập lòe của những món đồ tôi để trên giá để ô?’ Ông chủ của người quản gia này chắc sẽ không hài lòng với cách thông báo này đâu. Chắc hẳn ông ta muốn biết kẻ dờ hơi nào lại đến tìm ông ta. Sự kinh hoàng sẽ không còn kinh hoàng nữa nếu ta phải đánh vật với nó như một bài toán. Một người nghe một câu chuyện cười vào tối thứ bảy và mãi đến sáng hôm sau mới phá ra cười ở nhà thờ thì có thể đáng trách. Nhưng còn đáng trách hơn nếu người đó đọc truyện ma vào tối thứ bảy, và hai tuần sau mới ngỡ ra là mình phải sợ hãi. Thưa ngài, tôi cho là...”

Ngài chánh thanh tra cấp cao của Phòng Điều tra Tội phạm đã nổi đóa lên và hắng giọng liên tục từ nãy đến giờ. Nghe đến đây thì Hadley quyết định đặt dấu chấm hết cho cuộc tranh luận này bằng cách nện năm đấm xuống mặt bàn.

“Từ từ thôi được không?” Ông ra lệnh. “Bây giờ chúng tôi không muốn nghe ông thuyết giảng. Và ông Pettis mới là người có điều muốn nói. Nên...” Khi thấy khuôn mặt đang phùng mang trợn má của tiến sĩ Fell lắng xuống chỉ còn một nụ cười nhả nhỏ, ông ngọt nhạt nói tiếp, “thật ra, tôi muốn nói về đêm thứ bảy, đêm qua.”

“Và về cả bóng ma nữa chứ?” Pettis gặng hỏi trong cơn bốc đồng. Cơn bột phát của tiến sĩ Fell đã khiến ông hoàn toàn thoải mái. “Bóng ma đã lấy mạng Grimaud?”

“Đúng... Trước tiên, theo quy tắc, tôi phải yêu cầu ông cho biết mình đã làm gì đêm qua. Nhất là từ 9 rưỡi đến 10 rưỡi.” Pettis đặt cái cốc xuống. Mặt ông ta lại bần khoăn trở lại. “Ý ông là, ông Hadley, rốt cuộc là tôi đang bị nghi ngờ?”

“Bóng ma nói hẳn là ông. Ông không biết sao?”

“Nói hẳn là... ôi Chúa ơi, không!” Pettis thét lên, nhảy dựng lên như một con rối bật ra từ trong hộp. “Nói hẳn là tôi? Ý tôi là... nói hẳn là... thứ lỗi cho ngữ pháp của tôi! Tôi muốn biết ông đang nói về cái gì? Ý ông là sao?” Ông ta im lặng ngồi xuống và nhìn chăm chăm khi nghe Hadley giải thích. Nhưng ông ta liên tục vắn vẹo cổ tay và cà vạt, và vài lần suýt ngắt lời Hadley.

“Do đó nếu ông có thể bác bỏ mọi nghi ngờ đó thì hãy cho chúng tôi biết ông đã làm gì đêm qua...” Hadley lấy sổ tay ra.

“Chẳng ai nói gì với tôi về chuyện đêm qua cả. Tôi đến nhà Grimaud sau khi ông ấy bị bắn, nhưng không ai nói gì với tôi,” Pettis nói với vẻ bần khoăn. “Còn về đêm qua, tôi đã đến nhà hát: Nhà hát His Majesty’s.”

“Ông phải chứng minh được điều đó.”

Pettis cau mày. “Tôi không biết. Tôi thật lòng mong như vậy. Tôi có thể kể về vở kịch, mặc dù có lẽ cũng chẳng có ích gì. Đúng rồi, tôi nghĩ mình vẫn giữ cuống vé ở đâu đó, hoặc tờ chương trình. Nhưng ông muốn biết tôi có gặp người quen nào ở đó đúng không? Ờ? Không, tôi e là không... trừ khi tôi tìm được ai đó nhớ mặt mình. Tôi đi một mình. Ông thấy đấy, tất cả những người bạn ít ỏi của tôi đều có những thói quen bất di bất dịch. Hầu như chúng tôi biết chính xác từng người ở đâu, nhất là vào tối thứ bảy, và chúng tôi không muốn thay đổi điều này.” Mặt ông lấp lánh một cách gượng gạo. “Đó là... đó là phong cách Bohemian đúng đắn, tuy hơi tẻ nhạt.”

“Điều đó,” Hadley nói, “có thể đã khiến kẻ sát nhân chú ý. Những thói quen đó là gì?”

“Grimaud lúc nào cũng làm việc – xin lỗi, tôi vẫn chưa quen nổi với ý nghĩ ông ấy đã chết – lúc nào cũng làm việc đến 11 giờ. Sau 11 giờ ông có thể làm phiền ông ấy đến bao giờ tùy thích, ông ấy thuộc dạng cú đêm, nhưng trước đó thì không được. Burnaby lúc nào cũng chơi poker ở câu lạc bộ. Mangan, thuộc dạng theo hầu, ngồi với con gái của Grimaud. Hai người đó ở cùng với nhau hầu như mọi buổi tối. Tôi đến nhà hát hoặc đi xem phim, nhưng không thường xuyên lắm. Tôi là ngoại lệ.”

“Tôi hiểu. Và sau khi đi nhà hát đêm qua? Ông về lúc mấy giờ?”

“Gần 11 giờ hoặc hơn một chút. Tôi vẫn không muốn ngủ. Tôi định đến nhà Grimaud và làm một li với ông ấy. Và ông biết chuyện gì xảy ra rồi đấy. Mills đã kể cho tôi. Tôi xin phép gặp các ông, hoặc người nào đó chịu trách nhiệm. Sau khi đợi ở tầng dưới một lúc lâu mà không ai chú ý đến mình,” ông nói giọng hơi gắt gỏng, “tôi đi sang nhà dưỡng lão để xem tình hình Grimaud thế nào. Tôi đến vừa lúc ông ấy qua đời. Ông Hadley, tôi biết chuyện này thật kinh khủng, nhưng tôi thề với ông...”

“Sao ông lại muốn gặp tôi?”

“Tôi đã ở quán rượu khi gã Fley thốt ra lời đe dọa, và tôi nghĩ mình có thể giúp ích cho cuộc điều tra. Tất nhiên ở thời điểm đó tôi nghĩ Fley chính là hung thủ, nhưng sáng nay khi đọc báo...”

“Đợi đã! Trước khi ta nói đến chuyện đó, tôi hiểu là dù kẻ nào đóng giả ông, hẳn cũng đã bắt chước mọi cử chỉ điệu bộ của ông, đúng không? Tốt! Vậy thì ông có nghi ngờ ai trong số những người thân (hoặc không thân) của ông có thể làm điều đó?”

“Hoặc muốn làm điều đó,” tiến sĩ Fell nói lạnh lạnh.

Pettis ngả lưng ra ghế, rất cẩn thận chú ý đến nếp gấp trên quần. Rõ ràng sự lo lắng đã bị bộ óc ham hiểu biết và tò mò xua tan: một bài toán khó khiến ông ta hứng thú. Chụm các ngón tay vào nhau, ông ta nhìn chăm chăm ra bên ngoài những cửa sổ dài.

“Đừng nghĩ rằng tôi lẩn tránh những câu hỏi của ông, ông Hadley,” ông nói, húng hắng ho. “Nói thẳng ra, tôi không thể nghĩ được ai cả. Nhưng vấn đề này khiến tôi lo lắng không chỉ cho sự an toàn của bản thân mình. Nếu các ông nghĩ ý tưởng của tôi quá mơ hồ, hay quá nhảm nhí, tôi sẽ để tiến sĩ Fell phán xét. Hãy giả sử, để tranh luận thôi, rằng tôi là hung thủ.”

Ông ta nhìn Hadley, người đang ngồi thẳng lên, với vẻ chế giễu.

“Đợi đã! Tôi không phải hung thủ, nhưng hãy giả sử thế. Tôi đến giết Grimaud trong bộ quần áo cải trang kì dị (mà nhân tiện, tôi thà giết người còn hơn để người khác thấy mình mặc nó). Hừm! Tôi sẽ giả vờ tuân theo phần còn lại của trò lố đó. Có thể nào, với tất cả những điều đó, tôi sẽ thản nhiên nói tên thật của mình cho đám thanh niên đó không?”

Ông ta dừng lại, gõ các ngón tay vào nhau.

“Đầu tiên người ta sẽ nghĩ thế – một cái nhìn thiếu cận. Nhưng một thanh tra cực kì thông minh sẽ trả lời: ‘Đúng, một tên giết người tinh khôn sẽ làm y như vậy. Đó là cách hiệu quả nhất để lừa bịp những người nóng vội nhảy ngay đến kết luận đầu tiên. Hẳn đổi giọng mình một chút, đủ để người ta nhớ đến sau này. Hẳn bắt chước giọng của Pettis vì hẳn muốn người ta nghĩ hẳn *không phải* Pettis.’ Ông đã nghĩ đến điều đó chưa?”

“Ô, có chứ,” tiến sĩ Fell tươi cười nói. “Đó là điều đầu tiên chúng tôi nghĩ đến.”

Pettis gật đầu. “Vậy ông sẽ nghĩ đến câu trả lời cho câu hỏi đó, và sẽ phải bác bỏ khả năng tôi là thủ phạm. Nếu tôi làm trò này, thì tôi sẽ thay đổi giọng nói của mình một chút. Nếu ban đầu người nghe tin rằng đó là giọng của tôi, thì sau đó họ sẽ không nghi ngờ những gì tôi muốn họ nghi ngờ. Nhưng,” ông ta chỉ ra, “điều tôi sẽ làm là sơ suất một chút trong khi nói. Tôi sẽ có thể nói điều gì đó bất bình thường, hoàn toàn khác hẳn những gì bản thân tôi thường nói, để sau này họ sẽ nhận ra. Và vị khách này đã không làm điều đó. Hẳn bắt chước trợn tru đến nỗi khiến hẳn không thể là tôi. Dù các ông có suy luận đơn giản hay phức tạp, tôi đều có thể tuyên bố mình vô tội, dù tôi có phải là kẻ ngốc hay không.”

Hadley phá lên cười. Ông thích thú nhìn từ Pettis sang tiến sĩ Fell, và ông không thể giữ vẻ lo lắng lâu hơn được nữa.

“Hai người đúng là giống nhau như đúc,” ông nói. “Tôi thích mấy trò suy đoán quay vòng như thế. Nhưng tôi nói từ kinh nghiệm thực tế, ông Pettis, rằng bất cứ tên tội phạm nào cố làm như vậy đều sẽ gặp nguy, cảnh sát sẽ không dừng lại để nghi xem hắn có phải là kẻ ngốc hay không. Cảnh sát sẽ chọn suy luận đơn giản nhất, và treo cổ hắn ta lên.”

“Như ông sẽ treo cổ tôi,” Pettis nói, “nếu ông tìm được bằng chứng ủng hộ suy luận đó?”

“Chính xác.”

“Hừm... Dù sao ông cũng rất thẳng thắn,” Pettis nói, mặc dù ông ta đột nhiên lo lắng và hoảng hốt trước câu trả lời đó. “Tôi có thể nói tiếp được không? Ông làm tôi thấy mất tự tin rồi đấy.”

“Cứ nói tiếp đi,” ngài chánh thanh tra cấp cao giục, với một cử chỉ nhã nhặn. “Chúng tôi rất sẵn lòng nghe ý kiến của một người thông minh. Ông còn có giả thuyết gì nữa?”

Câu nói mĩa mai vừa rồi của Hadley, dù cố ý hay không, đã đem đến một kết quả không ai ngờ tới. Pettis mỉm cười, nhưng mắt ông ta bất động và khuôn mặt ông ta lại càng trở nên xương xấu hơn.

“Đúng, tôi nghĩ là thế,” ông ta đồng ý. “Kể cả những giả thuyết các ông có thể đã có. Để tôi trình bày thử một cái. Ông, hay ai đó, đã trả lời phỏng vấn báo chí sáng nay, về vụ sát hại Grimaud. Ông nói rằng hung thủ đã rất cẩn thận không để lại dấu chân nào trên tuyết khi hắn biến mất. Hắn chắc chắn rằng đêm đó sẽ có tuyết rơi, lên kế hoạch tương ứng, và đánh cược vào việc tuyết sẽ ngừng rơi để hắn thực hiện thành công mưu đồ của mình. Dù nói thế nào, hắn phải mong rằng sẽ có tuyết rơi. Điều đó có đúng không?”

“Tôi đã nói điều tương tự như vậy, đúng. Thì sao?”

“Thì tôi nghĩ ông nên nhớ,” Pettis trả lời bình thản, “rằng dự báo thời tiết không hề nói như vậy. Ngày hôm qua người ta dự báo rằng sẽ không có tuyết.”

“Ô, Bacchus!” tiến sĩ Fell gầm lên, và nện năm đấm xuống bàn sau khi dừng lại một chút để nhìn chăm chăm vào Pettis. “Giỏi lắm! Tôi chưa nghĩ ra điều đó. Hadley, điều này sẽ thay đổi hoàn toàn mọi việc! Nó...”

Pettis thả lỏng người. Ông ta lấy hộp thuốc lá ra và mở nó. “Tất nhiên sẽ có người phản đối. Có thể phản bác lại rằng kẻ giết người biết trời sẽ có tuyết mặc dù dự báo thời tiết nói là không. Nhưng trong trường hợp đó, suy luận khôn khéo các ông trông gần giống một trò hề rồi đấy. Tôi sẽ không suy luận như thế đâu. Thật ra thì dự báo thời tiết cũng phải nhận nhiều lời giễu cợt không đúng như dịch vụ điện thoại. Nhưng trong trường hợp này thì đúng là dự báo đã sai – nhưng điều đó không quan trọng. Ông không tin tôi à? Hãy tìm báo tối qua mà xem.”

Hadley chửi thề rồi cười. “Xin lỗi,” ông nói. “Tôi vốn không có ý làm ông phiền lòng, nhưng tôi vui vì tôi đã làm thế. Đúng, điều đó dường như đã thay đổi mọi thứ. Khi thật, nếu một gã cần có tuyết để phạm tội, thì rõ ràng gã phải cân nhắc đến dự báo thời tiết.” Hadley gõ liên hồi lên bàn. “Không quan trọng, chúng ta sẽ quay lại chuyện đó sau. Giờ tôi muốn nghiêm túc hỏi ý kiến ông.”

“Tôi e là chỉ có thể thôi. Tội phạm học thuộc về chuyên ngành của Burnaby hơn là tôi. Tôi chỉ để ý đến dự báo thời tiết,” Pettis thừa nhận, nhìn lên quần áo mình với vẻ giễu cợt, “để xem mình có nên mang ủng đi tuyết hay không thôi. Thói quen... Còn về người đã giả giọng tôi, tại sao lại lôi kéo tôi vào? Tôi chỉ là một ông già lẩm cẩm vô hại, tôi đảm bảo với các ông. Tôi không giống một kẻ báo thù. Lí do duy nhất khiến các ông nghĩ tôi làm việc này mà tôi có thể nghĩ đến, là vì tôi là người duy nhất không có thói quen xác định vào đêm thứ bảy và không thể chứng minh mình có bằng chứng ngoại phạm. Còn về nghĩ xem ai có thể làm việc đó – bất cứ kẻ bắt chước giỏi nào cũng có thể làm được, vậy thì làm sao tôi có thể biết là ai?”

“Thế còn những người ở quán Warwick? Ngoài những người chúng tôi được nghe kể thì còn những người khác chứ?”

“Ồ, đúng. Có hai người không đến thường xuyên. Nhưng tôi không nghĩ hai người họ có thể làm việc này. Có ông già Mornington, người đã làm việc ở Bảo tàng Anh hơn 50 năm, ông ta có giọng nam cao bị vỡ không giả thành giọng của tôi được. Ngoài ra còn có Swayle, nhưng tôi tin rằng anh ta nói chuyện trên đài phát thanh tối qua, về đời sống của kiến hay gì đó, chắc là có bằng chứng ngoại phạm...”

“Nói chuyện lúc mấy giờ?”

“Khoảng 9 giờ 45, tôi nghĩ thế, mặc dù tôi không thể khẳng định chắc chắn. Ngoài ra, cả hai người họ chưa bao giờ đến nhà Grimaud. Còn những người tình cờ ghé vào quán? Có thể có vài người ngồi nghe ở cuối phòng, nhưng chưa có ai tham gia cuộc nói chuyện bao giờ. Tôi cho rằng đó là manh mối tốt nhất của ông, dù cho nó rất mỏng manh.” Pettis lấy điều thuốc ra và đóng cái hộp lại nghe tách một cái. “Đúng. Chúng ta nên *xác định* kẻ đó là một người lạ, nếu không thì chúng ta sẽ rơi vào cát lún mất. Burnaby và tôi là hai người bạn thân duy nhất của Grimaud. Nhưng tôi không làm, và Burnaby lúc đó đang chơi bài.”

Hadley nhìn Pettis. “Tôi cho rằng... Mà ông Burnaby thực sự đang chơi bài lúc đó?”

“Tôi không biết,” Pettis thừa nhận một cách bộc trực.

“Nhưng tôi cá với ông là ông ta thực sự đang chơi bài lúc đó. Burnaby không phải là kẻ ngốc. Và phải cần một gã cực kì điên độn mới quyết định giết người vào cái đêm mà sự vắng mặt của gã ở một câu lạc bộ chắc chắn sẽ bị người ta để ý.”

Rõ ràng điều này gây ấn tượng với ngài chánh thanh tra cấp cao nhiều hơn tất cả những gì Pettis đã nói. Ông tiếp tục gõ tay xuống bàn với vẻ mặt cau có. Tiến sĩ Fell cũng đang ngồi nhắm mắt trầm tư. Pettis tò mò nhìn từ người này sang người kia.

“Tôi đã nói điều gì khiến các ông suy tư à?” ông ta nói, và Hadley lạnh lợi hẳn lên.

“Đúng, đúng! Đừng dừng lại! Giờ hãy nói về Burnaby, ông biết ông ấy đã vẽ bức tranh mà tiến sĩ Grimaud mua để tự vệ chứ?”

“Để tự vệ? Bằng cách nào? Khỏi cái gì?”

“Chúng tôi không biết. Tôi hi vọng là ông có thể giải thích điều đó.” Hadley chăm chú quan sát Pettis. “Cái sở thích nói những câu bí hiểm có vẻ được di truyền trong gia đình này. Nhân tiện, ông có biết gì về gia đình ông ấy không?”

Pettis bối rối trông thấy. “Chà, Rosette là một cô gái quyến rũ. Ờ... mặc dù tôi không cho là con bé thích nói những câu bí hiểm. Ngược lại là khác. Theo tôi con bé hơi quá hiện đại.” Trán ông nhăn lại. “Tôi chưa gặp vợ Grimaud bao giờ, bà ấy đã qua đời nhiều năm rồi. Nhưng tôi vẫn không thấy...”

“Không sao. Ông nghĩ thế nào về Drayman?”

Pettis chặc lưỡi. “Ông già Hubert Drayman là người đáng tin nhất tôi từng gặp. Đáng tin đến nỗi vài người còn nghĩ trong ông ta hẳn phải che giấu một sự xảo trá quý quyết. Xin lỗi, nhưng các ông nghi ngờ ông ta phải không? Nếu có, tôi nên quên điều đó đi.”

“Chúng ta quay lại với Burnaby vậy. Ông có biết vì sao ông ta lại vẽ bức tranh đó, hay vẽ vào lúc nào, hay bất cứ thông tin gì về nó không?”

“Tôi nghĩ ông ấy vẽ nó vào khoảng một, hai năm trước. Tôi nhớ rất rõ, vì đó là bức tranh lớn nhất trong xưởng vẽ của ông ấy. Ông ta dùng nó như một tấm bình phong, hay để phân chia xưởng vẽ, hay để dựng ở cuối phòng, mỗi khi ông ấy cần. Có lần tôi từng hỏi ông ấy bức tranh này nói lên điều gì. Ông ấy nói, ‘Một hình ảnh tưởng tượng về một nơi tôi chưa từng thấy.’ Nó có tên tiếng Pháp, *Dans l’Ombre des Montagnes du Sel*, hay đại loại như vậy.” Ông ta thôi không gõ điếu thuốc chưa châm vào hộp thuốc. Bộ não tò mò, hoạt động không biết mệt mỏi của ông lại hoạt động trở lại. “À ha! Giờ tôi nhớ

rồi, Burnaby nói: ‘Ông không thích nó sao? Nó khiến Grimaud sợ phát khiếp khi ông ấy nhìn thấy nó.’ ”

“Tại sao?”

“Tôi không để ý. Tôi cứ nghĩ nó là một trò đùa hay trò khoe khoang của ông ấy, vì ông ấy cười khi nói điều đó, và Burnaby hay làm trò đó. Nhưng bức tranh đó đã bị bỏ quên và đóng bụi trong một thời gian dài đến nỗi tôi rất ngạc nhiên khi Grimaud ập vào xưởng vẽ vào sáng thứ sáu và hỏi mua nó.”

Hadley thình lình nghiêng người về phía trước. “Ông cũng ở đó à?”

“Ở xưởng vẽ? Vâng. Tôi ghé qua sớm vì... tôi quên mất lí do rồi. Grimaud thình thịch đi vào...”

“Giận dữ?”

“Đúng. Không. Hãy cho là ông ấy bị kích động đi.” Pettis nhớ lại, lén quan sát Hadley. “Grimaud nói, giọng liến thoắng như súng liên thanh, ‘Burnaby, bức tranh ngọn núi muối của anh đâu rồi? Tôi muốn mua nó. Giá bao nhiêu?’ Burnaby nhìn ông ấy với vẻ kì lạ. Burnaby tập tễnh đi ra chỉ vào bức tranh và nói: ‘Nó là của ông đấy nếu ông muốn, ông bạn. Mang nó đi.’ Grimaud nói, ‘Không, tôi có việc cần dùng đến nó và tôi muốn mua nó.’ Khi Burnaby ra một cái giá ngớ ngẩn như 10 shilling, Grimaud trịnh trọng lấy tập chi phiếu ra và viết một tấm chi phiếu 10 shilling. Ông ấy không nói gì ngoài việc ông ấy định treo nó lên một bức tường ở phòng làm việc của ông ấy. Chỉ có thế. Ông ấy mang bức tranh xuống tầng dưới và tôi gọi xe đến mang nó đi...”

“Nó có được bọc không?” tiến sĩ Fell hỏi, giọng ông chói tai đến nỗi Pettis nhảy dựng.

Tiến sĩ Fell có vẻ quan tâm hơn, nếu không nói là tập trung cao độ khi nghe Pettis kể lại chuyện này, hơn tất cả các điều khác Pettis đã nói. Tiến sĩ cúi người về phía trước, tay nắm chặt lấy cái gậy, và Pettis nhìn ông với vẻ tò mò.

“Tôi không hiểu tại sao ông lại hỏi như vậy,” ông ta nói. “Tôi vừa chuẩn bị nói về việc đó đây – việc Grimaud cứ nặng xị lên bắt người ta phải bọc nó. Ông ta hỏi xin giấy, và Burnaby nói: ‘Ông nghĩ tôi lấy đâu ra tờ giấy đủ to để bọc nó? Tại sao phải xấu hổ vì nó? Cứ để nguyên thế mà cầm về đi.’ Nhưng Grimaud cứ khẳng khẳng mang nó xuống tầng và mua cả đồng giấy gói hàng từ một cửa hàng gần đó. Điều đó có vẻ làm cho Burnaby hết sức khó chịu.”

“Ông có biết liệu Grimaud có mang nó thẳng về nhà không?”

“Không... tôi nghĩ ông ta mang nó đi đóng khung, nhưng tôi không chắc.”

Tiến sĩ Fell ngả lưng ra ghế với một tiếng cấn nhả và không hỏi gì về chuyện đó nữa, mặc cho những gợi ý của Pettis. Mặc dù Hadley có tiếp tục hỏi thêm một lúc nữa, nhưng theo như Rampole thấy thì không tìm được chi tiết nào quan trọng. Bản thân anh thấy Pettis ăn nói rất thận trọng, nhưng như ông ấy nói, chẳng có gì để giấu giếm cả. Trong nhà Grimaud không có xích mích gì, và trong nhóm những người thân thiết của ông ấy cũng vậy, trừ sự xung khắc giữa Mangan và Burnaby. Mặc dù lớn hơn Rosette Grimaud đến 30 tuổi, Burnaby vẫn để ý đến cô ta, ông ta vừa lười biếng vừa ghen tuông. Tiến sĩ Grimaud không nói gì về chuyện này, nếu có ông ấy cũng khuyến khích Burnaby, mặc dù cho đến giờ Pettis thấy ông ấy không hề phản đối gì Mangan.

“Nhưng tôi nghĩ các ông sẽ thấy, thưa các quý ông,” Pettis kết luận, lúc ông ta đứng lên ra về khi đồng hồ Big Ben điểm 10 giờ, “rằng đây đều là những vấn đề nhỏ nhặt. Rất khó có cơ sở để cho rằng đây là một vụ *án mạng bột phát* do ai đó trong nhóm gây ra. Về khía cạnh tiền bạc, tôi cũng không thể nói được gì nhiều. Grimaud là người khá dư dả, tôi nghĩ vậy. Luật sư của ông ấy, theo như tôi biết, là Tennant và Williams ở Gray’s Inn... Nhân tiện, tôi muốn mời các ông đến ăn trưa với tôi trong ngày chủ nhật ẩm đạm này có được không? Tôi sống ở phía bên kia quảng trường Russell, tôi có một dãy phòng ở phố Imperial 15 năm rồi. Nếu các ông muốn điều tra khu vực

xung quanh, thì có thể rất có ích. Hơn nữa, nếu tiến sĩ Fell muốn thảo luận về những câu chuyện ma..?”

Ông ta mỉm cười. Tiến sĩ Fell chen vào chấp nhận lời mời trước khi Hadley có thể từ chối, và Pettis ra đi với tâm trạng thong dong hơn nhiều so với khi ông ta đến. Sau đó họ nhìn nhau.

“Thế nào?” Hadley gầm gừ. “Tôi thấy ông ta cũng tương đối thành thật. Tất nhiên chúng ta sẽ kiểm tra. Điều khiến tôi ấn tượng là, tại sao bất cứ ai trong số họ lại quyết định phạm tội vào cái đêm mà sự vắng mặt của họ rất dễ bị để ý? Chúng ta sẽ đi thẩm vấn ông bạn Burnaby này, nhưng có vẻ ông ta cũng không liên quan gì, cũng vì lí do đó...”

“Và dự báo thời tiết nói sẽ không có tuyết rơi,” tiến sĩ Fell nói một cách bướng bỉnh. “Hadley, chi tiết đó đánh sập mọi giả thuyết! Nó đảo ngược mọi thứ, nhưng tôi không hiểu... Phố Cagliostro! Hãy đến phố Cagliostro. Ở đâu cũng hơn cái nơi tối tăm này.”

Ông nổi giận đùng đùng, và cà nhắc đi lấy áo khoác và mũ.

XIII. Căn hộ bí mật

VÀO SÁNG CHỦ NHẬT mùa đông xám xịt, London thừa thớt như một thành phố ma. Và con phố Cagliostro mà xe của Hadley vừa rẽ vào có vẻ như chẳng bao giờ thức dậy.

Phố Cagliostro, như tiến sĩ Fell nói, là một con phố hẹp và bẩn thỉu, đầy rẫy những cửa hiệu và nhà trọ. Nó ở phía sau phố Lamb's Conduit – một con phố chính dài và hẹp, là một trung tâm mua sắm, mở rộng về phía bắc đến phố Guilford tĩnh lặng với những căn nhà có cửa sổ đóng chặt như trại lính, và về phía nam đến nơi đông đúc nhất trên đường Theobald. Cuối phố Guilford về hướng tây là lối rẽ vào phố Cagliostro, vốn nằm giữa một cửa hiệu đồ dùng văn phòng và một cửa hàng thịt. Con phố này nhìn không khác gì một con hẻm cụt mà ta dễ dàng bỏ qua nếu không nhìn vào biển hiệu. Xuyên qua giữa hai cửa hiệu đó, con phố bất ngờ mở rộng ra và kéo dài 180 mét, cuối phố là một bức tường gạch trống không.

Cái cảm giác kì lạ rằng ở London có những khu phố bị ẩn giấu, hay cả một dãy nhà dài được tạo ra bởi ảo thuật đánh lừa người qua đường, cứ canh cánh trong đầu Rampole khi anh dạo quanh thành phố. Đó là cái cảm giác kì lạ khiến người ta phải tự hỏi rằng, nếu bước chân ra khỏi cửa, liệu ta có thấy con phố nơi ta ở biến đổi một cách thần bí chỉ trong một đêm mà ta chưa từng thấy hay không. Anh đứng cùng Hadley và tiến sĩ Fell ở lối vào, nhìn về cuối con đường. Vô vàn các cửa hiệu hơi nhô ra hai bên đường. Tất cả cửa sổ đều có cửa chớp hoặc được che kín bằng cửa xếp bằng thép, khiến cho khách hàng có cảm giác như đứng trước một pháo đài được phòng thủ kiên cố. Kể cả những biển hiệu mạ vàng cũng đem lại cảm giác đó. Các cửa sổ cái bẩn cái sạch: cửa hiệu trang sức ở phía xa bên phải có cửa sổ bóng loáng, nhưng cửa hàng thuốc lá ngay gần chỗ họ đang đứng thì lại xám xịt âm u. Cửa hàng này co cụm lại còn thê thảm hơn thuốc lá để lâu ngày, và ẩn

mình giữa những tờ áp phích giật những hàng tít về tin tức mà ta không thể nhớ là đã từng nghe thấy bao giờ chưa. Tiếp đó là hai hàng nhà gạch ba tầng đỏ đậm, với những khung cửa sổ màu trắng hoặc vàng, và một vài bộ rèm có viền một ít đăng ten đã đóng. Các ngôi nhà đều đã xỉn một màu bồ hóng. Cả dãy nhà trông như thể là một ngôi nhà duy nhất nếu không để ý tới những thanh sắt nối từ hàng rào bên ngoài đến từng cửa của mỗi căn nhà, chứng tỏ rằng bên trong là một ngôi nhà riêng biệt. Trên mái nhà là những ống khói đen ngòm nổi bật trên bầu trời xám xịt. Tuyết đã tan, chỉ để lại những đống bùn màu xám trên mặt đất, mặc cho những cơn gió lạnh buốt vẫn đang thổi mạnh vào con phố, cuốn theo một tờ báo bị ai đó vứt đi, khiến nó bay phân phật và vướng vào cột đèn.

“Vui vẻ nhì,” tiến sĩ Fell lầm bầm. Ông ì ạch tiến lên, và trên phố vọng lại tiếng bước chân của ông. “Giờ hãy vào việc luôn trước khi chúng ta làm mọi người chú ý. Chỉ cho tôi chỗ Fley bị bắn. Dừng lại một chút! Nhân tiện thì hẳn sống ở đâu?”

Hadley chỉ vào cửa hàng thuốc lá gần chỗ họ đang đứng.

“Bên trên cửa hiệu đó, ngay đầu đường, như tôi đã nói với ông. Ta sẽ đến đó sau, mặc dù Somers đã khám xét trên đó và nói là chẳng có gì cả. Giờ, đi cùng tôi đến giữa phố...”

Ông đi trước, bước từng bước dài cả mét để ước lượng khoảng cách. “Via hè được quét dọn và đoạn đường có các cửa hiệu kéo dài đến chỗ này, khoảng 45 mét. Rồi sau đó là tuyết chưa ai dọn. Đi tiếp một quãng xa nữa, thêm 45 mét... ở đây.”

Ông dừng lại và chậm rãi quay người.

“Nửa con phố, ngay giữa đường. Ông có thể thấy con phố này rộng thế nào, đứng ở đây thì cách *mỗi bên* ít nhất 9 mét. Nếu hẳn đi trên vỉa hè, ta có thể đưa ra giả thuyết ngây cuồng là có người vờn ra từ cửa sổ hay cửa chính, với khẩu súng buộc chặt vào đầu một cái sào nào đó, và...”

“Nhảm nhí!”

“Được rồi, nhảm nhí, nhưng ta còn có giả thuyết nào khác đâu?” Hadley lên giọng với vẻ bức bối, và vung cặp tài liệu lên. “Chính ông đã nói thế mà: con phố đây, nó trống trơn, đơn sơ và không thể tin nổi! Tôi biết là phải có cách nào đó, nhưng đó là cách gì? Hơn nữa nhân chứng cũng không thấy gì cả, và nếu có gì thì họ hẳn đã nhìn thấy rồi. Nhìn đây này! Đứng chỗ đó, và cứ quay mặt về phía này.” Ông bước đến một vị trí xa hơn, và quay lại sau khi nhắm khoảng cách xong. Rồi ông bước sang vỉa hè bên phải. “Đây là chỗ mà Blackwin và Short nghe thấy tiếng hét. Ông bước đi giữa đường. Tôi đi trước ông. Tôi quay lại. Giờ tôi cách ông bao xa?”

Rampole, đứng cách xa hai người kia, nhìn thấy tiến sĩ Fell đứng một mình giữa một hình chữ nhật trống không.

“Lần này khoảng cách ngắn hơn. Hai người đó,” vị tiến sĩ nói, đẩy cái mũ rộng vành ra phía sau, “đứng trước không quá 9 mét! Hadley, điều này còn kì quái hơn tôi tưởng. Hẳn đứng ở giữa một bãi tuyết vắng vẻ. Vậy mà họ quay lại khi nghe thấy tiếng súng... hừm... hừm...”

“Chính xác. Tiếp theo là ánh sáng, ông đóng vai Fley nhé. Ở bên phải ông, về phía trước, và ngay trước cánh cửa số nhà 18, Ông thấy một ngọn đèn đường, về phía sau một chút, cũng ở bên phải, ông thấy cửa sổ của cửa hiệu trang sức? Đúng. Cửa sổ đó cũng có thắp đèn, không sáng lắm, nhưng vẫn có. Giờ ông giải thích làm sao về việc hai người, đứng ở nơi tôi đang đứng bây giờ, có thể nhầm lẫn về việc có hay không có người đứng gần Fley?”

Ông cao giọng lên, và tiếng nói vọng lại trên phố như muốn nhạo báng ông. Tờ báo vút dưới đất lại bị một cơn gió nữa cuốn lên bất thành linh. Cơn gió rít lên trầm trầm giữa những ống khói cứ như đang thổi qua một đường hầm. Cái áo khoác đen của tiến sĩ Fell bay lên phần phật, và sợi dây đeo kính của ông cũng lắc lư mạnh.

“Hiệu trang sức...” ông nhắc lại và nhìn chăm chăm. “Hiệu trang sức! Và ngọn đèn trong đó... có ai ở đó không?”

“Không. Withers đã nghĩ đến khả năng đó và đã đến xem. Đó chỉ là đèn hiệu. Cửa sắt bao bọc từ cửa sổ đến cửa chính giống như bây giờ. Nội thất xuất, ngoại thất nhập. Ngoài ra, nó cách chỗ của Fley quá xa.”

Vị tiến sĩ vươn cổ nhìn ngó xung quanh, rồi đi lại cửa hiệu trang sức để chăm chú xem xét cái cửa sổ đã đóng đó. Ở bên trong có bày một cái khay nhung, trên đó có những chiếc nhẫn và đồng hồ rẻ tiền, một dây giá đỡ nệm, và ở chính giữa là một chiếc đồng hồ Đức mái tròn, mặt tròn với đôi mắt chuyển động qua lại, kim đồng hồ đã bắt đầu chỉ 11 giờ. Tiến sĩ Fell nhìn chăm chăm vào đôi mắt chuyển động, vốn có vẻ như đang quan sát hiện trường nơi một người đã bị giết hại với một sự thích thú ngớ ngẩn, khiến người ta cảm thấy không dễ chịu. Nó khiến không khí trên phố Cagliostro càng đáng sợ. Rồi tiến sĩ Fell nặng nề quay lại giữa đường.

“Nhưng nó,” ông bướng bỉnh, cứ như đang tiếp tục một cuộc tranh cãi còn dang dở, “nó ở phía tay phải con đường.

Và Fley bị bắn từ bên phía tay trái. Nếu ta giả thiết, mà chắc chắn phải làm thế thôi, là kẻ tấn công tiếp cận từ bên trái hay ít nhất khẩu súng biết bay đó bay từ bên trái sang, tôi không biết nữa! Cứ cho là kẻ giết người có thể đi trên tuyết mà không để lại dấu chân đi, ta có thể xác định được hãn từ đâu chui ra không?”

“Hãn từ đây ra,” một giọng nói vang lên.

Cơn gió nổi lên khiến cho giọng nói xoay vòng xung quanh họ, như thể nó vang lên giữa không trung vậy. Trong giây lát, dưới ánh đèn mờ mờ, Rampole hoảng hốt còn hơn cả trong vụ nhà tù Chatterham. Anh nhìn thấy ảo giác về những thứ bay lượn, và nghe những lời phát ra từ một người vô hình đang đứng ở đúng chỗ hai nhân chứng đã nghe thấy tiếng kẻ giết người thì thầm đêm hôm trước. Trong giây lát, có gì đó khiến anh ghen hợm – rồi anh quay lại và hụt hẫng khi thấy nguyên nhân. Một chàng trai trẻ vạm vỡ với khuôn mặt đỏ và chiếc mũ quả dưa kéo xuống trán (khiến cho anh chàng trông có vẻ ám muội) đang đi xuống từ bậc thang của căn nhà số 18. Chàng trai trẻ cười ngoác miệng khi chào Hadley.

“Hắn đến từ đây, thưa ngài. Tôi là Somers, thưa ngài. Ngài còn nhớ là đã bảo tôi tìm hiểu xem gã người Pháp đã chết kia định đi đâu khi hắn bị giết. Và tìm xem bà chủ nhà nào có một vị khách trọ kì dị có thể là người mà chúng ta đang tìm kiếm hay không... Không khó khăn gì tôi đã tìm được một người như vậy. Hắn ở đây. Xin lỗi vì làm gián đoạn các ngài.”

Hadley, cố gắng không tỏ ra là mình đã bị sự xuất hiện của anh chàng này làm cho giật mình, găm gù mấy từ thể hiện sự hài lòng. Mắt ông đảo về phía đường vào nhà, nơi một người nữa đang đứng với vẻ do dự. Somers nhìn theo ánh mắt của Hadley.

“Ôi, không, thưa ngài. Đó không phải kẻ tôi nói tới,” anh ta nói, và lại mỉm cười. “Đó là ông O’Rourke, nghệ sĩ biểu diễn ở nhà hát, người đã nhận dạng gã người Pháp tối qua. Sáng nay ông ấy đã giúp đỡ tôi một chút.”

Người đó bước ra khỏi bóng tối và đi xuống mấy bậc thang. Trông ông ta có vẻ gầy dù đang mặc một chiếc áo khoác dày. Ông ta gầy và mạnh mẽ, với những bước đi nhanh và uyển chuyển của một nghệ sĩ nhào lộn hoặc đi trên dây. Trông ông ta có vẻ nhã nhặn, dễ gần. Ông ta hơi ngả người về sau một chút khi nói, để đủ chỗ cho mình hoa chân múa tay. Vẻ ngoài của ông ta giống một người đàn ông Ý với làn da hơi ngăm đen cùng bộ ria mép rậm rạp được vuốt sáp nhọn hoắt và uốn cong lại bên dưới cái mũi khoằm. Ngậm một cái tẩu cong lớn bên mép miệng, ông ta đang hút thuốc rất thoải mái. Đôi mắt xanh đầy nếp nhăn toát lên vẻ hài hước, và ông ta đẩy ngược chiếc mũ màu nâu vàng cầu kì về phía sau khi tự giới thiệu. Ông ta là một người Ireland với biệt danh Ý, ăn nói như người Mỹ, và tự giới thiệu mình là người Canada.

“O’Rourke là tên tôi, đúng,” ông nói, “John L. Sullivan O’Rourke. Có ai biết tên đệm của tôi là gì không? Các ông biết đấy, tên của...” Ông lùi lại và quơ tay phải trong không khí, “của người vĩ đại nhất? Tôi thì không. Ông già tôi cũng không, khi ông ấy đặt tên cho tôi. Tôi chỉ biết là L. thôi. Hi vọng các ông không phiền nếu tôi xen vào. Các ông thấy đấy, tôi biết gã khùng già cổ đó...” Ông ta dừng lại, cười và xoắn bộ ria mép. “Tôi hiểu rồi,

các ông! Các ông đang nhìn vào cặp ria mép này của tôi. Ai cũng thế cả. Là do cái bài hát chết tiệt đó. Các ông biết đấy. Bên quản lí nói sẽ là ý hay nếu tôi làm cho mình giống như gã trong bài hát đó. Ồ, đây là râu thật đấy! Xem này,” ông ta kéo bộ ria mép một cái, “không phải hàng giả. Nhưng tôi đang nói dở, tôi xin lỗi vì xen vào. Tôi rất tiếc cho Lão Khùng già...” Mặt ông sầm lại.

“Không sao đâu,” Hadley nói. “Cảm ơn vì sự giúp đỡ của ông. Đờ mất công tôi phải đến nhà hát.”

“Dù sao giờ tôi cũng không làm việc được,” O’Rourke nói một cách u sầu. Ông ta kéo ống tay áo bên trái lên. Cổ tay đã được bó bột. “Nếu thông minh, tối qua tôi đã đi theo Lão Khùng. Nhưng đây! Đừng để tôi làm phiền...”

“Vâng. Xin mời ông đi cùng,” Somers chen vào một cách dứt khoát. “Tôi có thứ này rất quan trọng muốn cho các ngài xem. Trong lúc đó tôi sẽ báo cáo. Bà chủ nhà ở tầng dưới đang thay đồ, và bà ấy sẽ kể cho các ngài nghe về vị khách đó. Không nghi ngờ gì nữa, đó là người các ngài tìm. Nhưng trước tiên tôi muốn cho các ngài xem phòng hẩn.”

“Trong đó có gì?”

“Thưa ngài, trước tiên là có máu,” Somers trả lời, “và một loại dây thừng rất quái dị...” Anh ta có vẻ hài lòng khi thấy gương mặt của Hadley. “Ngài sẽ rất quan tâm đến sợi dây thừng đó. Gã này là kẻ trộm, hoặc một loại lừa đảo, nếu xét theo trang phục của hẩn. Hẩn lắp một loại khóa đặc biệt vào cửa để bà Hake (bà chủ nhà) không thể vào được. Nhưng tôi đã dùng chìa khóa của mình – không có gì bất hợp pháp cả, thưa ngài, rõ ràng tên này đã bỏ trốn. Bà Hake nói hẩn đã thuê mấy căn phòng này được một thời gian, nhưng chỉ ở một vài lần từ khi...”

“Đi nào,” Hadley nói.

Somers đóng cửa sau lưng, dẫn họ vào một hành lang tối tăm và đi lên ba tầng cầu thang. Căn nhà rất chật hẹp, và chiếm toàn bộ diện tích mỗi tầng là

một căn hộ có đầy đủ nội thất. Cánh cửa ở tầng trên cùng, gần cái thang đi lên mái nhà, đang mở, cái khóa phụ lắp lánh bên trên cái ổ khóa bình thường. Somers đưa họ vào một lối đi khá tối có ba cánh cửa.

“Vào đây trước, thưa ngài,” anh nói, chỉ vào cánh cửa đầu tiên bên trái.” Đó là phòng tắm. Tôi phải cho một shilling vào công tơ điện để có ánh sáng!”

Anh bật công tắc. Cái phòng tắm bẩn thỉu này là một cái kho cũ được tân trang lại, với giấy dán tường giả gạch men, vải dầu đã cũ trên sàn, một bình nước nóng với phần trên quá to đã gỉ sét, và một cái gương lung lay treo trên chậu rửa với bình và bát đặt dưới đất.

“Hắn đã cố lau rửa nơi này, như ngài thấy,” Somers nói tiếp. “Nhưng ngài vẫn còn thấy các vết màu đỏ ở bồn tắm nơi nước đổ ra. Đó là nơi hắn rửa tay. Và đằng sau cái giỏ quần áo này...”

Anh ta đẩy cái giỏ sang bên cạnh một cách đầy kịch tính, đút tay vào chỗ bụi bặm đằng sau, và lấy ra một cái khăn mặt với những chỗ còn ướt đã chuyển sang màu hồng xỉn. “Hắn thấm quần áo bằng thứ này,” Somers vừa nói vừa gật gù.

“Giỏi lắm,” Hadley nói khẽ. Ông cầm cái khăn mặt lên, liếc về phía tiến sĩ Fell, cười rồi đặt nó xuống. “Sang phòng kia đi. Tôi rất tò mò về cái dây thừng đó.”

Tính khí của một kẻ nào đó thấm đẫm những căn phòng này như ánh đèn điện vàng vọt, như mùi hóa chất lạnh lẽo mà mùi thuốc lá nặng của O'Rourke cũng không thể át đi được. Nơi này giống một hang ổ trên nhiều phương diện. Phòng khách khá lớn, cửa sổ kéo rèm dày. Dưới cây đèn sáng đặt trên một cái bàn rộng là một loạt những dụng cụ bằng thép hoặc dây đồng với đầu tròn và đuôi cong (Hadley nói, “Đồ cây khóa hủ” và huyết sáo), một loạt những ổ khóa được tháo rời và một tập giấy ghi chú. Có cả một cái kính hiển vi lớn, một cái thùng đầy những tấm thủy tinh, một bàn hóa chất với một giá đựng sáu ống nghiệm có dán nhãn, trên tường đặt đầy sách, và ở góc nhà là một cái két sắt mà Hadley phải kêu lên khi nhìn thấy.

“Nếu hãn là kẻ trộm,” ngài chánh thanh tra cấp cao nói, “hãn phải là tên trộm hiện đại và am hiểu khoa học nhất tôi từng thấy. Tôi không biết ở Anh có ai biết trò này chưa. Ông đã thử nghiệm với mấy cái này, Fell. Có nhận ra không?”

“Có một cái lỗ lớn được đục ra ở trên nóc két sắt, thưa ngài,” Somers bổ sung. “Nếu hãn dùng ống xì đồng, thì đó là đường cắt bằng acetylene khéo léo nhất tôi từng thấy. Hãn...”

“Hãn không dùng ống xì đồng,” Hadley nói. “Tinh xảo và đơn giản hơn thế nhiều. Đó là phương pháp Krupp. Tôi không giỏi hóa học, nhưng tôi nghĩ đó là bột nhôm và oxide sắt. Trộn hai thứ đó ở trên cái két sắt, và thêm vào cái gì nữa? Bột magie, và châm một que diêm vào đó. Nó không nổ. Nó chỉ tạo ra sức nóng vài ngàn độ và nung chảy một lỗ qua két sắt... Thấy cái ống kim loại đặt trên bàn không? Chúng ta có một cái ở Bảo tàng Đen. Nó gọi là detectascope, hay còn gọi là ống kính mắt cá, với độ khúc xạ là nửa hình cầu như nhìn qua mắt cá vậy. Anh có thể gắn nó vào một lỗ trên tường và nhìn thấy mọi thứ ở phòng bên cạnh. Ông nghĩ sao, Fell?”

“Vâng, vâng,” vị tiến sĩ nói, lơ đãng nhìn như thể chuyện này chẳng quan trọng gì, “tôi hi vọng ông hiểu điều này có nghĩa là gì. Sự bí ẩn... Nhưng sợi dây thừng đâu? Tôi rất hứng thú với sợi dây thừng đó.”

“Ở phòng bên kia, thưa ngài. Phòng phía sau,” Somers nói. “Căn phòng nhìn khá bề thế, giống như... từ phương Đông vậy.”

Có thể anh ta muốn nói đến cái trường kỉ, hoặc cả cái hậu cung. Căn phòng đầy những trường kỉ và tranh treo tường màu sắc sặc sỡ, những quả tua, những đồ lòe loẹt, những nhóm vũ khí; mọi thứ toát lên vẻ hào nhoáng và bí ẩn theo phong cách Thổ Nhĩ Kỳ. Sự hiện diện của chúng ở nơi này khiến người ta ngạc nhiên đến nỗi cứ như thể họ đã thật sự lạc đến phương Đông. Hadley kéo rèm lên. Ánh sáng mặt trời mùa đông của khu Bloomsbury tràn vào, khiến cho khung cảnh huyền ảo trở nên ảm đạm. Họ nhìn ra phía sau những căn nhà dọc phố Guilford, nhìn xuống vỉa hè bên dưới, và một con ngõ dẫn tới phía sau Bệnh viện Nhi. Nhưng Hadley không

chú ý đến điều đó lâu. Ông vờ lấy cuộn dây thừng đặt ở trên một cái trường kỉ. Cuộn dây mỏng nhưng rất chắc chắn, cứ 60 phân lại được thắt nút một lần. Một sợi dây thừng bình thường nếu không để ý đến cái thiết bị kì cục buộc vào một đầu của nó. Cái thiết bị này trông giống như một cái cốc cao su màu đen, lớn hơn cốc cà phê bình thường, rất dẻo và có vành chắc chắn như một cái lốp xe.

“Chà!” tiến sĩ Fell nói. “Nhìn này. Đó có phải...?”

Hadley gật đầu. “Tôi đã nghe nói về nó, nhưng chưa bao giờ được nhìn tận mắt, và tôi không tin là nó có tồn tại. Nhìn này! Đây là cái giác hút. Chắc mọi người đã nhìn thấy nó nhiều ở đồ chơi trẻ con. Một khẩu súng đồ chơi dùng lò xo bắn một cái que ở đầu có gắn giác hút nhỏ bằng cao su. Khi bắn vào một tấm thẻ, lực hút chân không sẽ khiến nó bám dính vào thẻ.”

“Ý ông là,” Rampole nói, “một tên trộm có thể gắn được thứ này lên tường, và sức hút đủ để giữ hẳn khỏi bị rơi khi leo lên tường?”

Hadley chần chừ. “Về lí thuyết là như thế. Tất nhiên, tôi không...”

“Nhưng làm sao để tháo nó ra được? Phải chăng hẳn cứ để nó treo thế và bỏ đi?”

“Hẳn chắc chắn phải có đồng phạm. Nếu cậu ấn vào các mép bên dưới, không khí sẽ tràn vào và cân bằng áp suất làm nó rời ra. Kể cả thế tôi vẫn không hiểu sao nó có thể được dùng để...”

O'Rourke, người vẫn đang nhìn cái dây thừng với vẻ băn khoăn, hắng giọng. Ông ta lấy cái tẩu ra khỏi miệng và hắng giọng lần nữa để gây chú ý.

“Nghe này, các quý ông,” ông ta nói bằng giọng khàn khàn và ra vẻ bí mật. “Tôi không muốn xen vào, nhưng tôi nghĩ thứ đó là nhảm nhí.”

Hadley quay người lại. “Sao lại thế? Ông biết gì về nó à?”

“Tôi cá với ông,” ông ta gật đầu, và cầm cái tẩu chỉ trỏ để nhấn mạnh, “rằng thứ này thuộc về Fley điên khùng. Đưa tôi xem một chút nào. Tôi

không dám *thề* rằng nó thuộc về Lão Khùng. Nơi này có rất nhiều thứ kì dị. Nhưng...”

Ông ta cầm sợi dây thừng và vuốt dọc nó một cách nhẹ nhàng cho đến khi đến giữa dây. Rồi ông ta nháy mắt và gật đầu với vẻ thỏa mãn. Ông ta xoắn ngón tay, và đột ngột dang hai tay ra như một nhà ảo thuật. Sợi dây thừng tách làm hai.

“Đúng. Tôi nghĩ đây là dây thừng ảo thuật của Lão Khùng. Thấy chỗ này không? Sợi dây thừng có lỗ ở trong. Một đầu được gắn đinh vít, còn đầu kia có đường ren, và ta có thể vặn nó lại như bắt đinh vít vào gỗ. Các ông không thể nhìn thấy chỗ nối. Các ông có thể xem xét sợi dây thừng tùy ý, nhưng dù có làm gì nó cũng không rơi ra được. Hiểu chưa? Khán giả hoặc ai đó dùng sợi dây này để trói nhà ảo thuật ở trong thừng. Nhưng mảnh lới ở đây là chỗ nối này vắt ngang qua tay ông ấy. Người quan sát bên ngoài có thể cầm hai đầu sợi dây thừng để đảm bảo ông ấy không thoát ra được. Thấy chưa. Nhưng ông ấy dùng răng vặn nó ra, kéo căng sợi thừng bằng đầu gối, và đủ thứ tiếng la hét nhảm nhí phát ra từ khán đài khi nhà ảo thuật bước ra khỏi thừng. Kì diệu! Ma thuật! Buổi diễn tuyệt vời nhất quả đất!” O’Rourke nói bằng giọng khàn khàn, ông ta đặt lại tẩu thuốc vào miệng, và hít sâu. “Đúng. Đó là dây thừng của Lão Khùng, tôi đảm bảo.”

“Tôi không nghi ngờ điều đó,” Hadley nói. “Nhưng còn cái giác hút thì sao?”

O’Rourke lại ngả người ra sau để hoa tay múa chân.

“À... tất nhiên Lão Khùng cũng bí mật như những nhà ảo thuật khác. Nhưng tôi không xem màn ảo thuật nào mà không mở to mắt chú ý... đợi đã, đừng hiểu lầm tôi! Lão Khùng có những trò ảo thuật rất HAY, và tôi nói là hay thật đấy. Còn đây chỉ là những mảnh lới bình thường mà ai cũng biết. Chà! Lão đang tập... Các ông đều nghe nói đến trò sợi dây thừng của người Ấn Độ rồi phải không? Một thầy tu Hindu ném sợi dây thừng lên không, và nó dựng đứng lên, một thằng bé trèo lên nó, bùm, thằng bé biến mất. Hả?”

Một cuộn khói bay lên và biến mất trước mặt O'Rourke, người vẫn tiếp tục khua tay.

“Tôi cũng từng nghe đến rồi,” tiến sĩ Fell nói, chớp mắt nhìn ông ta, “nhưng chưa ai thấy nó tận mắt bao giờ.”

“Đúng! Chính xác! Như thế đấy,” O'Rourke bất thành linh kêu lên. “Vì thế Lão Khùng mới định tìm cách thực hiện trò đó. Có Chúa mới biết hãn có làm được không. Tôi nghĩ cái giác hút đó là để giữ sợi dây thừng khi nó được ném lên. Nhưng đừng hỏi tôi bằng cách nào.”

“Và có người sẽ trèo lên,” Hadley nói, giọng nặng nề, “trèo lên và biến mất?”

“À... một đứa trẻ,” O'Rourke dẹp tan ý nghĩ trong đầu Hadley. “Nhưng tôi khẳng định thế này: sợi dây thừng đó sẽ không đủ sức giữ một người lớn đâu. Nghe này, các ông! Tôi muốn thử cho các ông xem, và nhảy ra ngoài cửa sổ, nhưng tôi không muốn gãy cổ, và hơn nữa, tôi đang bị trật cổ tay.”

“Tôi nghĩ chúng ta đã có đủ bằng chứng rồi,” Hadley nói. “Anh nói gã này đã trốn đi hả Somers? Có nhận dạng của hãn không?”

Somers gật đầu với vẻ thỏa mãn.

“Ta sẽ không gặp khó khăn gì để bắt hãn đâu, thưa ngài. Hãn đăng kí với tên “Jerome Burnaby”, có lẽ là tên giả, nhưng ngoại hình của hãn rất nổi bật – hãn bị tật ở chân.”

XIV. Manh mối từ chuông nhà thờ

ÂM THANH TIẾP THEO mà họ nghe thấy là tiếng cười lớn đến rung nhà của tiến sĩ Fell. Không phải kiểu cười khùng khục trong miệng, lần này ông phá lên cười ha hả. Đặt mông xuống chiếc trường kỉ màu đỏ và vàng đã tã và kêu ken két đến đáng báo động, ông cười khúc khích và nện cái gậy xuống sàn nhà.

“Đau thật!” tiến sĩ Fell nói. “Đau thật, các bạn của tôi ơi! Ha ha ha! Hồn ma biến mất. Bằng chứng cũng đi mất tiêu luôn. Ôi mắt tôi!”

“Ông nói đau nghĩa là sao?” Hadley chất vấn. “Tôi không thấy có điều gì đáng cười trong việc bắt thóp gã này cả. Bằng chứng này không thuyết phục ông rằng Burnaby có tội sao?”

“Nó thuyết phục tôi rằng chắc chắn ông ta vô tội,” tiến sĩ Fell nói. Ông lấy ra một cái khăn rằn màu đỏ và lau mắt khi cơn cao hứng đã dịu xuống. “Tôi đã sợ là ta sẽ tìm thấy thứ tương tự thế này khi nhìn thấy căn phòng kia. Mọi chuyện có vẻ hơi quá thuận tiện đến nỗi khó có thể tin được. Burnaby là con nhân sư không có bí mật, kẻ tội phạm không hề phạm tội – hay ít nhất là hẳn không phạm tội ác này.”

“Nếu ông không phiền giải thích...?”

“Đương nhiên là tôi không phiền rồi,” vị tiến sĩ thân thiện nói. “Hadley, hãy nhìn xung quanh và nói cho tôi biết nơi này khiến ông nhớ đến cái gì. Ông có biết kẻ trộm hay tên tội phạm nào lại có nơi ẩn náu bí mật được bài trí với phong cách lãng mạn thế này không? Với một đồng dụng cụ cây khóa trên bàn, kính hiển vi, những chất hóa học đáng ngờ, và những thứ tương tự như thế nữa? Một tên trộm hay tội phạm thực sự sẽ biết cách khiến cho nơi trú ẩn của hẳn trông còn chỉnh tề hơn cả nhà của người quản lí nhà thờ. Cách bài trí này còn chẳng gợi cho tôi nghĩ đến một kẻ đang học đòi làm kẻ trộm. Nhưng nếu suy nghĩ một chút, các ông sẽ nhận ra nơi này gợi đến cái gì

trong hàng trăm câu chuyện và bộ phim. Tôi biết điều đó,” vị tiến sĩ giải thích, “vì tôi quá quen với không khí kịch nghệ này... Có vẻ như ai đó đang chơi trò thám tử.”

Hadley dừng lại, xoa cằm một cách tư lự. Ông nhìn xung quanh.

“Khi ông còn nhỏ,” tiến sĩ Fell tiếp tục hào hứng trình bày, “ông không ước giá như mình có một lối đi bí mật trong nhà à? Và giả vờ như cái lỗ trên tầng áp mái là một đường hầm bí mật, và bò vào trong đó khám phá với một cây nến, và suýt nữa là làm cháy nhà? Ông chưa bao giờ chơi trò Thám Tử Vĩ Đại, và ước có một hang ổ bí mật ở một con phố không ai biết, nơi ông có thể theo đuổi những nghiên cứu chết chóc dưới một bí danh? Chẳng phải có ai đó nói Burnaby là một nhà tội phạm học nghiệp dư rất có đam mê sao? Có lẽ ông ta đang viết một quyển sách. Dù gì đi chăng nữa, ông ta có đủ tiền và thời gian để làm một việc mà hầu hết những đứa trẻ đã trưởng thành đều ao ước được làm, theo một cách rất tinh vi. Ông ta tạo cho mình một *nhân cách mới*. Ông ta làm điều đó một cách âm thầm, vì những người thân quen của ông ta sẽ phá lên cười nếu họ phát hiện ra. Những thám tử của Scotland Yard đã ráo riết truy tìm để phát hiện ra bí mật chết người của ông ta, nhưng hóa ra nó lại là một trò đùa.”

“Nhưng, thưa ngài...” Somers ré lên phản đối.

“Dừng lại một chút,” Hadley nói, mặt trầm ngâm và ra hiệu cho anh ta im lặng. Ngài chánh thanh tra cấp cao xem xét căn phòng một lần nữa với sự nghi ngờ pha chút giận dữ. “Tôi thừa nhận là nơi này trông có vẻ gì đó hơi thiếu thuyết phục. Tôi thừa nhận là khung cảnh này như lấy từ phim ra. Nhưng còn sợi dây thừng và vết máu thì sao? Hãy nhớ rằng đây là sợi dây thừng của Fley. Và máu...”

Tiến sĩ Fell gật đầu.

“Hừm, đúng. Đừng hiểu lầm ý tôi. Tôi không nói là những căn phòng này không liên quan gì đến các vụ án mạng. Tôi chỉ cảnh báo ông đừng quá tin vào cuộc sống thứ hai ma quái của Burnaby.”

“Chúng ta sẽ sớm biết điều đó thôi. Và,” Hadley làu bàu, “nếu ông ta là kẻ giết người, tôi không thèm quan tâm đến cuộc sống thứ hai của ông ta dưới danh nghĩa là một tên trộm có vô tội hay không. Somers!”

“Vâng, thưa ngài?”

“Đến căn hộ của ông Jerome Burnaby – ừ, tôi biết anh không hiểu, nhưng ý tôi là căn hộ khác. Tôi có địa chỉ đây. Hừm. Số 13A quảng trường Bloomsbury, tầng hai. Rõ chưa? Đưa ông ta đến đây, viện bất cứ lí do gì anh muốn, nhưng phải đảm bảo rằng ông ta đến. Đừng trả lời hay hỏi bất kì câu hỏi nào về nơi này. Hiểu chưa? Và trong lúc đi xuống, hãy bảo bà chủ nhà nhanh lên một chút.”

Trong khi Somers, với vẻ mặt lúng túng và thất vọng thấy rõ, vội vã đi ra, Hadley đi vòng vòng trong phòng, dùng chân đá vào góc các đồ đạc. O'Rourke đã ngồi xuống và đang nhìn họ với sự thích thú thân thiện. Ông ta vẫy cái tẩu thuốc.

“Chà, các ông,” ông ta nói, “tôi muốn nhìn thấy những thám tử bắt đầu lần tìm. Tôi không biết ông Burnaby này là ai, nhưng có vẻ như các ông đã biết về ông ta. Các ông còn gì muốn hỏi tôi nữa không? Tôi đã nói những gì tôi biết về Lão Khùng với anh trung sĩ Somers gì đó. Nhưng nếu còn gì khác...?”

Hadley hít một hơi dài và đứng thẳng vai để tiếp tục làm việc. Ông lục tìm giấy tờ gì đó trong cái cặp hồ sơ.

“Đây là lời khai của ông, đúng không?” ngài chánh thanh tra cấp cao đọc lướt qua. “Ông có điều gì muốn bổ sung không? Ý tôi là, ông có chắc hẳn nói người anh em của hẳn đã thuê một phòng trên con phố này?”

“Hẳn đã nói thế, đúng, thưa ông. Hẳn nói là hẳn đã thấy người anh em của hẳn lảng vảng ở khu vực này.”

Hadley liếc lên sắc lẹm. “Hai cái đó đâu phải là một? Chính xác là hẳn ta đã nói gì?”

Hình như O'Rourke nghĩ ông thanh tra hơi oái ăm. Ông ta chuyển mình trên ghế. “Hắn nói câu đó sau. Hắn nói, ‘Người anh em của tôi có một căn phòng ở đó. Tôi đã nhìn thấy anh ấy lảng vảng ở khu đó.’ Hay gì đó. Tôi xin thề đó là sự thật!”

“Nhưng không chắc chắn lắm nhỉ?” Hadley chất vấn. “Nghĩ lại đi!”

“Trời đất quỷ thần ơi, tôi *đang* nghĩ đây!” O'Rourke phản kháng một cách khỗ sở. “Cứ bình tĩnh. Có những người cứ hay nói tràng giang đại hải, rồi sau đó họ lại hỏi lại ông những chi tiết trong đó, và nếu ông không nhắc lại đúng từng từ một thì họ lại nghĩ ông nói dối. Xin lỗi, nhưng tôi chỉ nhớ được đến thế thôi.”

“Ông biết gì về người anh em của hắn? Vì ông quen biết Fley, hắn đã nói gì với ông?”

“Không nói gì cả! Không một lời nào! Tôi không muốn ông hiểu nhầm. Khi tôi nói tôi biết Lão Khùng rõ hơn bất cứ ai khác, tôi không có ý muốn nói là tôi biết mọi điều về hắn. Chẳng ai biết cả. Nếu ông gặp hắn, ông sẽ biết hắn nhất định không phải là loại người sẵn sàng chia sẻ những chuyện riêng tư về bản thân mình chỉ sau vài li rượu. Cũng giống như mời quý Dracula đi uống bia vậy. Đợi đã! Ý tôi là một người trông giống như quý Dracula thôi. Lão Khùng là một người tốt theo cách của riêng hắn.”

Hadley ngẫm nghĩ, rồi quyết định vào cuộc. “Vấn đề lớn nhất của chúng tôi bây giờ, chắc hẳn ông đã đoán ra, là vụ giết người thật bất khả thi. Tôi cho là ông đã đọc báo?”

“Phải.” Mắt O'Rourke nheo lại. “Sao ông lại hỏi tôi về điều đó?”

“Chắc hẳn ai đó đã dùng một phép ảo thuật nào đó để giết những người này. Ông nói ông quen nhiều nhà ảo thuật và những nghệ sĩ biểu diễn những tiết mục trốn thoát như vậy. Ông có biết thủ thuật nào có thể giải thích vụ giết người này được không?”

O'Rourke bật cười, để lộ ra hàm răng sáng bên dưới bộ ria mép được chải chuốt cẩn thận. Nụ cười càng làm cho những nếp nhăn hẳn sâu hơn quanh

mắt của ông ta.

“Chà! Chuyện đó thì khác! Khác rất nhiều. Nghe này, tôi nói thẳng với ông nhé. Khi tôi đề nghị thử đu ra ngoài cửa sổ với sợi dây thừng đó, tôi đã quan sát phản ứng của ông. Tôi sợ là kiểu gì ông cũng nghĩ theo hướng đó. Hiểu ý tôi chứ? Tôi nói về tôi ấy.” Ông ta chắc lưỡi. “Thôi quên đi! Để làm được điều như vậy với một sợi dây thừng kẻ giết người chắc phải cần đến một phép màu, mà đó là kể cả khi hẳn có dây thừng trong tay và có thể đi trên tuyết mà không để lại dấu vết đấy. Nhưng còn về chuyện kia...”

O'Rourke nhíu mày và dùng ống tẩu thuốc để chải râu. Ông ta nhìn xa xăm về phía đầu kia của căn phòng. “Như thế này. Tôi không phải chuyên gia. Tôi không biết nhiều về ảo thuật lắm, và những gì tôi biết thì tôi thường không bô bô ra ngoài. Đại loại,” ông huơ tay, “quy tắc nghề nghiệp, nếu ông hiểu ý tôi. Và lại, với những tiết mục kiểu như trốn thoát khỏi hộp bị khóa hay biến mất, giờ thì tôi còn chẳng nói tới nữa.”

“Tại sao?”

“Vì,” O'Rourke nói, nhấn mạnh từng từ, “hầu hết mọi người sẽ cực kì thất vọng nếu biết được bí mật đằng sau những trò đó. Một là, họ không thể tin rằng những thứ nhỏ nhặt, đơn giản đến mức cười thế lại có thể lừa được họ. Họ sẽ nói, ‘Ôi dào! Đừng tiết lộ với chúng tôi! Nếu không, chúng tôi để ý thoáng qua là sẽ phát hiện ra ngay’. Hoặc hai là, thủ thuật thực hiện được là nhờ cài người trong khán giả. Như thế còn khiến họ thất vọng hơn. Họ nói, ‘Để người khác giúp thì nói làm gì...!’ cứ như thể có người giúp là làm được ngay vậy.”

Ông ta trầm ngâm hút thuốc.

“Con người buồn cười như thế đấy. Họ đi xem ảo thuật, ông nói với họ đó là ảo thuật, và họ trả tiền để xem ảo thuật. Vậy mà vì lí do ngớ ngẩn nào đó, họ tức tối vì đây không phải là phép thuật *thực sự*. Khi họ được nghe giải thích cách nhà ảo thuật thoát ra khỏi một chiếc hộp bị khóa hay một cái bao tải bị buộc kín bằng dây thừng mà họ đã kiểm chứng, họ sẽ tức tối vì mình bị lừa. Họ nói không hiểu làm sao mà lại có thể để bị lừa như thế. Nhưng tôi

nói với các ông, cần có trí tuệ thật sự để nghĩ ra những trò tưởng chừng như đơn giản đó. Và để làm được những màn trốn thoát như vậy, nhà ảo thuật phải lạnh lùng, mạnh mẽ, dày dạn, và nhanh như chớp. Nhưng khán giả có bao giờ nghĩ cần tài trí thế nào để lừa phỉnh được họ ngay trước mũi họ đâu. Tôi nghĩ họ muốn coi những bí mật đó như một loại ma thuật thực sự mà không ai trên đời có thể làm nổi. Không ai có thể làm mình đẹp lép như con tem và lách ra khỏi khe hở. Không ai có thể chui qua lỗ khóa, hoặc lách mình qua một ống gỗ. Muốn tôi cho các ông ví dụ không?”

“Nói tiếp đi,” Hadley vừa nói vừa nhìn ông ta với vẻ tò mò.

“Được rồi. Hãy thử với trò thoát thân trước nhé! Hãy bắt đầu với cái bao tải kín được buộc dây thừng xung quanh: có một cách để làm trò này.” O’Rourke đang rất cao hứng. “Nhà ảo thuật bước ra – giữa một đám đông khán giả, nếu các ông thích – với một cái bao tải làm bằng vải muslin hoặc satin đen, đủ lớn để anh ta có thể đứng trong đó. Anh ta bước vào trong. Người trợ lí kéo cái bao tải lên, giữ nó ở vị trí thấp hơn miệng của nhà ảo thuật khoảng 15 cm, và buộc nó thật chặt bằng một cái khăn tay dài. Rồi những người chứng kiến có thể thắt bao nhiêu nút tùy ý, và niêm phong cái nút bằng sáp hay con dấu gì cũng được. Bùm! Người ta kéo tấm màn che nhà ảo thuật lại. Ba mươi giây sau, anh ta bước ra với các nút thắt vẫn còn nguyên con dấu, và bao tải đã ở dưới cánh tay anh ta. Tuyệt vời!”

O’Rourke cười toe toét, vắn vể cặp ria mép theo thói quen khó bỏ, và xoay người trên đi văng.

“Giờ, thưa các ông, giờ là lúc các ông sẽ sẫm soi tôi. Có hai cái bao tải, giống hệt nhau. Một cái được nhà ảo thuật gấp lại và nhét vào bên trong áo vét. Khi nhà ảo thuật bước vào bao tải và động đậy và uốn éo trong nó, và khi người trợ lí kéo cái bao tải đầu tiên lên, nhà ảo thuật rút cái bao tải kia ra. Miệng của cái bao tải thứ hai được kéo lên trên miệng cái thứ nhất, khoảng 15 cm, để khiến nó trông giống như miệng cái thứ nhất. Thật ra, người trợ lí đã buộc miệng của cái bao tải thứ hai, và chỉ nhét vào một chút miệng của cái bao tải thứ nhất để không ai thấy chỗ nối. Bùm! Người ta

buộc đủ thứ nút và gấn hết mọi loại dấu. Khi nhà ảo thuật khuất sau tấm màn, anh ta chỉ việc kéo cái bao tải thứ hai đã bị buộc ra, thả cái bao tải mình đang đứng xuống đất, nhét cái bao tải thứ hai vào áo, và bước ra với cái bao tải vẫn còn nguyên các nút thắt. Hiểu chưa? Đơn giản và dễ dàng thế đấy, vậy mà người ta vẫn phát cuồng lên tìm cách nghĩ xem thủ thuật ở đây là gì. Nhưng khi được nghe giải thích, họ nói, “Chà, vậy là có trợ lí giúp...” Ông khoát tay.

Hadley rất hứng thú mặc dù vẫn cố giữ tác phong chuyên nghiệp, còn tiến sĩ Fell thì háo hức lắng nghe như trẻ con.

“Vâng, tôi biết,” ngài chánh thanh tra cấp cao nói như thể đang đưa ra một luận cứ phản bác, “nhưng kẻ chúng ta đang tìm, kẻ đã giết hai người đó, không thể nào có đồng phạm được! Ngoài ra, đó không phải màn ảo thuật biến mất...”

“Được rồi,” O’Rourke nói, và đẩy chiếc mũ qua một bên đầu. “Tôi sẽ cho ông một ví dụ về trò biến mất. Đây là màn ảo thuật trên sân khấu nhé. Tất cả đều rất hào nhoáng. Nhưng ông vẫn có thể thực hiện được màn ảo thuật này ở sân khấu ngoài trời nếu muốn, nơi không có cửa sập nào, không có dây nhợ, không có đạo cụ hay trò gì mờ ám hết. Chỉ cần một khoảng đất. Nhà ảo thuật trong một bộ đồng phục màu xanh cười một con ngựa trắng tiến vào. Đi theo ông ta là đoàn người tùy tùng mặc đồng phục trắng, như ta thường thấy trong rạp xiếc vậy. Họ đi diễu hành một vòng, rồi hai người tùy tùng giơ lên một cái quạt lớn, và trong một khoảnh khắc, che đi người đàn ông trên lưng con ngựa. Rồi họ hạ quạt xuống và vớt nó ra cho khán giả xem là nó còn nguyên, nhưng người đàn ông trên lưng ngựa đã biến mất. Ông ta biến mất ngay giữa một cánh đồng 10 mẫu Anh. Tuyệt vời!”

“Và làm sao ông ta biến mất được?” tiến sĩ Fell chất vấn.

“Dễ ợt! Ông ta chẳng biến đi đâu cả. Ông chỉ không nhìn thấy ông ta thôi. Đó là bởi bộ đồng phục màu xanh thực chất chỉ là lớp giấy bên ngoài, còn bên trong là bộ đồng phục trắng. Quạt vừa kéo lên là ông ta đã xé bộ xanh và nhét xuống dưới bộ trắng. Rồi ông ta xuống ngựa và trà trộn vào đám tùy

tùng mặc đồng phục trắng, vấn đề là không có ai thèm đếm số người tùy tùng trước đó, và họ đều đi mất mà không có ai để ý. Đó là nền tảng cơ bản của hầu hết các thủ thuật, ông nhìn thứ mà ông không thấy, hoặc ông thề đã thấy thứ chưa bao giờ xuất hiện cả. Thật màu nhiệm! Buổi diễn tuyệt vời nhất quả đất!”

Căn phòng ngọt ngào và lờ lợc trở nên im lặng. Gió quạt vào cửa sổ. Xa xa có thể nghe thấy tiếng chuông nhà thờ, và tiếng còi của một chiếc xe taxi đi ngang qua rồi biến mất. Hadley lắc quyền sở tay.

“Chúng ta đi lạc đề rồi,” ông nói. “Trò đó cũng khá tinh vi, đúng, nhưng làm sao áp dụng vào trường hợp này được?”

“Không áp dụng được,” O’Rourke thừa nhận, mặt nhăn lên vì cười không ra tiếng. “Tôi nói với các ông chỉ vì các ông thắc mắc. Và để cho các ông biết đối thủ là kẻ thế nào. Tôi sẽ nói thẳng với ông, ông chánh thanh tra cấp cao: tôi không muốn làm ông nản lòng, nhưng nếu ông phải chống lại một nhà ảo thuật thông minh thì ông không có chút cơ hội nào đâu.” Ông ta búng tay. “Họ đã được đào tạo để làm việc đó. Đó là công việc của họ. Và không một nhà tù nào trên thế giới này có thể giam giữ được họ.”

Hadley nghiêng chặt hai hàm răng lại. “Đến lúc đó hăng tính. Điều tôi băn khoăn, và cũng đã băn khoăn bấy lâu, là tại sao Fley lại để cho anh em của hắn ra tay. Fley là nhà ảo thuật. Lẽ ra Fley phải là người làm điều đó. Phải chăng anh em của hắn cũng là *nhà ảo thuật*?”

“Không biết. Ít nhất tôi chưa thấy tên hắn xuất hiện trên chương trình nào. Nhưng...”

Tiến sĩ Fell ngắt lời ông ta. Với một tiếng thở khò khè nặng nề, ông ục ịch đứng lên khỏi ghế và đột ngột nói.

“Dọn dẹp đi và chuẩn bị hành động, Hadley. Khoảng hai phút nữa, chúng ta sẽ có khách đến. Nhìn ra ngoài kia! Nhưng nhớ đứng xa cửa sổ đấy.”

Ông dùng cây gậy để chỉ. Bên dưới họ, nơi con ngõ uốn lượn giữa các dãy nhà, có hai người len lỏi chống lại cơn gió. Họ vừa đi từ đường Guilford

vào và thật may là đang cúi đầu xuống. Rampole nhận ra một người là Rosette Grimaud. Người kia là một người đàn ông cao lớn. Ông ta dựa vào một cây gậy để di chuyển, vừa đi vừa lắc lư vai. Một chân của ông ta bị vẹo và giày bên phải dày một cách bất thường.

“Tắt đèn ở những phòng khác đi,” Hadley nói rất nhanh. Ông quay sang O’Rourke. “Tôi sẽ nhờ ông một việc lớn. Đi xuống cầu thang nhanh nhất có thể, ngăn không cho bà chủ nhà đi lên và không cho bà ấy nói gì cả. Cứ giữ bà ấy dưới đó đến khi tôi bảo. Đi ra nhớ đóng cửa nhé!”

Hadley đã ra ngoài hành lang hẹp, tắt hết đèn. Tiến sĩ Fell trông có vẻ hơi phật ý.

“Nghe này, ông không định nấp và nghe lỏm những bí mật tệ hại đấy chứ?” Ông chất vấn. “Tôi không có cái mà Mills gọi là thể chất phù hợp cho trò ngó ngẩn đó đâu. Hơn nữa, họ sẽ phát hiện ra chúng ta ngay. Nơi này đầy khói... O’Rourke đúng là cái ống khói.”

Hadley lẩm bẩm văng tục. Ông kéo rèm vào, chỉ để cho một ít ánh sáng lọt vào phòng.

“Không còn cách nào khác; ta phải thử vận may thôi. Ta sẽ ngồi đây trong yên lặng. Nếu họ có tâm sự gì, có thể họ sẽ buột miệng nói ra ngay khi vào trong căn hộ và đóng cửa. Người ta thường làm thế. Nhân tiện, ông nghĩ sao về O’Rourke?”

“Tôi nghĩ,” tiến sĩ Fell nói một cách hào hứng, “rằng O’Rourke là nhân chứng thú vị nhất, và đến giờ là nhân chứng đóng góp được nhiều ý kiến nhất trong cuộc điều tra. Ông ta đã cứu lòng tự trọng về trí tuệ của tôi. Thật ra ông ta đã khai sáng cho tôi nhiều điều, như tiếng chuông nhà thờ vậy.”

Đang dòm qua khe hở giữa hai tấm rèm, Hadley quay đầu lại. Chút ánh sáng chiếu vào mắt ông khiến chúng lóe lên dữ dội.

“Chuông nhà thờ? Chuông nhà thờ nào?”

“Bất cứ tiếng chuông nhà thờ nào,” giọng tiến sĩ Fell phát ra từ bóng tối. “Tôi nói với ông rằng trong sự mù quáng và dốt nát của tôi, suy nghĩ về những tiếng chuông đó đã mang đến ánh sáng và niềm an ủi. Nó có thể cứu tôi khỏi một sai lầm tệ hại... Vâng, tôi khá tỉnh táo.” Có tiếng gậy gõ xuống sàn và giọng của tiến sĩ Fell trở nên căng thẳng hơn. “Ánh sáng, Hadley! Cuối cùng cũng có ánh sáng, và thông điệp huy hoàng đến từ tháp chuông.”

“Ông chắc không phải thứ khác từ trên tháp chuông chứ? Phải không? Vậy thì vì Chúa đừng có úp úp mở mở nữa và nói cho tôi biết ý ông là sao? Tôi cho là tiếng chuông nhà thờ đã giúp ông phát hiện ra cách hẩn biến mất?”

“Ôi, không,” tiến sĩ Fell nói. “Rất tiếc là không. Chúng chỉ nói cho tôi tên của kẻ giết người.”

Im lặng bao trùm căn phòng – một sự im lặng nặng nề đến nỗi có thể chạm vào được, như những hơi thở đang kiềm chế để không vỡ òa ra. Tiến sĩ Fell nói với giọng bình thản, đầy hoài nghi nhưng chính trong sự hoài nghi đó lại ẩn chứa sức thuyết phục. Ở dưới tầng, cửa sau đóng lại. Họ nghe thấy loáng thoáng trong căn nhà thỉnh thoảng tiếng chân bước lên cầu thang. Một tiếng chân thì nhanh, nhẹ và sốt ruột. Tiếng chân kia thì kéo lê rồi sau đó giậm mạnh, có cả tiếng một cây gậy gõ vào lan can nữa. Tiếng động ngày một to hơn, nhưng không có tiếng nói nào cả. Một chiếc chìa khóa được tra vào cửa ngoài. Cửa mở ra và đóng lại với một tiếng kẹt của cái ổ khóa. Có một tiếng cạch nữa khi đèn trong hành lang được bật sáng. Rồi, rõ ràng ngay khi họ có thể nhìn thấy nhau, hai người đó bật lên thành tiếng như thể họ vừa nín thở đến sắp chết nghẹt.

“Cô đã làm mất chìa khóa tôi đưa cho cô,” một giọng nam mỏng và chói tai nói. Lời nói chế nhạo nhưng có kiềm nén. “VẬY mà cô nói hôm qua cô không đến đây hả?”

“Không phải đêm qua,” giọng của Rosette Grimaud vang lên, âm điệu đều đều nhưng ẩn chứa sự giận dữ, “không phải đêm qua hay đêm nào khác cả.” Cô cười phá lên. “Tôi chưa bao giờ có ý định đến đây. Ông làm tôi hơi sợ

một chút đấy. Có chuyện gì? Và giờ khi đã ở đây rồi, tôi cũng không đánh giá cao chỗ ẩn náu của ông lắm. Hôm qua ông đợi ở đây có dễ chịu không?”

Có tiếng ai đó chuyển động như thể cô gái vừa bước tới trước và bị giữ lại. Người đàn ông cao giọng lên.

“Giờ, còn quý nhỏ này,” người đàn ông vẫn không lên giọng, “tôi sẽ nói cho cô biết một điều sẽ tốt cho tâm hồn cô. Tôi đã không ở đây. Tôi không có ý định đến. Nếu cô nghĩ chỉ cần quất roi là có thể khiến người khác nhảy qua vòng... tôi đã không ở đây, cô thấy không? Cô có thể tự mình nhảy qua vòng. Đêm qua tôi không ở đây.”

“Nói dối, Jerome,” Rosette bình tĩnh nói.

“Cô nghĩ thế à? Tại sao?”

Hai bóng người xuất hiện dưới ánh sáng của cánh cửa mở hờ. Hadley vươn tay kéo rèm lại khiến cho các vòng treo rèm rung lên.

“Chúng tôi cũng muốn biết câu trả lời cho câu hỏi đó, ông Burnaby,” ông nói.

Bị ánh sáng ban ngày chiếu vào mặt, họ bất ngờ đến nỗi mặt họ ngậy ra như mặt người trong một tấm ảnh. Rosette Grimaud thét lên, giơ cánh tay lên như định che mình lại, nhưng ánh mắt cô trước đó hiện rõ sự chua cay, thận trọng và hoan hỉ một cách nguy hiểm. Jerome Burnaby không cử động, ngược phập phồng lên xuống. Ông ta đội một chiếc mũ đen rộng vành đã lỗi thời, khiến cái bóng đổ lên ngọn đèn điện nhợt nhạt phía sau trông giống hình tượng Sandeman gầy gò trong quảng cáo đến kì lạ. Nhưng ông ta không chỉ là cái bóng. Ông ta có một khuôn mặt rắn rỏi, đầy nếp nhăn mà bình thường có thể cũng chất phác và hòa nhã như cử chỉ của ông ta. Hàm của ông ta nhô ra, và mắt đã trắng dã vì giận dữ. Ông ta cởi mũ và ném nó xuống trường kỉ một cách hung hăng đến nỗi khiến Rampole nghĩ ông ta giống như là đang đóng kịch. Mái tóc nâu và cứng đã điểm bạc ở hai bên thái dương dựng đứng lên như con rối bật ra từ trong hộp đồ chơi.

“Sao?” ông nói – giọng mỏng, vui vẻ, cục mịch – và bước lão đảo lên phía trước bằng cái chân bị tật. “Các ông đón sẵn tôi đấy à? Ba đánh một, tôi hiểu rồi. Tôi tình cờ có mang theo cây gậy kiếm, dù cho...”

“Không cần dùng đến nó đâu, Jerome,” cô gái nói. “Họ là cảnh sát.”

Burnaby dừng lại và đưa bàn tay to lên lau mồm. Trông ông ta có vẻ lo lắng, mặc dù ông ta tiếp tục tỏ vẻ hài hước một cách mỉa mai. “Ô! Cảnh sát hả? Tôi thật vinh dự. Đột nhập vào nhà, tôi hiểu rồi.”

“Ông là người thuê căn hộ này,” Hadley nói, cũng với một sự giả lả tương tự, “không phải chủ của căn nhà này. Nếu có ai đó có hành vi đáng ngờ... tôi không biết đáng ngờ đến đâu, ông Burnaby, nhưng tôi nghĩ những người bạn của ông sẽ rất thích thú với căn phòng mang hơi hướng phương Đông này đấy. Phải không?”

Nụ cười và ngữ điệu của giọng nói đó đánh trúng tim đen của Burnaby. Mặt ông ta trở nên xám xịt.

“Khốn kiếp,” ông nói, và giơ cái gậy lên lưng chừng, “các ông muốn gì ở đây?”

“Trước hết, trước khi chúng tôi quên, chúng tôi muốn biết về điều ông đang nói khi bước vào đây...”

“Các ông đã nghe lỏm được hả?”

“Đúng. Rất tiếc,” Hadley nói điềm tĩnh, “là chúng tôi không thể nghe lỏm thêm. Cô Grimaud nói rằng ông đã ở trong căn hộ này đêm qua. Có đúng không?”

“Không.”

“Ông đã không ở đây... Có đúng thế không, cô Grimaud?”

Sắc mặt của cô ta đã hồng hào trở lại, rất hồng hào, nhờ vẻ giận dữ trên khuôn mặt đang tươi cười. Cô ta nói hỏn hển, và đôi mắt màu hạt dẻ sáng lên sự bất động, kiềm chế của người không muốn để lộ cảm xúc. Cô ta ẩ

găng tay vào giữa các ngón tay, và qua hơi thở ngắt quãng có thể thấy cô ta sợ nhiều hơn là giận.

“Vì các ông đã nghe lỏm được,” cô ta trả lời, sau khi ngừng lại một chút để nhìn từng người một và suy tính, “tôi phủ nhận cũng chẳng để làm gì, phải không? Tôi không hiểu tại sao các ông lại quan tâm đến chuyện này. Nó không hề có liên quan gì đến cái chết của cha tôi. Điều đó là chắc chắn. Dù Jerome là người thế nào,” cô ta cười run run để lộ hàm răng, “ông ấy không phải là một kẻ giết người. Nhưng giờ thì vì một lí do nào đó mà các ông quan tâm đến chuyện này, nên tôi cũng muốn được làm rõ trắng đen. Một phiên bản của câu chuyện này, tôi đoán, sẽ đến tai Boyd. Tốt hơn hết phiên bản đó nên là sự thật... Tôi sẽ bắt đầu bằng việc khẳng định đúng là Jerome đã ở căn hộ này đêm qua.”

“Sao cô biết, cô Grimaud? Cô đã ở đây à?”

“Không. Nhưng tôi thấy phòng này có ánh sáng vào lúc 10 giờ rưỡi.”

XV. Ánh sáng nơi cửa sổ

VẪN ĐANG XOA CÀM, Burnaby thờ ơ nhìn cô gái. Rampole có thể thề rằng ông già đã thật sự giật mình đến mức ông ta không hiểu nổi cô gái nói gì, và nhìn cô ta chăm chú như thể ông ta chưa từng gặp cô bao giờ. Rồi ông ta nói bằng giọng trầm tĩnh và ôn tồn, tương phản với giọng của chính ông ta lúc này.

“Nghe tôi nói, Rosette,” ông ta nói, “hãy cẩn thận nào. Cô chắc là biết mình đang nói gì chứ?”

“Có. Chắc chắn.”

Hadley nhanh chóng cắt ngang. “Lúc 10 rưỡi? Làm sao cô lại thấy ánh đèn này được, cô Grimaud, khi lúc đó cô đang ở nhà với chúng tôi?”

“Không, lúc đó... nếu ông còn nhớ. Lúc đó tôi không ở nhà. Tôi đang ở nhà dưỡng lão cùng với bác sĩ khi cha tôi đang hấp hối. Tôi không chắc ông có biết không, nhưng cửa sau của nhà dưỡng lão đối diện với phía sau ngôi nhà này. Tôi tình cờ đứng gần cửa sổ và đã để ý thấy. Trong phòng này có ánh đèn, và tôi nghĩ cả trong phòng tắm nữa, mặc dù tôi không chắc...”

“Sao cô biết phòng ốc trong nhà này,” Hadley thẳng thừng hỏi, “nếu cô chưa từng đến đây?”

“Lúc này khi bước vào đây, tôi đã quan sát rất kỹ,” cô gái trả lời với một nụ cười bình thản và điềm tĩnh làm Rampole nhớ đến Mills. “Vào đêm qua thì tôi không biết gì về phòng ốc ở đây. Tôi chỉ biết là ông ấy có thuê căn hộ này, và biết cửa sổ của nó ở đâu. Rèm chưa được kéo xuống hết. Vì thế tôi mới nhìn thấy ánh sáng.”

Burnaby vẫn tò mò quan sát cô gái.

“Đợi chút, ông... à... thanh tra!” Ông ta xốc vai lên. “Cô chắc là không nhầm đây chứ, Rosette?”

“Chắc chắn. Đây là ngôi nhà bên tay trái ở góc hẻm, và ông thuê tầng trên cùng.”

“Và cô nói đã nhìn thấy *tôi*?”

“Không, tôi nói là tôi thấy có ánh đèn. Nhưng tôi với ông là hai người duy nhất biết về căn hộ này. Và vì ông đã mời tôi tới đây, và nói ông sẽ đến...”

“Vì Chúa!” Burnaby nói, “tôi rất tò mò không biết cô định đưa câu chuyện đến đâu.” Ông ta đi tập tễnh lại chỗ một cái ghế – mỗi khi đưa gậy về phía trước thì ông lại trễ mép xuống – ngồi xuống một cách nặng nề, và tiếp tục chăm chú xem xét cô gái qua đôi mắt xám. Mái tóc dựng ngược khiến ông ta trông có vẻ cảnh giác một cách kì dị. “Làm ơn nói tiếp đi! Cô khiến tôi hứng thú rồi đấy. Đúng. Tôi rất tò mò xem cô dám cả gan thêu dệt thêm gì nữa.”

“Thật à?” Rosette nói, giọng đều đều. Cô ta xoay một vòng, nhưng không giữ nổi sự kiên định nữa. Trông ta cô khốn khổ đến mức gần như muốn khóc. “Ước gì tôi hiểu chính mình! Ước gì tôi hiểu *ông*!... Tôi đã nói chúng ta sẽ làm cho ra nhẽ,” cô ta phân trần với Hadley, “nhưng giờ tôi không biết mình có muốn làm điều đó không nữa. Nếu tôi có thể xác định được rằng liệu ông ta thật sự biết cảm thông, và chỉ là một người bạn lâu năm...”

“Đừng nói ‘bạn của gia đình’, ” Burnaby cắt ngang. “Vì Chúa, đừng nói ‘bạn của gia đình’. Chính bản thân tôi cũng ước có thể xác định được rằng cô đang nói sự thật, hay cô chỉ (xin thứ lỗi vì đã đánh mất tính hào hiệp của tôi trong phút chốc!) là một con đàn bà dối trá.”

Cô ta vẫn bình tĩnh nói: “... hay ông ta là một kẻ tống tiền lịch sự. Ôi, không phải vì tiền đâu!” Cơn giận của cô ta lại bộc phát. “Con đàn bà dối trá? Được. Gọi tôi là con chồn cái nếu ông muốn. Tôi công nhận đấy. Tôi là cả hai... nhưng tại sao? Vì ông đã đầu độc mọi thứ với những gợi ý ông để lại... Giá như tôi có thể chắc đó đúng là gợi ý mà không phải là một phần của trí tưởng tượng của tôi, giá như tôi có thể chắc ông là một kẻ tống tiền trung thực...!”

Hadley xen vào. “Gợi ý về cái gì?”

“Ôi, về quá khứ của cha tôi, nếu ông muốn biết.” Cô ta nắm chặt hai tay lại. “Về nguồn gốc của tôi, và liệu chúng ta có thể đem nó ra bêu xấu tôi hơn nữa được không. Nhưng điều đó không quan trọng. Tôi không quan tâm đến nó lắm. Chính chuyện kinh khủng về cha tôi... tôi không biết! Có lẽ đó không phải là những gợi ý. Nhưng tôi đã đình ninh trong đầu rằng ông Drayman là kẻ tổng tiền... Vậy mà tối qua, Jerome mời tôi ghé qua, tại sao, tại sao chứ? Tôi nghĩ: chà, có phải vì đó là ngày mà tôi thường gặp Boyd, và Jerome chọn đêm qua vì cái tính kiêu căng hợm hĩnh của mình? Nhưng bây giờ và lúc đó tôi đều không – làm ơn hãy hiểu cho tôi! – muốn nghĩ là Jerome cũng đang định tổng tiền tôi. Tôi quý ông ấy, nhưng tôi không thể dứt bỏ suy nghĩ đó, và điều đó khiến mọi việc thật tệ hại...”

“Ta sẽ làm rõ chuyện đó ngay,” Hadley nói. “Có phải ông đã để lại những ‘gợi ý’ không, ông Burnaby?”

Cả căn phòng rơi vào im lặng khi Burnaby xem xét bàn tay của mình. Có cái gì đó trong tư thế của ông ta – đầu cúi về phía trước, nhịp thở chậm chạp và nặng nề cứ như thể ông ta đang bối rối không biết nên quyết định thế nào – khiến cho Hadley không muốn thúc giục ông ta cho đến khi ông ta ngẩng đầu lên.

“Tôi chưa bao giờ nghĩ...” ông ta nói. “Gợi ý. Đúng. Tôi nghĩ dùng từ như vậy là cực kì chính xác. Nhưng không phải cố ý. Tôi thề tôi không bao giờ nghĩ...” Ông nhìn chăm chăm về phía Rosette. “Tôi đã để lộ chúng. Có lẽ cô xem tất cả những thứ đó là một câu hỏi tế nhị...” Ông ta thở hắt ra, tuyệt vọng thấy rõ, và nhún vai. “Với tôi, đó chỉ là một trò chơi suy luận thú vị, có thể thôi. Tôi còn không nghĩ đó là tọc mạch. Tôi thề là tôi không bao giờ nghĩ rằng có ai đó để ý, chứ chưa nói gì đến việc ghi nhớ vào lòng. Rosette, nếu đó là lí do duy nhất cô quan tâm đến tôi, nghĩ tôi là một kẻ tổng tiền, và e sợ tôi, thì tôi xin lỗi. Đúng thế không nhỉ?” Ông ta lại nhìn xuống hai tay, mở ra nắm vào, rồi lướt mắt nhìn quanh căn phòng một cách chậm chạp. “Hãy nhìn nơi này đi, các quý ông. Nhất là phòng khách, nhưng chắc

các ông đã nhìn thấy hết rồi. Vậy thì các ông đã biết câu trả lời. Vị Thám Tử Vĩ Đại. Ông già tội nghiệp với cái chân tật nguyên đang mơ mộng.”

Hadley ngập ngừng trong giây lát.

“Và vị Thám Tử Vĩ Đại có phát hiện ra điều gì về quá khứ của tiến sĩ Grimaud không?”

“Không... mà nếu có, ông nghĩ tôi có thể nói với ông à?”

“Để xem tôi có thể thuyết phục được ông không. Ông có biết là chúng tôi tìm thấy vết máu trong phòng tắm nhà ông, nơi cô Grimaud nhìn thấy ánh đèn tối qua không? Ông có biết là Pierre Fley bị giết ngay trước cửa không lâu trước khi đồng hồ điểm 10 rưỡi không?”

Rosette Grimaud hét toáng lên, và Burnaby giật mình ngẩng đầu lên.

“Fley bị giết... vết máu! Không! Ở đâu? Ý ông là sao?”

“Fley thuê một căn phòng trên phố này. Chúng tôi nghĩ hẳn định quay lại đây trước khi bị giết. Dầu sao chẳng nữa, hẳn cũng đã bị kẻ giết tiến sĩ Grimaud bắn ngay ngoài phố. Ông có thể chứng minh nhân thân của mình không, ông Burnaby? Chẳng hạn, ông có thể chứng minh mình không phải là anh em với tiến sĩ Grimaud và Fley được không?”

Ông già nhìn chòng chọc vào Hadley. Ông ta run rẩy nhắc mình lên khỏi ghế.

“Chúa ơi! Ông điên à?” Ông hỏi lặng lẽ. “Anh em! Giờ tôi hiểu rồi! Không, tôi không phải là em ông ấy. Ông nghĩ nếu như thế tôi sẽ để ý đến...” Ông ta tự kiềm chế bản thân, liếc sang Rosette, và nét mặt bỗng trở nên hoang dại. “Đương nhiên là tôi có thể chứng minh được. Tôi có giấy khai sinh ở đâu đó. Tôi có thể đưa ra những người đã biết tôi từ bé để làm chứng. Em trai cơ à!”

Hadley ra chỗ cái trường kỉ và giơ cuộn dây thừng lên.

“Thế còn cái dây thừng này thì sao? Nó cũng nằm trong mưu đồ Thám Tử Vĩ Đại của ông phải không?”

“Thứ đó à? Không. Nó là gì? Tôi chưa nhìn thấy nó bao giờ. Em trai cơ à!”

Rampole liếc về phía Rosette Grimaud, và thấy rằng cô đang khóc. Cô ấy không động đậy, hai tay để bên mình và giữ nguyên nét mặt, nhưng nước mắt đã lưng tròng.

“Và ông có thể chứng minh,” Hadley tiếp tục, “rằng ông không ở trong căn hộ này đêm qua?”

Burnaby hít một hơi dài. Gương mặt nặng nề của ông ta trở nên nhẹ nhõm.

“Đúng, rất may là tôi có thể chứng minh được điều đó. Tôi ở trong câu lạc bộ của mình từ tám giờ tối hoặc tầm đó, có thể sớm hơn một chút, cho đến hơn 11 giờ. Cả tá người có thể chứng thực điều đó. Nếu ông muốn chi tiết cụ thể hơn, hãy hỏi ba người cùng tôi chơi poker cả buổi tối. Ông muốn chứng cứ ngoại phạm chứ gì? Được thôi! Đó là chứng cứ ngoại phạm vững chắc nhất có thể. Tôi không ở đây. Tôi không để lại vết máu nào, dù cho ông bảo có tìm thấy chúng. Tôi không giết Fley, hay Grimaud, hay bất cứ ai khác.” Quai hàm ông ta bạnh ra. “Giờ thì ông nghĩ sao về *điều đó*?”

Ngài chánh thanh tra cấp cao xoay người nhanh đến nỗi Burnaby chưa kịp nói xong thì ông đã quay sang Rosette.

“Cô vẫn khẳng khẳng rằng mình thấy ánh sáng ở đây lúc 10 rưỡi.”

“Đúng!... Nhưng, Jerome, thật sự tôi không bao giờ có ý...!”

“Dù vậy, khi người của tôi đến đây sáng nay, công tơ điện đã được ngắt và đèn không bật được?”

“Tôi... vẫn đúng! Nhưng tôi muốn nói là...”

“Cứ giả sử rằng ông Burnaby nói thật về chuyện tối qua. Cô nói ông ta mời cô đến đây. Có lẽ nào ông ta lại mời cô đến trong khi vẫn định chơi bài ở câu lạc bộ?”

Burnaby lão đảo đi về phía trước và đặt tay lên vai Hadley. “Bình tĩnh! Hãy nói cho rõ chuyện này đã, ông thanh tra. Đúng là tôi đã làm thế. Đó là trò đùa, nhưng tôi đã làm. Nghe này, tôi giải thích có được không?”

“Thôi nào!” giọng ầm ầm phản kháng của tiến sĩ Fell vang lên. Ông lấy cái khăn rằn ra và xì mũi rất to để thu hút sự chú ý. Rồi ông nhìn chăm chăm vào họ, vẻ hơi khó chịu. “Hadley, tình thế bây giờ đã rối tung lên rồi. Để tôi nói vài điều trấn an mọi người nhé. Ông Burnaby đã làm thế, đúng như ông ấy đã nói, để khiến cô ấy phải ‘nhảy qua vòng’. Thứ lỗi cho tôi vì đã huých toẹt ra, thưa cô, nhưng cuối cùng là con báo đốm của chúng ta lại không nhảy nhỉ? Còn câu hỏi về cái đèn không hoạt động thì cũng không đáng ngại như chúng ta nghĩ đâu. Mọi người thấy đấy, đây là loại công tơ điện phải cho tiền vào thì mới chạy. Có ai đó đã ở đây. Có ai đó đã để đèn sáng, nhiều khả năng là cả đêm. Và khi công tơ chạy hết tiền thì đèn tắt. Ta không biết công tắc mở hay đóng vì Somers đã đến đây trước. Khi thật, Hadley, ta có nhiều bằng chứng cho thấy đã có người ở đây đêm qua. Câu hỏi là ai?” Ông nhìn những người còn lại. “Hừm. Hai người nói không có ai khác biết về nơi này. Nhưng, giả sử câu chuyện của ông là đúng, ông Burnaby, mà ông sẽ là một tên đại ngốc nếu nói dối về một điều có thể dễ dàng kiểm chứng như thế, như vậy hẳn phải có người khác biết về nơi này.”

“Tôi chỉ có thể nói với ông là tôi không hề nói với ai cả,” Burnaby khẳng định trong lúc xoa cằm. “Trừ khi có ai đó phát hiện ra tôi đến đây... trừ khi...”

“Hay nói cách khác là trừ khi tôi đã kể với ai đó?” Rosette lại nhảy dựng lên lần nữa. Răng cô cắn vào môi dưới. “Nhưng tôi cũng không nói. Tôi... tôi không biết tại sao mình lại không nói,” trông cô có vẻ đang bối rối cực độ “nhưng tôi chưa từng nhắc đến nó với bất cứ ai cả. Thế đấy!”

“Nhưng cô có chìa khóa vào nhà?” tiến sĩ Fell hỏi.

“Đúng là tôi đã có. Nhưng tôi đánh mất rồi.”

“Lúc nào?”

“Sao mà tôi biết được? Tôi có để ý đâu.” Cô khoanh tay lại và đi lại trong phòng, đầu lắc lư. “Tôi để nó trong túi, và chỉ phát hiện ra là nó đã biến mất vào sáng nay, khi chúng tôi định đến đây. Nhưng có một điều tôi nhất quyết phải biết.” Cô dừng lại, đứng đối diện với Burnaby. “Tôi... tôi không biết là tôi thích ông hay ghét ông. Nếu đây chỉ là một thú vui làm thám tử bần thiêu của ông, nếu thực sự chỉ có vậy và ông không có ý đồ gì xấu, thì nói đi. Ông biết gì về cha tôi? Nói cho tôi đi! Tôi không phiền đâu. Những người này là cảnh sát và đảng nào họ cũng sẽ phát hiện ra. Giờ thì đừng diễn nữa! Tôi ghét cái cách ông đóng kịch. Nói cho tôi đi. Cái chuyện anh em trai đó là thế nào?”

“Lời khuyên hay đấy, ông Burnaby. Ông đã vẽ một bức tranh,” Hadley nói, “đó là điều tôi định hỏi tiếp theo. Ông biết gì về tiến sĩ Grimaud?”

Đang tựa lưng vào cửa sổ, Burnaby vô thức nhún vai một cách nghênh ngang. Cặp mắt xám của ông cùng đồng tử đen và nhỏ như đầu kim nhấp nháy và lóe lên một cách mỉa mai.

Ông nói: “Rosette, nếu như có lúc nào tôi biết, có lúc nào tôi nghi ngờ rằng công việc thám tử của mình bị người khác hiểu nhầm thành... Được thôi! Tôi sẽ nói với cô đôi lời mà lẽ ra tôi nên nói với cô từ lâu, nếu tôi biết cô lo lắng như vậy. Cha cô từng bị cầm tù tại mỏ muối ở Hungary, và ông ấy đã trốn thoát. Không kinh khủng lắm nhỉ?”

“Đi tù! Vì tội gì?”

“Vì mưu đồ kích động một cuộc cách mạng, tôi được bảo là như vậy... Còn theo tôi đoán thì là do trộm cắp. Cô thấy đấy, tôi đang rất thẳng thắn.”

Hadley xen vào rất nhanh: “Sao ông biết điều đó? Từ Drayman phải không?”

“Vậy là Drayman biết à?” Burnaby cứng người, mắt nheo lại. “Đúng, tôi nghĩ là ông ta biết. Đúng rồi! Đó là một điều nữa tôi đang cố tìm hiểu, và có vẻ như nó được hiểu nhầm thành... Nhân nhắc đến chuyện đó, các ông biết được những gì rồi?” Rồi ông ta thốt ra: “Nghe này, tôi không phải là kẻ tọc

mạch! Tôi sẽ kể với các ông để chứng minh điều đó. Tôi bị kéo vào chuyện này. Grimaud không chịu để tôi yên. Các ông nói về bức tranh. Nó là nguyên nhân hơn là hậu quả. Tất cả chỉ là tình cờ thôi, mặc dù tôi không thể thuyết phục được Grimaud điều đó. Mọi chuyện bắt nguồn từ một bài thuyết giảng có sử dụng máy chiếu ma thuật.”

“Cái gì cơ?”

“Thật đấy! Một bài thuyết giảng có sử dụng máy chiếu ma thuật. Tôi tình cờ vào trú mưa ở một nhà thờ xứ đạo ở đâu đó trong khu vực Bắc London, khoảng 18 tháng trước.” Burnaby vặn vẹo những ngón tay. Lần đầu tiên trông ông có vẻ thật thà và không giả tạo. “Tôi muốn lãng mạn hóa câu chuyện này. Nhưng các ông yêu cầu tôi nói sự thật. Phải rồi! Có một người đang thuyết giảng về Hungary: người đó sử dụng máy chiếu hình ảnh và tạo bầu không khí ma quái để gây sự hồi hộp cho người đi nhà thờ. Nhưng nó đã kích thích trí tưởng tượng của tôi. Vì thánh George, đúng là như thế!” Mắt ông lóe lên. “Có một tấm hình giống như hình tôi đã vẽ trong bức tranh. Nó không có gì đặc biệt cả, nhưng câu chuyện kèm theo nó về ba ngôi mộ cô độc trong một khu vực u linh đã khiến tôi gặp ác mộng. Người thuyết trình đoán đó là mộ của ma cà rồng, ông hiểu chứ? Tôi về nhà và vẽ như điên với ý tưởng đó. Tôi đã thành thật nói với mọi người rằng đó chỉ là một hình ảnh không có thật về một thứ tôi chưa bao giờ nhìn thấy. Nhưng vì một lí do nào đó, không ai tin tôi cả. Rồi Grimaud nhìn thấy nó...”

“Ông Pettis đã nói với chúng tôi,” Hadley nhận xét một cách cứng nhắc, “là nó khiến Grimaud sợ phát khiếp. Hoặc là ông nói với ông ấy thế.”

“Khiến ông ấy sợ phát khiếp? Đúng thế đấy! Ông ấy rụt cổ lại và đứng ngó nó im lìm như một xác ướp. Tôi coi đó như một sự tán thưởng. Và rồi, vì tôi không biết gì cả,” Burnaby vừa nói vừa liếc mắt, “tôi mới buông lời nhận xét, ‘Ông để ý thấy là đất đang nứt ra trên một ngôi mộ. Hẳn đang chui ra.’ Tất nhiên là đầu tôi vẫn đang bị ma cà rồng ám ảnh. Nhưng ông ấy không biết điều đó. Trong thoáng chốc tôi còn tưởng ông ấy định cầm dao trộn màu tấn công tôi.”

Câu chuyện Burnaby kể không có gì phức tạp. Burnaby kể là Grimaud đã hỏi ông ta về bức tranh đó. Hỏi, xem, rồi lại hỏi, hỏi nhiều đến nỗi một người có trí tưởng tượng ít phong phú hơn chắc hẳn cũng phải bắt đầu cảm thấy nghi ngờ. Sự căng thẳng và bứt rứt do luôn bị giám sát đã khiến Burnaby tìm cách giải mã bí ẩn như một cách tự vệ. Một vài mẫu giấy viết tay kẹp trong sách trong thư viện của Grimaud, cái huy hiệu trên lò sưởi, những từ ngữ Grimaud tình cờ nói ra... Burnaby nhìn Rosette với một nụ cười lo lắng. Rồi, ông tiếp tục, khoảng ba tháng trước khi bị giết, Grimaud đã tóm cổ ông, bắt ông thề sẽ giữ bí mật, rồi tiết lộ sự thật. “Sự thật” đó cũng chính là câu chuyện mà Drayman đã kể với Hadley và tiến sĩ Fell đêm hôm trước: bệnh dịch, hai người em đã chết và cuộc đào thoát.

Trong lúc Burnaby kể lại chuyện này, Rosette nhìn ra ngoài cửa sổ với vẻ mặt vừa hoài nghi, vừa ngây ngô. Cuối cùng cô ta bật khóc. Những giọt nước mắt thể hiện sự khuây khỏa.

“*Chỉ có thể thôi à?*” cô ta rít lên, thở nặng nề. “Không còn gì nữa? Đó là điều tôi đã lo lắng suốt thời gian qua?”

“Chỉ có thể thôi, cô gái ạ,” Burnaby trả lời, khoanh tay lại. “Tôi đã bảo cô là nó không tệ lắm mà. Nhưng tôi không muốn kể với cảnh sát. Nhưng vì cô cứ khẳng khẳng...”

“Cẩn thận, Hadley,” tiến sĩ Fell kêu lên trầm trầm, và gõ vào cánh tay của ngài chánh thanh tra cấp cao. Ông hắng giọng. “Đúng. Chúng tôi cũng có lí do để tin vào câu chuyện đó, cô Grimaud.”

Hadley chọn cách tiếp cận khác. “Cứ cho tất cả là sự thật đi, ông Burnaby: ông đã ở quán Warwick vào đêm Fley xuất hiện lần đầu tiên phải không?”

“Đúng.”

“Vậy thì sao? Vì ông đã biết sự thật, ông không liên hệ hẳn với chuyện trong quá khứ sao? Nhất là khi hẳn nói về ba cỗ quan tài?”

Burnaby do dự một lúc, rồi khoát tay. “Thật ra là có. Tôi đã đi cùng với Grimaud về nhà đêm hôm đó, hôm thứ tư. Tôi không nói gì, nhưng tôi nghĩ ông ấy sẽ nói với tôi gì đó. Chúng tôi ngồi ở hai bên lò sưởi trong phòng làm việc của ông ấy, và ông ấy rót một cốc whisky đặc biệt lớn, điều ông ấy hiếm khi làm. Tôi để ý thấy mặt ông trông có vẻ rất khó chịu khi ngồi ở đó...”

“Nhân tiện,” tiến sĩ Fell chen vào, tự nhiên đến nỗi làm Rampole giật nảy mình, “ông ấy giữ những giấy tờ riêng tư ở đâu? Ông có biết không?”

Burnaby liếc ông sắc lẹm.

“Mills sẽ trả lời câu hỏi đó tốt hơn tôi,” ông ta đáp lại. (Có gì đó đang được che giấu, có gì đó được bảo vệ bởi một đám mây bụi ở đây?) “Có lẽ ông ấy có một cái két sắt. Theo như tôi biết, ông ấy có một ngăn kéo có khóa ở bên cạnh bàn làm việc lớn.”

“Nói tiếp đi.”

“Chúng tôi không ai nói gì trong một lúc lâu. Có cái gì đó căng thẳng khó chịu khi một người muốn gọi lên chủ đề, nhưng không biết người kia có đang nghĩ về nó không. Cuối cùng tôi đành liều nói, ‘Ai vậy?’ Ông ấy kêu lên một tiếng giống tiếng của một con chó trước khi sửa và xoay người trên ghế. Cuối cùng ông nói: ‘Tôi không biết. Đã lâu lắm rồi. Có lẽ là ông bác sĩ, trông giống ông bác sĩ lắm.’ ”

“Bác sĩ? Ý ông là người đã xác nhận ông ấy đã chết vì bệnh dịch trong tù?” Hadley hỏi. Rosette Grimaud run rẩy, và đột nhiên ngồi xuống úp mặt vào tay. Burnaby ngày càng tỏ ra không thoải mái.

“Đúng. Nghe này, tôi có phải nói tiếp không? ... Được rồi, được rồi! ‘Quay lại để tổng tiền,’ ông ấy nói. Ông có biết về mặt của mấy ngôi sao nhạc opera mập mạp vào vai Mephistopheles trong tác phẩm Faust chứ? Mặt ông ấy trông y như thế khi ông ấy quay về phía tôi, với hai tay đặt lên tay ghế và khuỷu tay rướn như thế ông ấy định đứng lên. Mặt đỏ bừng dưới ánh lửa, bộ râu được cắt tỉa gọn gàng, lông mày nhướn lên – tất cả mọi thứ đều

giống. Tôi nói, ‘Đúng, nhưng thật ra hẳn ta có thể làm gì đây?’ Ông thấy đấy, tôi định dụ ông ấy nói ra. Tôi nghĩ tội của ông ấy nghiêm trọng hơn tội chính trị bình thường, nếu không thì ông ấy sẽ không giữ nó trong lòng lâu đến thế. Ông ấy nói, ‘Ồ, hẳn sẽ không làm gì đâu. Hẳn không có gan. Hẳn sẽ không làm gì đâu.’”

“Bây giờ,” Burnaby cúi kính nói và nhìn quanh, “các ông đã yêu cầu tôi nói tất cả, nên tôi nói luôn chuyện này. Tôi không quan tâm. Ai cũng biết cả rồi. Grimaud nói, với sự thẳng thắn đúng kiểu ông ấy, ‘Ông muốn cưới Rosette, đúng không?’ Tôi thừa nhận. Ông ấy nói, ‘Rất tốt, tôi cho phép,’ và bắt đầu gật gù và gõ vào tay ghế. Tôi phá lên cười và nói... Tôi nói gì đó đại ý là Rosette có ý trung nhân khác rồi. Ông ấy nói: ‘À! Chàng trai trẻ kia! Để tôi lo cho.’ ”

Rosette nhìn ông ta chăm chăm với ánh mắt sáng và cứng rắn khó dò, mắt cô gần như nhắm lại. Cô ta nói bằng giọng quá khó đoán biết được cảm xúc. Cô ta nói:

“VẬY là ông đã sắp xếp tất cả phải không?”

“Chúa ơi, đừng nổi giận chứ! Cô biết rõ hơn thế mà. Người ta hỏi tôi những chuyện đã xảy ra, và tôi kể lại thôi. Điều cuối cùng ông ấy nói là dù chuyện gì xảy ra với ông ấy, tôi cũng phải kín miệng...”

“Nhưng ông đã không làm thế...”

“Tôi làm theo lệnh của các ông.” Ông quay lại nhìn mọi người. “Chà, thưa các ông, tôi chỉ kể được đến thế thôi. Khi ông ấy vội vã đến vào sáng thứ sáu để lấy bức tranh, tôi cũng rất bối rối. Nhưng tôi được yêu cầu là không nhắc gì đến chuyện đó nữa, và tôi đã làm như vậy.”

Hadley, người vẫn đang ghi chép vào sổ tay, tiếp tục viết mà không nói gì cho đến cuối trang giấy. Rồi ông nhìn Rosette, người vẫn đang ngồi ở đi văng, khuỷu tay chống lên gối. Cô ta mặc một cái váy màu tối bên trong áo khoác lông, nhưng vẫn để đầu trần, khiến cho mái tóc vàng và khuôn mặt

vuông trông rất hợp với cái trường kỉ đỏ và vàng lờ lợt. Cô ta run rẩy xoay bàn tay ra ngoài.

“Tôi biết. Các ông sẽ hỏi tôi nghĩ gì về chuyện này. Về cha tôi... và tất cả.” Cô nhìn lên trần nhà. “Tôi không biết. Điều đó khiến tôi nhẹ cả người. Chuyện này quá tốt để là sự thật đến nỗi tôi sợ là có ai đó không nói sự thật. Tại sao chứ, chắc chắn tôi sẽ ngưỡng mộ cha tôi vì đã làm được như thế! Điều đó thật tồi tệ và kinh khủng, và tôi vui vì biết ông có mặt xấu như thế. Tất nhiên, nếu ông ấy là kẻ trộm,” cô cười thích thú với ý tưởng đó, “ông không thể trách ông ấy vì đã cố che giấu mọi chuyện, phải không?”

“Đó không phải điều tôi đang định hỏi,” Hadley nói, có vẻ bất ngờ với quan điểm cởi mở này của cô gái. “Tôi muốn biết tại sao cô luôn chối từ việc đến đây cùng Burnaby, nhưng sáng nay lại đột ngột thay đổi?”

“Tất nhiên là để làm rõ mọi chuyện với ông ấy rồi. Và tôi muốn uống cho say đi. Rồi mọi việc không dễ chịu chút nào, ông thấy đấy, khi chúng tôi tìm thấy cái áo khoác dính máu treo trong tủ...”

Cô ta dừng lại khi thấy vẻ mặt mọi người thay đổi và giật người lại một chút.

“Khi cô phát hiện ra *cái gì?*” Hadley nói, giữa bầu không khí im lặng nặng nề.

“Cái áo khoác có máu bên trong, dính từ trên xuống dưới,” cô ta nuốt nước bọt rồi trả lời. “Tôi... à tôi chưa nhắc đến chuyện đó nhỉ? Các ông có cho tôi cơ hội đâu! Ngay khi chúng tôi bước vào đây, các ông đã xô ra như thế... đúng thế đấy! Cái áo khoác được treo trong tủ áo ngoài hành lang. Jerome phát hiện ra nó khi treo áo của ông ấy.”

“Áo của ai?”

“Không của ai cả! Đó mới là điều lạ lùng! Tôi chưa từng thấy nó bao giờ. Nó không vừa với bất cứ ai trong nhà. Nó quá rộng với cha tôi, nó là loại áo khoác bằng vải tuyết hào nhoáng mà ông ấy không ưa. Stuart Mills sẽ lột

thôm trong đó, nhưng nó lại không đủ to để ông già Drayman mặc vừa. Cái áo còn mới nguyên. Trông có vẻ như nó chưa từng được mặc...”

“Tôi hiểu,” tiến sĩ Fell nói, và phồng hai má lên.

“Ông thấy chưa?” Hadley ngắt lời. “Đây mới là chuyện hay này! Ông bảo với Pettis là ông muốn có máu. Giờ thì ông đạt ước nguyện rồi đấy – nhiều máu đến kinh tởm! Và chả đúng nơi đúng chỗ gì cả. Bây giờ thì ông nghĩ gì?”

“Tôi đã hiểu,” tiến sĩ Fell trả lời, đưa gậy lên chỉ, “máu trên người Drayman đêm qua là ở đâu ra.”

“Ý ông là ông ta đã mặc cái áo đó?”

“Không, không! Nghĩ lại đi. Hãy nhớ những gì viên trung sĩ nói. Anh ta nói rằng Drayman mù dờ, vội vã dò dẫm đi xuống tầng dưới, mò phải quần áo ở trong tủ nơi ông ta để áo và mũ. Hadley, ông ấy đã chạm phải chiếc áo kia khi máu mới dính vào đó. Và cũng chẳng lạ khi ông ấy không biết máu từ đâu ra. Nói như thế đã rõ chưa?”

“Chưa, rõ thì tôi đi đầu xuống đất! Nó giải thích được một thì lại để ra một vấn đề khác rắc rối gấp đôi. Một chiếc áo nữa! Đi cùng tôi. Chúng ta sẽ cùng đến đó. Xin mời cô đi cùng chúng tôi, cô Grimaud, và ông, ông...”

Tiến sĩ Fell lắc đầu. “Ông đi trước đi, Hadley. Có một thứ tôi phải đến xem ngay bây giờ. Nó thay đổi hoàn toàn vụ án này, nó giữ vai trò cực kì quan trọng.”

“Là thứ gì?”

“Căn phòng mà Pierre Fley thuê,” tiến sĩ Fell nói, và vừa khoác áo choàng qua vai vừa rời khỏi căn phòng.

Cổ quan tài thứ ba

Bí mật về bảy ngọn tháp

XVI. Áo khoác đổi màu

TỪ LÚC CÓ KHÁM PHÁ MỚI đến khi họ đi gặp Pettis để ăn trưa, tâm trạng của tiến sĩ Fell trở nên u ám đến mức Rampole không thể tin nổi và không thể giải thích căn nguyên tại sao.

Đầu tiên, vị tiến sĩ từ chối quay lại quảng trường Russell cùng với Hadley, dù Hadley đã nài ép. Ông nói chứng cứ mật thiết nhất phải ở trong phòng của Fley. Ông nói sẽ giữ Rampole ở lại để làm “những việc khó nhọc”. Cuối cùng, ông chửi rủa bản thân một cách dữ dội đến nỗi Hadley, người đôi khi cũng muốn chửi rủa vị tiến sĩ, cũng phải chuyển sang khuyên giải ông.

“Nhưng ông mong tìm thấy gì ở đó?” Hadley gặng hỏi. “Somers đã lật tung chỗ đó lên rồi!”

“Tôi không mong gì cả. Tôi chỉ có thể nói là tôi hi vọng,” vị tiến sĩ cầu nhàu, “tìm thấy một số dấu vết nhất định của gã Henri. Có thể nói là nét đặc trưng của hắn. Râu của hắn. Trời ơi, gã Henri, đồ trời đánh thánh vật!”

Hadley nói họ có thể bỏ qua “Bài độc thoại trong tu viện Tây Ban Nha”, và không hiểu tại sao bạn của ông lại bị gã Henri hành tung xuất quỷ nhập thần này ám ảnh đến điên cuồng như vậy. Chẳng có thông tin gì mới để kích động điều đó. Ngoài ra, vị tiến sĩ, trước khi rời khỏi căn hộ mà Burnaby thuê, còn giữ mọi người ở lại một lúc nữa để thăm vấn bà chủ nhà Hake. O'Rourke đã rất hào hiệp khi giữ bà ấy ở dưới tầng bằng cách kể cho bà ấy nghe những kỉ niệm khi ông ta còn làm việc trong gánh xiếc lưu động, nhưng cả hai đều là những người hoạt ngôn nên cũng không chắc ai là người hồi tưởng lại nhiều hơn, bà Hake hay ông O'Rourke.

Tiến sĩ Fell phải thừa nhận là cuộc thăm vấn bà Hake không có hiệu quả. Bà Hake là một bà già không chồng tốt tính nhưng đãng trí và hay nhảm những khách trọ tính khí thất thường thành những kẻ trộm cắp giết người.

Đến khi thuyết phục được bà ấy rằng Burnaby không phải là kẻ trộm thì bà cũng chỉ cung cấp được rất ít thông tin. Đêm hôm qua bà không có ở nhà. Bà đã đi xem phim từ 8 đến 11 giờ, rồi ở nhà một người bạn trên đường Gray's Inn đến gần nửa đêm. Bà không thể nói được ai có khả năng đã sử dụng phòng của Burnaby, thậm chí đến sáng bà mới hay tin về vụ giết người. Trong nhà còn có ba khách trọ khác: một sinh viên người Mỹ và vợ sống ở tầng trệt, và một bác sĩ thú y sống ở tầng hai. Cả ba người đều đã ra ngoài vào đêm trước đó.

Somers, trở về sau một chuyến đi vô ích đến quảng trường Bloomsbury, được giao nhiệm vụ điều tra về đầu mối này. Hadley trực chỉ nhà của Grimaud với Rosette và Burnaby, còn tiến sĩ Fell, người quyết chí đi tìm một bà chủ nhà thích tán chuyện nữa, cuối cùng lại chỉ tìm thấy một ông chủ nhà kiệm lời.

Cơ ngơi ở trên và dưới cửa hiệu bán thuốc lá tại địa chỉ số 2 phố Cagliostro trông mỏng manh yếu ớt như những ngôi nhà giả người ta thường dựng trên sân khấu nhạc kịch. Màu sơn của chúng rất âm đạm, tối tăm, và mốc meo như chính cửa hiệu thuốc lá. Sau một hồi rung chuông âm ỉ không biết mệt mỏi thì cuối cùng James Dolberman, chủ hiệu thuốc lá và quầy báo, cũng chậm chạp xuất hiện từ cái bóng phía sau cửa hiệu. Người đàn ông này già, có vóc người nhỏ, đôi môi lúc nào cũng mím chặt, và những đốt ngón tay rất to. Ông ta mặc một cái áo vải muslin màu đen sáng loáng như một bộ áo giáp, ở bên trong một cái động chất đầy những quyển tiểu thuyết bán thiu và kẹo bạc hà khô queo. Quan điểm của ông ta về vụ giết người này là đó không phải việc của ông.

Ông ta phun ra vài câu trả lời miễn cưỡng trong khi ánh mắt nhìn xa xăm về phía cửa sổ cứ như đang đợi ai đó đến để có cơ ngừng lại. Đúng, ông ta có một khách trọ, đúng, họ của hãn là Fley, một người ngoại quốc. Fley thuê một căn phòng đơn ở tầng trên cùng. Hãn đã ở đó được hai tuần, trả tiền trước. Không, ông chủ nhà không biết gì về hãn, và cũng không muốn biết, trừ việc hãn không gây rắc rối gì. Hãn chỉ có thói quen là tự nói chuyện một mình bằng tiếng nước ngoài, có vậy thôi. Ông chủ nhà không biết gì về hãn,

bởi ông ta hiếm khi thấy mặt hăn. Không còn khách trọ nào khác, ông (James Dolberman) không mang nước nóng lên tầng cho ai cả. Tại sao Fley lại chọn tầng trên cùng? Làm sao ông biết được? Họ nên hỏi Fley.

Ông không biết Fley đã chết à? Có, ông ta có biết, và đã có cảnh sát đến chất vấn ông, và đưa ông đi nhận dạng xác chết rồi. Nhưng chuyện đó chẳng liên quan gì đến ông. Thế còn tiếng súng lúc 10 giờ 25 phút đêm hôm qua? James Dolberman trông như sắp định nói gì đó, nhưng rồi lại ngậm chặt hàm lại và nhìn ra ngoài cửa sổ chăm chú hơn. Lúc đó ông ta đang ngồi ở tầng dưới trong nhà bếp và có mở đài, ông ta không biết gì về chuyện đó, và kể cả nếu có cũng sẽ không chạy ra xem.

Fley đã từng có ai đến thăm chưa? Chưa. Có người lạ nào trông có vẻ khả nghi, có người nào có liên hệ với Fley ở quanh đây không?

Câu trả lời lại là điều họ không ngờ đến: hàm của ông chủ nhà vẫn như của người bị mộng du, nhưng ông ta ăn nói lưu loát hẳn lên. Đúng, có một điều mà cảnh sát cần phải điều tra, thay vì lãng phí tiền thuế của dân! Ông ta đã từng thấy ai đó thậm thụt ở quanh đây, quan sát nơi này, thậm chí có lần còn nói chuyện với Fley rồi sau đó đi như tên bắn lên phố. Một khách hàng trông rất bất hảo. Nhiều khả năng là tội phạm! Ông ta không thích những người thậm thà thậm thụt. Không, ông ta không thể mô tả nhân dạng của hăn, đó là việc của cảnh sát. Ngoài ra, hăn luôn xuất hiện vào buổi tối.

“Nhưng ông không thể,” tiến sĩ Fell nói, lúc này ông đã sắp hết thân thiện nổi và đang lấy cái khăn rằn để lau mặt, “cho biết thêm chi tiết gì về tướng mạo của hăn à? Quần áo, hay bất cứ thứ gì? Này?”

“Hăn có thể,” Dolberman nhún nhường, sau khi mím môi nhìn chăm chăm vào cái cửa sổ, “hăn *có thể* đã mặc một chiếc áo khoác đắt tiền, hoặc đại loại thế. Hình như bằng vải tuýt màu vàng nhạt, có chấm đỏ. Đó là việc của các ông. Các ông muốn lên tầng chứ gì? Chìa khóa đây. Cửa ở ngoài.”

Khi họ đi lên những bậc thang tối và hẹp trong căn nhà – căn nhà kiên cố một cách bất ngờ mặc dù vẻ ngoài có vẻ xập xệ – Rampole nổi đóa lên.

“Ông đã đúng,” anh nói, “khi nói rằng toàn bộ vụ án này đã bị đảo ngược hoàn toàn. Xét đến màu của cái áo khoác, vụ này đã rất khó hiểu, và giờ tôi thấy càng khó hiểu hơn. Chúng ta đang tìm một kẻ mờ ám mặc áo khoác dài màu đen. Và bây giờ lại xuất hiện một kẻ khác mặc áo bằng vải tuýt màu sắc sặc sỡ có dính máu. Ai mặc áo gì, và có phải màu của áo khoác đã khiến hướng điều tra thay đổi không?”

Tiến sĩ Fell thở hốt hển khi lê từng bước một lên cầu thang. “Chà, tôi chưa nghĩ đến chuyện đó,” ông nói với giọng đầy hồ nghi, “khi tôi nói vụ án đã bị đảo ngược hoàn toàn, hay có lẽ tôi nên nói là vụ án đã bị xoay chiều. Nhưng trên một phương diện nào đó nó có thể phụ thuộc vào cái áo khoác. Hừm. Người Đàn Ông với Hai Cái Áo Khoác Ngoài. Đúng, tôi nghĩ kẻ giết người vẫn chỉ là một, dù cho cách ăn mặc của hắn có vẻ không nhất quán lắm.”

“Ý ông là ông đã hình dung ra được ai là kẻ giết người à?”

“Tôi biết hắn là ai!” tiến sĩ Fell gầm lên. “Và cậu có biết tại sao tôi lại cảm thấy muốn đá cho mình một cú thế không? Không chỉ vì hắn đã ở ngay dưới mũi tôi ngay từ đầu, mà còn vì *hắn đã luôn nói cho tôi sự thật*, vậy mà tôi không đủ minh mẫn để nhìn ra. Hắn đã thành thật đến nỗi tôi thấy đau lòng mỗi khi tôi nghĩ đến việc mình không tin lời hắn và tưởng hắn vô tội!”

“Thế còn cách hắn biến mất?”

“Không, tôi vẫn chưa nghĩ ra hắn làm kiểu gì. Đến nơi rồi.” Chỉ có một phòng ở tầng trên cùng. Giếng trời đầy bụi bắn chiếu ánh sáng mờ nhạt xuống bậc thềm trước cửa phòng. Cửa phòng làm bằng gỗ ván sơn màu xanh lá, đang khép hờ và dẫn vào một căn phòng trần thấp, với cửa sổ rõ ràng là đã không được mở trong một thời gian dài. Sau khi mò mẫm trong cảnh tranh tối tranh sáng, tiến sĩ Fell tìm thấy chỗ thắp đèn dầu. Ánh sáng chập chờn soi sáng một căn phòng gọn gàng nhưng bụi bặm, với giấy dán tường hình bập cải màu xanh dương và giường sắt sơn trắng. Trên bàn làm việc có một tờ giấy được gấp lại và để dưới một lọ mực. Chỉ có một chi tiết rất nhỏ làm người ta nhớ đến bộ não kì quái và điên rồ của Pierre Fley, cứ

như thể chính Fley đang đứng đó, trong bộ quần áo buổi tối cũ kĩ và mũ chóp cao, đứng bên bàn làm việc trong một màn trình diễn: ở cạnh gương treo một cuộn giấy màu đen và đỏ với khẩu hiệu được viết với phong chữ uốn lượn mạ vàng. Cuộn giấy đó viết: “Sự Trả Thù là Của Ta, Chúa đã Phán, Ta sẽ Báo Thù. Nhưng treo ngược.

Thở khò khè trong yên lặng, tiến sĩ Fell ì ạch đi đến bàn làm việc và nhặt tờ giấy gấp lại lên. Nét chữ trên tờ giấy rất bay bướm, Rampole nhìn thấy, và thông điệp ngắn gọn như một lời tuyên bố.

Thưa ông James Dolberman,

Tôi để lại cho ông số vật dụng ít ỏi của tôi, thay cho thông báo xin trả nhà trước một tuần. Tôi sẽ không cần đến chúng nữa. Tôi sẽ quay lại nắm mồ của mình.

PIERRE FLEY.

“Tại sao,” Rampole nói, “hắn cứ nhắc đi nhắc lại về việc ‘Tôi sẽ trở lại nắm mồ’ nhỉ? Nghe như thể nó có một ý nghĩa gì đó, kể cả khi nó không... Tôi cho rằng thực sự có một người như Fley? Hắn tồn tại, không có ai đó đóng giả Fley hay tương tự thế đúng không?”

Tiến sĩ Fell không trả lời câu hỏi đó. Tâm trạng của ông bắt đầu trở nên u ám, và nó càng trở nên nặng nề hơn khi ông xem xét tấm thảm xám tả tơi trên sàn.

“Không có dấu vết nào,” ông rên lên. “Không có vé xe buýt hay gì cả. Trống trơn, bụi bặm còn nguyên và không có manh mối nào. Đồ đạc của hắn? Không, tôi không muốn xem đồ đạc của hắn. Tôi cho là Somers đã xem xét chúng rồi. Đi nào, chúng ta sẽ quay lại tìm Hadley.”

Họ đi bộ đến quảng trường Russell với tâm trạng cũng u ám như bầu trời âm u vậy. Khi họ bước lên các bậc cầu thang, Hadley nhìn thấy họ qua cửa sổ phòng khách và ra mở cửa trước. Sau khi đảm bảo là đã đóng cửa phòng khách – có tiếng thì thầm trong đó – Hadley gặp họ dưới ánh sáng lờ mờ của

hành lang được trang trí công phu. Đằng sau ông, chiếc mặt nạ quý trên bộ giáp Nhật trông rất giống một phiên bản biếm họa của Hadley.

“Tôi thấy là chúng ta có thêm rắc rối,” tiến sĩ Fell hòa nhã nói. “VẬY nói luôn nhé. Tôi chẳng có gì để báo cáo cả. Tôi đã sợ rằng chuyến thám hiểm của tôi sẽ thất bại, và giờ thì tôi cũng chẳng được an ủi vì đã đoán trước chuyện này. Có gì mới không?”

“Cái áo khoác đó...” Hadley dừng lại. Ông không thể nào phần nộ hơn được nữa và cuối cùng đành nở một nụ cười chua chát. “Vào nghe đi, Fell. Có lẽ ông sẽ hiểu được. Nếu Mangan nói dối, tôi không hiểu lí do vì sao cậu ta phải làm thế. Nhưng cái áo khoác đó – chúng ta đã đúng một phần – đó là cái áo hoàn toàn mới. Trong túi không có gì, kể cả bụi bặm hay sợi bông hoặc tàn thuốc lá dính lại trên áo khi đã mặc một thời gian cũng không có. Nhưng trước tiên chúng ta phải giải quyết vấn đề của hai cái áo khoác. Ông có thể gọi vấn đề chúng ta đang đối mặt này là Bí ẩn của cái Áo Khoác Đổi Màu...”

“Áo khoác làm sao?”

“Nó đổi màu,” Hadley nói.

Tiến sĩ Fell chớp mắt. Ông chăm chú quan sát ngài chánh thanh tra cấp cao với một sự hứng thú mới. “Tôi không nghĩ là,” ông nói, “vụ này đã khiến ông điên lên đấy chứ? Đổi màu hả? Có phải ông sắp nói với tôi là cái áo khoác đã chuyển sang màu xanh ngọc lục bảo sáng không?”

“Ý tôi là nó đã đổi màu kể từ khi... Đi nào!” Hadley mở toang cánh cửa vào phòng khách – một căn phòng được trang trí bằng đồ nội thất cổ sang trọng, với đèn chùm bằng đồng, gờ nổi mạ vàng, và màn cửa nhiều tầng ten đến nỗi nó trông như một thác nước đóng băng. Bầu không khí trong phòng vô cùng căng thẳng. Tất cả các đèn đều bật. Burnaby đang ngồi uể oải trên cái sofa. Rosette đang đi đi lại lại, những bước chân của cô nhanh và giậm dừ. Đứng ở góc phòng cạnh cái đài là Ernestine Dumont, tay chống nạnh và môi dưới mím lên môi trên như thích thú, hoặc mỉa mai, hoặc cả hai. Cuối cùng, Boyd Mangan đứng xoay lưng vào ngọn lửa, đi qua đi lại từ bên này

sang bên kia như thể ngọn lửa đang đốt cháy anh ta. Nhưng thứ đang đốt cháy anh ta không phải lửa, mà lại là sự kích động, hay một cái gì đó khác.

“Tôi biết nó vừa với cỡ người tôi!” anh ta nói, nhắc đi nhắc lại một cách hung hăng. “Tôi biết. Tôi thừa nhận. Tôi mặc vừa cái áo khoác đó, nhưng nó không phải là áo của tôi. Trước hết, tôi luôn mặc loại chống thấm nước, áo của tôi đang treo ngoài sảnh kia kìa. Thứ hai, tôi không đủ tiền mua một cái áo khoác như thế, nó phải tốn ít nhất 20 đồng guinea. Thứ ba...”

Hadley gõ cửa để gây chú ý. Sự xuất hiện của tiến sĩ Fell và Rampole có vẻ như đã xoa dịu Mangan.

“Cậu làm ơn nhắc lại,” Hadley nói, “những điều cậu vừa nói với chúng tôi được không?”

Mangan châm một điếu thuốc. Ngọn lửa của que diêm lập lòe chiếu lên cặp mắt hơi đỏ. Anh ta dập tắt que diêm, hít vào, và thở ra một hơi khói với sự quyết tâm của một người muốn giải oan cho chính mình.

“Cá nhân tôi không hiểu vì sao mọi người lại chĩa mũi dùi vào tôi,” anh nói. “Có thể là một cái áo khoác khác, mặc dù tôi không nghĩ có ai lại muốn rải tử quần áo của mình ra khắp nơi như thế... Nghe này, Ted, tôi sẽ để anh quyết định.” Anh ta tóm lấy cánh tay của Rampole và kéo anh ra trước ngọn lửa cứ như đang muốn giới thiệu một vật trưng bày. “Hôm qua, khi tôi đến đây ăn tối, tôi treo áo khoác của mình, cái không thấm nước ấy, trong cái tử quần áo ngoài sảnh chính. Thường thì trong tử không cần bật đèn. Chỉ cần cho tay vào mò được cái móc nào là treo áo của mình lên đó. Tôi cũng thường làm vậy, nhưng lúc đó tôi đang bê một gói sách mà tôi muốn đặt lên trên giá sách. Do đó tôi bật đèn lên. Và tôi thấy một cái áo khoác, một cái nữa, được treo ở góc trong cùng. Nó cũng khoảng cùng kích cỡ với cái áo vải tuyết màu vàng các ông đang có, tôi nên nói là giống y hệt luôn, chỉ có điều nó là màu đen.”

“Thêm một cái áo nữa,” tiến sĩ Fell nhắc lại. Ông cúi xuống và nhìn Mangan với vẻ tò mò. “Sao cậu lại nói là thêm một cái áo nữa? Nếu cậu nhìn thấy một giá quần áo trong nhà của ai đó, thì cậu có để ý được là có

thêm một cái áo nữa không? Theo kinh nghiệm của tôi thì thứ ít được để ý nhất trong nhà chính là những cái áo treo trên móc, cậu mơ hồ biết rằng một cái phải là của mình, nhưng còn không rõ là cái nào nữa. Phải không?”

“Tôi biết người trong nhà này mặc áo gì, tất cả đều giống nhau cả. Và,” Mangan trả lời, “tôi đặc biệt để ý đến cái áo đó, bởi tôi tưởng nó của Burnaby. Họ không nói với tôi là ông ta cũng đến, nên tôi tự hỏi không biết ông ta...”

Burnaby đã chọn cách cư xử rất bộc trực và khoan dung với Mangan. Không còn là kẻ dễ bị kích động mà họ đã gặp ở phố Cagliostro, giờ ông ta là một bậc lão thành giáo huấn lớp trẻ với cách vung vẩy tay rất điệu đà.

“Mangan,” ông ta nói, “rất có óc quan sát, tiến sĩ Fell. Một chàng trai trẻ rất có óc quan sát. Ha ha ha! Nhất là khi liên quan đến tôi.”

“Có vấn đề gì không?” Mangan hỏi ngược lại, hạ giọng xuống bình tĩnh.

“...Nhưng hãy để tôi kể cho cậu nghe câu chuyện này. Rosette, cô gái đáng mến, tôi có thể mời cô một liều thuốc được không? Nhân tiện, tôi xin khẳng định đó không phải áo của tôi.”

Cơn giận của Mangan dâng lên dù anh ta không biết nguyên nhân vì sao. Nhưng anh ta quay lại nói với tiến sĩ Fell. “Dù sao thì tôi cũng để ý thấy nó. Sau đó, khi Burnaby đến đây sáng nay và phát hiện cái áo có máu bên trong – cái màu sáng ấy – đang treo ở cùng một chỗ. Tất nhiên, cách lí giải duy nhất là có hai cái áo. Nhưng sao lại có chuyện điên khùng đó được? Tôi thì là cái áo đêm qua đó không thuộc về người nào ở đây cả. Ông có thể tự mình xem xét cái áo vải tuyết đó. Như vậy kẻ giết người mặc một cái áo, cả hai, hay không cái nào cả? Ngoài ra, cái áo đen đó có gì đó rất kì lạ...”

“Kì lạ?” tiến sĩ Fell ngắt lời, đột ngột đến nỗi Mangan quay người lại. “Ý cậu nói kì lạ nghĩa là sao?”

Ernestine Dumont từ chỗ cái đài bước lên phía trước, đôi giày bệt kê cót két. Sáng nay trông bà ta có vẻ tiêu tụy hơn, gò má cao xương xấu hơn, mũi

tẹt hơn, đôi mắt sưng lên khiến bà ta trông có vẻ rất bí ẩn. Mặc dù có vẻ ngoài gai góc như vậy, đôi mắt đen của bà ta vẫn lấp lánh.

“Ái chà!” bà ta nói vờ vung tay lên nhanh nhưng cứng nhắc. Tại sao chúng ta phải tập trung vào chuyện ngớ ngẩn này? Sao các ông không hỏi tôi? Chắc hẳn tôi biết rõ về những chuyện thế này hơn cậu ta. Đúng vậy không?” Bà nhìn về phía Mangan và trán bà nhăn lại. “Không, không, tôi nghĩ cậu đang cố nói sự thật, cậu hiểu chứ. Nhưng tôi nghĩ cậu đã nhầm lẫn một chút. Dễ lắm, như tiến sĩ Fell nói... cái áo khoác màu vàng xuất hiện tối qua, đúng. Khi còn sớm, trước bữa ăn. Nó được treo trên móc chỗ cậu ấy nói là đã nhìn thấy cái áo màu đen. Chính mắt tôi đã thấy.”

“Nhưng...” Mangan hét lên.

“Thôi nào,” tiến sĩ Fell kêu lên, giọng giảng hòa. “Để xem chúng ta có thể giải quyết ngọn ngành chuyện này được không nhé. Nếu bà thấy cái áo ở đó, thưa bà, bà không thấy điều đó có gì khác thường sao? Hơi lạ một chút, nếu bà biết nó không thuộc về bất cứ người nào ở đây?”

“Không, không hề.” Bà gật đầu về hướng Mangan. “Tôi không thấy cậu ấy đến. Tôi cứ tưởng nó là của cậu ấy.”

“Vậy thì ai đã mở cửa cho cậu vào nhà?” tiến sĩ Fell hỏi Mangan bằng giọng buồn ngủ.

“Annie. Nhưng tôi tự treo đồ của mình. Tôi thề...”

“Tốt hơn hết ta nên rung chuông gọi cô Annie lên, nếu cô ấy có ở đây, Hadley,” tiến sĩ Fell nói. “Bí ẩn cái áo đổi màu này đã kích thích trí tò mò của tôi rồi đấy. Ôi Bacchus, nó khiến tôi hứng thú rồi! Giờ, thưa bà, tôi không nói là bà khai không đúng sự thật, và điều tương tự cũng đúng với cậu bạn Mangan của chúng ta. Chì là lúc này tôi có nói với Ted Rampole là thật đáng tiếc khi một người đã thật thà đến thế nào mà người khác vẫn không tin. Nhân tiện, ông đã nói chuyện với Annie chưa?”

“Rồi,” Hadley trả lời, trong khi Rosette Grimaud sải bước đi qua ông và rung chuông. “Câu chuyện của cô ấy rất đơn giản. Tối qua cô ấy đi ra ngoài,

và đến hơn 12 giờ mới quay lại. Nhưng tôi chưa hỏi cô ấy về chuyện này.”

“Tôi chẳng hiểu tại sao phải quan trọng hóa chuyện này lên!” Rosette hét lên. “Có gì khác biệt đâu! Các ông không có việc gì hay hơn để làm ngoài việc cố xác định xem cái áo khoác màu đen hay màu vàng à?”

Mangan quay lại nói với cô. “Rất khác nhau đấy, và em biết điều đó. Anh không bị ảo giác. Không, và anh tin bà ấy cũng vậy! Nhưng chỉ có một người nói đúng thôi. Mặc dù anh thừa nhận có lẽ Annie không biết. Chúa ơi! Anh không biết gì cả!”

“Đúng đấy,” Burnaby nói.

“ Xuống địa ngục đi,” Mangan nói. “Ông có phiền không?”

Hadley sai bước ra đứng giữa hai người và nói nhỏ nhưng đi thẳng vào chủ đề. Burnaby, mặt đã hơi trắng đi, lại ngồi xuống ghế. Bầu không khí trong phòng căng thẳng và kích động thấy rõ, mọi người đều muốn giữ im lặng khi cô Annie xuất hiện. Annie là một cô gái ít nói, mũi cao, cực kì nghiêm túc, và không phải là người ăn nói hay hành động tùy tiện. Cô trông rất tháo vát, và cũng rất chăm chỉ. Cô đứng khom lưng ở ngưỡng cửa, đội cái mũ chín chu đến mức ta cảm tưởng như nó đã bị dính chặt vào đầu của cô. Cô ấy nhìn Hadley với đôi mắt nâu đậm đậm. Cô hơi bối rối một chút, nhưng không hề lo lắng.

“Một điều tôi quên chưa hỏi cô về chuyện tối qua... ờ,” ngài chánh thanh tra cấp cao nói, cũng không dễ dàng gì. “Hừm! Cô đã mở cửa cho cậu Mangan vào đúng không?”

“Đúng, thưa ngài.”

“Lúc đó khoảng mấy giờ?”

“Tôi không nói chắc được, thưa ngài.” Cô ấy có vẻ lúng túng. “Có lẽ là khoảng nửa tiếng trước bữa tối. Tôi không thể nói chính xác.”

“Cô có thấy cậu ấy treo áo khoác và mũ không?”

“Có, thưa ngài! Cậu ấy không bao giờ chịu đưa nó cho tôi, không thì tất nhiên tôi sẽ...”

“Nhưng cô có nhìn vào tủ quần áo chứ?”

“Ô, tôi hiểu rồi... có thưa ngài, tôi có nhìn! Ngài thấy đấy, khi tôi cho cậu ấy vào, tôi quay lại phòng ăn ngay, nhưng tôi nhớ ra phải đi xuống bếp ở tầng dưới. Nên tôi quay lại chỗ sảnh chính. Và tôi để ý thấy cậu ấy đã đi nhưng vẫn chưa tắt đèn trong tủ quần áo, nên tôi đi vào tắt nó...”

Hadley rướn người về phía trước. “Giờ hãy thận trọng nhé! Cô biết cái áo vải tuyết màu sáng được tìm thấy trong tủ quần áo sáng nay không? Cô biết chuyện đó rồi phải không? Tốt! Cô có nhớ nó được treo vào cái móc nào không?”

“Có, thưa ngài.” Môi của cô gái khép chặt lại. “Tôi ở sảnh chính sáng nay khi ông Burnaby phát hiện ra nó, và khi những người khác đến. Anh Mills bảo chúng tôi phải giữ nguyên hiện trường, vì trên cái áo có máu, vì cảnh sát...”

“Chính xác. Annie, tôi muốn hỏi về màu của cái áo đó? Tối qua khi cô nhìn vào tủ quần áo, thì cái áo khoác màu nâu nhạt hay màu đen? Cô có nhớ không?”

Cô gái nhìn Hadley chăm chăm. “Có, thưa ngài, tôi có nh... nâu nhạt hay đen hả thưa ngài? Ngài muốn hỏi tôi chuyện đó thật à? Chà, thưa ngài, nói cho chính xác thì cả hai đều không phải. *Vì trên cái móc đó không hề treo cái áo nào cả.*”

Căn phòng trở nên ồn ào và xôn xao: Mangan nổi cáu, Rosette cười chế giễu như điên, Burnaby thì thích thú. Chỉ có Ernestine Dumont vẫn im lặng với vẻ mặt mệt mỏi và khinh khỉnh. Hadley quan sát khuôn mặt cương quyết của nhân chứng trong một phút: hai tay của Annie ghì chặt vào nhau, còn cổ thì nghẽn ra. Hadley di chuyển về phía cửa sổ một cách hung hăng thấy rõ, nhưng không nói gì.

Rồi tiến sĩ Fell cười khục khục.

“Thôi nào, tươi tỉnh lên mọi người,” ông kêu gọi. “Ít ra thì nó không đổi sang màu khác. Và tôi phải nhấn mạnh là chi tiết này cho ta thấy rất nhiều điều đấy, dù rằng nói điều đó ra khiến tôi có nguy cơ bị ai đó ném chiếc ghế kia vào đầu. Hừm! Hà! Đúng rồi. Đi nào, Hadley. Chúng ta cần ăn trưa. Ăn trưa!”

XVII. Bài giảng về phòng kín

CÀ PHÊ ĐÃ ĐƯỢC DỌN, rượu đã cạn và xì gà đã được châm. Hadley, Pettis, Rampole, và tiến sĩ Fell ngồi xung quanh một chiếc đèn bàn có chụp đèn màu đỏ trong phòng ăn rộng lớn và âm u ở khách sạn của Pettis. Họ là những người ở lại lâu nhất – chỉ còn vài người ngồi ở các bàn khác trong buổi chiều mùa đông no nê và uể oải này, khi ngọn lửa trong lò sưởi đang tỏa hơi ấm dễ chịu nhất và những bông tuyết bắt đầu rơi lất phất ngoài cửa sổ. Trong ánh phản chiếu lấp lòe của những bộ giáp sắt và huy hiệu, tiến sĩ Fell trông giống một nam tước phong kiến hơn bao giờ hết. Ông liếc nhìn cốc cà phê bé xíu với ánh mắt khinh rẻ, làm người ta có cảm tưởng rằng ông sẽ nuốt chửng cái cốc đó luôn. Ông khoát rộng cánh tay cầm xì gà để làm mọi người im lặng. Ông hăng giọng.

“Giờ tôi sẽ thuyết trình,” vị tiến sĩ tuyên bố, giọng hòa nhã nhưng chắc nịch, “về nguyên lí chung và sự phát triển của tình huống được biết tới trong các tiểu thuyết trinh thám với cái tên ‘căn phòng không có lối thoát’.”

Hadley rên lên. “Để lúc khác đi,” ông đề nghị. “Chúng tôi không muốn nghe thuyết giảng sau một bữa trưa ngon miệng thế này, nhất là khi còn việc phải làm nữa. Giờ, như tôi đang nói lúc này...”

“Giờ tôi sẽ thuyết trình,” tiến sĩ Fell nói, không thể bị lay chuyển, “về nguyên lí chung và sự phát triển của tình huống được biết tới trong các tiểu thuyết trinh thám với cái tên ‘căn phòng không có lối thoát’. Hừm. Những ai phản đối có thể bỏ qua chương này. Hừm. Hãy bắt đầu nào các quý ông! Qua bốn mươi năm tự nâng cao tri thức của bản thân bằng các tiểu thuyết giật gân, tôi có thể nói...”

“Nhưng nếu ông định phân tích một tình huống bất khả thi,” Pettis ngắt lời, “tại sao lại nói tới tiểu thuyết trinh thám?”

“Bởi,” vị tiến sĩ nói rất thẳng thắn, “chúng ta đang ở trong một câu chuyện trinh thám, và chúng ta không lừa gạt độc giả bằng cách làm ra vẻ như chúng ta không ở trong một câu chuyện trinh thám. Xin miễn việc bịa ra các lí do phức tạp để lôi truyện trinh thám vào cuộc thảo luận. Hãy thẳng thắn hành diện với những mục đích cao quý nhất mà các nhân vật trong một cuốn sách có thể theo đuổi.

“Nhưng để tiếp tục: trong lúc thảo luận truyện trinh thám, thưa các quý ông, tôi sẽ không bắt đầu tranh luận bằng việc cố đưa ra những quy tắc. Tôi sẽ hoàn toàn phát biểu theo sở thích của chính mình. Chúng ta có thể bắt chước Kipling: ‘Có sáu mươi chín cách để lập kế hoạch giết người và cách nào cũng đúng.’ Giờ nếu tôi nói rằng đối với tôi, tất cả các cách đó đều thú vị như nhau, thì có lẽ – nói theo cách lịch sự nhất có thể – tôi là một gã dối trá không biết ngượng mồm. Nhưng đó không phải là vấn đề ở đây. Khi tôi nói rằng chuyện về căn phòng không có lối thoát là chuyện thú vị nhất trong các tiểu thuyết trinh thám, thì đó chỉ là quan điểm của cá nhân tôi thôi. Tôi muốn các vụ giết người phải diễn ra liên tục, máu me và kinh sợ. Tôi muốn cốt truyện phải toát lên được sự sinh động của màu sắc và trí tưởng tượng, bởi một câu chuyện nếu chỉ ở mức có thể xảy ra được thì không có gì hấp dẫn cả. Tôi không quan tâm đến những chuyện xảy ra trong cuộc sống thường ngày, tôi thích nghe tiếng cười khục khục của Hanaud vĩ đại hay tiếng chuông chết chóc ở nhà thờ Fenchurch St Paul hơn. Tất cả những điều này, tôi xin thừa nhận, đều là những định kiến tốt, vui vẻ, hợp lí, và không hàm ý phê bình các tác phẩm nhạt nhẽo (hoặc xuất sắc) hơn.

“Nhưng tôi phải khẳng định điều này, bởi có một số ít người không thích những câu chuyện hơi ghê rợn một chút, nhưng lại cứ khẳng khẳng coi sở thích (hay không thích) của mình là quy luật. Để chê bai, họ dùng cụm từ ‘bất khả thi’. Bằng cách này, họ lừa bịp những người nhẹ dạ tin rằng ‘bất khả thi’ có nghĩa là ‘tệ’.

“Có vẻ như đây là lúc thích hợp để chỉ ra rằng ‘bất khả thi’ là cụm từ không nên dùng để báng bổ một tác phẩm trinh thám trong bất cứ trường hợp nào. Chúng ta thích các tiểu thuyết trinh thám đa phần là vì chúng ta

thích tính bất khả thi của nó. Khi A bị giết, và B, C là những người bị tình nghi số một, thật khó có khả năng là D, người có vẻ như vô tội, lại là thủ phạm. Nhưng sự thật là vậy. Nếu G có một chứng cứ ngoại phạm hoàn hảo, được mọi nhân chứng có tên là những chữ cái còn lại trong bảng chữ cái thể thốt làm chứng, thì rất khó có khả năng G là kẻ phạm tội. Nhưng sự thật là vậy. Khi vị thám tử phát hiện một nhúm bụi than trên bờ biển, thật khó có khả năng là thứ tưởng chừng tầm thường đó lại có ý nghĩa gì đặc biệt. Nhưng rồi sẽ có. Nói tóm lại, việc dùng cụm từ ‘bất khả thi’ để giấu cọt là việc làm vô nghĩa. Mọi thứ đều có thể xảy ra cho đến cuối câu chuyện. Và nếu ông muốn đổ tội giết người cho một kẻ không ai ngờ đến (như những người cổ hủ chúng tôi thường làm), thì ông cũng không thể phàn nàn rằng động cơ của hãn thiếu thuyết phục hoặc không rõ ràng bằng những người bị tình nghi đầu tiên.

“Khi ông kêu than ‘Điều này không thể xảy ra được!’, khi ông phàn nàn về những kẻ giết người tâm thần để lại danh thiếp, ông chỉ cần nói là: ‘Tôi không thích truyện kiểu thế này.’ Thế là đủ. Nếu ông không thích nó, ông hoàn toàn có quyền nói như thế. Nhưng khi ông bóp méo sở thích của riêng mình thành một quy tắc chung để đánh giá chất lượng hay tính khả thi của câu chuyện, thì chẳng khác gì nói rằng: ‘Chuỗi sự kiện này không thể xảy ra được, bởi tôi không thích.’

“Chân lí trong vấn đề này là gì? Ta có thể kiểm chứng nó bằng cách lấy tình huống phòng kín không có lối thoát làm ví dụ, bởi tình huống này thường bị chỉ trích là thiếu thuyết phục hơn tất cả các tình huống khác.

“Hầu hết mọi người – tôi rất mừng khi tuyên bố – đều yêu thích tình huống phòng kín. Nhưng, khó khăn là ở chỗ này, ngay cả những người thích tình huống này cũng rất hay nghi ngờ nó. Tôi xin vui vẻ thừa nhận rằng tôi là một trong số những người như thế. Nên lúc này, hãy cùng đứng về một phía và xem ta phát hiện được gì. Tại sao chúng ta lại nghi ngờ những lời giải thích cho những vụ án trong phòng kín? Không phải bởi chúng ra là những kẻ đa nghi, mà đơn giản là vì trên một phương diện mơ hồ nào đó,

chúng ta *thất vọng*. Dĩ nhiên, sự thất vọng đó khiến chúng ta phản ứng quá đà và gọi vụ án đó là phi lí, hay bất khả thi, hay hoàn toàn nhảm nhí.

“Nói tóm lại,” tiến sĩ Fell kêu lên trong khi dùng điệu xì gà chỉ trỏ, “đây chính là điều mà O’Rourke đã nói với chúng ta hôm nay – về những màn ảo thuật được thực hiện ngoài *đời thực*. Chúa ơi! Các ông ơi, một câu chuyện tưởng tượng có cơ hội nào không khi chúng ta còn chế giễu những việc xảy ra trước mắt ta? Việc màn ảo thuật thành công, và nhà ảo thuật không bị lật mặt, khiến cho sự lừa gạt còn tồi tệ hơn. Khi nó xảy ra trong truyện trinh thám, ta gọi đó là phi thường. Khi nó xảy ra ngoài đời thực, và ta bị ép phải công nhận nó, chúng ta lại chê bai rằng lời giải thích đó là đáng thất vọng. Và lí do của cả hai sự thất vọng trên đều là một: chúng ta kì vọng quá nhiều.

“Các ông thấy đấy, hiệu ứng nhiệm màu đến nỗi ta mong đợi rằng nguyên nhân gây ra hiệu ứng cũng phải là phép thuật. Khi ta biết là không phải, ta gọi đó là trò ngớ ngẩn. Như thế thật không công bằng. Chúng ta chỉ nên than thở về cách hành xử bất thường của kẻ giết người khi chúng ta chẳng còn gì để làm. Câu hỏi quan trọng nhất vẫn là, vụ án đó *có thể* thực hiện được không? Nếu có, thì chẳng ai thèm quan tâm đến câu hỏi liệu *có nên* làm điều đó không. Một người trốn thoát từ một căn phòng kín? Vì hãn dường như đã vi phạm các quy luật tự nhiên để mua vui cho chúng ta, nên chúng ta cũng có thể cho phép hãn vi phạm các nguyên tắc hành xử thông thường! Khi một người đề nghị được lộn đầu trồng cây chuối, ta khó có thể ra điều kiện là chân người đó phải ở trên mặt đất khi làm thế. Thưa các ông xin hãy nhớ điều đó khi các ông buông lời phán xét. Cứ cho kết quả là không hay nếu các ông muốn, hoặc những điều khác liên *quan đến sở thích riêng*. Nhưng hãy thật *cẩn thận* khi đưa ra những tuyên bố vô lí như điều đó bất khả thi hoặc khó tin.”

“Được rồi, được rồi,” Hadley nói, xoay mình trên ghế. “Tôi cũng không phải là người có quan điểm cực đoan như thế. Nhưng nếu ông cứ khẳng khẳng thuyết giảng, thì chắc là vì nó có thể áp dụng vào vụ án này?”

“Đúng.”

“Vậy sao lại nói về căn phòng không có lối thoát? Chính ông đã nói rằng vụ giết Grimaud không phải là vấn đề lớn nhất của chúng ta. Rắc rối lớn nhất là chuyện một người bị bắn chết ngay giữa một con phố vắng vẻ...”

“Vụ đó à?” tiến sĩ Fell nói, vẫy tay một cách khinh thường đến nỗi Hadley phải nhìn chăm chăm vào ông. “Chuyện đó à? Tôi biết ngay lời giải lúc tôi nghe thấy tiếng chuông nhà thờ. Xin thứ lỗi cho ngôn từ của tôi. Nhưng tôi nghiêm túc đấy. Chính vụ trong phòng kín mới khiến tôi đau đầu. Và vì chúng ta không thể tìm ra manh mối nào, tôi sẽ diễn giải đại khái một vài trong số rất nhiều cách giết người trong phòng kín, được phân loại cụ thể. Vụ này cũng nằm trong số đó. Chắc chắn phải thế! Dù cho các trường hợp thực tế có đa dạng đến đâu, thì chúng cũng *chỉ là* biến thể của một số ít những phương pháp chính.

“Ha! Một căn phòng kín là một cái hộp với một cửa chính, một cửa sổ, và những bức tường vững chắc. Khi bàn về những cách thoát ra khỏi căn phòng đó khi cả cửa chính và cửa sổ đều khóa, tôi sẽ không nhắc tới trường hợp có lối đi bí mật trong phòng kín (và hiện nay trường hợp này cũng rất hiếm gặp). Trò lối đi bí mật khó ưa đến mức một nhà văn biết tự trọng không cần phải nói rằng trong tác phẩm của ông ta không hề có trò này. Chúng ta cũng sẽ bỏ luôn các biến thể của trò vớ vẩn này, ví dụ như: có một ô trên cửa đủ lớn để đút bàn tay qua hay có một lỗ đã bị bít trên trần nhà từ đó có thể thả dao xuống, miếng bít bị tháo ra rồi lắp lại mà không ai phát hiện ra, và sàn tầng áp mái được phủ bụi để tạo cảm giác như không có ai bước trên đó. Tất cả chỉ là phiên bản thu nhỏ của trò lối đi bí mật. Việc lối thông bí mật nhỏ như cái đê khâu hay lớn bằng cái cửa chuồng bò đều áp dụng cùng một quy tắc mà thôi... Còn về cách thoát ra khỏi phòng bị khóa kín thật sự... có lẽ ông nên ghi chép lại, ông Pettis...”

“Phải rồi,” Pettis vừa nói vừa nhăn răng cười. “Ông nói tiếp đi.”

“Đầu tiên là loại tội ác được gây ra trong một căn phòng kín thực sự, không có một khe hở nào, nhưng kẻ thủ ác không trốn ra khỏi phòng, bởi vì hắn chưa từng có mặt trong phòng. Có nhiều cách giải thích như sau:

“1. Đó không phải là một vụ án mạng, mà là một loạt những sự trùng hợp ngẫu nhiên cuối cùng dẫn đến một vụ tai nạn có hiện trường trông giống như một vụ án mạng. Trước khi căn phòng bị khóa đã có một vụ cướp, một vụ tấn công, hoặc một vết thương, hoặc bàn ghế bị hư hỏng khiến ta nghĩ là đã có một cuộc vật lộn trước khi nạn nhân bị giết. Sau đó nạn nhân hoặc là chết, hoặc là bị bất tỉnh vì tai nạn trong phòng kín, và tất cả những sự việc trên được hiểu nhầm là xảy ra vào cùng một thời điểm. Trong những vụ thế này, nguyên nhân tử vong thường là chấn thương sọ não được cho là bởi dùi cui, nhưng thật ra là do nạn nhân đập đầu vào một đồ vật nào đó trong phòng. Có thể là góc bàn hay cạnh sắc của ghế, nhưng vật phổ biến nhất là thanh chắn bằng sắt trước lò sưởi. Nhân tiện xin nói thêm, thanh chắn này đã giết rất nhiều người và để lại hiện trường trông giống như hiện trường của một vụ án mạng, từ thời Sherlock Holmes với vụ *Người đàn ông dị dạng*. Cách giải thích thuyết phục nhất cho trường hợp này có thể tìm thấy trong truyện *Bí ẩn căn phòng vàng* của Gaston Leroux, tác phẩm trinh thám hay nhất mọi thời đại.

“2. Đó là một vụ án mạng, nhưng nạn nhân bị buộc phải tự vẫn hay chết vì tai nạn. Nguyên nhân có thể là căn phòng đó bị ma ám, hay có người gợi ý hoặc ép buộc nạn nhân, nhưng thường là do có khí ga bơm từ bên ngoài vào. Khí ga hay chất độc này khiến nạn nhân phát cuồng, đập phá căn phòng khiến người ta tưởng là đã có một cuộc vật lộn xảy ra, và chết bởi một vết dao đâm do chính nạn nhân gây ra. Trong một số biến thể khác, nạn nhân tự đâm những que nhọn của đèn trần vào đầu, treo cổ bằng một cuộn dây, hoặc thậm chí tự bóp cổ chính mình.

“3. Đó là một vụ giết người bằng một loại máy móc đã được đặt trong phòng từ trước, và được giấu trong những đồ đạc tưởng như vô hại trong phòng. Đây có thể là cái bẫy của người xưa để lại, tự kích hoạt hoặc được kẻ giết người cài đặt. Có thể là một thứ đồ quý quái áp dụng khoa học hiện đại. Ví dụ, chúng ta có một loại súng được giấu trong ống nghe điện thoại, nó bắn vào đầu nạn nhân khi ông ta nhắc ống nghe lên. Chúng ta có một khẩu súng mà cò súng được nối với dây, và dây được kéo thả vào nước, khi nước

đóng băng và co lại sẽ kéo cò. Chúng ta có một cái đồng hồ bắn đạn khi ta vặn kim cho nó, và (đồng hồ rất được ưa thích) chúng ta có một cái đồng hồ đứng được thiết kế rất tinh xảo, ở trên đỉnh có một cái chuông dính tai như ốc, và khi ta với tay để tắt nó thì một lưỡi dao sẽ bật ra chém thẳng vào bụng. Chúng ta có quả nặng được thả rơi từ trần nhà, hoặc quả nặng được gắn vào lưng ghế có thể đập vỡ đầu người ngồi. Có một cái giường khi có hơi ấm của cơ thể có thể phát ra khí ga chết người, hoặc kim độc không để lại dấu vết,...

“Các vị thấy đấy,” tiến sĩ Fell nói, vung vẩy điều xì gà mỗi khi ông đưa ra một ví dụ, “khi bàn về những loại máy móc này, ta đã đi sang cả chủ đề về những ‘vụ án bất khả thi’ chứ không còn gói gọn trong chủ đề về các ‘vụ án trong phòng kín’ nữa. Chúng ta có thể nói liên tu bất tận về các cỗ máy có thể dùng điện để giết chết người. Một cái dây buộc một tập ảnh được nối điện. Một bàn cờ được nối điện. Đến cả găng tay cũng nối điện được. Đồ vật nào trong phòng cũng có thể dùng làm hung khí giết người, kể cả ấm trà. Nhưng có vẻ những vật này không thể áp dụng vào trường hợp của chúng ta, nên tôi xin tiếp tục với:

“4. Đó là một vụ tự tử, nhưng cố tình làm giống một vụ án mạng. Một người tự tử bằng một cốc băng nhọn, cốc băng tan, và vì không thể tìm thấy hung khí trong căn phòng kín, nên người ta cho là đã xảy ra một vụ giết người. Một người tự bắn mình bằng một khẩu súng được buộc vào một sợi dây cao su, ngay khi anh ta thả khẩu súng ra, sợi dây cao su sẽ kéo nó lên ống khói để không ai nhìn thấy. Biến thể của cách thức này (không trong phòng kín) là khẩu súng được buộc vào một quả nặng, được đẩy qua thành cầu và chìm xuống nước sau khi bắn, và cũng theo nguyên tắc tương tự, một khẩu súng được kéo qua cửa sổ rơi xuống đóng tuyết.

“5. Đó là một vụ giết người mà hung thủ đóng giả nạn nhân và lừa gạt nhân chứng. Nạn nhân, vẫn được cho là còn sống, thực ra là đã chết ở trong căn phòng có cửa chính được theo dõi nghiêm ngặt. Hung thủ hoặc là đóng giả làm nạn nhân, hoặc là nhìn từ phía sau để làm tưởng là nạn nhân, vội vã đi vào. Hẳn quay lại, tháo bỏ lớp hóa trang, trở về hình dạng cũ và ngay lập

tức ra khỏi phòng. Nhân chứng bị đánh lừa, họ cho rằng hãn đi ra vừa lúc nạn nhân đi vào. Do đó hãn có chứng cứ ngoại phạm vì cái xác được phát hiện sau đó, và vụ án mạng được cho là xảy ra sau khi ‘nạn nhân’(già) bước vào phòng.

“6. Đó là một vụ án mạng mà được hung thủ gây ra từ bên ngoài căn phòng, nhưng lại trông như thể hung thủ gây ra nó từ bên trong.”

“Để giải thích cách thức này,” tiến sĩ Fell nói, ngắt mạch thuyết trình, “tôi sẽ phân loại những vụ án mạng kiểu này dưới cái tên là Án mạng Tủ xa hay Án mạng Băng, vì nó thường là biến thể của cách giết người bằng cọc băng nhọn. Tôi đã nói về cọc băng nhọn, các vị hiểu nó diễn ra thế nào rồi đấy. Cửa chính khóa, cửa sổ quá nhỏ để hung thủ có thể chui vào, vậy mà nạn nhân vẫn bị đâm trong phòng mà không thể tìm ra hung khí. Cọc băng đã được bắn từ bên ngoài vào bằng súng – chúng ta sẽ không bàn về tính khả thi của cách gây án này, cũng như của loại khí ga bí ẩn trên giường trước đó – và cọc băng tan chảy mà không để lại dấu vết nào. Tôi tin rằng [Anna Katharine Green](#) là người đầu tiên sử dụng cách này trong văn học trinh thám, trong tác phẩm có tên *Chỉ cần tên viết tắt*.

“(Tiện đây tôi xin nói thêm, bà là người đã khởi đầu một số truyền thống. Trong tác phẩm trinh thám đầu tiên của mình, xuất bản hơn 50 năm trước, bà là người đầu tiên dựng lên một vụ giết người mà kẻ thủ ác là thư kí còn nạn nhân là ông chủ, và tôi nghĩ cho đến nay con số thống kê chỉ ra rằng thư kí vẫn là kẻ giết người thường gặp nhất trong truyện trinh thám. Quản gia đã lỗi thời từ lâu, người tàn tật ngồi xe lăn thì quá đáng nghi, và người đàn bà trung niên không chồng từ lâu đã bỏ ham muốn giết người để trở thành thám tử. Bác sĩ bây giờ cũng hiền hơn rồi, trừ khi họ quá giỏi và biến thành Nhà Khoa học Điện. Luật sư, mặc dù vẫn gian manh, nhưng chỉ thỉnh thoảng mới trở nên nguy hiểm thật sự. Nhưng xu hướng trong văn học cũng xoay vòng như thời trang! Edgar Allan Poe 80 năm trước đã làm lộ hung thủ bằng cách gọi hãn là Goodfellow (“người tốt”), và nhà văn trinh thám hiện đại đỉnh đám nhất hiện nay cũng làm điều tương tự khi gọi kẻ ác nhân là [Goodman](#)

(“người đàn ông tốt”). Mặc dù vậy, thư kí vẫn là những kẻ nguy hiểm nhất ở trong nhà.)

“Để tiếp tục câu chuyện về cọc băng nhọn: nó được cho là đã được nhà Medici sử dụng, và một trong những câu chuyện về thám tử Fleming Stone đã trích dẫn một bài thơ trào phúng của Martial, cho thấy cọc băng nhọn có nguồn gốc từ Rome hồi thế kỉ đầu tiên sau Công Nguyên. Cọc băng đã được quăng, ném, hay được bắn bằng nỏ như trong một cuộc phiêu lưu của thám tử Hamilton Cleek (với biệt danh ‘Người có bốn mươi khuôn mặt’). Kiểu đạn có thể hòa tan được này còn có những biến thể như đạn bằng đá muối, thậm chí đạn bằng máu đông.

“Nhưng nó chỉ là một ví dụ minh họa cho ý của tôi về những vụ giết người trong phòng kín do người ở ngoài căn phòng thực hiện. Ngoài ra còn có nhiều cách khác. Nạn nhân có thể bị đâm bằng một thanh kiếm rất mỏng xuyên giữa những ván gỗ ép của một căn nhà nghỉ mùa hè, hoặc nạn nhân có thể bị đâm bởi một lưỡi kiếm mỏng đến nỗi không hề biết là mình đã bị đâm, anh ta đi sang phòng khác trước khi đột ngột gục xuống chết. Hoặc nạn nhân bị dụ nhìn ra ngoài cửa sổ mà từ dưới không trèo lên được, nhưng bị anh bạn băng giá quen thuộc của chúng ta rơi thẳng từ trên xuống, khiến nạn nhân bị vỡ đầu nhưng không tìm thấy hung khí vì nó đã tan đi.

“Trong mục này (mặc dù những vụ này cũng có thể thuộc mục 3) ta có thể liệt kê những vụ án mạng được gây ra bởi rắn độc hay trùng độc. Rắn không chỉ có thể trốn trong rương và két, nó còn khéo léo ẩn mình trong chậu hoa, sách, đèn trần, và gậy chống. Tôi vẫn còn nhớ một cái tẩu thuốc xinh xắn với phần chân bằng hồ phách có khắc hình một con bọ cạp ghê tởm, và ngay khi nạn nhân chuẩn bị ngậm vào mồm thì nó hiện nguyên hình là một con bọ cạp sống. Còn về vụ giết người trong phòng kín được thực hiện từ xa vĩ đại nhất, thưa các ông, tôi xin giới thiệu một trong những truyện trinh thám ngắn xuất sắc nhất trong lịch sử. (Thật ra, nó chia sẻ vị trí ‘truyện trinh thám tuyệt vời nhất không gì sánh nổi’ với các tác phẩm *Bàn tay của Ottermole* của Thomas Burke, *Người đàn ông nơi lối đi* của Chesterton và *Vấn đề trong Buồng giam 13* của Jacques Futrelle.) Đó là truyện *Bí ẩn Doomdorf*

của Melville Davisson Post. Trong truyện, sát thủ từ xa của chúng ta chính là mặt trời. Mặt trời chiếu qua cửa sổ phòng kín, biến chai rượu trắng mà Doomdorf đặt trên bàn thành thấu kính hội tụ và châm ngòi kíp nổ của khẩu súng đang treo trên tường và bắn thẳng vào ngực của nạn nhân lúc đó đang nằm trên giường. Tuy nhiên, chúng ta có...

“Khoan! Tốt hơn tôi không nên lạc đề. Tôi nên kết thúc bảng phân loại này bằng mục cuối cùng:

“7. Đó là một vụ án mạng, nhưng ngược lại hoàn toàn với mục 5. Đó là nạn nhân được cho là đã chết rất lâu trước khi chết thực sự. Nạn nhân bị đánh thuốc mê và ngủ trong phòng kín. Gõ cửa không thể gọi dậy được. Hung thủ giả vờ hoảng loạn, phá cửa, xông vào phòng trước và giết nạn nhân bằng cách đâm dao hoặc cắt cổ, rồi đánh lừa những nhân chứng khác rằng nạn nhân đã chết từ trước đó. Người phát kiến ra cách giết người này là Israel Zangwill, và từ đó nó đã được sử dụng theo nhiều hình thức khác nhau. Nó đã được thực hiện (thường là với dao để đâm nạn nhân) trên thuyền, trong nhà bỏ hoang, trong nhà kính, trên tầng áp mái, thậm chí ngay cả ở ngoài trời, khi nạn nhân trượt chân và bất tỉnh trước khi sát thủ ra tay. Nên...”

“Từ từ! Đợi chút!” Hadley chen vào, đập tay thành thành xuống bàn để gây chú ý. Tiến sĩ Fell, càng lúc càng diễn thuyết trơn tru và hùng hồn hơn, tươi cười quay lại nhìn ông. Hadley nói tiếp: “Rất tuyệt. Ông đã thuyết trình tất cả các vụ án trong phòng kín...”

“Tất cả?” tiến sĩ Fell khịt khịt mũi và mở to mắt. “Đương nhiên là chưa rồi. Tôi còn chưa nói đến từng cách thức trong từng hạng mục, những gì tôi vừa nói chỉ là những nét chính tôi nghĩ đến đâu nói đến đấy thôi, nhưng cứ để nó đấy. Tôi đang định nói về các cách phân loại khác: những mảnh khóa để cửa chính và cửa sổ có thể bị khóa trong. Nên, thưa các vị, tôi xin tiếp tục...”

“Không được,” ngài chánh thanh tra cấp cao nói một cách cương quyết. “Tôi sẽ phản biện lại những gì ông vừa đưa ra. Ông nói chúng ta có thể tìm

được manh mối bằng việc nêu lên các cách giết người trong phòng kín. Ông đã nêu ra 7 mục, nhưng áp dụng vào trường hợp này, tất cả đều phải bị loại bỏ. Ông có hẳn một mục với tựa đề là ‘Kẻ giết người không trốn thoát ra khỏi căn phòng vì hẳn không hề ở trong phòng vào thời điểm xảy ra vụ án’. Thế là đi tong hết! Điều duy nhất chúng ta biết đích xác, trừ khi Mills và bà Dumont nói dối, là hung thủ đã thực sự ở trong căn phòng! Ông giải thích thế nào?”

Pettis đang ngồi cúi mình về phía trước chăm chú ghi chép, ánh sáng từ ngọn đèn đỏ lấp lánh phản chiếu lên cái đầu hói. Ông ta vốn đang dùng một cây bút vàng để nắn nét ghi chú. Nhưng giờ ông ta ngược đôi mắt lồi lên, khiến nó trông lại càng lồi hơn nữa và có vẻ hơi hoảng hốt.

“Đúng,” ông ta nói và ho ngắn. “Nhưng mục số 5 có thể là gợi ý cho chúng ta. Bị đánh lừa! Nhờ Mills và bà Dumont không thật sự thấy người nào đi vào, rằng bằng cách nào đó họ bị lừa hoặc tất cả mọi thứ chỉ là một hình ảnh không thực do đèn chiếu ma thuật tạo ra?”

“Lừa gạt cái khi gió,” Hadley nói. “Xin lỗi! Tôi cũng đã nghĩ đến khả năng đó rồi. Tối qua, tôi đã tra hỏi Mills về chuyện đó, và sáng nay tôi cũng đã trao đổi đôi lời với anh ta. Dù kẻ giết người là ai, hẳn không phải là ảo ảnh và hẳn thật sự đã đi qua cánh cửa đó. Hẳn đủ thật để tóa bóng xuống sàn và khiến hành lang rung động khi hẳn bước đi. Hẳn đủ thật để nói chuyện và gõ cửa được. Ông đồng ý với điều đó chứ Fell?”

Vị tiến sĩ gật đầu một cách chán chường. Ông hít những hơi khói còn lại từ điếu xì gà đã tắt.

“Đúng, tôi đồng ý. Hẳn đúng là có thật, và đã vào nhà.”

“Và thậm chí,” Hadley tiếp tục, trong khi Pettis gọi phục vụ lấy thêm cà phê, “cứ cho là những điều chúng ta biết đều không đúng. Cứ cho là một cái đèn chiếu ma thuật đã tạo nên những gì họ thấy, nhưng đèn chiếu ma thuật không thể giết Grimaud được, cần có một bàn tay thật sự cầm một khẩu súng thật sự. Và với những mục còn lại. Chúa biết rằng Grimaud không bị bắn bởi một loại máy móc thiết bị nào. Hơn thế nữa, ông ta không tự tử và

giấu khẩu súng lên ống khói như trong ví dụ của ông. Thứ nhất, một người không thể tự bắn chính mình từ cách xa vài mét. Và thứ hai, khẩu súng không thể bay lên ống khói và lướt theo mái nhà đến phố Cagliostro, bắn Fley rồi rơi xuống đất khi xong việc. Đẹp nó đi. Fell, cách nói của tôi cũng bắt đầu giống ông rồi đấy! Tôi đã nhiễm phải quá nhiều lối suy nghĩ của ông. Tôi đang đợi một cuộc gọi từ văn phòng trong vài phút nữa, và tôi cần phải tỉnh táo lại. Ông bị làm sao thế hả?”

Đôi mắt nhỏ của tiến sĩ Fell mở to, nhìn chăm chăm vào ngọn đèn, và ông chậm chậm đấm tay xuống bàn.

“Ống khói!” Ông nói. “ống khói! Chà! Nếu như...? Chúa ơi! Hadley, tôi đúng là đồ ngu!”

“Ống khói thì sao?” ngài chánh thanh tra cấp cao hỏi. “Ta đã chứng minh được rằng hung thủ không thể thoát ra ngoài qua đường ống khói được.”

“Đúng, tất nhiên rồi, nhưng ý tôi không phải như vậy. Tôi bắt đầu có ý tưởng này, dù nó còn rất mơ hồ. Tôi phải quay lại xem xét cái ống khói thêm một lần nữa.”

Pettis chặc lưỡi, gõ cái bút vàng lên đồng giấy tờ ghi chép. “Dù sao thì,” ông ta gợi ý, “chúng ta nên tổng kết cuộc thảo luận này. Tôi đồng ý với ngài chánh thanh tra cấp cao về một điều. Có lẽ ông nên liệt kê ra những gì có liên quan đến cửa chính, cửa sổ và ống khói.”

“Ống khói, tôi rất tiếc phải nói,” tiến sĩ Fell tiếp tục, sự lơ đãng bay biến nhường lại chỗ cho sự phấn khích, “tôi rất tiếc khi phải nói rằng ống khói không phải là chỗ thoát hiểm được ưa thích trong các tác phẩm trinh thám, trừ khi, tất nhiên, có lối đi bí mật. Nếu có lối đi bí mật thì ống khói rất quan trọng. Có một ống khói rộng với căn phòng bí mật phía sau, lò sưởi mở ra hai bên như một tấm màn, thậm chí có cả một căn phòng bên dưới đá lát lò sưởi. Hơn thế nữa, đủ thứ trên đời có thể được thả xuống ống khói, nhất là những thứ có độc. Nhưng rất hiếm có trường hợp kẻ giết người thoát thân qua ống khói. Việc trèo lên ống khói là gần như không thể. Hơn nữa, tìm cách leo trèo qua cửa sổ hay cửa chính thì dễ dàng hơn nhiều. Ở hai mục

chính trong phân loại của tôi, cửa chính và cửa sổ, thì cửa chính phổ biến hơn nhiều, và chúng ta sẽ liệt kê ra vài cách để sao cho nó trông như bị khóa từ bên trong:

“1. Thủ thuật với chìa khóa vẫn còn nằm trong ổ. Đây là cách lỗi thời được nhiều tác giả ưa thích, nhưng các biến thể của nó hiện giờ đã được biết đến quá rộng rãi nên không ai thêm sử dụng nó một cách nghiêm túc nữa. Ta có thể dùng kim kẹp và xoay chìa khóa từ bên ngoài, giống như cách chúng ta mở cửa văn phòng của Grimaud. Trong thực tế, có một thủ thuật nho nhỏ để làm trò này: nó sử dụng một thanh kim loại mỏng dài khoảng 5 cm gắn vào một đoạn dây chắc chắn. Trước khi rời khỏi phòng, thanh kim loại được nhét vào cái lỗ trên chìa khóa, một đầu ở trên, một đầu ở dưới, để nó hoạt động như đòn bẩy. Dây được thả xuống dưới cửa và kéo ra ngoài. Cửa được đóng từ bên ngoài. Ta chỉ cần kéo dây, và đòn bẩy làm xoay ổ khóa, sau đó lắc hoặc kéo thanh kim loại ra khỏi chìa, khi nó rơi xuống thì chỉ cần rút ra ngoài. Có rất nhiều phương pháp ứng dụng nguyên tắc này, tất cả đều sử dụng dây.

“2. Đơn giản chỉ là tháo bản lề cửa mà không động chạm gì đến khóa hay chốt. Một chiêu rất khôn khéo, được hầu hết đám trẻ con sử dụng khi chúng muốn mở một cái tủ bị khóa, nhưng tất nhiên bản lề phải ở bên ngoài cửa.

“3. Thủ thuật với chốt cửa. Vẫn dùng dây: lần này là với ghim và kim để mạng quần áo. Dùng cách này ta có thể chốt cửa từ bên ngoài bằng cách dùng ghim để đẩy chốt và kéo dây qua lỗ khóa. [Philo Vance](#), người mà tôi phải ngả mũ kính phục, đã cho chúng ta thấy ứng dụng hay nhất của thủ thuật này. Những cách chỉ sử dụng một sợi dây thì đơn giản hơn, nhưng không hiệu quả bằng. Có một loại nút thắt tên là ‘tomfool’ mà chỉ cần giật mạnh một cái là sẽ tháo ra được. Ta thắt một nút như thế vào một sợi dây dài. Sau đó nó được buộc vào chốt cửa và luồn xuống dưới ra ngoài. Cửa sau đó được đóng lại, và bằng cách dùng đưa sợi dây qua trái và phải, chốt sẽ sập vào. Giật mạnh một cái là cái nút được tháo ra, và sợi dây được rút ra ngoài. [Ellery Queen](#) cho chúng ta thấy một cách khác, lần này sử dụng chính

người chết, nhưng một tuyên bố lộ liễu thế này, nếu không có ngữ cảnh thích hợp, sẽ nghe điên rồ đến nỗi thật không công bằng cho quý ông xuất sắc đó.

“4. Thủ thuật với chốt cửa đứng. Cách này thường bao gồm chèn thứ gì đó dưới chốt, sau khi cửa được đóng từ bên ngoài, vật chèn được rút ra để chốt rơi xuống. Cách tốt nhất là dùng cục nước đá vô cùng hữu dụng của chúng ta: chèn một cục nước đá vào chốt cửa, khi nó tan đi, chốt sẽ sập xuống. Có một trường hợp mà chỉ cần đóng sập cửa cũng là đủ để thanh chốt rơi xuống.

“5. Dùng cách đánh lừa, đơn giản nhưng hiệu quả. Hung thủ, sau khi thực hiện xong tội ác, khóa cửa từ bên ngoài và giữ chìa. Người ta nhầm tưởng rằng khóa vẫn nằm trong ổ ở bên trong. Hung thủ, người đầu tiên báo động và tìm thấy tử thi, phá ô kính phía trên cửa, cho tay đã giấu sẵn chìa khóa qua và mở khóa từ bên trong. Cách này cũng được sử dụng với cửa gỗ thông thường: chỉ cần phá một ô ván gỗ trên cửa.

“Có rất nhiều cách khác nhau, ví dụ như khóa cửa từ bên ngoài và trả chìa khóa vào trong phòng bằng dây, nhưng các ông có thể tự thấy được rằng nó không thể áp dụng vào trường hợp này. Chúng ta thấy cửa bị khóa từ bên trong. Chà, có rất nhiều cách để làm được điều đó, nhưng *không thể*, vì Mills đã đứng canh cửa trong suốt thời gian đó. Căn phòng không chỉ bị khóa theo đúng nghĩa đen, nó còn luôn bị theo dõi, và như thế tất cả mọi giả thuyết đều tiêu tan hết.”

“Tôi không muốn nhắc lại những câu danh ngôn,” Pettis nói, trán nhăn lại, “nhưng trong trường hợp này, câu nói này có vẻ khá hợp lí: ‘Khi ta loại bỏ hết những điều không thể thì những gì còn lại, dù khó xảy ra đến đâu, cũng vẫn là sự thật.’ Ông đã loại bỏ cửa chính, tôi cho rằng ông cũng loại bỏ luôn cả ống khói?”

“Đúng,” tiến sĩ Fell gầm gừ.

“Vậy thì chúng ta phải quay lại với cửa sổ thôi, phải không?” Hadley gặng hỏi. “Ông cứ nói tràn giang đại hải về những cách mà rõ ràng không thể áp dụng vào vụ này. Nhưng trong bài phân loại về những truyện giật gân

này, ông đã không đề cập đến lối thoát duy nhất mà hung thủ *có thể* sử dụng...”

“Bởi cái cửa sổ đó không được khóa, ông không hiểu sao?” tiến sĩ Fell kêu to. “Tôi có thể kể cho ông nhiều thủ thuật với cửa sổ nếu nó bị khóa. Từ những cách cổ xưa sử dụng đinh giả đến những trò ma mãnh mới nhất với cửa chớp bằng thép. Ông có thể đập vỡ khung kính, cẩn thận cài chốt để khóa nó, và khi rời đi, thay vào một khung kính mới hoàn toàn và dán nó lại, khiến cho nó trông giống hệt như cũ nhưng với cánh cửa sổ giờ đã bị khóa ở trong. Nhưng cánh cửa sổ của chúng ta không những không bị khóa, mà còn không bị đóng, chỉ đơn giản là không thể thoát xuống bằng đường đó.”

“Tôi đã đọc ở đâu đó về người bay...” Pettis gợi ý.

Tiến sĩ Fell lắc đầu. “Chúng ta không thảo luận về việc người bay có thể đi trên tường trơn hay không. Vì tôi đã vui vẻ chấp nhận nhiều thứ rồi, có thể tôi cũng đã tin rằng cách đó là khả thi đấy nếu người bay có chỗ đậu. Tức là hẳn phải cất cánh từ đâu đó và đáp xuống ở đâu đó. Nhưng ở trên mái nhà cũng không và dưới đất cũng không...” Tiến sĩ Fell nện hai nắm đấm lên thái dương. “Dù sao thì nếu ông muốn một vài gợi ý về khả năng đó, tôi sẽ kể...”

Ông dừng lại, ngẩng đầu lên. Ở phía cuối phòng ăn im ắng giờ đã thưa người là dãy cửa sổ chiếu ánh sáng nhợt nhạt, lập lòe ánh tuyết từ bên ngoài vào. Một người vừa xộc vào, rọi bóng xuống họ, ngập ngừng, nhìn từ bên nọ qua bên kia, rồi sau đó vội vã đi về phía họ. Hadley phát ra một vài tiếng kêu ghen khi nhận ra đó là Mangan. Mặt Mangan tái nhợt.

“Không phải đã xảy ra chuyện gì chứ?” Hadley hỏi, cố tỏ ra điềm tĩnh hết sức. Ông đẩy ghế ra sau lưng. “Có gì khác về áo khoác đổi màu hay...”

“Không,” Mangan nói. Anh ta dừng lại bên bàn, thở hỗn hển. “Nhưng các ông phải đến đó ngay. Đã có chuyện gì đó xảy ra với Drayman, tai biến mạch máu não hay gì đó. Không, ông ấy chưa chết. Nhưng tình trạng của ông ấy đang rất tệ. Ông ấy đang cố liên lạc với ngài thì lên cơn đột quỵ...”

Ông ấy cứ nói điên cuồng về ai đó trong phòng ông ấy, pháo hoa và ống khói.”

XVIII. Cái ống khói

TRONG PHÒNG KHÁCH lại có ba người đang đứng đợi với vẻ mặt căng thẳng và lo lắng. Ngay cả Stuart Mills, người đang đứng quay lưng về phía lò sưởi, cũng liên tục hăng giọng làm cho Rosette gần như phát điên. Ernestine Dumont ngồi im lặng bên ngọn lửa khi Mangan dẫn tiến sĩ Fell, Hadley, Pettis và Rampole đi vào. Đèn trong phòng đã tắt, chỉ còn ánh sáng âm ảm của một buổi chiều tuyết rơi trắng trời len qua những tấm rèm đăng ten nặng nề, và cái bóng của Mills đã che mất ngọn lửa lập lòe uế oải. Burnaby đã đi đâu mất.

“Các ông không gặp ông ấy được đâu,” bà Dumont nói, ánh mắt dán về phía cái bóng của Mills. “Bác sĩ đang ở cùng ông ấy. Mọi thứ diễn ra dồn dập. Có lẽ ông ấy điên rồi.”

Rosette khoanh tay đi đi lại lại với sự uyển chuyển như mèo của riêng mình. Cô ta quay mặt lại nhìn những người mới đến, rồi đột ngột nói.

“Tôi không thể chịu nổi, các ông ạ. Sao chuyện này có thể kéo dài đến thế được... Các ông *có biết* chuyện gì đã xảy ra không? Các ông có biết cha tôi bị giết như thế nào, hay ai đã giết ông ấy không? Vì Chúa, hãy nói gì đó đi, kết tội tôi cũng được!”

“Với điều kiện cô kể cho chúng tôi nghe chính xác những gì đã xảy ra với ông Drayman,” Hadley lặng lẽ nói, “và thời điểm nó xảy ra. Tình trạng ông ấy có nghiêm trọng không?”

Bà Dumont nhún vai. “Có thể. Tìm ông ấy... tôi không biết. Ông ấy ngã quỵ. Giờ ông ấy mê man rồi. Tôi cũng không biết liệu ông ấy có tỉnh dậy được không nữa. Về chuyện xảy ra với ông ấy, chúng tôi không biết là do nguyên nhân gì...”

Mills lại hăng giọng. Đầu anh ta ngẩng lên, và nụ cười không dối của anh trông có vẻ nhợt nhạt. Anh ta nói:

“Thưa ngài, nếu ngài nghĩ là... ừm... có ai đó mưu hại, hay nghi ngờ rằng ông ấy bị ám sát, thì hãy bỏ suy nghĩ đó đi. Và, thật kì lạ, chúng tôi có thể làm chứng... nói thế nào nhỉ... theo cặp? Cũng chính những người ở cùng nhau đêm qua đã ngồi với nhau chiều nay. Bà Đồng và tôi,” anh ta cúi đầu nghiêm trang về phía Ernestine Dumont, “ngồi với nhau trên tầng trong phòng làm việc của tôi. Tôi cũng được biết rằng cô Grimaud và cậu Mangan ở dưới này...”

Rosette lắc đầu. “Tốt hơn là các ông nên nghe từ đầu. Boyd đã nói với các ông rằng ông Drayman đã xuống đây trước tiên không?”

“Không, anh chưa nói gì với họ cả,” Mangan trả lời bằng giọng đau khổ. “Sau chuyện cái áo khoác, tôi muốn có ai đó ngồi cùng tôi để làm chứng phòng khi có chuyện gì.” Anh ta quay người, cơ trên thái dương co lại. “Chuyện xảy ra khoảng nửa tiếng trước. Rosette và tôi đang ngồi đây một mình. Tôi vừa cãi nhau với Burnaby... chuyện thường ngày ấy mà. Mọi người gào thét và cãi nhau về chuyện cái áo khoác, rồi mỗi người về một chỗ. Bumaby đã đi đâu đó. Tôi không thấy ông Drayman đâu cả, ông ấy đã ru rú trong phòng của mình cả buổi sáng. Sau đó, Drayman bước vào đây và hỏi tôi cách để liên lạc với các ông.”

“Ý cậu là ông ấy đã phát hiện ra gì đó?”

Rosette hít vào. “Hoặc muốn chúng tôi nghĩ như thế. Rất bí hiểm. Ông ấy lập cập đi vào như thường ngày, và như Boyd nói, hỏi cách để liên hệ với các ông. Boyd hỏi ông ấy có chuyện gì...”

“Ông ấy có cư xử như thế... ông ấy đã tìm thấy thứ gì quan trọng không?”

“Có. Cả hai chúng tôi gần như nhảy dựng lên...”

“Vì sao?”

“Ông cũng sẽ thế,” Rosette bình tĩnh nói, “nếu ông vô tội.” Cô ta co hai vai lại, tay vẫn khoanh chặt như thể đang bị lạnh. “Nên chúng tôi hỏi, ‘Có chuyện gì chứ?’ Ông ấy run rẩy một chút rồi nói, ‘Tôi đã tìm thấy thứ bị mất trong phòng mình, và nó khiến tôi nhớ ra điều tôi đã quên tối qua.’ Rồi sau đó ông ấy lảm nhảm cái gì đó về trí nhớ tiềm thức, mặc dù không rõ ràng lắm. Cuối cùng ông ấy nói là lúc đang nằm trên giường sau khi uống thuốc ngủ, ông ấy đã gặp ảo giác rằng có ai đó đã vào phòng ông ấy.”

“Trước lúc xảy ra vụ án?”

“Đúng.”

“Ai đã vào phòng ông ấy?”

“Ông ấy chỉ nói có thể thôi! Hoặc là ông ấy không biết, hoặc là không muốn nói, hoặc đó chỉ là một giấc mơ. Tất nhiên có thể có khả năng đó. Tôi sẽ không đưa ra,” Rosette vẫn bình tĩnh nói, “giả thuyết nào khác. Khi chúng tôi hỏi, ông ấy chỉ gõ vào đầu và đánh trống lảng, nói rằng, ‘Tôi thật sự không thể nói được,’ theo cái kiểu khiến người ta điên tiết lên... Chúa ơi! Tôi ghét những người úp úp mở mở quá! Cả hai chúng tôi đều thấy khó chịu...”

“Cũng không có gì đâu,” Mangan nói, càng ngày càng trở nên lo lắng. “Chỉ là, khi thật, nếu tôi đã không nói như thế...”

“Nói gì?” Hadley hỏi rất nhanh.

Mangan khom vai lại và ủ rũ nhìn vào lò sưởi. “Tôi nói, ‘Chà, nếu ông có phát hiện động trời thế, thì sao không lên hiện trường vụ án để xem có tìm ra được thêm gì không?’ Vâng. Lúc đó tôi rất tức tối. Nhưng ông ấy lại nghe lời tôi. Ông ấy nhìn tôi một phút rồi nói: ‘Đúng, tôi nghĩ mình nên làm vậy. Tôi phải đảm bảo chắc chắn.’ Và thế là ông ấy đi mất! Khoảng 20 phút sau chúng tôi nghe thấy tiếng động như thể có ai đó bị ngã ở tầng dưới này... Ông thấy đấy, chúng tôi vẫn ngồi yên trong phòng, mặc dù...” Bỗng nhiên anh ta dừng lại.

“Anh nên tiếp tục với họ,” Rosette nói với vẻ thờ ơ lạ thường. “Tôi không quan tâm là ai biết. Tôi muốn bí mật đi theo và quan sát ông ấy. Nhưng chúng tôi không làm vậy. Sau khoảng 20 phút, chúng tôi nghe tiếng ông ấy mò mẫm đi xuống dưới. Sau đó, có vẻ như khi ông ấy xuống đến bậc thang cuối cùng, chúng tôi nghe thấy có tiếng nấc nghẹn và *tiếng huych*. Boyd ra mở cửa, và thấy ông ấy đang nằm co quắp. Mặt ông ấy sung huyết, và những mạch máu trên trán đã chuyển sang màu xanh, thật kinh khủng! Tất nhiên chúng tôi gọi ngay bác sĩ đến. Ông ấy không nói gì ngoài việc mê sảng những từ như ‘ống khói’ hay ‘pháo hoa’.”

Ernestine Dumont vẫn ngồi đờ đẫn, ánh mắt không rời khỏi ngọn lửa. Mills nhảy một bước nhỏ về phía trước.

“Nếu cô cho phép tôi tường thuật tiếp câu chuyện,” anh ta nói, nghiêng đầu, “tôi nghĩ mình có thể kể phần còn thiếu. Đó là, tất nhiên, nếu được sự cho phép của Bà Đồng...”

“A!” bà Dumont rít lên. Khuôn mặt của bà ở trong bóng tối khi bà ngược lên, người bà cứng nhắc như xương cá voi, nhưng Rampole ngạc nhiên khi thấy ánh mắt bà lóe lên. “Cậu lúc nào cũng phải tỏ ra là một thằng ngốc, phải không? Bà Đồng thế nọ, Bà Đồng thế kia. Được thôi, tôi nói với cậu thế này. Tôi thân giao cách cảm đủ để biết cậu không thích ông già Drayman tội nghiệp, và Rosette bé nhỏ của tôi cũng vậy. Chúa ơi! Tôi nào biết gì về đàn ông hay sự cảm thông nhưng... Drayman là một người tốt, mặc dù ông ấy hơi hâm một chút. Có lẽ ông ấy đã nhầm. Có lẽ ông ấy đã uống cả đồng thuốc. Nhưng bản chất ông ấy là người tốt, và nếu ông ấy mất, tôi sẽ cầu nguyện cho linh hồn của ông ấy.”

“Tôi... ờm... nói tiếp được không?” Mills quan sát bà, không chút nao núng.

“Được, cậu có thể nói tiếp,” bà ta nhại lại rồi im lặng.

“Bà Đồng và tôi đang ngồi ở phòng làm việc của tôi ở tầng trên, đối diện với phòng làm việc của tiến sĩ Grimaud, như các vị biết. Và một lần nữa,

cửa được mở. Tôi đang soạn lại giấy tờ, và tôi để ý thấy ông Drayman bước lên và bước vào phòng làm việc...”

“Anh có biết ông ta làm gì ở đó không?” Hadley hỏi.

“Rất tiếc là không, ông ấy đóng cửa. Tôi thậm chí không dám suy đoán xem ông ấy định làm gì vì tôi không nghe thấy gì cả. Một lúc sau ông ấy đi ra trong trạng thái mà tôi chỉ có thể diễn tả là không ổn định và thờ hẩn...”

“Ý anh là sao?”

Mills nhíu mày. “Thưa ngài, rất tiếc là tôi không thể mô tả chính xác hơn. Tôi chỉ có thể nói là tôi có cảm giác ông ấy đã làm việc gì đó quá sức. Không nghi ngờ gì nữa, đó chính là nguyên nhân dẫn đến cơn đột quỵ của ông ấy, vì có bằng chứng rõ ràng là ông ấy bị tai biến mạch máu não. Nếu tôi có thể sửa lại lời của Bà Đồng, thì nó không liên quan gì đến tim của ông ấy cả. Ngoài ra tôi xin bổ sung một điểm chưa thấy ai nhắc tới. Khi người ta nhắc ông ấy lên sau cơn tai biến, tôi quan sát thấy bàn tay và tay áo của ông ấy dính đầy bồ hóng.”

“Lại cái ống khói,” Pettis thì thầm nhỏ, và Hadley quay mặt về phía tiến sĩ Fell. Rampole sững sốt khi phát hiện ra vị tiến sĩ không còn ở trong phòng nữa. Một người to lớn đầy đà như vị tiến sĩ rất khó có thể biến mất một cách bí ẩn được, nhưng rõ ràng ông đã bốc hơi đi đâu đó, và Rampole nghĩ mình biết ông ấy đi đâu.

“Đi theo ông ấy lên tầng trên,” Hadley nói nhanh với anh chàng người Mỹ. “Và đảm bảo rằng ông ta không diễn lại cái trò bí hiểm khi gió đó. Giờ, anh Mills...”

Rampole nghe thấy tiếng Hadley tra hỏi nhân chứng trong lúc đi ra hành lang tối tăm. Ngôi nhà rất yên tĩnh – yên tĩnh đến nỗi khi anh bước lên cầu thang, tiếng điện thoại bất thần kêu đing tai nhức óc ở đại sảnh dưới khiến anh hơi giật mình. Đi qua phòng của Drayman trên tầng hai, anh nghe thấy tiếng thở khàn khàn bên trong, và tiếng ai đó đi nhón chân nhẹ nhàng

phòng. Qua cánh cửa anh thấy cặp đũa thuốc và mũ của bác sĩ trên ghế. Tầng trên không thấp đèn và tĩnh mịch đến nỗi anh có thể nghe tiếng Annie trả lời điện thoại ở dưới.

Phòng làm việc của Grimaud mờ mờ tối. Dù cho có một chút tuyết rơi, ánh sáng màu đỏ và cam ảm đạm của hoàng hôn vẫn le lói xuyên qua cửa sổ. Ánh sáng làm căn phòng như bật sáng, khiến cho màu của cái khiên huy hiệu ngời lên, lấp lánh trên hai thanh liểu kiếm bắt chéo nhau phía trên lò sưởi, và làm cho những bức tượng bán thân trắng hắt những cái bóng lớn lên tủ sách. Hình thù của Charles Grimaud, vừa trí thức vừa man rợ y hệt căn phòng, dường như vẫn chuyển động và cười khục khục trong phòng, dù cho Charles Grimaud đã chết. Khoảng trống lớn trên tường nơi định treo bức tranh như đang chế nhạo Rampole. Và đứng yên bất động bên cửa sổ trong tấm áo choàng đen là tiến sĩ Fell. Ông đang dựa vào gậy và nhìn chăm chú về phía hoàng hôn.

Tiếng cửa mở cót két không khuấy động nỗi ông. Rampole nói, giọng của anh vang vọng khắp phòng: “Có phải ông...?” Tiến sĩ Fell chớp mắt quay lại. Ông thở hắt ra một cách mệt mỏi, hơi thở biến thành khói trong không khí giá buốt. “Sao? Ồ. Có phải tôi đã sao?”

“Tìm được gì đó.”

“Chà, tôi nghĩ mình biết sự thật. Tôi nghĩ mình biết sự thật,” ông trả lời, trầm ngâm một cách ương bướng, “và tối nay tôi có thể chứng minh được nó. Hừm. Hà. Đúng. Cậu thấy đấy, tôi đang đứng đây suy ngẫm xem nên làm gì với sự thật. Đó là vấn đề muôn thuở, chàng trai trẻ, và càng trở nên khó khăn hơn theo năm tháng: khi ta già đi, khi chiếc ghế cũ ngày một thoải mái hơn, và có lẽ khi trái tim con người...” Ông đưa tay lên vuốt trán. “Công lí là gì? Tôi luôn đặt ra câu hỏi đó vào cuối mỗi vụ án mình tham gia. Tôi thấy những khuôn mặt nổi lên, những linh hồn tội lỗi, những cơn ác mộng... Đừng để ý. Chúng ta đi xuống nhé?”

“Nhưng còn lò sưởi thì sao?” Rampole cố nài ép. Anh đi đến chỗ lò sưởi, chăm chú quan sát nó, gõ vào nó, nhưng vẫn không phát hiện ra điều gì đặc

biệt. Một chút bồ hóng rải rác trước lò sưởi, và có một vệt bồ hóng dài ngoằn ngoèo trên bức tường phía trong lò sưởi. “Cái gì thế này? Chẳng lẽ có một lối đi bí mật thật sao?”

“Ồ không. Nó không có vấn đề gì như cậu nghĩ đâu. Chẳng ai trèo lên đó cả. Không,” ông bổ sung, trong lúc Rampole đặt tay lên cái ống khói và mò mẫm. “Tôi e là cậu đang phí thời gian, trên đó không có gì để tìm đâu.”

“Nhưng,” Rampole nói với giọng tuyệt vọng, “nếu như gã Henri...”

“Đúng,” một giọng nói nặng nề vang lên từ phía ngưỡng cửa. “gã Henri.”

Giọng nói này khác với giọng thường ngày của Hadley đến nỗi trong một thoáng không ai nhận ra được ông. Hadley đứng ở bậc cửa, với một tờ giấy nhàu nát trong tay và khuôn mặt khuất trong bóng tối, nhưng trong giọng nói của ông có cái gì đó lặng lẽ thần thờ mà Rampole nhận ra là sự tuyệt vọng. Nhẹ nhàng đóng cánh cửa lại sau lưng, Hadley đứng trong bóng tối và bình tĩnh nói tiếp:

“Đây là lỗi của chúng ta, tôi biết, vì đã để một giả thuyết mê hoặc. Nó khiến chúng ta đi sai hướng – và giờ chúng ta phải bắt đầu lại từ con số không. Fell, sáng nay khi ông nói vụ án đã bị đảo ngược hoàn toàn, tôi nghĩ ông không biết nó đúng thế nào đâu. Không chỉ là đảo ngược, mà mọi cơ sở suy đoán của chúng ta đều bị bác bỏ hết. Cái... khốn nạn, bất khả thi...!” Ông nhìn chăm chăm vào tờ giấy cứ như muốn vo tròn lấy nó.” Có một cuộc điện thoại vừa gọi đến từ Sở Cảnh sát. Bên Bucharest đã liên lạc.”

“Tôi e là mình biết ông sắp nói gì,” tiến sĩ Fell gật đầu. “Ông sắp nói rằng gã Henri...”

“Không có gã Henri nào cả,” Hadley nói. “Người thứ ba trong ba anh em nhà Horváth đã chết hơn 30 năm trước.”

Ánh sáng đỏ nhạt nhòa ảm đạm trở nên tối dần. Trong căn phòng làm việc lạnh lẽo và yên tĩnh họ có thể nghe thấy vắng từ xa tới tiếng rì rào của thành phố London về đêm đang thức giấc. Bước về phía bàn làm việc lớn, Hadley trải tờ giấy nhàu nát ra để tất cả cùng đọc. Cái bóng của con trâu bằng hoàng

ngọc hắt xuống tờ giấy một cách đầy nhạo báng. Bên kia căn phòng họ có thể nhìn thấy những vết rạch trên bức tranh ba ngôi mộ.

“Không thể có sai sót gì được,” Hadley nói tiếp. “Có vẻ như vụ này được nhiều người biết đến. Bức điện tín họ gửi đến rất dài, nhưng tôi đã chép lại những phần quan trọng đúng nguyên văn những gì họ đọc trên điện thoại. Nhìn xem.”

“Không khó để thu nhập thông tin mà phía các ngài mong muốn. Hai người đang làm việc cho tôi trước đây đã từng làm quản ngục cho nhà tù Siebenturmen vào năm 1900, và đã xác nhận thông tin này. Sự thật: Károly Grimaud Horváth, Pierre Fley Horváth và Nicholas Revéi Horváth là con trai của giáo sư Károly Horváth (ở Đại học Klausenburg) và Cecile Fley Horváth (người Pháp), vợ của ông. Vào tháng Một năm 1899, ba anh em bị kết án 20 năm tù khổ sai vì tội cướp ngân hàng Kunar ở Brasso vào tháng mười một năm 1898. Người bảo vệ ngân hàng đã chết vì chấn thương, khối tài sản bị cướp không được tìm thấy và được cho là đã bị giấu kín. Trong dịch bệnh tháng Tám năm 1900, cả ba anh em, với sự trợ giúp của bác sĩ nhà tù, đã liều lĩnh tìm cách trốn thoát bằng cách giả vờ chết và được chôn ở bãi tha ma dành cho người chết bị dịch. J. Lahner và R. Görgei, hai quản ngục quay lại năm mờ khoảng một tiếng sau để đặt thánh giá gỗ, đã để ý thấy khoảng đất phía trên năm mờ của Károly Horváth có dấu hiệu bị đào bới. Điều tra cho thấy quan tài đã được mở và bên trong trống rỗng. Đào hai ngôi mộ còn lại, quản ngục phát hiện Pierre Horváth máu me và bất tỉnh, nhưng vẫn còn sống. Nicholas Horváth đã chết vì ngạt thở.

Nicholas đã được mai táng lại sau khi người ta đảm bảo chắc chắn rằng hắn đã chết, còn Pierre bị đưa trở lại vào nhà tù. Vụ lùm xùm đã bị bưng bít, không ai truy lùng kẻ chạy trốn, và không ai phát hiện ra câu chuyện này cho đến cuối chiến tranh. Sau vụ này, Pierre Fley Horváth bị tâm thần. Hắn được trả tự do vào tháng Một năm 1919 sau khi hết hạn tù. Xin đảm bảo với ngài rằng gã thứ ba đã chết.

Alexander Cuza

Giám đốc Cảnh sát, Bucharest.”

“Đúng rồi,” Hadley nói, khi họ đã đọc xong. “Bức điện tín này khẳng định phần lớn câu chuyện chúng ta đã chấp nối lại, trừ một chi tiết nho nhỏ là kẻ giết người chúng ta đang truy đuổi là một hồn ma. Gã Henri (hay đúng ra là gã Nicholas) không bao giờ ra được khỏi năm mờ. Và toàn bộ giả thuyết...”

Tiến sĩ Fell gõ nắm tay chậm chậm lên tờ giấy. “Đó là lỗi của tôi, Hadley,” ông thừa nhận. “Sáng nay tôi đã bảo ông rằng suýt nữa tôi đã mắc phải sai lầm lớn nhất đời mình. Tôi đã bị gã Henri làm cho mê muội! Tôi không thể nghĩ đến điều gì khác. Bây giờ ông đã thấy vì sao chúng ta lại biết ít đến thế về người thứ ba trong ba anh em, quá ít để tôi với sự kiêu ngạo đáng nguyên rủa của mình đã đặt tất cả những suy luận hoang đường vào kẻ đó?”

“Chà, thừa nhận sai lầm cũng chẳng giúp ích gì cho chúng ta đâu. Bây giờ làm thế quái nào chúng ta có thể giải thích được những lời điên cuồng của Fley đây? Nợ máu trả bằng máu! Báo thù! Giờ tất cả giả thuyết đều đã bị loại bỏ, chúng ta chẳng có manh mối nào để điều tra nữa. Không một manh mối nào! Và nếu ông loại bỏ động cơ trả thù cả Grimaud và Fley, thì còn lại gì nữa?”

Tiến sĩ Fell cầm cái gậy chỉ trỏ một cách dữ dội. “Ông không thấy sao?” ông gầm lên. “Ông không thấy cách giải thích cho hai vụ án mạng mà giờ ta phải chấp nhận sao, không thì vào nhà thương điên cho rồi?”

“Ý ông là có kẻ nào đó đã dựng lên toàn bộ sự việc này để khiến nó trông giống như một cuộc trả thù của ai đó? Bây giờ thì,” ngài chánh thanh tra cấp cao nói, “tôi có thể tin vào bất cứ điều gì. Nhưng liệu có cần phải mưu sâu kế hiểm thế không. Làm sao hung thủ thực sự biết được là chúng ta có thể đào sâu vào quá khứ đến thế? Chúng ta sẽ không bao giờ làm thế nếu không có – xin ông thứ lỗi – một vài may mắn. Làm sao hung thủ thực sự có thể biết ta sẽ tìm được mối liên hệ giữa giáo sư Grimaud và một tên tội phạm người Hungary, hay là mối liên hệ giữa ông ta với Fley hoặc với bất kì chi tiết nào khác trong vụ này? Tôi cảm thấy hấn đã giấu *quá* kĩ hướng điều tra mà hấn muốn lừa chúng ta đi theo.” Ông đi đi lại lại, xoáy nắm đấm tay nọ vào lòng bàn tay kia. “Ngoài ra, càng nghĩ tôi càng thấy khó hiểu! Chúng ta đã có lí do đầy thuyết phục để tin rằng người anh em thứ ba đã giết hai người kia, và càng nghĩ về khả năng đó, tôi càng nghi ngờ việc gã Nicholas đã chết. Grimaud *nói* đưa em trai thứ ba đã bắn ông ta, và một người đang hấp hối, biết mình đang hấp hối, thì việc quái gì phải nói dối? Hay... dừng

lại một chút! Hay ý ông là ông ta muốn nói đến *Fley*? Ông cho rằng *Fley* đã đến đây, bắn *Grimaud* và sau đó một người nào khác đã bắn *Fley*? Như thế sẽ giải thích được rất nhiều vấn đề...”

“Nhưng,” *Rampole* nói, “xin thứ lỗi vì đã chen ngang, nhưng nó không thể giải thích được vì sao *Fley* cứ liên tục nhắc đến người anh em thứ ba! *Henri* chỉ có thể sống hoặc chết. Nếu hắn đã chết, tại sao cả hai nạn nhân đều nói dối về hắn từ đầu? Nếu hắn thật sự đã chết, thì chắc hắn hồn ma của hắn phải rất năng động.”

Hadley lắc cặp tài liệu. “Tôi biết. Đó cũng chính là điều khiến tôi băn khoăn! Ta phải tin lời của ai đó, và có vẻ việc tin lời của hai người đã bị hắn bắn thì hợp lí hơn là lời của một bức điện tín có thể đã bị viết sai một cách vô tình hay cố ý. Cứ cho là hắn đã chết thật đi, nhưng biết đâu hung thủ làm ra vẻ như gã em trai đã chết sống lại thì sao?” Ông dừng lại, gật đầu, và nhìn xa xăm ra ngoài cửa sổ.

“Tôi nghĩ chúng ta sắp tiến gần tới sự thật rồi. Như thế sẽ giải thích được hết tất cả những điểm không thống nhất, đúng không? Kẻ sát nhân đóng giả một người mà cả hai anh em kia đều chưa từng nhìn thấy trong gần 30 năm? Và khi các vụ giết người được thực hiện, và chúng ta lần theo hắn – nếu chúng ta làm được như thế – chúng ta sẽ quy nguyên nhân là do trả thù. Thế nào. *Fell*?”

Tiến sĩ *Fell* đi cà nhắc quanh bàn với vẻ mặt cau có. “Không tôi, không tôi, ý tưởng đóng giả đó. Nhưng còn động cơ thật sự để giết *Grimaud* và *Fley* thì sao?”

“Ý ông là sao?”

“Phải có mối liên hệ nào đó giữa hai vụ giết người chứ? Có nhiều động cơ rõ như ban ngày và có cả động cơ ngầm không ai biết đến để một người rắp tâm hại chết *Grimaud*. *Mills* hay *Dumont* hay *Burnaby*, đúng, bất kì ai cũng có thể giết *Grimaud*. Ngoài ra, ai cũng có thể giết *Fley*: nhưng tôi phải chỉ ra là không ai trong số những người thân quen của *Grimaud* có thể giết *Fley*. Tại sao một người thân của *Grimaud* phải giết *Fley*, nếu ta giả thiết rằng

chưa ai trong số họ từng gặp hẳn bao giờ? Nếu hai vụ án mạng này đều do một kẻ gây ra, thì mối liên hệ ở đâu? Một giáo sư đáng kính ở Bloomsbury và một gã ảo thuật gia lang thang từng vào tù ra tội. Động cơ nào liên kết hai người này trong đầu của hung thủ, trừ mối liên hệ trong quá khứ?”

“Tôi biết một người có liên hệ với cả hai người đó trong quá khứ,”
Hadley nói rõ ràng.

“Ai? Ý ông là bà Dumont?”

“Đúng.”

“Vậy thì ai là người đóng giả gã Henri? Dù ông nghi ngờ ai thì cũng phải loại trừ bà ấy ra. Không, ông bạn ạ. Nghi ngờ Dumont không chỉ là sai lầm, mà còn là phi lí.”

“Tôi không thấy thế. Nghe này, lí do ông nghĩ Dumont không giết Grimaud là vì ông tin rằng bà ta yêu Grimaud. Không biện hộ được, Fell, không biện hộ được đâu! Hãy nhớ là bà ta đã kể câu chuyện cổ tích đó...”

“Cùng với Mills,” tiến sĩ Fell rống lên với một cái liếc mắt mĩa mai. “Ông có nghĩ ra cặp đôi nào cộc cạch hơn để móc ngoặc với nhau lừa bịp cảnh sát với câu chuyện hoang đường của họ không? Có thể bà ấy đeo mặt nạ, ý tôi là mặt nạ theo nghĩa bóng. Có thể Mills cũng đeo mặt nạ. Nhưng việc cả hai cùng đóng kịch, xét trên cách hành xử của họ, thì quá khó xảy ra. Tôi thích cái mặt nạ theo nghĩa đen hơn. Ngoài ra, hãy nhớ rằng nếu có hai hung thủ thì Ernestine Dumont cũng không thể là một trong số chúng được. Tại sao? Bởi trong lúc Fley bị giết, có đến ba người tốt làm chứng cho bà ta: lúc ấy bà ta đang ở cùng chúng ta, trong căn phòng này.” Ông cân nhắc một chút, và vẻ châm biếm lại hiện lên trong mắt. “Hay ông định kéo cả thế hệ thứ hai vào? Rosette là con gái của Grimaud, và ông cho rằng Stuart Mills bí ẩn thật ra là con trai của người anh em đã chết Henri?”

Đang định trả lời thì Hadley khựng lại và chăm chú quan sát tiến sĩ Fell. Ông ngồi xuống góc bàn.

“Tôi biết giọng điệu này rồi. Tôi biết quá rõ,” ông nói với giọng của một người đang thừa nhận rằng một dự cảm không lành đã thành sự thật. “Giọng điệu này là khởi đầu của những trò bí hiểm khi gió đó nữa, và giờ thì tôi mất công tranh cãi với ông cũng chẳng được gì. Tại sao ông lại muốn chúng tôi tin vào câu chuyện này đến thế?”

“Thứ nhất,” tiến sĩ Fell nói, “là vì tôi muốn ông đóng đinh vào đầu rằng Mills đã nói sự thật...”

“Ý ông là để sau đó chứng minh rằng anh ta đã nói dối, theo đúng cái trò bí hiểm của ông? Cái trò lừa gạt rẻ tiền của ông với tôi trong vụ Đồng Hồ Giết Người?”

Vị tiến sĩ phớt lờ câu đó bằng một tiếng gừ phật ý. “Và thứ hai, là vì tôi biết hung thủ thật sự là ai.”

“Một người chúng ta đã gặp và nói chuyện?”

“Đúng, chính thế.”

“Và chúng ta đã có cơ hội...?”

Tiến sĩ Fell, nhìn chăm chăm vào cái bàn một lúc với vẻ mặt trống rỗng, dữ tợn, và gần như thương xót.

“Đúng, Chúa giúp tất cả chúng ta,” ông nói, giọng rất kì lạ, “Tôi nghĩ là ông đã có cơ hội. Trong lúc đó, tôi sẽ về nhà...”

“Nhà?”

“Để áp dụng thí nghiệm Gross,” tiến sĩ Fell nói.

Ông quay người, nhưng chưa vội đi ngay. Khi ánh sáng xám xịt đã chuyển sang màu tím, và những cái bóng mờ mịt màu cát bụi đã khóa lấp cả căn phòng, ông đứng yên một lúc lâu nhìn vào bức tranh đã bị rạch nát dưới những tia sáng cuối ngày, và cả ba cỗ quan tài cuối cùng cũng đều đã có người nằm.

XIX. Người vô hình

ĐÊM HỒM ĐÓ tiến sĩ Fell nốt mình trong một cái phòng nhỏ ở ngoài thư viện, nơi ông dành cho cái gọi là thí nghiệm khoa học, và bà Fell gọi là “nơi vọc vạch kinh khủng”. Nhưng thích vọc vạch là một trong những nét tính cách tốt đẹp nhất ở con người, nên cả Rampole và Dorothy đều xin được làm phụ tá. Nhưng vị tiến sĩ trông có vẻ quá nghiêm túc và phiền muộn một cách bất thường đến nỗi họ có cái cảm giác khó chịu rằng giờ mà pha trò sẽ rất vô duyên, nên đành thôi không xin nữa. Hadley vẫn không hề mệt mỏi và đã đi kiểm tra chứng cứ ngoại phạm. Trước lúc đi nghỉ, Rampole chỉ còn một câu hỏi duy nhất.

“Tôi biết ông đang cố đọc những lá thư bị cháy đó,” anh nói, “và tôi biết ông nghĩ nó rất quan trọng. Nhưng ông hi vọng sẽ tìm thấy được điều gì?”

“Điều tồi tệ nhất,” tiến sĩ Fell trả lời. “Điều đã có thể biến tôi thành kẻ ngốc đêm qua.”

Và với một cái lắc đầu uể oải, ông đóng cửa lại.

Rampole và Dorothy ngồi ở hai bên lò sưởi nhìn nhau. Tuyết đang quay cuồng bên ngoài, và đây không phải là một đêm thích hợp để ra ngoài chơi. Ban đầu Rampole có ý định mời Mangan đến ăn tối để hàn huyên chuyện cũ, nhưng khi gọi điện, Mangan nói rằng Rosette không có tâm trạng đi đâu cả, và anh ta nên ở lại cùng cô. Bà Fell đang ở nhà thờ, nên hai vợ chồng độc chiếm cả thư viện để bàn luận.

“Kể từ đêm qua,” người chồng bình luận, “anh đã nghe về phương pháp Gross dùng để đọc những lá thư bị cháy. Nhưng có vẻ như không ai biết thực hư thế nào. Hình như là phải kết hợp các hóa chất gì đó nhỉ?”

“Em biết đấy,” Dorothy nói, giọng hoan hỉ. “Chiều nay khi các anh đi điều tra em đã tìm hiểu nó. Và hơn thế nữa, em cá là nó sẽ không có tác

dụng cụ cho nó đơn giản thế nào. Em dám đánh cược *bất cứ thứ gì* là nó sẽ không có tác dụng!”

“Em đã đọc sách của Gross à?”

“Vâng, em đọc bằng tiếng Anh. Cũng khá đơn giản. Sách nói thế này. Sách nói rằng bất cứ ai từng ném thư vào lửa đều thấy những dòng chữ trên những mảnh đã cháy thành than hiện lên khá rõ, thường là màu trắng hay xám trên nền đen, nhưng đôi khi màu sắc cũng đảo ngược. Anh có bao giờ để ý không?”

“Chắc là chưa lần nào. Nhưng anh rất ít thấy lò sưởi mở trước khi đến nước Anh. Có thật không?”

Cô nhăn mặt. “Với những hộp giấy bìa cứng có chữ in trên đó thì có, hoặc với hộp bột giặt hay những thứ tương tự như vậy. Nhưng chữ viết tay thông thường... Dù sao thì đây là điều cần phải làm. Phải mua nhiều giấy can trong suốt và gắn nó lên một bảng vẽ. Với mỗi mảnh giấy bị cháy, lấy gôm quét lên trên giấy can, rồi ấn mảnh giấy cháy lên trên nó...”

“Khi nó đang nát như thế? Chẳng phải nó sẽ vụn ra mất sao?”

“Ha! Thủ thuật là ở đó, Gross nói. Anh phải làm mềm chúng trước. Anh phải đặt giấy can lên một cái khung vẽ cao khoảng 5 đến 7 cm. Sau đó anh trải một miếng vải ướt đã được gấp lại nhiều lần lên trên. Như thế mảnh giấy sẽ được đặt trong môi trường ẩm và sẽ phẳng ra. Khi mảnh giấy đã được làm phẳng và giữ cố định, anh cắt giấy can theo hình dạng của từng mảnh giấy. Rồi sau đó anh ghép các mảnh giấy lại trên một tấm kính. Như chơi ghép hình vậy. Tiếp theo, anh ép tấm kính thứ hai lên trên, buộc các góc lại, và soi dưới ánh sáng. Nhưng em dám cá là...”

“Chúng ta sẽ thử,” Rampole nói, có vẻ ấn tượng và nóng lòng muốn thử ý tưởng này.

Thử nghiệm đốt giấy thì không thành công lắm. Đầu tiên, anh lấy một lá thư cũ từ trong túi ra và châm lửa. Mặc dù đã cố hết sức, nhưng lá thư cứ bốc cháy bùng bùng, trở nên rúm ró, trượt ra khỏi tay, và co lại chỉ còn một

nhúm đen bé tí cuộn lại như cái ô. Họ quỳ mọp xuống đất và xem xét kĩ lưỡng từ mọi góc độ, nhưng đều không nhìn thấy chữ nào cả.

Rampole đốt thêm nhiều mảnh giấy nữa, tất cả đều cháy rụi thành tro. Thế là anh nổi cáu lên và đốt tất cả mọi thứ nằm trong tầm với. Và càng cáu thì anh càng tin rằng thủ thuật này có thể thành công nếu anh thực hiện nó đúng cách. Anh cũng thử với chữ đánh máy, anh đánh dòng chữ “Giờ là thời điểm tốt để những người tốt chung tay hỗ trợ đảng” nhiều lần trên máy đánh chữ của tiến sĩ Fell. Giờ thì trên thảm đã đầy những mẩu than.

“Ngoài ra,” anh lập luận, trong khi áp má xuống sàn và nhắm một mắt để nhìn thật kĩ, “những mảnh giấy này đâu có cháy dở... chúng đã thành than rồi. Như thế là không đáp ứng điều kiện đề ra. Đây rồi! Anh có thể thấy chữ “đảng” rõ như ban ngày. Nó nhỏ hơn nhiều so với chữ đánh máy, và có vẻ như nó bị lồm vào, nhưng nó đây rồi. Em có phát hiện được gì từ lá thư viết tay kia không?”

Sự háo hức của Dorothy cũng dâng cao khi cô nhìn thấy được một vài chữ. Cụm từ “Tây phố 11” màu xám nổi bật trên giấy. Mặc dù những mẩu giấy mỏng manh rã ra rất nhiều, nhưng với sự thận trọng của mình, cuối cùng họ cũng đọc ra được những từ “tối thứ bảy”, “quần lót”, “cơn choáng váng sau khi say xin”, và “rượu gin”. Rampole đứng dậy với vẻ thỏa mãn.

“Nếu có thể làm phẳng mấy mẩu giấy bằng hơi ấm thì trò này sẽ có hiệu quả!” anh tuyên bố. “Vấn đề duy nhất là liệu có thể đọc được đủ số từ ngữ trong thư để hiểu được nội dung của nó không thôi. Ngoài ra, chúng ta chỉ là dân nghiệp dư, nếu là Gross thì có thể đọc được tất cả. Nhưng tiến sĩ Fell mong đợi tìm thấy điều gì chứ?”

Đây là chủ đề của cuộc tranh luận kéo dài đến tận đêm khuya.

“Và với vụ án bị đảo ngược hoàn toàn như thế,” Rampole chỉ ra, “thì động cơ là gì? Đó là mấu chốt của toàn bộ vấn đề. Không có động cơ nào để liên hệ Grimaud và Fley với kẻ giết người! Nhân tiện, giả thuyết điên rồ tối qua của em giờ sao rồi, cái giả thuyết rằng kẻ có tội phải là Pettis hoặc Burnaby ấy?”

“Hoặc cô ả tóc vàng có gương mặt kì quặc đó,” cô chỉnh lại anh, nhấn mạnh vào từng từ một. “Theo em thì điều khiến em băn khoăn nhất chính là cái áo khoác đổi màu và biến mất. Nó khiến chúng ta tập trung vào những người trong nhà, đúng không?” Cô tư lự. “Không, em đổi ý rồi. Em không nghĩ Pettis hay Burnaby có liên quan gì đến vụ này. Thậm chí cả cô tóc vàng đó cũng không. Giờ em chắc chắn, chỉ có thể có 2 nghi phạm.”

“Là ai?”

“Drayman hoặc O’Rourke,” cô nói một cách chắc nịch, và bổ sung thêm. “Anh hãy nhớ lấy lời em nói.”

Rampole kiểm chế không phản pháo lại quá mãnh liệt. “Đúng, anh đã nghĩ đến O’Rourke,” anh thừa nhận. “Nhưng em chọn ông ấy chỉ vì hai lí do. Thứ nhất là vì ông ấy là nghệ sĩ nhào lộn, và em cho đó là cách mà ông ấy trốn thoát khỏi ngôi nhà. Nhưng, cho đến giờ theo như anh quan sát, thì việc đó không thể thực hiện nổi. Thứ hai và quan trọng hơn, em chọn ông ấy vì ông ấy dường như không có mối liên hệ nào đến vụ án này, rằng ông ấy chẳng có lí do gì để có mặt ở đó cả, và đó luôn là một dấu hiệu đáng nghi ngờ. Có phải thế không?”

“Có thể.”

“Đến lượt Drayman... đúng, Drayman có lẽ là người duy nhất có quan hệ với cả Grimaud và Fley trong quá khứ. Đó là điểm rất có lí! Hừm. Ngoài ra, không ai thấy ông ấy cả buổi tối, từ lúc ăn tối đến hơn 11 giờ đêm. Nhưng anh không nghĩ ông ấy có tội. Thế này nhé: hãy lập một thời gian biểu sơ bộ về những sự việc xảy ra đêm qua để chúng ta có thể nhìn nhận rõ ràng hơn. Chúng ta sẽ đưa vào tất cả những gì mình biết, kể từ lúc bắt đầu bữa tối. Các mốc thời gian này chỉ đúng ở mức tương đối, và những chi tiết nhỏ thì ta bắt buộc phải đoán thôi. Chúng ta không biết gì chính xác trừ thời điểm xảy ra vụ giết người và một vài lời khai trước lúc đó, nhưng hãy thử làm xem. Khoảng thời gian trước bữa tối cũng rất mơ hồ. Nhưng cho rằng...”

Anh lấy ra một cái phong bì và viết rất nhanh.

“Khoảng 6 giờ 45, Mangan đến, treo áo lên tủ quần áo ở trong sảnh và thấy một cái áo khoác màu đen treo trong đó.

“Khoảng 6 giờ 48 (cho cô ấy ba phút) Annie từ phòng ăn đi ra, tắt đèn trong tủ quần áo mà Mangan quên tắt, và không nhìn thấy cái áo khoác nào cả.

“Khoảng 6 giờ 55 (mốc thời gian không cụ thể, nhưng ta biết là trước bữa tối) bà Dumont nhìn vào tủ quần áo và nhìn thấy một cái áo khoác màu vàng.”

“Anh viết như thế,” Rampole nói, “với giả thuyết rằng trong khoảng thời gian rất ngắn sau khi Mangan treo áo của mình và đi ra chỗ khác mà vẫn để đèn sáng, bà Dumont không chạy ra xem có gì trong tủ trước khi Annie đi ra tắt đèn.”

Mắt của Dorothy nheo lại. “Đợi đã! Làm sao anh biết được? Ý em là, nếu đèn không bật, làm sao bà ấy thấy cái áo màu vàng được?”

Họ im lặng nhìn nhau một lúc. Rồi Rampole nói:

“Bắt đầu thú vị rồi đây. Và nhân nói đến chuyện đó, bà ấy nhìn vào tủ làm gì? Vấn đề là thế này: nếu sự việc diễn ra theo đúng trình tự được nêu trong thời gian biểu này, thì điều đó là vô lí. Đầu tiên trong tủ có một cái áo đen mà Mangan nhìn thấy. Rồi ai đó đã lấy nó đi, vì lí do gì chúng ta chưa biết, và Annie vào sau không thấy gì cả. Sau đó hắt lại thay cái áo khoác đó vào bằng một cái áo vải tuyết. Nghe có vẻ ổn đấy. *Nhưng*,” anh hô lên, cầm cái bút chì chỉ trỏ, “nếu ngược lại, thì hoặc là ai đó đã nói dối, hoặc toàn bộ sự việc là phi lí. Trong trường hợp đó thì Mangan đến lúc mấy giờ không còn quan trọng nữa, vì tất cả mọi chuyện chỉ xảy ra trong vài phút hay thậm chí vài giây. Em hiểu không? Boyd đến, treo áo lên, và đi mất. Dumont đi ra, nhìn vào tủ, và đi mất. Ngay sau đó, Annie đến tắt đèn và cũng đi mất. Trong chớp mắt cái áo từ đen biến thành vàng rồi biến mất. Điều đó là không thể xảy ra được.”

“Giỏi lắm!” Dorothy tươi cười nói. “Vậy thì người nào nói dối? Em cho là anh sẽ khẳng khẳng rằng không phải là bạn của anh...”

“Chắc chắn rồi. Là bà Dumont đó. Anh dám cá với em bất cứ thứ gì!”

“Nhưng bà ấy không có tội. Điều đó đã được chứng minh. Hơn nữa, em thích bà ấy.”

“Đừng làm anh rối trí,” Rampole khẩn khoản. “Hãy tiếp tục lập thời gian biểu và xem chúng ta có phát hiện được gì thêm không. Ha! Đến đâu rồi nhỉ? Đúng. Bữa tối bắt đầu lúc 7 giờ, vì chúng ta biết nó kết thúc lúc 7 rưỡi. Kể từ đây...”

“7 giờ 30: Rosette Grimaud và Mangan sang phòng khách.

“7 giờ 30: Drayman về phòng mình ở tầng trên.

“7 giờ 30: Ernestine Dumont đi đâu không biết, nhưng chắc chắn vẫn ở trong nhà.

“7 giờ 30: Mills đi xuống thư viện ở tầng dưới.

“7 giờ 30: Grimaud đi xuống chỗ Mills, bảo anh ta lên nhà lúc 9 giờ 30, vì ông ấy có hẹn lúc đó.

“Chà! Rắc rối rồi đây. Anh định viết là Grimaud đi vào phòng khách và bảo Mangan rằng khách dự kiến sẽ đến lúc 10 giờ. Nhưng thế không được, vì Rosette không biết gì về chuyện đó, và lúc đó cô ấy đang ngồi cùng với Mangan! Vấn đề là, Boyd không nói chính xác là Grimaud đã báo với anh ấy vào lúc nào. Nhưng điều đó không quan trọng – có thể Grimaud đã gọi riêng anh ấy ra chẳng hạn. Tương tự, chúng ta không biết Grimaud nói với bà Dumont khách sẽ đến lúc 9 rưỡi vào lúc nào, có lẽ là trước đó. Trước hay sau không quan trọng lắm.”

“Anh chắc không?” Dorothy vừa hỏi vừa tìm bao thuốc lá. “Hừm! Tiếp tục đi.”

“(Khoảng) 7 giờ 35: Grimaud lên phòng làm việc.

“Từ 7 giờ 35 đến 9 giờ 30: Không có diễn biến gì. Không ai rời khỏi chỗ của mình. Tuyết rơi nặng hạt.

“(Khoảng) 9 giờ 30: Tuyết ngừng rơi.

“(Khoảng) 9 giờ 30: E. Dumont lên nhà để lấy khay cà phê trong phòng làm việc của Grimaud. Grimaud nói là có lẽ tối nay khách sẽ không đến. E. Dumont rời khỏi đó đúng lúc...”

“(9 giờ 30) Mills đi lên trên nhà.”

“Anh không nghĩ là có gì đáng chú ý xảy ra trong khoảng thời gian ngắn sau đó. Mills vẫn ở trên nhà, Drayman trong phòng mình, còn Rosette và Boyd ở phòng khách mở đài... Đợi đã! Anh quên mất một chuyện. Trước khi chuông cửa rung lên, Rosette nghe thấy một tiếng thịch ở đâu đó ngoài đường, cứ như là có ai rơi từ trên cao xuống...”

“Sao cô ta nghe được nếu đài vẫn đang mở?”

“Có vẻ như nó không đủ to để... Không, đài mở đủ to chứ. Cái đài om sòm đến nỗi họ hầu như không nghe thấy tiếng của Pettis giả. Nhưng sắp xếp theo thứ tự nhé:

“9 giờ 45: Chuông cửa rung iên.

“Từ 9 giờ 45 đến 9 giờ 50: E. Dumont mở cửa, nói chuyện với khách (không nhận ra giọng ai). Bà ấy nhận danh thiếp, đóng cửa, đọc danh thiếp và phát hiện ra nó trống trơn, do dự, và đi lên trên nhà...”

“Từ 9 giờ 45 đến 9 giờ 50: Sau khi bà E. Dumont đi lên tầng trên, vị khách lên vào bằng cách nào đó, khóa cửa nốt Rosette và Boyd trong phòng khách, đáp lại lời chào của họ bằng cách giả giọng Pettis...”

“Em không muốn ngắt lời anh liên tục,” Dorothy chen vào. “Nhưng họ có vẻ mất hơi nhiều thời gian để gọi ra hỏi xem ai ở ngoài đó nhỉ? Ý em là, có ai đợi lâu đến thế không? Nếu em đang mong khách đến, em biết mình sẽ kêu lên, ‘Xin chào! Ai đấy?’ ngay khi em nghe thấy tiếng cửa mở.”

“Em định chứng minh điều gì? Không gì cả? Có chắc không? Đừng chi li với cô gái đó thế! Hãy nhớ là họ được báo là khách đến lúc 10 giờ – và em khịt mũi như thế chứng tỏ em có định kiến với cô ta đấy. Hãy tiếp tục nào, vẫn trong khoảng thời gian từ 9 giờ 45 đến 9 giờ 50, sau khi X vào nhà và trước khi hấn vào phòng làm việc của Grimaud:

“Từ 9 giờ 45 đến 9 giờ 50: Khách đi theo E. Dumont lên trên nhà, đi vượt qua bà ấy ở hành lang trên. Hấn tháo mũ và kéo cổ áo xuống, nhưng không tháo mặt nạ. Grimaud ra mở cửa, nhưng không nhận ra khách. Khách nhảy vào trong và đóng sầm cửa lại. (Điều này đã được cả Dumont và Mills chứng thực.)

“Từ 9 giờ 50 đến 10 giờ 10: Mills theo dõi cửa từ cuối hành lang, Dumont cũng làm việc tương tự, nhưng từ đầu cầu thang.

“10 giờ 10: Tiếng súng vang lên.

“Từ 10 giờ 10 đến 10 giờ 12: Mangan ở phòng khách phát hiện cửa vào sảnh đã bị khóa.

“Từ 10 giờ 10 đến 10 giờ 12: Ernestine Dumont choáng váng hoặc khó chịu, và đi về phòng mình. (Bổ sung: Drayman vẫn đang ngủ trong phòng, không nghe thấy tiếng súng.)

“Từ 10 giờ 10 đến 10 giờ 12: Mangan phát hiện cửa ra sảnh đã bị khóa, thử phá cửa nhưng không được. Sau đó anh ấy nháy qua cửa sổ, đúng lúc...

“10 giờ 12: Bọn anh đến nơi, cửa chính không khóa, bọn anh đi lên văn phòng.

“Từ 10 giờ 12 đến 10 giờ 15: Mở cửa bằng chìa khóa, phát hiện ra Grimaud đã bị bắn.

“Từ 10 giờ 15 đến 10 giờ 20: Điều tra và gọi cấp cứu.

“10 giờ 20: Xe cấp cứu đến đưa Grimaud đi. Rosette đi cùng trên xe. Mangan, theo lệnh của Hadley, xuống tầng gọi cảnh sát.”

“Điều này,” Rampole hài lòng chỉ ra, “chứng tỏ cả Rosette và Boyd hoàn toàn vô tội. Đến lúc này anh không cần đặt mốc thời gian nữa. Nhân viên cứu thương lên trên nhà, bác sĩ khám, Grimaud được đưa vào xe cấp cứu, tất cả những việc đó phải mất ít nhất 5 phút nếu họ đủ nhanh để trượt cáng cứu thương xuống theo lan can cầu thang. Chúa ơi! Khi viết ra thì thấy rõ như ban ngày! Và sẽ mất nhiều thời gian hơn thế để đến nhà dưỡng lão, vậy mà Fley đã bị bắn trên phố Cagliostro vào lúc 10 giờ 25! Rosette đi cùng xe cứu thương. Boyd vẫn ở trong nhà khi xe cứu thương tới, vì anh ấy lên và xuống cùng họ. Đó là chứng cứ ngoại phạm hoàn hảo.”

“Anh không cần phải nghĩ em mong kết tội gì họ đâu! Nhất là Boyd, dù chưa gặp nhiều nhưng em thấy anh ấy khá tử tế.” Cô cau mày. “Nhưng vẫn có khả năng xe cứu thương đến trước lúc 10 giờ 20.”

Rampole nhún vai. “Nếu thế,” anh chỉ ra, “thì nó phải bay từ phố Guilford tới. Vì mãi đến 10 giờ 15 mới gọi cấp cứu, và họ đến được nhà Grimaud trong có 5 phút cũng là điều thần kì rồi. Không, ta phải loại Boyd và Rosette

ra. Ngoài ra, bây giờ anh mới nhớ, cô ấy vẫn ở trong nhà dưỡng lão, có nhân chứng xung quanh, vào lúc cô ấy thấy ánh đèn ở cửa sổ căn hộ của Burnaby lúc 10 rưỡi. Hãy ghi lại những diễn biến còn lại và loại bỏ những nghi phạm khác nếu có thể.

“Từ 10 giờ 20 đến 10 giờ 25: Xe cấp cứu đến và đưa Grimaud đi.

“10 giờ 25: Fley bị bắn ở phố Cagliostro.

“Từ 10 giờ 20 đến (ít nhất) 10 giờ 30: Stuart Mills ở với bọn anh trong văn phòng, trả lời thăm vấn.

“10 giờ 25: Bà Dumont vào văn phòng.

“10 giờ 30: Rosette, lúc này đang ở nhà dưỡng lão, nhìn thấy ánh đèn trong căn hộ của Burnaby.

“Từ 10 giờ 25 đến 10 giờ 40: Bà Dumont vẫn ở cùng bọn anh trong văn phòng.

“10 giờ 40: Rosette từ nhà dưỡng lão trở về.

“10 giờ 40: Cảnh sát đến theo lệnh của Hadley.”

Rampole ngồi ngả lưng trên ghế đọc lại những dòng chữ nguệch ngoạc, rồi chấm hết một cách bay bướm bên dưới mục cuối cùng.

“Như thế ta không chỉ hoàn thành thời gian biểu về những sự việc đã xảy ra,” anh nói, “mà không nghi ngờ gì nữa đã thêm hai người khác vào danh sách vô tội. Mills và Dumont đã bị loại. Rosette và Boyd đã bị loại. Thế là đã loại được tất cả những người trong nhà ngoại trừ Drayman.”

“Nhưng,” Dorothy phản kháng, sau khi dừng lại một chút, “như thế mọi việc càng trở nên rối rắm hơn. Còn ý tưởng tuyệt vời của anh về cái áo khoác thì sao? Anh giả thuyết là có ai đó đã nói dối. Chỉ có thể là một trong hai người Boyd Mangan hoặc Ernestine Dumont, và hai người đều được cho là vô tội. Trừ cô gái đó, Annie... nhưng không thể là cô ấy được nhỉ?”

Họ lại nhìn nhau. Rampole cười méo xẹo rồi gấp cái danh sách lại và cho vào túi. Bên ngoài gió mạnh thổi từng cơn, và họ có thể nghe thấy tiếng tiến sĩ Fell đang lục đục trong cái phòng nhỏ của ông ấy phía sau cánh cửa đóng kín.

Hôm sau Rampole dậy muộn, một phần là do kiệt sức và một phần là do thời tiết âm u đến nỗi mãi hơn 10 giờ anh mới mở được mắt. Trời không những tối đến nỗi phải bật đèn mà còn lạnh cóng. Tối hôm qua anh không gặp tiến sĩ Fell lần nào nữa, và khi anh đi xuống ăn sáng ở phòng ăn nhỏ đằng sau, cô hầu gái tỏ ra phần nộ khi dọn trứng và thịt xông khói cho anh.

“Tiến sĩ vừa lên nhà để rửa mặt mũi chân tay, thưa ngài,” Vida nói. “Ngài ấy thức cả đêm làm thí nghiệm, và lúc 8 giờ sáng nay tôi phát hiện ra ngài ấy ngủ gật trên ghế trong phòng. Tôi không biết phu nhân Fell sẽ nói gì, quả thực như vậy. Ngài chánh thanh tra cấp cao Hadley cũng vừa đến. Ngài ấy đang ở trong thư viện.”

Hadley, người đang sốt ruột gõ ngón chân vào tấm chắn lò sưởi cứ như cào lên sàn, nôn nóng hỏi han tình hình.

“Bạn đã gặp Fell chưa?” ông hỏi. “Ông ấy có nghiên cứu những là thư đó không? Và nếu có...?”

Rampole kể lại mọi chuyện. “Ông có tin gì mới không?”

“Có, tin rất quan trọng. Cả Pettis và Burnaby đều bị loại. Họ có chứng cứ ngoại phạm vững như bàn thạch.”

Gió rít dọc theo phố Adelphi Terrace, và những cửa sổ cao rung lên bần bật. Hadley tiếp tục cào vào tấm chắn lò sưởi. Ông nói tiếp: “Đêm qua tôi đã gặp ba người bạn chơi bài của Burnaby. Hơn nữa, một người là thẩm phán ở Old Bailey, sẽ rất khó để đưa một người ra tòa nếu có một thẩm phán làm chứng cho sự vô tội của ông ta. Burnaby đã chơi poker vào tối thứ bảy từ 8 giờ đến gần 11 rưỡi. Và sáng nay Betts đã đến nhà hát nơi Pettis nói là đã đến xem kịch đêm đó. Đúng như vậy thật. Một trong những người phục vụ quầy bar ở nhà hát biết mặt ông ta. Có vẻ như hồi thứ hai của vở kịch kết thúc vào lúc 10 giờ 5 phút. Người phục vụ này sẵn sàng thề rằng đã dọn cho Pettis một li whisky và soda trong quán bar vài phút sau đó trong lúc nghỉ giải lao. Nói cách khác, ông ta đang uống rượu vào đúng thời điểm mà Grimaud bị bắn ở cách đó gần một dặm.”

“Tôi cũng lưỡng lự như thế rồi,” Rampole nói, sau một lúc im lặng.
“Vậy mà, khi nghe xác nhận... tôi muốn ông xem cái này.”

Anh đưa cái thời gian biểu đã viết tối qua. Hadley liếc qua nó.

“Ồ, phải. Tôi cũng đã thảo ra một bản của mình. Cái bảng này có vẻ khá hợp lí, nhất là chi tiết liên quan đến cô gái và Mangan, mặc dù chúng ta không thể đưa ra mốc thời gian chính xác. Nhưng tôi nghĩ là nó đúng.” Ông gõ cái phong thư vào lòng bàn tay. “Thu hẹp phạm vi nghi ngờ lại, tôi thừa nhận. Chúng ta sẽ thử với Drayman một lần nữa. Sáng nay tôi đã gọi điện đến nhà Grimaud. Mọi người đều đang xúc động vì thi thể của Grimaud đã được đưa về nhà. Và tôi không thể hỏi Rosette được gì nhiều trừ việc Drayman vẫn chưa tỉnh táo hoàn toàn và vẫn phải dùng morphine. Chúng ta...”

Ông dừng lại khi nghe thấy tiếng bước chân ịch ạch và tiếng gậy gõ xuống sàn quen thuộc của tiến sĩ Fell. Có vẻ như vị tiến sĩ đã khựng lại ngoài cửa khi nghe thấy tiếng Hadley. Rồi ông đẩy cửa vào. Ánh mắt của ông không còn sự lấp lánh vui vẻ nữa. Trông ông cũng ủ rũ như thời tiết sáng nay, và cảm giác có điều gì đó tồi tệ sẽ đến làm bầu không khí càng nặng nề.

“Thế nào?” Hadley thúc giục, “ông đã tìm được thứ ông muốn trong những lá thư đó chưa?”

Tiến sĩ Fell mò mẫm trong người tìm cái tẩu đen và châm thuốc. Trước khi trả lời, ông lắc lư bước tới lò sưởi và ném que diêm vào ngọn lửa. Cuối cùng ông cũng cười, nhưng rất nhả nhỏ.

“Có, tôi đã tìm thấy điều tôi muốn biết. Hadley, giả thuyết của tôi vào đêm thứ bảy đã hai lần dẫn ông đi sai hướng. Nó sai lầm đến chết người và ngớ ngẩn đến choáng váng, đến nỗi nếu tôi không cứu lấy lòng tự tôn của mình bằng cách tìm ra sự thật hôm qua, thì tôi lẽ ra đã phải chịu hình phạt nặng nề nhất dành cho những kẻ ngu ngốc. Mặc dù vậy, đây không chỉ đơn thuần là lỗi của tôi. Sự tình cờ và hoàn cảnh còn mắc lỗi nặng hơn, và tất cả gộp lại khiến cho một vụ giết người bình thường, xấu xí, không đáng để ý trở thành một câu đố kinh khủng và không thể lí giải nổi.Ồ, tất nhiên kẻ sát

nhân cũng rất xảo quyết nữa, tôi thừa nhận. Nhưng, đúng, tôi đã tìm thấy điều tôi muốn biết.”

“Thì sao? Thế còn nội dung trên những tờ giấy? Trên đó có gì?”

“Chẳng có gì cả,” tiến sĩ Fell nói.

Có gì đó kì quặc trong cách ông từ tốn và nặng nề trả lời câu hỏi.

“Ý ông là,” Hadley hét lên, “thí nghiệm đã thất bại?”

“Không, ý tôi là thí nghiệm đã thành công. Ý tôi là trên những tờ giấy đó *chả có gì cả*,” giọng tiến sĩ Fell vang lên trầm trầm. “Chẳng có một dòng hay một mẫu chữ viết tay nào cả, chưa nói gì đến những bí mật chết người mà tôi nói có thể tìm thấy vào hôm thứ bảy. Ý tôi là thế đấy. Trừ việc, đúng. Có một vài mẫu giấy nặng hơn, giống như bìa cứng dày, với một hai chữ cái in trên đó.”

“Nhưng tại sao phải đốt trừ khi...?”

“Vì đó không phải là thư từ gì cả. Thế thôi, chúng ta đã sai lầm ở chỗ đó. Ông vẫn chưa nhận ra nó là gì à?... Chà, Hadley, ta nên giải quyết việc này thật nhanh cho nhẹ đầu. Ông muốn gặp tên giết người vô hình, đúng không? Ông muốn gặp kẻ vô hình để sợ đã ám ảnh những giấc mơ của chúng ta phải không? Tốt lắm, tôi sẽ giới thiệu hẳn cho ông. Có xe chứ? Vậy thì đi thôi. *Tôi sẽ cố lấy được một lời tự thú.*”

“Từ...?”

“Từ một người trong nhà của Grimaud. Đi nào.” Rampole thấy cái kết đã lờ mờ hiện ra, và bỗng nhiên cảm thấy lo sợ một cách vô cớ.

Hadley phải khởi động cái động cơ gần như đã đóng băng để xe chạy. Họ gặp phải vài chỗ tắc đường, nhưng Hadley thậm chí không chửi thề một lần nào. Và người lạng lẹ nhất lại chính là tiến sĩ Fell.

Tất cả màn cửa của ngôi nhà trên quảng trường Russell đều đã được buông xuống.

Trông nó còn âm đạm hơn đêm qua, vì cái chết đã vào nhà. Căn nhà yên ắng đến nỗi họ có thể nghe thấy tiếng chuông cửa rung lên khi tiến sĩ Fell nhấn chuông. Một lúc lâu sau, Annie, không đội mũ hay đeo tạp dề, ra mở cửa. Cô trông xanh xao và cáng thẳng, nhưng vẫn bình tĩnh. “Chúng tôi muốn gặp bà Dumont,” tiến sĩ Fell nói. Hadley giật mình quay lại nhìn, mặc dù vẫn tỏ ra điềm tĩnh. Annie dường như nói vọng ra từ trong bóng tối trong sảnh khi cô lùi lại.

“Bà ấy ở với... bà ấy ở trong đó,” cô gái trả lời, và chỉ về phía cửa phòng khách. “Tôi sẽ gọi...” cô nuốt nước bọt.

Tiến sĩ Fell lắc đầu. Ông đi tới nhẹ nhàng một cách đáng ngạc nhiên rồi mở cửa phòng khách.

Những tấm màn cửa màu nâu đã được kéo xuống, và những tấm rèm đăng ten dày làm giảm bớt chút ánh sáng còn lọt qua được. Mặc dù căn phòng trông rộng hơn, tất cả đồ nội thất đã chìm trong bóng tối, chỉ trừ một thứ bằng kim loại đen bóng viền vải satin trắng. Đó là một cỗ quan tài mở. Những ngọn nến mảnh được đốt quanh nó. Ở nơi mình đang đứng, Rampole chỉ thấy chóp mũi của người đã khuất. Nhưng chỉ cần những ngọn nến đó thôi, hay cái mùi hoa và trầm hương thoảng thoảng trong không khí, cũng đủ để đưa họ từ London âm u đến những vách đá cheo leo lộng gió giữa núi rừng Hungary: nơi thánh giá vàng bảo vệ con người khỏi quỷ dữ, và vòng tở trắng ngăn chặn lũ ma cà rồng đang rình mò.

Vậy mà đó không phải là điều đầu tiên họ để ý đến. Ernestine Dumont ngồi bên quan tài, tay nắm chặt một góc. Ngọn nến dài và mảnh đặt trên cao khiến cho mái tóc đang bạc đi vàng lên, làm dịu đi dáng ngồi co quắp khi rũ vai xuống. Khi bà ta từ từ quay đầu lại họ nhìn thấy mắt của bà đã hờm xuống và mờ đi, mặc dù bà không khóc được. Ngực bà phập phồng. Nhưng trên vai bà lại choàng một tấm khăn màu vàng sặc sỡ có tua dài, đính kim tuyến đỏ và hạt cườm như cháy lên lấp lánh dưới ánh nến. Điều đó càng làm cho khung cảnh thêm man rợ.

Rồi bà ta thấy họ. Hai tay của bà ta bỗng nhiên nắm chặt lấy góc quan tài như muốn che chở cho người đã chết. Bà ta vẫn như một cái bóng, với một tay dang rộng ra, dưới ánh sáng leo lét của những ngọn nến.

“Sẽ tốt cho bà, thưa bà, nếu bà thú nhận,” tiến sĩ Fell nói, rất nhẹ nhàng. “Tin tôi đi, như thế sẽ tốt cho bà.”

Trong một giây, Rampole tưởng như bà Dumont đã ngừng thở. Rồi bà ta phát ra một âm thanh nghe giống tiếng ho khan, trước khi bật cười điên loạn.

“Thú nhận?” bà nói. “VẬY đây là điều các ông nghĩ à, lũ ngốc? Chà, tôi không quan tâm. Thú nhận! Thú nhận tôi đã giết người à?”

“Không,” tiến sĩ Fell nói.

Cái giọng đều đều nhỏ nhẹ của ông tạo nên âm điệu nặng nề trong phòng. Và bây giờ bà ta chăm chăm nhìn ông – lần đầu tiên bà ta chăm chăm nhìn ông với vẻ hoảng sợ khi ông tiến lại gần.

“Không,” tiến sĩ Fell nói. “Bà không phải là kẻ giết người. Để tôi nói cho bà nghe bà thực sự là ai.”

Lúc này ông đứng sừng sững trước mặt bà, che khuất ánh nến, nhưng ông vẫn nói rất nhẹ nhàng.

“Hôm qua, bà thấy đấy, một người tên là O’Rourke đã kể với chúng tôi một số điều. Một trong số đó là: một màn ảo thuật dù ở trong hay ngoài sân khấu, muốn thành công đều cần phải có sự giúp đỡ của một trợ lí. Vụ án này cũng không phải là ngoại lệ. Bà là trợ lí của ảo thuật gia cũng như kẻ giết người.”

“Người vô hình,” Ernestine Dumont nói, và bỗng nhiên phá ra cười điên dại.

“Người vô hình,” tiến sĩ Fell nói, và lặng lẽ quay sang Hadley, “theo đúng nghĩa đen. Cái tên ‘người vô hình’ là một sự chế nhạo đầy mỉa mai và tồi tệ, dù chúng ta không biết điều này, bởi đó chính là sự thật. Đấy chính là thứ ghê sợ, và theo cách nào đó cũng là nỗi ô nhục. Ông có muốn gặp kẻ giết

người mà chúng ta đã săn đuổi trong suốt vụ án này không? Kẻ giết người năm *đây này*,” tiến sĩ Fell nói, “nhưng Chúa không cho phép chúng ta xét xử hẳn nữa rồi.”

Và ông chậm chậm chỉ vào khuôn mặt trắng bệch không còn sự sống với đôi môi mím chặt của tiến sĩ Charles Grimaud.

XX. Hai viên đạn

Tiến sĩ Fell tiếp tục nhìn bà Dumont, người lại một lần nữa ngồi thu mình bên cạnh cỗ quan tài như để bảo vệ nó.

“Thưa bà,” ông nói tiếp, “người bà yêu thương đã chết. Pháp luật không thể nào động đến ông ấy được nữa, và dù ông ấy đã làm gì đi chăng nữa, ông ấy cũng đã phải trả giá. Vấn đề bức thiết lúc này, cả của tôi và của bà, là giữ kín chuyện này để người sống không bị tổn thương. Nhưng, bà thấy đấy, bà là tòng phạm, dù cho bà không trực tiếp nhúng tay vào vụ giết người. Tin tôi đi, thưa bà, nếu tôi có thể giải thích toàn bộ câu chuyện mà không cần đưa bà vào, thì tôi đã làm rồi. Tôi biết bà đang chịu đau khổ. Nhưng chính bà cũng sẽ thấy là không thể nào giải thích toàn bộ vấn đề này mà không cần đến bà. Nên chúng ta phải thuyết phục ngài chánh thanh tra cấp cao Hadley rằng chuyện này phải được giữ kín.”

Có cái gì đó trong giọng nói của ông, có lẽ là niềm cảm thông vô hạn chỉ riêng Gideon Fell có, dường như đã chạm đến người phụ nữ một cách nhẹ nhàng, như giấc ngủ đến với một người khóc hết nước mắt. Cơn cuồng dại của bà ta không còn nữa.

“Ông có biết không?” bà ta hỏi ông, sau khi dừng lại, với giọng gần như tha thiết. “Đừng lừa tôi! Ông thật sự biết ư?”

“Vâng, tôi thật sự biết.”

“Lên trên nhà đi. Vào phòng ông ấy,” bà ta nói, giọng thần thờ, “và tôi sẽ lên với các ông ngay. Bây giờ tôi... tôi chưa thể đối mặt với các ông. Tôi phải suy nghĩ, và... Nhưng đừng nói gì với ai cho đến khi tôi lên. Làm ơn! Không, tôi sẽ không bỏ chạy đâu.”

Cử chỉ mạnh mẽ của tiến sĩ Fell khiến Hadley im lặng khi họ đi ra. Họ cũng đi từng bước nặng nề lên tầng trên cùng trong im lặng. Họ không gặp

ai, họ không thấy ai. Một lần nữa họ lại vào trong phòng làm việc, nơi tối đến nỗi Hadley phải bật cái đèn khám thủy tinh trên bàn lên. Sau khi đảm bảo rằng cửa đã đóng, Hadley mất bình tĩnh và quay lại hỏi.

“Ông định nói với tôi rằng Grimaud đã giết Fley?”

“Đúng.”

“Trong khi ông ấy nằm bất tỉnh và hấp hối trước mắt những nhân chứng trong nhà dưỡng lão, ông ấy đã đến phố Cagliostro và...!”

“Không phải lúc đó,” tiến sĩ Fell khẽ nói. “Ông thấy đấy, đó là điều ông không hiểu. Đó là điều đã dẫn ông đi sai hướng. Đó là điều tôi muốn nói khi thốt lên rằng vụ án này không phải bị đảo ngược, mà là bị *xoay chiều*. Fley đã bị giết trước Grimaud. Và tệ hơn cả, Grimaud đã cố nói với chúng ta toàn bộ sự thật. Điều ông ấy nói với chúng ta chính là sự thật, khi ông ấy biết mình không còn hi vọng sống sót nữa – đó là một trong những điểm tốt hiếm hoi của ông ấy – nhưng chúng ta đã diễn giải sai sự thật. Ngồi xuống, và tôi sẽ xem liệu tôi có thể giải thích được không. Chừng nào ông nằm được ba điểm thiết yếu, ông sẽ không cần suy luận và tôi sẽ không cần phải giải thích thêm nữa. Vụ án sẽ lí giải chính nó.”

Ông thở khò khè và ngồi xuống cái ghế phía sau bàn làm việc. Trong một chốc, ông suy tư nhìn về phía ngọn đèn. Rồi ông nói tiếp:

“Ba điểm thiết yếu là: (1) Không có gã Henri nào cả, chỉ có hai anh em, (2) Cả hai người này đều nói sự thật, (3) Chính các mốc thời gian đã xoay chiều vụ án này.

“Rất nhiều sự kiện trong vụ án đã xảy ra trong một khoảng thời gian rất ngắn. Cũng thật mỉa mai khi ta gọi hung thủ là người vô hình trong khi mấu chốt của vụ án lại là sự nhầm lẫn về thời gian. Ông có thể dễ dàng phát hiện ra nếu ông nhớ lại.

“Giờ hãy nhớ về buổi sáng hôm qua! Đã có đôi lúc tôi nghĩ rằng đã có điều gì đó rất lạ lùng trên phố Cagliostro. Vụ bắn người ở đó do ba nhân chứng (đáng tin) kể lại, lời khai của họ có một điểm chung là vụ án xảy ra

vào đúng 10 giờ 25 phút, không khác nhau lấy một giây. Tôi tự hỏi vu vơ rằng, tại sao lời khai của họ lại trùng khớp đến mức đáng ngạc nhiên như vậy. Thường thì với những vụ tai nạn ngoài đường, kể cả những nhân chứng bình tĩnh nhất cũng không để ý hay xem giờ chính xác như vậy. Kể cả nếu có xem, họ cũng không thể thống nhất với nhau về thời điểm chính xác xảy ra vụ tai nạn một cách kì lạ thế được. Nhưng họ là những người đáng tin, và chắc phải có một lí do nào đó giải thích cho việc này. Thời gian hẳn đã phải đập vào mắt họ.

“Tất nhiên là có lí do rồi. Ngay cạnh chỗ Fley ngã xuống có một cửa hiệu sáng đèn – cửa hiệu duy nhất bật đèn sáng tối hôm đó – cửa hiệu đồ trang sức. Đó là nơi nổi bật nhất trong phố. Ánh sáng từ nơi đó rọi vào người bị giết, và đó là nơi đầu tiên mà viên cảnh sát chạy đến để tìm kẻ giết người, đương nhiên là nơi đó đã thu hút sự chú ý của mọi người. Và bên trong cửa hiệu đó hướng ra ngoài là một cái đồng hồ khổng lồ với thiết kế khác thường đến nỗi nó ngay lập tức hút lấy ánh mắt của người nhìn. Đương nhiên là viên cảnh sát sẽ nhìn vào đó để xem giờ, và cả những nhân chứng khác cũng vậy. Vì thế họ mới thống nhất về thời điểm xảy ra vụ án mạng.

“Nhưng có một điều dường như không quan trọng lắm vào lúc đó nhưng lại khiến tôi hơi lẩn tẩn. Sau khi Grimaud bị bắn, Hadley gọi người đến nhà ông ta, và ngay lập tức cử một người đến bắt Fley dưới danh nghĩa nghi phạm. Vậy cảnh sát đến đây lúc mấy giờ?”

“Khoảng 10 giờ 40,” Rampole nói, “theo như ước tính của tôi. Tôi đã ghi nó vào trong thời gian biểu.”

“Và,” tiến sĩ Fell nói, “một người ngay lập tức được cử đi bắt Fley. Người này hẳn phải đến phố Cagliostro lúc mấy giờ nhỉ? Trong khoảng 15 đến 20 phút sau khi Fley được cho là đã bị giết. Nhưng trong khoảng thời gian ngắn đó, điều gì đã xảy ra? Rất nhiều! Fley được đưa đến nhà bác sĩ, hẳn chết ở đó, rồi có khám nghiệm tử thi, nỗ lực để nhận dạng Fley không có kết quả, và rồi, ‘sau một thời gian trì hoãn’ theo như lời của báo chí, một chiếc xe đến và đưa Fley đến nhà xác. Tất cả mọi thứ! Khi người của Hadley đến phố

Cagliostro để bắt Fley thì tất cả mọi chuyện đã kết thúc, và anh cảnh sát phải đến hỏi thăm từng nhà một. Tất cả sự náo nhiệt đã lắng xuống. Điều đó thật lạ thường.

“Rất tiếc là tôi đã quá trì độn đến nỗi sáng hôm qua khi nhìn vào chiếc đồng hồ trên cửa hiệu trang sức, tôi cũng không nhận ra được tầm quan trọng của chi tiết này.

“Hãy lùi về quá khứ chút nữa nhé. Sáng hôm qua khi chúng ta ăn sáng ở nhà của tôi, Pettis ghé qua, và chúng ta nói chuyện với ông ấy đến mấy giờ nhỉ?”

Mọi người khựng lại.

“Đến 10 giờ đúng,” Hadley đột nhiên trả lời, và búng ngón tay. “Đúng, Tôi nhớ vì đồng hồ Big Ben đã điểm ngay khi chúng ta đứng lên.”

“Đúng rồi. Pettis rời đi, và sau đó chúng ta đội mũ mặc áo khoác và đi *thăng* đến phố Cagliostro. Giờ thì hãy dành ra một khoảng thời gian hợp lí để chúng ta đội mũ, đi xuống cầu thang, lái một quãng ngắn trên những con phố vắng vẻ sáng chủ nhật – quãng đường mà ta chỉ đi mất 10 phút vào tối thứ bảy đông đúc. Tôi nghĩ mọi người sẽ cho rằng làm tất cả những việc đó cũng chỉ mất không đến 20 phút... Nhưng ở phố Cagliostro, khi ông chỉ cho tôi cửa hiệu trang sức, cái đồng hồ đó vừa chỉ *11 giờ*.

“Lúc ấy, vì đang nghĩ ngợi vớ vẩn nên tôi không hề thắc mắc khi nhìn vào đồng hồ, cũng giống như ba nhân chứng đang kích động đêm hôm trước. Ngay sau đó – mọi người nhớ lại đi – Somers và O'Rourke đưa chúng ta lên căn hộ của Burnaby. Chúng ta đã điều tra khá lâu, rồi còn ngồi nói chuyện với O'Rourke. Và trong khi O'Rourke đang nói, tôi để ý rằng trong sự quạnh quẽ của con phố hôm đó có một tiếng động mới. Tôi nghe thấy tiếng chuông nhà thờ.

“Chà, thường thì mấy giờ chuông nhà thờ rung nhỉ? Không thể là sau 11 giờ, vì lúc đó buổi lễ đã bắt đầu. Thường thì trước 11 giờ sẽ có một tiếng chuông báo. Nhưng, nếu như căn cứ vào thời gian trên chiếc đồng hồ Đức

đó thì lúc chuông rung đã phải qua 11 giờ rất lâu rồi. Lúc đó cái đầu trì trệ của tôi mới bừng tỉnh. Tôi nhớ đến tiếng chuông Big Ben và chặng đường đến phố Cagliostro. Như vậy là chuông nhà thờ và Big Ben chống lại (hừm) chiếc đồng hồ ngoại quốc trông chỉ được cái mã ngoài. Nhà thờ và Nhà nước không thể sai cùng một lúc... Nói cách khác, *chiếc đồng hồ trong cửa hiệu trang sức chạy nhanh ít nhất 40 phút. Do đó vụ bắn nhau trên phố Cagliostro đêm hôm trước không thể xảy ra lúc 10 giờ 25 phút. Thực chất nó phải xảy ra trước 10 giờ kém 15 một chút. Cứ cho là khoảng 9 giờ 40 đi.*

“Sớm muộn gì cũng sẽ có người phát hiện ra điều này, có lẽ ai đó đã phát hiện ra rồi cũng nên. Thời gian tử vong có thể được bên pháp y phát hiện ra. Ai đó có thể đứng lên tranh cãi về thời gian tử vong thực sự. Khi đó, liệu ông có ngay lập tức thấy được sự thật không (như tôi hi vọng) hay sẽ càng bối rối hơn, tôi không biết... Nhưng sự thật chắc chắn vẫn là vụ giết người trên phố Cagliostro đã diễn ra trước khi người đàn ông đeo mặt nạ rung chuông cửa vào lúc 9 giờ 45.”

“Nhưng tôi vẫn không hiểu...!” Hadley phản bác.

“Về tình huống bất khả thi? Không, nhưng giờ tôi đã có thể kể lại toàn bộ câu chuyện cho ông ngay từ đầu.”

“Rồi, nhưng để tôi làm rõ chuyện này trước đã. Nếu Grimaud, như ông nói, đã bắn Fley trên phố Cagliostro ngay trước 9 giờ 45...”

“Tôi không nói thế,” tiến sĩ Fell phủ nhận.

“Cái gì?”

“Ông sẽ hiểu nếu ông nghe kịp lời giải thích kiên nhẫn của tôi từ đầu. Tối thứ tư tuần trước, khi Fley lần đầu xuất hiện từ quá khứ, đến gặp mặt người anh trai với một lời đe dọa ghê gớm ở quán Warwick, Grimaud đã quyết thủ tiêu hẳn ta. Trong cả vụ án, như ông thấy, Grimaud là người duy nhất có động cơ để giết Fley. Và Chúa ơi! Hadley, đúng là ông ấy có động cơ đấy! Ông ấy đang sống giàu có, ung dung tự tại, được tôn trọng. Quá khứ của ông ấy đã bị chôn vùi. Và rồi đột nhiên, cánh cửa bật ra, và một kẻ lạ mặt cười

nhấn nhở bước vào. Hóa ra hẳn lại là em trai Pierre của ông ấy. Grimaud khi trốn thoát khỏi nhà tù đã giết một người em trai của mình bằng cách để hẳn bị chôn sống, và cũng sẵn sàng giết nốt người em còn lại nếu không vì một sự cố. Ông ấy vẫn có thể bị dẫn độ về treo cổ, và Pierre Fley đã lần ra được ông ấy.

“Vậy thì hãy nhớ lại chính xác những gì Fley nói khi đột ngột xộc đến trước mặt Grimaud vào đêm đó trong quán rượu. Hãy nghiên cứu xem tại sao hẳn lại nói những lời đó, và ông sẽ hiểu tại sao ngay cả một kẻ thần kinh không ổn định như Fley cũng không điên rồ như hẳn giả bộ. Nếu mục đích đơn thuần chỉ là báo thù cá nhân, thì tại sao hẳn lại chọn cách giáp mặt Grimaud trước sự chứng kiến của bạn bè thân thiết của ông ấy và nói những lời bóng gió như vậy? Hẳn đem em trai của mình ra để đe dọa, và đó là lần duy nhất hẳn nói về người em trai *đã chết* của mình. Tại sao hẳn lại nói, ‘Nó có thể nguy hiểm với ông còn hơn tôi nhiều’? Vì người em đã chết có thể khiến Grimaud bị treo cổ! Tại sao hẳn lại nói, ‘Tôi không muốn cái mạng sống của ông, nhưng nó thì có’? Tại sao hẳn lại nói, ‘Tôi bảo nó đến thăm ông nhé!’? Và tại sao ngay sau đó hẳn lại đưa cho Grimaud danh thiếp trên đó có ghi cẩn thận địa chỉ của hẳn? Hành động trao danh thiếp, cùng với những lời hẳn nói và những điều hư cấu sau đó, rất đáng chú ý. Điều Fley thật sự muốn nói khi cố tình úp úp mở mở để khiến Grimaud hoảng sợ trước mặt các nhân chứng là: “Ông anh của tôi ạ, anh sống giàu có và phè phỡn bằng số tiền chúng ta cướp được khi còn trẻ. Còn tôi thì nghèo khó và chán ghét công việc của mình. Giờ anh sẽ đến gặp tôi ở địa chỉ này để dàn xếp mọi chuyện, hay anh muốn tôi báo cảnh sát?”

“Tổng tiền,” Hadley nói nhẹ nhàng.

“Đúng. Fley có rất nhiều điều muốn nói, nhưng hẳn không phải là kẻ ngốc. Giờ hãy chú ý đến cách hẳn nói trịch đi ý đồ của mình trong những lời đe dọa cuối cùng hẳn dành cho Grimaud. ‘Tôi *cũng* gặp nguy hiểm khi hợp tác với em trai của mình, nhưng tôi đã sẵn sàng đánh cược với nguy cơ đó.’ Và trong câu nói này, cũng như sau đó, hẳn muốn gửi đến *Grimaud* thông điệp thật sự này. ‘Ông anh của tôi ạ, anh có thể tìm cách giết tôi như

anh đã làm với em của chúng ta, nhưng tôi chấp nhận mạo hiểm. Vậy anh muốn dàn xếp êm đẹp với tôi, hay anh muốn người em đã chết đến treo cổ anh?’

“Hãy nghĩ đến những hành động của hãn sau đó, vào cái đêm xảy ra vụ giết người. Hãy nhớ hãn đã hân hoan thế nào khi đập phá hết những dụng cụ ảo thuật của hãn? Và hãn đã nói những gì với O’Rourke? Nếu ta đặt những lời hãn nói bên cạnh những gì chúng ta biết bây giờ, những lời này chỉ có một cách giải thích. Hãn nói:

‘Tôi sẽ không cần chúng nữa. Công việc của tôi đã hoàn tất. Tôi chưa nói với ông à? Tôi sẽ đi gặp một người anh em của tôi. Người đó sẽ làm gì đó để dàn xếp chuyện mắc mớ hồi xưa giữa hai chúng tôi.’

“Tất nhiên nghĩa là Grimaud đã đồng ý chi tiền. Ý Fley muốn nói là hãn sẽ rũ bỏ cuộc sống trước đây mãi mãi, quay lại nắm mồ của hãn như một người chết, nhưng với cả đồng tiền, nhưng hãn không thể nói cụ thể hơn mà không tiết lộ bí mật. Tuy nhiên, hãn cũng biết ông anh của mình rất ranh ma xảo quyệt, dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ. Hãn không thể báo trước cụ thể cho O’Rourke, vì có khả năng Grimaud muốn chi tiền thật, nhưng hãn vẫn bóng gió:

‘Nếu tôi có mệnh hệ gì, ông sẽ tìm thấy người anh em của tôi ở cùng con phố nơi tôi sống. Đó không phải là nhà của người đó, nhưng người đó có thuê một phòng ở đó.’

“Lát nữa tôi sẽ giải thích câu nói cuối cùng đó. Nhưng hãy quay lại với Grimaud. Grimaud không hề có ý định thỏa mãn yêu cầu của Fley. Số của Fley là phải chết. Trong cái đầu tinh khôn, mưu mẹo, và thích phô diễn của mình, Grimaud (người, như ông biết, có hứng thú với ảo thuật hơn tất cả những người chúng ta từng gặp) đã quyết không để gã em trai phiền toái làm cho khổ sở. Fley phải chết, nhưng thực hiện việc đó khó khăn hơn ta tưởng tượng.

“Nếu Fley đến nói chuyện riêng với ông ấy, và không ai biết được mối quan hệ giữa hai người, thì mọi việc đã đơn giản hơn nhiều. Nhưng Fley rất ranh ma. Hãn tung ra tên và địa chỉ của mình, và bóng gió về những bí mật

xa xưa liên quan đến Grimaud trước mặt nhóm bạn của ông ta. Khó xử chưa kìa! Giờ nếu Fley bị giết, nhiều khả năng ai đó sẽ nói, ‘Ô kìa! Đó có phải gã đã...?’ Và chẳng mấy chốc sẽ có thẩm vấn, vì có Chúa mới biết Fley đã nói gì với *người khác* về Grimaud. Điều duy nhất hẳn khó có khả năng thổ lộ với người khác chính là bí mật chết chóc hẳn dùng để đe dọa Grimaud, và đó là điều hẳn tuyệt đối phải giữ kín. Dù có chuyện gì xảy ra với Fley đi chăng nữa, dù hẳn chết bằng cách nào, thì cũng sẽ có người đặt nghi vấn về Grimaud. Cách duy nhất Grimaud có thể làm là thần nhiên giả bộ rằng Fley đang muốn giết ông ấy, tự gửi cho mình những lá thư đe dọa (nhưng không quá rõ ràng), khéo léo làm xáo trộn cuộc sống trong nhà, và cuối cùng, cho mọi người biết rằng Fley đã đe dọa đến gặp ông ấy vào chính cái đêm ông ấy định đến gặp Fley. Ông sẽ thấy ông ấy đã lên kế hoạch cho một vụ giết người rất tinh vi.

“Ông ấy muốn dựng lên một câu chuyện như thế này: gã Fley khát máu sẽ đến gặp ông ấy vào tối thứ bảy. Sẽ có người làm chứng việc này. Hai người sẽ vào nói chuyện riêng trong văn phòng của Grimaud. Có tiếng cãi vã, sau đó là ầm ả, tiếng súng và tiếng cái gì đó rơi xuống. Cửa mở ra, người ta sẽ phát hiện Grimaud ở một mình với có một vết thương trên người do đạn bắn sượt qua, nhìn có vẻ nặng nhưng không gây nguy hiểm đến tính mạng. Không tìm thấy vũ khí. Ngoài cửa sổ có treo một sợi dây thừng thuộc về Fley, khiến người ta cho rằng Fley đã dùng nó để trốn thoát. (Hãy nhớ rằng, dự báo thời tiết nói là đêm đó *không* có tuyết, nên trên mặt đất sẽ không có dấu chân nào để cảnh sát có thể lần theo.) Grimaud nói: ‘Hẳn nghĩ hẳn đã giết được tôi, tôi giả vờ chết, và hẳn đã trốn thoát. Không, đừng cho cảnh sát đuổi theo hẳn, kẻ tội nghiệp. Tôi không sao đâu.’ Và sáng hôm sau, người ta sẽ phát hiện ra Fley đã chết trong phòng của hẳn. Hẳn đã tự tử bằng cách giáng súng vào ngực và bóp cò. Khẩu súng ở bên cạnh. Một bức thư tuyệt mệnh đặt trên bàn. Trong lúc tuyệt vọng vì nghĩ mình đã giết Grimaud, hẳn liền tự vẫn... Đó, thưa các vị, là câu chuyện mà Grimaud muốn dựng lên.”

“Nhưng ông ta làm thế bằng cách nào?” Hadley hỏi. “Và cuối cùng thực tế có diễn ra như vậy đâu!”

“Không. Ông thấy đấy, kế hoạch đã thất bại hoàn toàn. Phần sau của kế hoạch, khi có người thấy Fley gặp Grimaud trong phòng làm việc của Grimaud trong khi thật ra hẳn đã chết ở ngôi nhà trên phố Cagliostro, tôi sẽ giải thích vào thời điểm thích hợp. Grimaud, với sự trợ giúp của bà Dumont, đã có chuẩn bị trước.

“Ông ấy hẹn gặp Fley ở phòng của Fley ở tầng trên cùng của cửa hiệu bán thuốc lá. Ông ấy hẹn gặp Fley lúc 9 giờ tối thứ bảy để chi tiền. (Hãy nhớ lại rằng Fley đã hân hoan bỏ việc, đốt hết đồ đạc của mình, và rời khỏi nhà hát ở khu Limehouse vào lúc 8 giờ 15.)

“Grimaud chọn buổi tối thứ bảy, bởi theo thói quen bất di bất dịch của mình, ông ấy sẽ ngồi một mình trong phòng làm việc mà không ai được phép quấy rầy với bất kì lí do nào. Ông ấy chọn đêm đó cũng bởi ông ấy cần dùng cửa phụ dẫn xuống tầng hầm để ra ngoài, và vào tối thứ bảy, Annie, người ở trong tầng hầm, được đi chơi. Ông nhớ rằng, sau khi Grimaud lên phòng vào lúc 7 giờ 30, không ai thấy ông ta cho đến khi, theo như lời khai, ông ấy mở cửa để đón vị khách vào lúc 9 giờ 50. Bà Dumont khai là đã nói chuyện với ông ấy vào lúc 9 rưỡi, khi bà ấy lên dọn khay cà phê. Chốc nữa tôi sẽ nói lí do vì sao tôi không tin lời khai đó. Sự thật là lúc ấy, ông ấy không hề ở trong phòng làm việc của mình, mà đang ở phố Cagliostro. Bà Dumont đã được dặn là phải nấp ở cửa phòng lúc 9 rưỡi, và đi ra với một lí do gì đó. Vì sao? Bởi Grimaud đã ra lệnh cho Mills lên lúc 9 rưỡi, và trông chừng phòng làm việc từ căn phòng cuối hành lang. Mills là kẻ bị lừa trong màn ảo thuật của Grimaud. Nhưng nếu anh ta đến gần cửa phòng làm việc, nếu Mills nghĩ ra lí do nào đó để xin vào nói chuyện hoặc gặp Grimaud, nhiệm vụ của bà Dumont là phải đuổi anh ta đi. Dumont sẽ đợi ở cổng tò vò, và chặn không cho Mills vào nếu anh ta có ý định tọc mạch gì.

“Mills được chọn làm người bị lừa trong màn ảo thuật: Vì sao? Bởi, mặc dù anh ta chu đáo tỉ mỉ đến nỗi anh ta sẽ thực hiện đúng từng li từng tí những chỉ thị của Grimaud, nhưng anh ta lại sợ ‘Fley’ đến độ không dám nhảy ra can thiệp khi người vô hình đi lên cầu thang. Anh ta không những không được tấn công người đeo mặt nạ trong những khoảnh khắc hiểm

nghèo trước khi người đeo mặt nạ vào được văn phòng, mà còn không được bén mảng ra khỏi phòng. Anh ta được lệnh ở nguyên trong phòng, và anh ta sẽ thực hiện đúng như vậy. Cuối cùng, anh ta được chọn bởi vóc dáng thấp bé của mình, một chi tiết mà sau đây sẽ trở nên rõ ràng.

“Mills được lệnh lên trên nhà và theo dõi lúc 9 giờ 30. Đó là vì người vô hình đã tính toán để xuất hiện ngay sau đó một chút thôi, nhưng trong thực tế, người vô hình đã đến muộn. Hãy chú ý đến sự không thống nhất này. Mills được báo là khách sẽ đến lúc 9 rưỡi, nhưng Mangan lại được báo là 10 giờ! Lí do rất rõ ràng. Phải có một người nào đó ở tầng dưới làm chứng rằng khách đã đến cửa trước, khẳng định lời khai của Dumont. Nhưng Mangan có thể sẽ tò mò về vị khách này, anh ta có thể sẽ nhảy ra thách thức người vô hình, trừ khi Grimaud nói nửa đùa nửa thật rằng khách có thể sẽ không đến, hoặc giả có đến đi chẳng nữa, thì cũng không thể đến trước 10 giờ. Đó là hành động cần thiết để đánh lạc hướng Mangan, và khiến anh ta do dự đủ lâu để người vô hình đi ngang qua cánh cửa phòng khách nguy hiểm và lên cầu thang. Và trong trường hợp tồi tệ nhất, vẫn có thể nhốt Mangan và Rosette trong phòng.

“Với những người còn lại: Annie đã ra ngoài. Drayman được cho vé đi nghe hòa nhạc, Burnaby chắc chắn đang ngồi chơi bài và Pettis ở nhà hát. Không còn ai ngáng đường được nữa.

“Vào khoảng trước 9 giờ (có lẽ khoảng 9 giờ kém 10), Grimaud lên ra khỏi nhà, dùng cửa thông từ tầng hầm lên mặt đất. Và ngay lập tức ông ấy gặp rắc rối. Tuyết đã rơi được một lúc, trái với dự báo thời tiết. Nhưng Grimaud không coi đó là chuyện nghiêm trọng. Ông ấy tin rằng mình có thể thực hiện kế hoạch và trở về lúc 9 rưỡi, và tuyết vẫn rơi đủ dày để che đi dấu chân mà ông ấy để lại, và để không ai đặt ra nghi vấn rằng vì sao vị khách lại không để lại dấu chân khi trèo từ cửa sổ xuống. Và cũng bởi kế hoạch đã bắt đầu được thực hiện, và ông ấy không còn đường lùi nữa.

“Khi rời khỏi nhà, ông ấy mang theo một khẩu súng Colt cũ không được đăng kí, bên trong chỉ có hai viên đạn. Ông ấy đội mũ gì thì tôi không biết,

nhưng mặc một cái áo khoác lòe loẹt làm bằng vải tuýt màu vàng tươi chấm bi nhỏ. Ông ấy mua cái áo lớn hơn loại ông ấy hay mặc vải cỡ vì nghĩ rằng đó là loại áo không ai nghĩ là ông ấy sẽ mặc, và nếu có ai đó quen biết nhìn thấy cũng không thể nhận ra được ông ấy. Ông ấy...”

Hadley chen vào.

“Khoan đã! Thế còn chuyện áo khoác đổi màu thì sao? Chuyện xảy ra trước lúc ăn tối ấy. Ông giải thích thế nào?”

“Một lần nữa tôi yêu cầu ông đợi đến màn ảo thuật cuối cùng của Grimaud, rồi tôi sẽ giải thích.

“Chà, mục đích của Grimaud là đến gặp Fley. Ở đó, ông ấy sẽ thân thiện nói chuyện với Fley một lúc. Ông ấy sẽ nói những câu như: ‘Em phải rời khỏi chỗ tồi tàn này, em trai! Em sẽ được thoải mái hơn, anh đảm bảo thế. Sao không bỏ những đồ đạc vô dụng này lại và đến nhà anh? Hãy viết thông báo trả nhà cho chủ nhà đi!’ ông biết đấy, đại loại như thế, để Fley viết một bức thông điệp mơ hồ cho chủ nhà. ‘Tôi sẽ ra đi mãi mãi.’ ‘Tôi sẽ quay lại nắm mồ của mình.’ Tất cả những câu chữ đó *giúp người ta tin rằng Fley đã tự tử khi tìm thấy hãn đã chết với một khẩu súng trong tay.*”

Tiến sĩ Fell nghiêng người về phía trước. “Rồi sau đó Grimaud rút khẩu Colt ra, gí vào ngực Fley, và mỉm cười bóp cò.

“Phòng của Fley ở tầng trên cùng trong một căn nhà trống trải. Như ông thấy, các bức tường đều dày và chắc chắn đến đáng kinh ngạc. Chủ nhà thì sống ở tận dưới tầng hầm, và là người thờ ơ nhất trên phố Cagliostro. Không ai có thể nghe thấy tiếng súng, nhất là tiếng súng đã bị nghẹt lại vì Grimaud đã gí khẩu súng vào sát Fley. Sẽ phải mất một thời gian mới phát hiện ra cái xác, chắc chắn không thể trước sáng hôm sau. Và trong lúc đó Grimaud sẽ làm gì? Sau khi bắn Fley, ông ấy sẽ bắn chính mình để gây ra một vết thương nhẹ, kể cả có phải chịu đựng viên đạn găm vào người, như ta đã biết với vụ ba chiếc quan tài trong quá khứ, ông ấy khỏe như trâu và có thần kinh thép. Ông ấy sẽ để lại khẩu súng bên cạnh Fley. Ông ấy sẽ bình tĩnh đắp một cái khăn tay hoặc nhét bông vào để cầm máu. Mà phải ở bên trong áo khoác

ngoài áo sơ mi, rồi dán lại bằng băng dính cho đến lúc xé được nó ra, rồi quay về nhà và làm tiếp trò ảo thuật để chứng minh rằng Fley đã đến gặp ông ấy, rằng Fley đã bắn ông ấy và quay lại phố Cagliostro và dùng chính khẩu súng đó để tự tử, như vậy sẽ không có bác sĩ pháp y nào nghi ngờ gì. Cho đến giờ tôi nói đã rõ chưa? Đây là một tội ác đã bị xoay chiều hoàn toàn.

“Điều đó, như tôi nói, là ý đồ của Grimaud. Nếu mọi việc diễn ra xuôi chèo mát mái, thì đó đúng là một vụ giết người tinh vi, và tôi nghĩ sẽ không ai nghi ngờ việc Fley tự sát.

“Nhưng có một vấn đề duy nhất cản trở việc thực hiện kế hoạch này. Nếu bất cứ ai – không nhất thiết phải một người dễ nhận ra như Grimaud – bất cứ ai bị nhìn thấy là đã ra vào nhà của Fley, thì rắc rối sẽ nảy sinh. Người ta sẽ không dễ dàng cho đó là tự tử nữa. Ngôi nhà chỉ có một cửa vào từ ngoài phố – đó là cánh cửa bên cạnh hiệu thuốc lá. Và ông ấy đang mặc một cái áo rất nổi bật mà ông ta đã từng mặc để đi do thám khu vực này trước đó. (Nhân tiện, Dolberman, ông chủ hiệu thuốc lá, đã nhìn thấy một người lảng vảng quanh nhà.) Và Grimaud đã tìm ra giải pháp cho vấn đề này ở căn hộ bí mật của Burnaby.

“Ông có thấy không, Grimaud rõ ràng là người có nhiều khả năng biết về căn hộ của Burnaby trên phố Cagliostro nhất? Chính Burnaby đã nói với chúng ta rằng vài tháng trước, khi Grimaud nghi ngờ ông ta có động cơ nào đó khi vẽ bức tranh kia, Grimaud đã không chỉ tra hỏi, mà còn *theo dõi* ông ta nữa. Với một người tưởng tượng rằng mình đang gặp nguy hiểm, thì việc theo dõi phải được thực hiện rất nghiêm túc. Ông ấy biết về căn hộ đó. Qua theo dõi, ông ấy biết được Rosette có chìa khóa. Vì thế, khi cơ hội đến và trong đầu nảy ra ý tưởng, ông ta đã ăn trộm chìa khóa của Rosette.

“Ngôi nhà nơi có căn hộ mà Burnaby thuê nằm cùng một bên với ngôi nhà mà Fley sống. Tất cả những ngôi nhà đó đều được xây dựa vào nhau, và có mái bằng, vì thế chỉ cần bước qua một bức tường ngăn thấp là ta có thể đi trên mái nhà từ đầu đến cuối phố. Cả hai người – hãy nhớ lại – đều sống ở

tầng trên cùng. Ông có nhớ chúng ta đã nhìn thấy gì khi xem xét căn hộ của Burnaby, ngay bên cạnh cửa vào không?”

Hadley gật đầu. “Có, tất nhiên. Một cái thang ngắn dẫn lên cửa sập thông lên mái nhà.”

“Chính xác. Và ngay chỗ chiếu tới cầu thang ngay trước cửa phòng Fley có một ô kính trời thấp cũng mở lên mái nhà. Grimaud thậm chí không cần ra mặt ở phố Cagliostro, ông ấy chỉ cần đi vào bằng con hẻm đằng sau mà chúng ta đã thấy từ cửa sổ nhà Burnaby. Ông ấy đi vào từ cửa sau, (như Burnaby và Rosette đã làm), lên tầng trên cùng, và trèo lên mái nhà. Sau đó ông ấy đi trên mái nhà đến phòng của Fley, tụt từ giếng trời xuống chiếu tới cầu thang, và có thể ra vào phòng của Fley mà không bị ai nhìn thấy. Hơn nữa, ông ấy biết chắc chắn rằng đêm đó Burnaby đang chơi bài ở nơi khác.

“Và mọi việc bắt đầu vượt khỏi tầm kiểm soát từ đây.

“Ông ấy phải vào phòng của Fley trước khi hấn về, để Fley không nghi ngờ khi thấy Grimaud nhảy từ trên mái nhà xuống. Nhưng chúng ta cũng biết rằng Fley vốn đã nghi ngờ từ trước. Có thể là vì Grimaud yêu cầu Fley mang dây thừng ảo thuật đến... Grimaud muốn có sợi dây thừng để làm bằng chứng chống lại Fley sau này. Hoặc có thể là vì Fley đã phát hiện ra Grimaud lảng vảng ở phố Cagliostro vài ngày trước đó, khả năng là đã thấy ông ấy thập thò trên mái nhà phía căn hộ của Burnaby sau khi đi theo dõi, và điều đó khiến Fley tin rằng Grimaud đã thuê một phòng ở phố này.

“Hai anh em gặp nhau ở căn phòng có thắp đèn dầu vào lúc 9 giờ. Ta không biết họ nói chuyện gì với nhau, và sẽ không bao giờ biết. Nhưng có chứng cứ cho thấy Grimaud đã xoa dịu được sự nghi ngờ của Fley, họ thoải mái, thân thiện hơn và quên hết những ân oán cũ. Grimaud nửa đùa nửa thật thuyết phục Fley viết thư để lại cho ông chủ nhà. Sau đó...”

“Tôi không phản đối gì cả,” Hadley nói khễ khàng, “nhưng sao ông lại biết những chuyện đó?”

“Grimaud đã nói với chúng ta,” tiến sĩ Fell nói.

Hadley nhìn ông chăm chăm.

“Ồ, đúng. Đã có lần tôi đã mắc lỗi xáo trộn các mốc thời gian, nên tôi hiểu. Nhưng nói tiếp nhé:

“Fley đã viết thư để lại. Hắn mặc áo và đội mũ chuẩn bị ra đi, vì Grimaud muốn người ta nghĩ rằng Fley đã tự sát ngay sau khi trở về nhà từ chuyến đi tưởng tượng đến nhà Grimaud. Rồi Grimaud nhảy xồ tới.

“Có thể là do Fley đã đề phòng theo phản xạ tự nhiên, hoặc hắn đã giết người lại để chạy ra cửa, vì sức vóc của hắn không thể đọ lại Grimaud – chuyện gì đã xảy ra trong lúc họ vật lộn và ẩu đả, chúng ta không biết. Nhưng Grimaud, với khẩu súng gí vào áo khoác của Fley khi hắn xoay người lại, đã phạm một sai lầm chết người. Ông ấy nổ súng. Và viên đạn đã đi không đúng chỗ. Thay vì xuyên qua tim nạn nhân, viên đạn lại găm vào xương vai trái – một vết thương ở vị trí tương tự, nhưng ở phía trước, sau đó đã giết chết chính Grimaud. Đó là một vết thương nặng, nhưng không thể khiến Fley chết ngay. Thật trớ trêu khi cả hai anh em đều bị giết bằng cùng một vũ khí, theo cách giống hệt nhau.

“Tất nhiên, Fley gục xuống. Hắn không thể làm gì khác, và đó là giải pháp khôn ngoan nhất, nếu không Grimaud đã dùng viên đạn còn lại kết liễu hắn luôn rồi. Nhưng Grimaud, trong một giây hoảng loạn, đã mất bình tĩnh. Tình thế này có thể đã phá hỏng hoàn toàn kế hoạch của ông ấy. Liệu một người *có thể* tự bắn chính mình ở vị trí đó được không? Nếu không, thì Chúa phù hộ kẻ giết người. Tệ hơn nữa, Fley, trong lúc thoát khỏi tay Grimaud, đã hét lên cầu cứu trước khi bị trúng đạn, và Grimaud tưởng như mình nghe thấy tiếng người chạy đến.

“Trong khoảnh khắc chí mạng đó, ông ấy vẫn đủ khôn ngoan và can đảm để bình tĩnh lại. Ông ấy nhét khẩu súng vào tay Fley, kẻ đang nằm sấp và bất động. Rồi ông ấy nhặt cuộn dây lên. Bằng cách này hay cách khác, bất chấp những hỗn loạn và hoang mang, kế hoạch vẫn phải được tiếp tục. Nhưng ông ấy đủ khôn ngoan để không mạo hiểm gây ra tiếng ồn bằng cách bắn một phát súng nữa, hay để phí thêm thời gian. Ông ấy lao ra khỏi căn phòng.

“Mái nhà, mọi người thấy không! Mái nhà là cơ hội duy nhất của ông ấy. Ông ấy tưởng tượng ra tiếng người đuổi theo ở khắp mọi nơi, có lẽ kí ức ghê rợn về ba ngôi mộ trong cơn bão bên dưới những ngọn núi ở Hungary đã trở về trong đầu của ông. Ông ấy cho rằng người ta sẽ nghe thấy và đuổi theo ông ấy trên mái nhà. Nên ông ấy nhảy bổ tới cửa sập trên mái nhà Burnaby và leo xuống căn hộ tối tăm của ông ta.

“Đến lúc đó đầu óc của ông ấy mới bắt đầu hoạt động trở lại...

“Và trong lúc đó, điều gì đã xảy ra? Pierre Fley đã bị bắn trọng thương. Nhưng hắn vẫn có bộ xương sườn bằng sắt đã từng giúp hắn trụ lại sau khi bị chôn sống. Kẻ sát nhân đã ra đi. Và Fley *không chịu* buông xuôi. Hắn phải đi tìm người giúp. Hắn phải đến...

“*Đến chỗ bác sĩ, Hadley.* Hôm qua ông đã hỏi vì sao Fley lại đi về phía cuối phố, đến cuối con hẻm cụt. Bởi (như ông đã đọc trên báo chí) có nhà của một bác sĩ ở đó, vị bác sĩ mà sau đó cảnh sát đã mang hắn tới. Hắn biết mình bị thương rất nặng, nhưng hắn không chịu khuất phục! Hắn đứng dậy, vẫn còn đội mũ và mặc áo khoác. Hắn nhét khẩu súng đã được đặt vào tay hắn vào túi, phòng khi cần dùng đến. Sau đó hắn đi xuống cầu thang một cách bình tĩnh nhất có thể, đi ra ngoài con phố tĩnh lặng nơi chưa ai phát hiện ra điều gì. Hắn bước đi...”

“Ông có tự hỏi tại sao hắn lại đi giữa đường và liên tục ngó nghiêng xung quanh không? Cách giải thích hợp lí nhất không phải là hắn định tìm kiếm ngôi nhà nào, mà là hắn biết kẻ sát nhân đang ẩn nấp đâu đó xung quanh, và hắn đề phòng một cuộc tấn công nữa. Hắn nghĩ hắn đã an toàn. Trước mặt hắn có hai người đang đi bộ rất nhanh. Hắn đi qua cửa hiệu trang sức còn sáng đèn, hắn thấy một ngọn đèn đường trước mặt về phía bên phải...”

“Nhưng điều gì đã xảy ra với Grimaud? Grimaud không nghe thấy tiếng ai đuổi theo, nhưng sự nghi hoặc đã khiến ông ấy gần như phát điên. Ông ấy không dám lên mái nhà để bị nghi ngờ. Nhưng, đợi một chút! Nếu có ai đó phát hiện ra, ông ấy chỉ cần nhìn xuống đường là biết. Ông ấy có thể đi xuống cửa trước, nhìn ra ngoài và liếc dọc con phố, phải không? Làm thế

không có gì nguy hiểm, vì lúc bấy giờ không có ai khác đang ở trong ngôi nhà mà Burnaby đang thuê.

“Ông nhẹ nhàng đi xuống tầng dưới, khẽ khàng mở cửa. Ông ấy đã cởi khuy áo khoác để buộc sợi dây thừng quanh người. Ông ấy mở cửa, đứng dưới ánh sáng của ngọn đèn đường ngay trước cổng... và đối mặt với Fley, người đang đi chậm rãi giữa đường, người mà ông đã bỏ lại trong ngôi nhà kia gần 10 phút trước đó.

“Và đó là lần cuối cùng hai anh em đối mặt với nhau.

“Áo sơ mi của Grimaud là mục tiêu dưới ngọn đèn đường. Và Fley, bị cơn đau và sự kích động làm cho phát điên, không hề chần chừ. Hắn hét lên. Hắn rút lên những từ sau, ‘Viên đạn thứ hai là cho *mày!*’ ngay trước khi giơ khẩu súng lên và bắn.

“Hành động đó đã vượt quá sức chịu đựng của cơ thể hắn. Hắn bị xuất huyết nặng, và hắn biết điều đó. Hắn lại hét lên một lần nữa, thả rơi khẩu súng (giờ không còn đạn) khi đang cố gắng ném nó về phía Grimaud, rồi hắn ngã sấp mặt xuống đất. Đó, thừa các vị, chính là phát đạn mà ba nhân chứng đã nghe thấy trên phố Cagliostro. Đó là phát đạn đã găm vào ngực Grimaud ngay trước khi ông ấy kịp đóng cửa.”

XXI. Vén màn bí ẩn

“RỒI SAO?” Hadley giục khi thấy tiến sĩ Fell ngừng lại và cúi đầu xuống.

“Ba nhân chứng không nhìn thấy Grimaud, tất nhiên rồi,” tiến sĩ Fell nói, thở khò khè, và nói tiếp sau khi dừng lại một lúc lâu, “bởi ông ấy chưa bao giờ bước ra khỏi cửa, chưa bao giờ đi xuống bậc thềm, chưa bao giờ đến gần kẻ có vẻ như đã bị giết giữa một bãi tuyết trống. Tất nhiên Fley đã bị thương, máu đã phun ra thành tia sau cơn co giật cuối cùng. Tất nhiên không thể suy luận được gì từ hướng của vết thương. Tất nhiên không có dấu vân tay nào trên khẩu súng, vì nó đã rơi xuống tuyết và đã được rửa sạch theo đúng nghĩa đen.”

“Chúa ơi!” Hadley nói, lặng lẽ như thể đang đưa ra một tuyên bố. “Cách giải thích này thỏa mãn toàn bộ những bằng chứng, vậy mà tôi chưa bao giờ nghĩ đến... Nhưng nói tiếp đi. Grimaud thì sao?”

“Grimaud ở phía sau cánh cửa. Ông ấy biết viên đạn đã găm vào ngực, nhưng không nghĩ nó nghiêm trọng lắm. Ông ấy đã sống sót qua được những thứ còn tồi tệ hơn một viên đạn, và có những thứ khác (ông ấy nghĩ) còn quan trọng hơn.

“Sau cùng thì Grimaud nhận được thứ mà theo kế hoạch phải do ông gây ra – một vết thương. Ông ấy có thể đã bật cười khoái trá về điều đó. Nhưng kế hoạch thì đã tan thành mây khói! (Làm sao ông ấy biết được đồng hồ trong cửa hiệu trang sức chạy nhanh? Ông ấy còn không biết được liệu Fley đã chết hay chưa, vì ông ấy đã thấy Fley vẫn đi được trên đường mặc dù bị đau. May mắn – đến từ cái đồng hồ ở cửa hiệu trang sức – đã đứng về phía ông ấy khi ông ấy nghĩ nó đã rời bỏ mình, nhưng làm sao ông ấy biết được?) Ông ấy chỉ biết được rằng bây giờ không ai có thể cho rằng Fley đã tự tử trong căn phòng nhỏ đó được nữa. Fley, có lẽ đã bị thương nặng, đúng, nhưng vẫn có thể nói được, và đang ở ngoài đường, một viên cảnh sát đang

chạy về phía hắn. Thanh danh của Grimaud thế là tiêu tan. Trừ khi ông ấy sử dụng đầu óc của mình, không thì chỉ còn nước đợi lên giá treo cổ, vì bây giờ còn lâu Fley mới tiếp tục giữ im lặng.

“Ngay sau khi tiếng súng vang lên, đám đông tò mò đổ ra. Ông ấy không thể ở trong hành lang tối tăm này. Ông ấy nên xem qua vết thương của mình, đảm bảo không để lại vết máu. Ở đâu bây giờ? Đương nhiên là ở căn hộ của Burnaby ở tầng trên. Thế là ông ấy đi lên, mở cửa, và bật đèn. Sợi dây thừng ông đang buộc quanh người rồi, nhưng giờ nó không còn cần thiết nữa, ông ấy không thể giả vờ là Fley đã đến gặp ông ấy khi có nhiều khả năng là Fley đang nói chuyện với cảnh sát. Ông ấy quăng sợi dây thừng đi và bỏ mặc nó.

“Tiếp theo phải xem xét vết thương. Bên trong chiếc áo khoác vải tuyết bê bết máu, và máu còn dính cả vào quần áo bên trong nữa. Nhưng vết thương chỉ là vấn đề nhỏ. Ông ấy có khăn tay và cuộn băng dính, và ông ấy có thể băng bó cho mình như một con ngựa bị đâm trong trận đấu bò. Károly Horváth, người không ai có thể giết được, có thể bật cười trong hoàn cảnh này. Ông ấy cảm thấy cực kì vững vàng và khỏe mạnh. Nhưng ông ấy phải băng bó vết thương – do đó mới có máu trong phòng vệ sinh ở nhà của Burnaby – và cố lấy lại sự sáng suốt. Mấy giờ rồi? Chúa ơi! Ông ấy đã bị muộn, giờ đã 10 giờ kém 15 rồi. Phải ra khỏi đây và nhanh chóng về nhà trước khi họ bắt được ông ấy...

“Và ông ấy cứ thế để đèn sáng. Tiền hết và đèn tắt lúc nào thì chúng ta không biết. Chỉ biết là 45 phút sau đó, Rosette vẫn nhìn thấy đèn sáng.

“Nhưng tôi nghĩ, sự sáng suốt đã quay lại với ông ấy trên đường về nhà. Ông ấy sẽ bị bắt chứ? Điều đó dường như là không thể tránh khỏi. Nhưng liệu có kẽ hở nào, có cơ hội mong manh nào để tranh đấu không, một cơ hội mong manh thôi cũng được? Ông thấy đấy, về bản chất Grimaud vẫn là một chiến binh. Ông ấy là một kẻ đê tiện, màu mè, thích nhạo báng người khác, khôn ngoan, thực tế, giàu trí tưởng tượng, nhưng đừng quên ông ta là một chiến binh. Ở ông ấy không chỉ có toàn màu đen. Ông ấy sẵn sàng giết chết em trai, nhưng tôi nghĩ ông ấy sẽ không giết một người bạn hay người phụ

nữ yêu mình. Dù sao thì, liệu có cách thoát tội nào không? Có một cơ hội, mong manh đến mức gần như không tận dụng nổi, nhưng dù sao cũng có một cơ hội. Đó là tiếp tục mưu đồ ban đầu và vờ như Fley đã đến gặp ông ấy và gây ra vết thương đó trong *nhà của ông ấy*. Fley vẫn cầm khẩu súng. Bằng chứng sẽ là lời khai của Grimaud, và sự khẳng định của các nhân chứng rằng tối hôm đó ông ấy không hề rời khỏi nhà! Họ có thể thề rằng Fley thật sự đã đến gặp ông ấy... và cứ cho cảnh sát tìm cách chứng minh! Tại sao không? Tuyết ư? Tuyết đã ngừng rơi và dấu chân của Fley nếu có sẽ không còn nữa. Grimaud đã vứt sợi dây thừng mà lẽ ra Fley sẽ dùng. Nhưng đó là trò đánh cược, lần thách thức số phận cuối cùng, cách duy nhất còn lại khi đã rơi vào cảnh túng quẫn...

“Fley bắn ông ấy vào khoảng 10 giờ kém 20. Ông ấy quay lại đây vào lúc 10 giờ kém 15 hoặc muộn hơn một chút. Vào nhà mà không để lại dấu chân? Dễ ợt, với một người khỏe như trâu và mới chỉ bị thương nhẹ. (Nhân tiện, tôi tin rằng ông ấy thực sự chỉ bị thương nhẹ, và ông ấy sẽ còn sống đến bây giờ để đền tội, nếu ông ấy không làm những việc sau đó, rồi ông sẽ thấy.) Ông ấy đi đường thang dẫn vào cửa ngách xuống tầng hầm như đã tính toán. Bằng cách nào? Chà, có một lớp tuyết phủ lên bậc cầu thang, tất nhiên rồi. Nhưng cửa ngách này lại nằm ngay cạnh căn nhà kế bên, phải không? Đúng. Và chiếu tới cầu thang thì không có tuyết vì có mái che ở trên nhô ra. Như vậy ngay trước cửa ngách không có chút tuyết nào. Nếu ông ấy có thể xuống đó mà không để lại dấu vết...

“Ông ấy có thể. Ông ấy có thể đi hướng khác, như thể đang định đi vào nhà hàng xóm, rồi nhảy xuống chỗ không có tuyết bên dưới... Hình như tôi nhớ là có ai đó đã nghe thấy một *tiếng thịch*, như thể có người bị ngã, ngay trước khi chuông cửa rung lên?”

“Nhưng ông ấy đã không rung chuông cửa!”

“Ồ có chứ, ông ấy rung nó từ bên trong. Sau khi đã vào được nhà qua lối cửa ngách, ông ấy lên chỗ Ernestine Dumont đang đợi. Họ đã sẵn sàng thực hiện màn ảo thuật của mình.”

“Đúng,” Hadley nói. “Giờ hãy nói đến màn ảo thuật. Nó được thực hiện như thế nào, và làm sao ông biết?”

Tiến sĩ Fell ngồi dựa lưng vào ghế, chụm hai bàn tay lại và gõ đầu ngón tay vào nhau như đang sắp xếp các chi tiết.

“Làm sao tôi biết à? Tôi nghĩ gợi ý đầu tiên chính là trọng lượng của bức tranh đó.” Ông uể oải chỉ vào bức tranh đã bị rạch nát bươm đang dựa vào tường. “Phải, là trọng lượng của bức tranh. Điều đó thực ra không giúp ích gì lắm, cho đến khi tôi nhớ ra một điều khác...”

“Trọng lượng của bức tranh? Đúng, bức tranh,” Hadley gầm gừ, “tôi đã quên mất nó. Nhưng nó thì liên quan gì đến vụ việc quái gở này? Grimaud muốn làm gì với nó?”

“Ha ha, đúng. Đó cũng là điều tôi tự hỏi, ông thấy đấy.”

“Về trọng lượng của bức tranh... Nó không nặng lắm. Chính ông đã dùng một tay nhắc nó lên và xoay nó một vòng trên không.”

Tiến sĩ Fell ngồi thẳng dậy có vẻ hào hứng. “Chính xác. Ông nói đúng chỗ rồi đấy. Tôi nhắc nó lên bằng một tay và xoay nó một vòng... Vậy sao lại cần đến hai người đàn ông vạm vỡ – một ông lái xe và một người phụ giúp nữa – để vác nó lên nhà?”

“Cái gì?”

“Đúng thế đấy. Chi tiết đó đã được nhắc lại đến hai lần. Grimaud, khi mang nó đi từ phòng tranh của Burnaby, đã dễ dàng bê nó xuống cầu thang. Vậy mà khi ông ấy quay lại đây với cùng một bức tranh vào buổi chiều muộn, thì cần đến những hai người để mang nó lên trên nhà. Bức tranh bỗng nhiên nặng lên như vậy là vì sao? Ông thấy đấy, ông ấy không đem nó lồng khung kính. Grimaud đã ở đâu, từ buổi sáng khi mua bức tranh đến buổi chiều khi mang nó về nhà? Bức tranh quá cồng kềnh để mang nó đi khoe cho vui. Tại sao Grimaud cứ nhất quyết phải bọc bức tranh lại?”

“Cũng không cần phải suy luận xa xôi lắm để đoán rằng ông ấy đã dùng bức tranh làm vỏ bọc để che giấu một vật gì đó bên trong – một vật gì đó mà những người kia đã vô tình khiêng nó lên đây. Một thứ cũng nằm trong cái bọc với bức tranh. Một thứ rất lớn, dài 2,1 mét rộng 1,4 mét...”

“Nhưng không thể có vật gì trong đó,” Hadley phản bác, “không thì ta đã phải tìm thấy nó trong phòng rồi chứ? Ngoài ra, thứ đó phải hầu như bằng phẳng, nếu không thì sẽ phồng lên dưới lớp vỏ bọc ngay. Vật gì mà có kích thước lớn đến 2,1 mét × 1,4 mét, nhưng lại đủ mỏng để nhét vừa vào bên trong lớp giấy bọc mà không bị ai phát hiện, vật gì to như một bức tranh, nhưng vẫn có thể giấu đi dễ dàng khi ta muốn?”

“Một tấm gương,” tiến sĩ Fell nói.

Sau một hồi im lặng vì sửng sốt, Hadley nhảy bật ra khỏi ghế, trong khi tiến sĩ Fell vẫn nói với giọng buồn ngủ: “Và có thể dễ dàng giấu nó đi, như ông nói, bằng cách đút nó lên trên cái ống khói rộng – chúng ta đều đã thử đút tay vào ống khói mà – và dựa nó vào cái gờ bên trong chỗ ống khói ngoặt lên. Ông không cần đến phép thuật. Ông chỉ cần có đôi tay và vai cực khỏe.”

“Ý ông là,” Hadley rít lên, “cái trò ảo thuật trên sân khấu chết tiệt đó...”

“Một phiên bản mới của trò ảo thuật trên sân khấu,” tiến sĩ Fell nói, “và rất dễ áp dụng nếu ông muốn thử. Giờ hãy nhìn quanh căn phòng này xem. ông thấy cái cửa chứ? Vậy ông thấy cái gì trên bức tường đối diện cửa?”

“Không gì cả,” Hadley nói. “Ý tôi là, ông ấy đã dọn giá sách sang hai bên. Ở đó chỉ còn bức tường trống thôi.”

“Chính xác. Và ông có thấy đồ đạc nào trong phòng chắn giữa cánh cửa và bức tường đó không?”

“Không. Hoàn toàn trống trải.”

“Vậy nếu ông đứng từ ngoài hành lang nhìn vào, ông chỉ thấy thảm đen, không có đồ đạc, và ở phía cuối chỉ là một dải tường ốp gỗ sồi trống trơn?”

“Đúng.”

“Giờ thì Ted, hãy mở cửa và nhìn ra ngoài hành lang,” tiến sĩ Fell nói. “Bức tường và thảm ở bên ngoài thì sao?”

Rampole giả vờ nhìn ra ngoài, dù anh đã biết rõ câu trả lời. “Cũng giống như thế,” anh nói. “Sàn trải thảm kín đến chân tường, giống như trong này, và gỗ ốp trên tường cũng giống như vậy.”

“Phải! À này, Hadley,” tiến sĩ Fell tiếp tục, vẫn với giọng uể oải, “ông có thể kéo tấm gương giấu đằng sau tủ sách đằng kia ra đây được không? Nó đã ở đó từ chiều hôm qua, khi Drayman tìm thấy nó trong ống khói. Chính việc hạ nó xuống đã khiến ông ấy bị đột quỵ. Chúng ta sẽ làm một thí nghiệm nho nhỏ. Tôi không nghĩ có người nào trong nhà sẽ làm phiền chúng ta trên này, nhưng chúng ta có thể biết trước được nếu có người nào đó đi vào. Tôi muốn ông bê cái gương đó, Hadley, và đặt nó phía sau cánh cửa, để khi mở cửa ra (cửa mở vào trong và về phía bên phải khi nhìn từ hành lang vào), mép ngoài cùng của cánh cửa chỉ cách tấm gương vài phân.”

Ngài chánh thanh tra cấp cao, hơi khó khăn một chút, kéo vật ông tìm thấy từ phía sau tủ sách ra. Nó lớn hơn tấm gương lật của các ông thợ may vài phân, thật ra nó lớn hơn và rộng hơn cả cánh cửa. Đế của nó đặt bằng trên thảm, và nó được giữ thẳng đứng bằng một cái khung nặng nằm ở bên phải khi ta nhìn thẳng vào nó. Hadley nhìn nó với vẻ tò mò.

“Đặt nó phía sau cánh cửa à?”

“Đúng. Cánh cửa sẽ mở ra một khoảng nhỏ, ông sẽ thấy nó mở ra chỉ khoảng tối đa 1 mét thôi... Thử đi!”

“Tôi biết, nhưng nếu ông làm thế, người nào đó ngồi ở căn phòng cuối hành lang, chỗ của Mills, sẽ thấy hình phản chiếu của mình hiện lên chình ình ngay giữa tấm gương.”

“Không đâu. Mills sẽ không thấy được nếu ta đặt nó nghiêng đi một chút, vừa đủ thôi – góc nhỏ thôi, nhưng góc của tôi – sẽ không thấy được nếu ta đặt nó nghiêng theo góc mà tôi định đặt. Ông sẽ thấy. Hai người chạy ra chỗ

Mills ngồi trong khi tôi điều chỉnh nó. Đừng nhìn vào đây đến khi tôi ra hiệu nhé.”

Hadley, tuy lăm bắm rằng đây đúng là trò ngớ ngẩn, nhưng vẫn tỏ ra cực kì hứng thú, bước thình thịch sau lưng Rampole. Họ không nhìn vào cửa cho đến khi nghe tiếng gọi của vị tiến sĩ, và sau đó quay lưng lại.

Hành lang đủ tối và cao. Thảm đen trải dài đến tận cánh cửa đóng kín. Tiến sĩ Fell đứng bên ngoài, như một ông chủ trì nghi lễ béo phì sắp sửa giới thiệu một bức tượng. Ông đứng hơi nghiêng về bên phải cửa, lưng hướng về phía tường, và đặt tay lên nắm đấm cửa.

“Bắt đầu nào!” ông kêu lên, và nhanh chóng mở cửa ra, ngập ngừng và rồi đóng vào. “Thế nào? Mọi người thấy gì?”

“Tôi thấy căn phòng bên trong,” Hadley đáp lại. “Hoặc ít nhất tôi nghĩ mình đã thấy thế. Tôi thấy tấm thảm, và bức tường ở cuối phòng. Có vẻ như căn phòng rất rộng.”

“Ông không thấy căn phòng đâu,” tiến sĩ Fell nói. “Thật ra, cái ông thấy là hình ảnh phản chiếu của bức tường ngay bên phải cánh cửa nơi ông đang đứng, và tấm thảm bên ngoài căn phòng. Đó là lí do vì sao căn phòng trông lại rộng đến thế: vì khoảng cách phản xạ dài gấp đôi. Ông biết đấy, tấm gương lớn hơn cánh cửa. Và ông không thấy hình ảnh phản chiếu của cánh cửa vì nó được mở vào trong và về phía bên phải. Nếu nhìn kĩ, ông sẽ thấy một đường kẻ giống như một cái bóng ở góc trên cùng của cánh cửa. Đó là góc trên cùng của tấm gương phản chiếu vào, vì nó cao hơn vài phân so với góc trên cùng của cánh cửa. Nhưng hai người sẽ chỉ tập trung vào hình người... Hai người có thấy tôi chứ?”

“Không, ông đứng lệch về bên phải quá. Ông giơ tay ra cầm nắm đấm cửa, và ông quay lưng lại.”

“Đúng. Như bà Dumont đã đứng. Giờ hãy làm một thí nghiệm cuối cùng trước khi tôi giải thích toàn bộ trò này hoạt động ra làm sao. Ted, cậu ngồi xuống cái ghế đằng sau bàn làm việc, nơi Mills đã ngồi. Cậu cao hơn anh ta

nhiều, nhưng cũng vẫn minh họa được cho ý tưởng của tôi. Tôi sẽ đứng ngoài, với cửa mở, và nhìn vào bóng của tôi trong gương. Cậu không thể nhìn nhầm tôi, dù từ đằng trước hay đằng sau, nhưng cũng vì tôi dễ nhận ra hơn nhiều người. Cứ nói cho tôi biết cậu thấy gì nhé.”

Trong ánh sáng mờ ảo, với cánh cửa không mở hết, điều mà Rampole nhìn thấy rất lạ kì. Có một tiến sĩ Fell đứng sau cánh cửa, nhìn chăm chăm vào một tiến sĩ Fell khác đang đứng ở ngưỡng cửa và đối diện với chính mình, bất động và có vẻ giật mình.

“Tôi không chạm vào cánh cửa, mọi người thấy đấy,” một giọng nói âm âm hướng về phía họ. Qua cử động môi, Rampole có thể thề rằng mình đã thấy tiến sĩ Fell đứng sau cánh cửa đang nói. Tấm gương đội âm thanh lại như một tấm chắn âm. “Có ai đó giúp tôi mở và đóng cửa, có người nào đó đứng ở bên phải tôi. Tôi không thể chạm vào cánh cửa, vì nếu có thì cái bóng phản chiếu trong gương cũng sẽ làm như vậy. Nhanh nào, mọi người để ý thấy điều gì?”

“Chà, một người cao hơn người kia rất nhiều,” Rampole vừa nói vừa chăm chú quan sát.

“Người nào?”

“Chính ông, người đứng trong hành lang.”

“Chính xác. Trước tiên là bởi cậu quan sát tôi từ khoảng cách xa, nhưng quan trọng nhất là vì cậu đang ngồi. Với một người nhỏ con như Mills thì chắc tôi trông như một người khổng lồ. Đúng không? Ha. Được rồi. Giờ nếu tôi lách qua cửa thật nhanh (cứ cho là một người như tôi có thể làm được điều đó), và cùng lúc đó, trợ lí của tôi đứng bên phải cử động một cách khó hiểu cùng tôi và đóng sầm cửa lại, trong lúc lộn xộn đó, bóng người bên trong có vẻ như sẽ...?”

“Nhảy ra chặn không cho ông đi vào.”

“Đúng. Giờ hãy vào đây đọc lại lời khai nào, nếu Hadley còn giữ nó.”

Sau khi họ đi ngang qua tấm gương mà Hadley đã đẩy sang một bên, tiến sĩ Fell ngồi lún xuống ghế, thở khò khè.

“Tôi xin lỗi mọi người. Lẽ ra tôi phải nhìn ra được sự thật sớm hơn nhiều, từ lời khai rất chính xác, có thứ tự, và cẩn thận của anh Mills. Để xem tôi có thể nhớ lại nguyên văn anh ta đã nói gì không nhé. Hãy kiểm tra giúp tôi, Hadley. Hừm.” Ông gõ đốt ngón tay lên đầu rồi cau có. “Như thế này:

‘Bà ấy (Dumont) chuẩn bị gõ cửa thì tôi giật mình khi thấy một người đàn ông cao lớn đi lên cầu thang ngay sau lưng bà ấy. Bà ấy quay lại và nhìn thấy hấn ta. Bà ấy thốt lên điều gì đó... Người đàn ông cao lớn đó không trả lời. Hấn ta bước tới cánh cửa và chậm rãi kéo cổ áo khoác xuống, bỏ mũ ra, và đút mũ vào trong túi áo khoác...’

“Mọi người thấy chưa? Ông ấy phải làm thế, vì hình ảnh phản chiếu trong gương không thể đội mũ và kéo cổ áo lên cao vì Grimaud lẽ ra phải mặc áo choàng trong nhà. Nhưng tôi băn khoăn không biết *tại sao* anh ta lại mô tả tuần tự thế, vì rõ ràng người đàn ông không hề tháo mặt nạ ra...”

“Đúng, còn cái mặt nạ thì sao? Mills nói anh ta không...”

“Mills không thấy người đàn ông tháo nó ra, tôi sẽ nói lí do tại sao ngay khi chúng ta quay lại với Mills.

‘Bà Dumont hét lên gì đó, co người lại dựa lưng vào tường, và vội vã mở cửa. Tiến sĩ Grimaud xuất hiện ở ngưỡng cửa...’

“Xuất hiện! Đó chính là điều đã xảy ra. Nhân chứng rất chần chừ của chúng ta đã kể lại mọi chuyện một cách vô cùng chính xác. Nhưng Dumont? Đó là sai lầm đầu tiên. Một người phụ nữ đang hoảng sợ, ngược nhìn lên một người đàn ông đeo mặt nạ kính dị trong khi đứng trước cửa phòng của người có thể bảo vệ được bà ấy, không thể *co người lại*. Bà ấy phải học tốc lao về phía cánh cửa để được bảo vệ. Dù thế nào đi nữa, hãy tiếp tục với lời khai của Mills. Anh ta nói Grimaud không đeo kính (không thể vừa đeo kính vừa mang cái mặt nạ đó). Nhưng phản ứng tự nhiên của người đứng bên trong, theo tôi nghĩ, sẽ phải là nâng kính lên nhìn. Còn Grimaud, theo như

Mills kể lại, *đứng yên* không cử động từ đầu đến cuối, y như người lạ mặt, với hai tay đút túi quần. Giờ đến phần khiến ông ấy bị lộ. Mills nói:

‘Tôi có cảm giác là bà Dumont, mặc dù đang co rúm người lại dựa lưng vào tường, đã đóng cửa lại sau khi hắn ta bước vào. Tôi còn nhớ là bà ấy vẫn đặt tay lên nắm đấm cửa.’

“Cũng không phải phản ứng tự nhiên của con người! Lời khai của hai người mâu thuẫn với nhau, nhưng Mills đã đúng.”

Tiến sĩ Fell khoát tay. “Những gì xảy ra tiếp theo thì không cần nói nữa. Nhưng tôi lại gặp rắc rối ở điểm này: nếu Grimaud ở một mình trong phòng, nếu ông ta bước vào cái bóng của mình trong gương, thì chỗ quần áo còn lại đâu? Cái áo khoác dài màu đen, mũ kê pi màu nâu, thậm chí cả cái mặt nạ nữa? Chúng không có trong phòng. Rồi tôi nhớ ra trước đây Ernestine Dumont đã từng làm phục trang cho các vở opera và ballet, tôi nhớ lại câu chuyện mà O’Rourke đã kể, và tôi biết...”

“Biết gì?”

“Rằng Grimaud đã đốt chúng,” tiến sĩ Fell nói. “Ông ấy đốt chúng bởi chúng được làm bằng giấy, như đồng phục của người cưỡi ngựa biển mất mà O’Rourke kể lại. Ông ấy không thể mạo hiểm đốt quần áo thật trong lò sưởi, vì như thế quá lâu và để lại dấu vết, trong khi ông ấy phải làm thật nhanh. Ông ấy phải xé chúng ra và đốt. Và một đồng giấy trắng hoàn-toàn-trống-trơn phải được đem đốt đè lên trên để che giấu sự thật là bên dưới là giấy màu. Những lá thư nhạy cảm! Ôi, Bacchus ơi, tôi muốn tự giết mình vì đã có ý tưởng ngu ngốc đó!” Ông đung đưa nắm đấm. “Khi không hề có vết máu, hay dấu máu nào dẫn đến ngăn kéo bàn làm việc nơi ông ấy cất giữ những giấy tờ quan trọng! Và có một lí do nữa để đốt giấy, họ phải che đậy những mảnh vụn của ‘phát đạn.’ ”

“Phát đạn?”

“Đừng quên là theo kịch bản phải có tiếng súng nổ trong phòng. Tất nhiên, âm thanh mà các nhân chứng thực sự được nghe chỉ là tiếng pháo chuột, lấy trộm trong kho tích trữ của ông Drayman để dành cho lễ hội Guy

Fawkes. Drayman phát hiện ra pháo bị mất, tôi nghĩ vì thế ông ta tình cờ phát hiện ra âm mưu này, và cũng là lí do ông ta cứ liên tục lăm bắm về ‘pháo hoa’. Chà, những mảnh vụn khi pháo hoa nổ lan rộng lắm. Nó được gia cố bằng giấy bìa, rất khó cháy, và phải đem hủy trong lò sưởi hoặc dưới đồng giấy tờ vương vãi. Tôi đã tìm thấy vài mảnh vụn. Tất nhiên, chúng ta nên nhận ra ngay rằng không có viên đạn nào thực sự được bắn ra cả. Đạn đời mới – như loại mà ông nói với tôi được dùng trong khẩu Colt đó – dùng thuốc súng không khói. Ông có thể ngửi thấy, nhưng không thể nhìn thấy khói. Vậy mà trong phòng lại có một làn *khói mù* (do pháo gây ra) ngay cả khi cửa sổ được để mở.

“Chà, hãy tóm tắt lại nhé! Bộ quần áo của Grimaud làm bằng giấy kẹp bao gồm một cái áo khoác đen, giống như màu của cái áo choàng mặc trong nhà, dài như nó, và có ve áo phát sáng trông như áo mặc trong nhà khi kéo cổ áo xuống để nhìn vào gương. Ngoài ra còn có một cái mũ bằng giấy, gắn vào cái mặt nạ, sao cho khi bỏ mũ ra thì có thể gập được cả mũ lẫn mặt nạ để dễ nhét vào túi áo. (Bộ quần áo mặc trong nhà thật sự đã ở sẵn trong phòng khi Grimaud ra ngoài.) Và bộ “đồng phục” màu đen đó trước đó đã được khinh suất treo trong tủ quần áo dưới tầng.

“Không may là Mangan đã phát hiện ra nó. Bà Dumont biết cậu ta đã thấy nó, và nhanh tay cất nó vào chỗ an toàn hơn ngay khi Mangan đi mất. Dĩ nhiên bà ấy không hề thấy cái áo vải tuyết màu vàng treo trong đó bao giờ. Grimaud đã mang nó lên nhà để chuẩn bị ra ngoài. Nhưng nó lại được tìm thấy trong tủ quần áo vào chiều hôm qua, và bà ấy phải giả vờ như nó đã được treo ở đó từ trước. Thế là giải thích xong bí ẩn áo khoác đổi màu.

“Giờ mọi người có thể tái hiện lại chuyện đã xảy ra khi Grimaud, sau khi giết Fley và ăn một viên đạn vào người, quay trở lại nhà trong đêm thứ bảy. Ngay từ đầu màn ảo thuật, ông ấy và kẻ đồng phạm đã gặp phải rắc rối lớn. Ông thấy đấy, Grimaud về muộn. Theo kế hoạch ông ta phải về lúc 9 rưỡi, nhưng thực tế đến 10 giờ kém 15 ông ấy mới về đến nhà. Càng trì hoãn lâu thì càng đến gần mốc thời gian mà ông ấy bảo Mangan vị khách sẽ tới, và do đó Mangan có thể đang đợi sẵn rồi. Đó là khoảnh khắc ngàn cân treo sợi tóc,

và tôi hình dung là ông Grimaud vốn bình tĩnh cũng đã gần như phát điên. Ông ấy đi lên từ lối vào qua tầng hầm, nơi bà Dumont đang đợi sẵn. Cái áo khoác vải tuyết dính đầy máu bên trong được cho vào tủ quần áo để đem vứt sau đó, nhưng ông ấy không còn cơ hội để làm điều đó, vì ông ấy đã chết. Dumont mở cửa, thò tay ra rung chuông rồi ‘trả lời’ trong khi Grimaud đang mặc bộ đồng phục.

“Nhưng họ đã trì hoãn quá lâu. Mangan gọi với ra. Đầu óc vẫn chưa trở lại bình thường, Grimaud trở nên hoảng hốt và mắc sai lầm khi cố không để bị phát hiện ngay lập tức. Ông ấy không muốn kế hoạch thất bại chỉ vì sự tọc mạch của một gã trai trẻ không xu dính túi. Nên ông ấy giả giọng Pettis và khóa cửa nốt hai người trong phòng. (Ông để ý rằng Pettis là người duy nhất có giọng nói với âm trầm tương tự như Grimaud chứ?) Đúng, đó là một sai lầm trong lúc bốc đồng, nhưng ông ấy chỉ muốn thoát đi thật nhanh để nằm lăn lộn ra trong phòng mình như một cầu thủ bóng đá bị đốn ngã thôi.

“Màn ảo thuật được thực hiện. Giờ thì ông ấy đang ở một mình trong phòng. Cái áo vết dính máu đã được bà Dumont lo liệu, áo sơ mi đã cởi, vết thương đã được băng bó. Giờ ông ấy chỉ cần khóa cửa lại, mặc bộ quần áo ở nhà thật, đốt bộ quần áo bằng giấy, và nhét cái gương lên trên ống khói...

“Đó, tôi nói lại lần nữa, là hồi kết. Máu lại bắt đầu trào ra, như các ông thấy. Không một người bình thường nào bị thương lại có thể chịu đựng được những gì ông ấy đã trải qua. Ông ấy chết không phải bởi viên đạn của Fley. Ông ấy chết vì đã xé rách phổi của mình như một miếng nhựa cũ, trong lúc cố gắng hết sức để nhấc cái gương giấu vào lò sưởi. Đó là khi ông ấy biết. Đó là khi máu bắt đầu trào ra từ miệng ông ấy như từ động mạch bị vỡ, khi ông ấy loạng choạng dựa vào cái ghế sofa, làm đổ cái ghế, rồi bước lảo đảo về phía trước để châm quả pháo – nỗ lực thành công cuối cùng của ông ấy. Sau tất cả những cảm thù, lẩn tránh và bày mưu tính kế, thế giới không xoay vần theo cách ông ấy muốn, nó dần dần chuyển thành màu đen. Ông ấy cố hét lên, nhưng không thể, vì máu đã trào lên cổ họng. Và đúng vào khoảnh khắc đó, Charles Grimaud bỗng nhiên nhận ra điều ông ấy nghĩ là không thể

xảy ra, ông ấy thấy tấm gương ảo thuật cuối cùng trong cuộc đời dang cay của ông ấy bị đập vỡ...”

“Là?”

“Ông ấy biết mình sắp chết,” tiến sĩ Fell nói. “Và lạ lùng hơn bất cứ giấc mơ nào, ông ấy thấy vui mừng.”

Ánh sáng nặng như chì trở nên tối tăm hơn khi tuyết bắt đầu rơi. Giọng của tiến sĩ Fell nghe có vẻ huyền bí trong căn phòng lạnh lẽo. Rồi họ thấy cánh cửa mở ra, và đứng ở ngưỡng cửa là một người phụ nữ với khuôn mặt đau khổ. Dù với khuôn mặt đau khổ và bộ váy đen, nhưng bà ta vẫn khoác trên vai chiếc khăn choàng màu vàng và đỏ để tưởng nhớ người đã khuất.

“Hai người thấy đấy, ông ấy đã thú tội,” tiến sĩ Fell vẫn giữ nguyên giọng trầm đều, “ông ấy cố nói với chúng ta sự thật: về việc ông ấy đã hãm hại Fley, và Fley đã giết ông ấy. Tuy nhiên chúng ta lại chọn cách không hiểu, và tôi vẫn không hiểu cho đến khi tôi suy ra được chuyện gì đã thật sự diễn ra trên phố Cagliostro nhờ chiếc đồng hồ. Trời, hai người không thấy sao? Hãy nhớ lại những lời cuối cùng ông ấy nói trước khi chết:

‘Em trai tôi là hung thủ. Tôi chưa bao giờ nghĩ nó sẽ bắn. Có Chúa mới biết nó thoát ra khỏi phòng bằng cách nào...’

“Ý của ông ta là phòng của Fley trên phố Cagliostro, sau khi ông ta bỏ mặc Fley chết?” Hadley hỏi.

“Đúng. Và Grimaud cũng nói đến cú sốc mà ông ấy đã trải qua khi mở cánh cửa nhà dưới ánh đèn đường. Hãy nhớ xem:

‘Vừa mới đây nó còn ở đó mà ngay sau đó nó đã biến... Tôi muốn nói cho ông biết em trai tôi là ai, để ông không nghĩ là tôi mê sảng...’

“Tất nhiên ông ấy không nghĩ rằng có người nào khác biết về Fley. Giờ, khi đã biết sự thật rồi, hãy giải mã những lời rối rắm, lộn xộn mà ông ấy chập vạt nói khi sắp chết, đó chính là lúc ông ấy cố giải thích với chúng ta.

“Đầu tiên ông ấy cố nói với chúng ta về anh em nhà Horváth và mỏ muối. Nhưng rồi ông ấy lại tiếp tục kể về âm mưu giết Fley, và việc Fley đã giết ông ấy. ‘*Không phải tự tử.*’ Khi ông ấy thấy Fley đi trên đường, ông ấy biết mình không thể làm cho cái chết của Fley giống như một vụ tự tử. ‘*Nó không thể dùng dây thừng.*’ Fley không thể dùng sợi dây thừng vì Grimaud đã vứt nó đi. ‘*Mái nhà.*’ Ý Grimaud không phải là mái nhà này, mà là mái nhà ông ấy đã đi qua để đến phòng của Fley. ‘*Tuyết.*’ Tuyết đã ngừng rơi và phá hỏng kế hoạch của ông ấy. ‘*Quá nhiều ánh sáng.*’ Mấu chốt là ở đây, Hadley! Khi ông ấy nhìn ra ngoài thì ngọn đèn đường quá sáng đã khiến Fley nhận ra ông ấy và nổ súng. ‘*Có súng.*’ Đương nhiên, lúc đó Fley đang cầm súng. ‘*Fox.*’ Cái mặt nạ Guy Fawkes mà ông ấy cố sử dụng. Nhưng cuối cùng, ‘*Đừng đổ lỗi cho... tội nghiệp.*’ Không phải Drayman, ông ấy không định nói Drayman. Nhưng đó là lời biện bạch cuối cùng, tôi nghĩ vậy, cho hành động duy nhất khiến ông ấy nhục nhã, cho lần giả mạo mà ông ấy nghĩ mình sẽ không bao giờ làm. ‘*Đừng đổ lỗi cho Pettis tội nghiệp, tôi không muốn lôi ông ấy vào vụ này.*’ ”

Một lúc lâu không ai nói gì.

“Đúng,” Hadley tán thành. “Đúng. Tất cả mọi thứ đều đúng ngoại trừ một điều. Bức tranh bị rách thì sao, con dao đâu rồi?”

“Việc bức tranh bị rách, theo tôi nghĩ, là một tình tiết bổ trợ để khiến người ta càng tin vào màn kịch được dựng lên, có lẽ là Grimaud đã làm việc đó. Còn về con dao, tôi thật sự không biết. Grimaud có thể đã giữ nó ở đây, rồi sau đó giấu lên ống khói bên cạnh tấm gương để vờ như người vô hình mang nhiều vũ khí. Nhưng bây giờ nó không còn ở trên gờ tường chỗ ống khói nữa. Tôi cho rằng Drayman đã tìm thấy nó hôm qua, và mang nó đi...”

“Đó là chi tiết duy nhất,” một giọng nói vang lên, “mà ông đã đoán sai.”

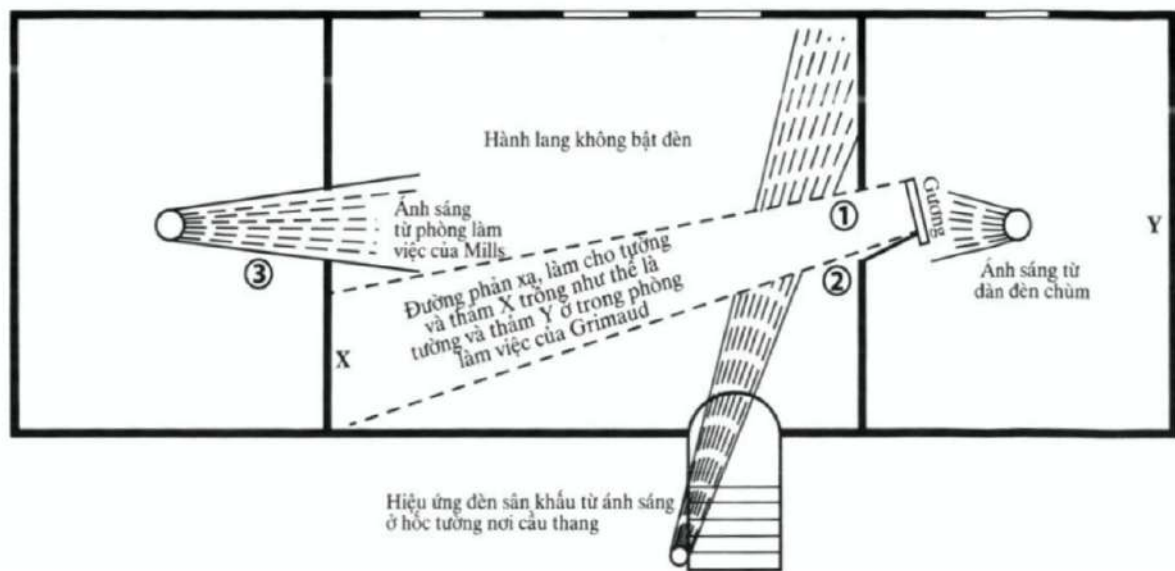
Ernestine Dumont vẫn đứng yên trên bậc cửa, hai tay khoanh trước ngực dè lên tấm khăn choàng. Nhưng bà ta đang mỉm cười.

“Tôi đã nghe tất cả những gì ông nói,” bà ta tiếp tục. “Ông có thể treo cổ tôi, hoặc không. Điều đó không quan trọng. Sau nhiều năm tôi đã biết rằng

cuộc sống không có Charles sẽ chẳng còn ý nghĩa gì nữa... Tôi đã lấy con dao, bạn của tôi. Tôi vẫn cần dùng nó.”

Bà ta vẫn cười, và một niềm tự hào mãnh liệt lóe lên trong mắt bà. Rampole nhìn thấy thứ mà bà ta đang giấu trên tay. Anh nhìn thấy bà ta đột nhiên lão đảo, nhưng không kịp đến để đỡ khi bà ta ngã sấp mặt xuống. Tiến sĩ Fell lật đật đứng lên khỏi ghế và nhìn chăm chăm về phía Dumont, khuôn mặt trắng bệch như mặt của bà ta.

“Tôi lại phạm một tội nữa rồi, Hadley,” ông nói. “Một lần nữa tôi đã đoán đúng sự thật.”



← H. G. Wells (1866–1946): nhà văn người Anh nổi tiếng với những tiểu thuyết khoa học viễn tưởng, trong đó có *Người vô hình* (The Invisible Man). (Các chú thích không ghi chú gì thêm đều là của người dịch.) ← George Bradshaw (1800–1853): người xuất bản cuốn *Cẩm nang Bradshaw* (Bradshaw's Guide), một loạt sách hướng dẫn về hệ thống tàu hỏa và giờ tàu chạy. ← Kinh thánh Công vụ 26:24. ← Khu vực Trung Tây Âu và Đông Tây Âu. ← Ngài Jacob Epstein (1880–1959): nhà điêu khắc người Anh, người tiên phong trong nghệ thuật điêu khắc hiện đại. ← Một khu vực thuộc thành phố Westminster và khu hoàng gia Kensington và Chelsea, ở trung tâm thành phố London. ← Hans Gross (1847–1915): người được cho là cha đẻ của ngành tội phạm học. ← Paul Jeserich (1854–1927): nhà hóa học người Đức từng làm việc cho tòa án. ← Một bài hát phổ biến vào thế kỉ thứ 19 về nghệ sĩ xiếc Jules Léotard. ← Một khu vực ở phía đông London, thường được biết đến là một khu vực nghèo nàn, có đông dân nhập cư từ trong và ngoài nước Anh. ← Một khu vực ở trung tâm và tây London, nơi tập trung nhiều khu mua sắm, văn phòng doanh nghiệp, tòa nhà chính phủ, cũng như địa điểm giải trí. West End được xem là trung tâm thương mại và giải trí của London. ← Gabriel Dobrentei (1786–1851): nhà thơ và nhà sưu tập đồ cổ người Hungary. ← Tạm dịch: Những bức thư gửi từ Yorick đến Eliza. (Đông A – Đ.A.) ← Tạm dịch: Shakespeare toàn tập. (Đ.A.) ← Guy Fawkes (1570–1606): người đứng đầu một nhóm tín đồ công giáo có âm mưu đánh bom tòa nhà Quốc hội Anh để ám sát vua James I. Tuy nhiên kế hoạch bị phát hiện vào ngày 5/11. Kể từ đó, vào ngày này, người ta thường tổ chức lửa trại, đốt hình nhân và đeo mặt nạ của Guy Fawkes để tưởng nhớ. ← Reginald Front de Boeuf: nhân vật trong tác phẩm *Ivanhoe* của nhà văn Walter Scott, nổi tiếng là con người tàn bạo và sắt đá. ← Thuyết nhất thể (Unitarianism) là một phong trào thần học trong Kitô giáo. Thuyết nhất thể tin rằng Thiên Chúa là một thực thể duy nhất, chứ không hiện hữu trong ba ngôi vị là Chúa cha, Chúa con, và Chúa thánh linh. Thuyết nhất thể cũng tin rằng Jesus là người trần chứ không phải là thánh linh. ← Tên thường gọi của Sở Cảnh sát Thủ đô. ← Childe Roland: nhân vật chính phải đi đến tháp Đen trong truyện Cổ tích cùng tên của Anh. ← Hover: từ tiếng Anh, có nghĩa là

“lơ lửng”. ← Fox: từ tiếng Anh, có nghĩa là “con cáo”. ← Latin: dùng để chỉ những người châu Âu có văn hóa bắt nguồn từ văn hóa Roman, sử dụng ngôn ngữ Romance (tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý, tiếng Pháp...) và theo Công giáo Roman. ← Cách viết khác của Romania, thường được dùng nhiều trước năm 1975. ← Judas: Môn đồ của Chúa Jesus, người đã phản bội ngài để lấy 30 đồng tiền bạc. ← Algernon Charles Swinburne: một nhà thơ, kịch tác gia và tiểu thuyết gia nổi tiếng của Anh vào thế kỉ 19. ← Từ fox (con cáo) và Fawkes (trong Guy Fawkes) phát âm lên rất giống nhau. Với một nhà sử học, khi nghe “Fawkes”, họ sẽ nghĩ đến Guy Fawkes. ← George Gordon Byron (1788–1824): nhà thơ Lãng mạn Anh, một trong những nhà thơ lớn của thế giới ở thế kỉ 19. ← Một khu vực ở phía đông London, thuộc khu Tower Hamlets. ← Phong cách Bohemian: cách sống kiểu giữa những người du mục Bohemian với nhau, ý nói không ràng buộc chặt chẽ lẫn nhau. ← Bảo tàng Đen: hay còn gọi là Bảo tàng Tội phạm, là một bộ sưu tập các vật liên quan đến tội phạm ở Scotland Yard, trụ sở cảnh sát Thủ đô London, Anh Quốc. ← Hãy xem cuốn sách đáng ngưỡng mộ và đầy bất ngờ của ông J. C. Cannell. — John Dickson Carr. ← Sandeman: một nhãn hiệu rượu vang đỏ nặng, có logo màu đen hình một người đàn ông mặc áo choàng đội mũ rộng vành. ← Máy chiếu ma thuật: tên của một loại máy chiếu hình tĩnh được phát minh vào khoảng thế kỉ 15, và vẫn còn được sử dụng đến giữa thế kỉ 20. ← Mephistopheles: Quỷ dữ trong văn học dân gian Đức, lần đầu tiên xuất hiện trong truyện “Faust”. ← Faust: Một nhân vật trong truyền thuyết Đức cổ điển, được xây dựng dựa trên nhân vật lịch sử Johann Georg Faust. Faust là một học giả thành công nhưng không hài lòng với cuộc sống của mình. Vì vậy, ông đã giao kèo với quỷ dữ, đem linh hồn của mình để đổi lấy tất cả tri thức và hoan lạc trên trần thế. ← Tên một bài độc thoại của Robert Browning được đăng trong tuyển tập Dramatic Lyrics (1842), nói về sự căm ghét của một thầy tu với thầy tu Lawrence trong cùng tu viện. ← Trích từ Kinh Thánh, Romans 12:19. ← Rudyard Kipling (1865–1936): nhà văn và nhà thơ người Anh từng được trao tặng giải thưởng Nobel Văn chương. Ông là tác giả của nhiều tiểu thuyết nổi tiếng, trong đó có *Cậu bé rừng xanh* (The Jungle Book). Trong bài thơ *Vào thời kì đồ đá mới* (In the Neolithic Age)

nổi tiếng của ông có hai câu thơ: “Có sáu mươi chín cách để viết nên những vần thơ của một bộ tộc/ Và cách nào cũng đúng”. ← Thanh tra Hanaud: nhân vật trong loạt tiểu thuyết trinh thám của nhà văn A. E. W. Mason (1865–1948). ← Ý nói tới tác phẩm *Chín gã thợ may* (The Nine Tailors) (1934) trong series truyện trinh thám về Ngài Peter Wimsey – nhân vật thám tử của nhà văn Dorothy L. Sayers. ← Một tác phẩm truyện trinh thám của Gaston Leroux (1868–1927), và là một trong những tác phẩm về án mạng trong phòng kín đầu tiên và nổi tiếng nhất. ← Anna Katharine Green (1846–1935): nhà thơ và nhà văn người Mỹ. Bà là một trong những nhà văn viết tiểu thuyết trinh thám đầu tiên ở Mỹ. ← Goodman: nhân vật phản diện trong tác phẩm *Kinh hoàng* (The Terror) của nhà văn, nhà báo, và nhà biên kịch người Anh Edgar Wallace (1875–1932). Wallace là người đã sáng tạo nên King Kong. ← Thomas Burke (1886–1945): nhà văn người Anh. ← Gilbert Keith Chesterton (1874–1936): nhà văn, nhà thơ, nhà triết học, nhà biên kịch và nhà báo người Anh. Ông thường được biết đến với bút danh G. K. Chesterton, và được tôn là “ông hoàng của nghịch biện”. ← Jacques Futrelle (1875–1912): nhà báo người Mỹ, nổi tiếng với những tập truyện trinh thám ngắn với nhân vật chính là giáo sư S. F. X. Van Dusen. Ông chết trong vụ chìm tàu Titanic. ← Melville Davisson Post (1869–1930): nhà văn người Mỹ, tác giả của loạt truyện trinh thám về Bác Abner. ← Israel Zangwill (1864–1926): nhà văn người Anh, tác giả của tiểu thuyết trinh thám đầu tiên trên thế giới: *Bí ẩn lớn ở Bow* (The Big Bow Mystery). ← Philo Vance: nhân vật thám tử trong loạt truyện trinh thám của S. S. Van Dine (1888–1939). ← Ellery Queen: bút danh và cũng là tên nhân vật chính của bộ đôi nhà văn viết truyện trinh thám Daniel Nathan (1905–1982) và Emanuel Benjamin Lepofsky (1905–1971). ← Phương châm của Sherlock Holmes khi điều tra vụ án. ← Nhà Medici: một gia tộc hùng mạnh ở nước Cộng hòa Florence (một phần của nước Ý thời Trung cổ và Cận Hiện đại). Nữ hoàng Pháp Catherine de’ Medici được cho là đã sử dụng cốc băng nhon là vũ khí giết người hai lần. Bà cũng là người đã đem phương pháp làm kem gelato từ Florence sang Pháp. ← Fleming Stone: nhân vật chính trong series truyện trinh thám của nhà văn Carolyn Wells (1862–1942). ← Hamilton Cleek:

nhân vật thám tử trong series truyện trinh thám của Thomas W. Hanshaw (1857–1914). [←](#) Tức đồng hồ Big Ben.

UNTITLED

1. Cỗ quan tài thứ nhất

1. I. Lời đe dọa
2. II. Cánh cửa
3. III. Mặt nạ
4. IV. Điều bất khả thi
5. V. Những từ đứt đoạn
6. VI. Bảy ngọn tháp
7. VII. Vị khách đeo mặt nạ Guy Fawkes
8. VIII. Viên đạn

2. Cỗ quan tài thứ hai

1. IX. Phá mộ
2. X. Vết máu trên áo
3. XI. Giết người bằng ma thuật
4. XII. Bức tranh
5. XIII. Căn hộ bí mật
6. XIV. Manh mối từ chuông nhà thờ
7. XV. Ánh sáng nơi cửa sổ

3. Cỗ quan tài thứ ba

1. XVI. Áo khoác đổi màu
2. XVII. Bài giảng về phòng kín
3. XVIII. Cái ống khói
4. XIX. Người vô hình
5. XX. Hai viên đạn
6. XXI. Vén màn bí ẩn